

Kinh Phật Thuyết Đại Bát Nê Hoàn

Hán dịch: Đời Đông Tấn, sa-môn Pháp Hiền,
người Bình Dương, Việt dịch: Thích Nguyên
Hùng

Quyển 1

Phẩm thứ 1: TỰA

[853a] Đúng thật như thế, chính tôi được nghe:

Một thời Thế Tôn nằm ở khoảng giữa hai cây sa-la[3] trong rừng Kiên cố[4], bên bờ Hi-liên[5], nơi vùng đất của bộ tộc Lực sĩ, thuộc thành Câu-di[6]. Bảy giờ nhằm ngày trăng tròn tháng hai, Thế Tôn sắp sửa vào bát-nê-hoàn[7], tám trăm ức vị tì-kheo cùng ngồi vây quanh Thế Tôn.

Bấy giờ tất cả chúng sinh đều được an ổn khoái lạc, thân tâm thanh tịnh, không niệm nghi ngờ, không hề mỏi mệt. Ngày nay Thế Tôn đã tự giác ngộ thành bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác, thương xót thế gian, che chở hộ trì, làm chỗ nương tựa cho cả thế gian, thương mọi chúng sinh y như con một. Đại Mâu-ni[8] Tôn điềm đạm ân cần bảo chúng sinh rằng:

- Ta sắp nê-hoàn, trong chúng hội đây ai còn hoài nghi mau nên thưa hỏi, vì đây là lần thưa hỏi cuối cùng.

Đại chúng biết vậy lòng rất đau buồn.

Bấy giờ từ trên khuôn mặt[9] Thế Tôn phóng ra vô số hào quang rực rỡ, xanh vàng đỏ trắng, sắc hồng pha lê, ánh sáng đặc thù, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới[10], chiếu khắp hết thảy mười

phương cỡi Phật; sáu đường chúng sinh[11] gặp ánh sáng này phiền não nghiệp chướng đều được tiêu trừ; có người xúc động nước mắt chứa chan, tuôn xuống như mưa, nhìn nhau bảo rằng:

- Ôi thôi nhân giả! Thế gian trống vắng. Ôi thôi nhân giả! Phước chúng sinh hết. Than ôi nhân giả! Pháp khổ sẽ tăng. Như Lai không lâu sẽ bát-nê-hoàn! Thế gian trống vắng sao mà chóng thế? Con mắt thế gian sao diệt chóng thế? Chúng ta hãy mau cùng nhau đến chỗ Đức Phật Thế Tôn lễ bái cúng dường, đồng thời thỉnh cầu xin Ngài chớ vội vào bát-nê-hoàn, xin Ngài trụ lại ở thế gian này hoặc là một kiếp hoặc hơn một kiếp. Nếu Phật nê-hoàn, ai sẽ là người dạy bảo chúng ta hành đạo từ bi, ai sẽ là người cứu vớt chúng ta thoát khỏi khổ nạn? Vì vậy các

ông điều gì chưa hiểu mau đến chỗ Phật xin Ngài quyết nghị.

Bảy giờ mặt đất chấn động sáu cách[12].

Khi ấy tám trăm ức vị tì-kheo đều đã chứng đạt quả A-la-hán[13], tâm được tự tại, việc mình đã xong, lìa sạch phiền não, hàng phục các căn, ví như rồng lớn, thành tựu Không tuệ[14], lợi mình đã đạt, như rừng chiên-đàn[15] muôn cây trong ấy đều được thơm lây, công đức đầy đủ, xứng đáng gọi là đấng con chân thật của Đức Như Lai. Tên các ngài là: Đại Ca-chiên-diên[16], ngài Bạc-câu-la[17], Ưu-ba-nan-đà[18]... Các tì-kheo này vào sáng hôm ấy dùng cảnh dương chi[19] súc miệng thanh tịnh thì có ánh sáng vô cùng vi diệu chiếu khắp thân mình, giống như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch máu đỏ. Chư vị tì-kheo cũng giống

như vậy, toàn thân rung động, các lỗ chân lông thấy đều rướm máu tuôn chảy như mưa, lòng đau như cắt. Họ vì thương xót tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh an lạc hạnh phúc và muốn phát tâm học pháp Đại thừa[20], phương tiện mật giáo[21] hóa độ chúng sinh, cho nên nhanh chóng đến chỗ Như Lai, lạy dưới chân Ngài, nhiều trăm ngàn vòng, cung kính hỏi thăm, đứng về một phía.

Lại có hai lăm ức tì-kheo-ni[22], đều A-la-hán, tâm được tự tại, những việc cần làm thấy đã làm xong, lìa sạch phiền não, hàng phục các căn, thí như rồng lớn, thành tựu Không tuệ, tự độ viên mãn. Tên các vị ấy là tì-kheo-ni Câu-lân Nữ Tu-bạt-đà-la[23], tì-kheo-ni Ưu-ba-nan-đà[24], tì-kheo-ni Hải Trí v.v... Giống như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch

máu đỏ, các tì-kheo-ni cũng giống như vậy, toàn thân rung động, các lỗ chân lông thấy đều rướm máu, tuôn chảy như mưa, vô cùng thống khổ. Họ vì thương yêu tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh có được an lạc và muốn phát tâm học pháp Đại thừa, phương tiện mật giáo để làm nhân duyên giáo hóa chúng sinh, liền đến chỗ Phật, lạy dưới chân Ngài, nhiều trăm ngàn vòng, cung kính hỏi thăm, đứng về một phía.

Lại có rất nhiều vị tì-kheo-ni vốn là bồ-tát, đã chứng Thập địa[25]. Họ là những bậc đồng mãnh vô song trong chón loài người, vì duyên giáo hóa mới hiện thân nữ. Họ đều có đủ bốn tâm vô lượng[26], có thể hiện thành thân Phật không khác, biến hóa không cùng.

Lại có các vị đại bồ-tát nhiều như số cát trong một con sông Hằng[27]. Họ là

những người hùng dũng bậc nhất trong cõi nhân gian, tất cả công đức đều đã đầy đủ, dùng thân phương tiện, tin sâu Đại thừa, chân chính hướng đến cầu pháp Đại thừa, đói khát Đại thừa, mong cầu Đại thừa, khát ngưỡng Đại thừa, khéo léo tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa độ, giải thoát cho kẻ chưa được giải thoát. Họ đã trải qua trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, độ thoát chúng sinh; trong số vô kiếp tu tập tịnh giới, an ủi chúng sinh; trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, hưng long Tam bảo; trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, chuyển bánh xe pháp; trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, thành đại trang nghiêm; trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, hành xử kiên cố. Họ đã thành tựu vô lượng công đức như thế và thương hết thấy chúng sinh y như con một. Tên của họ là: bồ-tát Hải Đức, bồ-tát Vô Lượng Trí v.v... Giống như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi

lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch máu đỏ, các bồ-tát này cũng giống như vậy, toàn thân rung động, các lỗ chân lông thấy đều rướm máu, tuôn chảy như mưa, vô cùng thống khổ. Họ vì thương xót tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh có được an lạc, muốn phát Đại thừa phương tiện mật giáo để làm nhân duyên giáo hóa chúng sinh, nên họ liền đến chỗ Đức Phật nằm, dập đầu đánh lễ, rồi đi nhiều quanh hơn trăm ngàn vòng, cung kính hỏi thăm, đứng về một phía.

Lại có những người là cận sự nam[28] nhiều như số cát của hai sông Hằng. Họ rất vui vẻ tin sâu các pháp đối trị[29] như là khổ đau hạnh phúc, thường với vô thường, ngã với vô ngã, không với phi không, y với vô y, chúng sinh với chẳng phải là chúng sinh, hằng với phi hằng, kiết với phi kiết, hữu vi vô vi, nê-hoàn với

chẳng phải là nê-hoàn... Họ lại ưa nghe diệu nghĩa và muốn xiển dương Đại thừa. Trong vô số kiếp họ đã tu tập phạm hạnh thanh tịnh chưa từng thối thất. Họ muốn thực hành giáo pháp Đại thừa, giảng giải cho người tu tập tịnh giới, tham muốn cầu học Đại thừa vững chắc. Họ lại muốn học tùy thuận thế gian, lại muốn cầu học độ thoát thế gian, lại muốn cầu học hưng long Tam bảo, lại muốn cầu học chuyên vận pháp luân, lại muốn cầu học pháp đại trang nghiêm. Họ đã thành tựu viên mãn vô lượng công đức như thế và thương chúng sinh giống như con một. Các cư sĩ ấy tên Quang Vô Cấu Xung Vương, Thiện Đức v.v... số nhiều như cát trong hai sông Hằng.

Các cư sĩ này vì muốn cúng dường Đức Phật Như Lai, sáng sớm hôm ấy, mỗi người đều sắm năm ngàn giường, màn

bằng gỗ chiên-đàn, trầm thủy, chúng bảo, thiên hương, uất-kim-hương hoa[30]... Tất cả giường, màn đều được xông ướp ngưu đầu chiên-đàn[31], và trang hoàng bằng bảy báu[32] vi diệu. Phía trên che bằng dây lưới vàng ròng, châu báu màu xanh phát ánh sáng xanh, châu báu màu vàng tỏa ánh sáng vàng, châu báu màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, châu báu màu trắng tỏa ánh sáng trắng, châu báu màu hồng tỏa ánh sáng hồng, châu báu pha lê tỏa màu pha lê, bảo châu như ý phát màu như ý, dùng nhiều màu sắc như vậy trang hoàng cực kỳ lộng lẫy. Đặc biệt hiếm có là tám màn che bốn phía xung quanh. Phía trên phủ bằng màn lưới bảy báu. Bốn mặt xung quanh treo nhiều phan báu, dùng nhiều loại hương phủ lên trên đó, từng sợi dải vàng rủ xuống thật đẹp. Bên trong màn báu lại được trang hoàng bằng nhiều màu sắc khác lạ như trên. Lại dùng bảy

báu đúc thành tấm nệm, mềm mại thơm tho, trải lên trên giường. Mỗi một giường màn chõ bằng xe báu. Những xe báu ấy cũng được trang hoàng toàn bằng bảy báu, trước sau đều có tràng phan, dù lọng. Mỗi một dù lọng đều dùng bảy báu đan kết làm thành, xanh vàng đỏ trắng vô cùng trang nghiêm; lại được trang hoàng bằng bốn loại hoa, là ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi[33]; cũng dùng bảy báu trang sức như trước. Dùng nhiều vật báu kết thành tràng hoa, tươi tắn xinh đẹp. Lại vẽ bức tranh cuộc đời Đức Phật, diễn tả bồ-tát từ lúc phát tâm đến ngày thành đạo, trong khoảng thời gian thọ nhận thân này bồ-tát nhận chịu bao nhiêu khổ hạnh. Còn hai bên đường bày trí kỹ nhạc, mà các nhạc cụ làm bằng bảy báu, âm thanh hòa nhã, phát ra những tiếng vô thường, khổ, không, phát ra những câu: ‘Than ôi thế

gian từ nay trống vắng’! Giai điệu réo rắt, nghe đến não lòng, trời đất chấn động. Họ dùng vô số các thứ hoa thơm, bột hương mịn màng, đồng thời bày biện nhiều món thức ăn thơm ngon bậc nhất, đặc biệt được nấu bằng nước thượng nguồn và bằng củi thơm, làm cho thức ăn mềm dẻo thơm ngon, đủ cả mùi vị.

Lại nữa, bên trong bên ngoài khu rừng Kiên cố đều được rưới nước, quét dọn sạch sẽ, rồi rải lên trên lớp cát bảy báu, phía trên trải tiếp các tấm y báu đều được ướp hương, bảo tòa sư tử làm bằng bảy báu xếp ở xung quanh ba mươi hai hàng. Mỗi một bảo tòa, điêu khắc chạm trổ hoa văn tinh xảo, lấp lánh năm màu, dùng nhiều hương thơm xông ướp bảo tòa, phía trên trải bằng nệm lót bảy báu. Chuẩn bị đầy đủ phẩm vật ấy xong, các nam cư sĩ khởi niệm nghĩ rằng:

- Tất cả chúng sinh, ai ưa muốn gì ta đều cho cả, y phục thức ăn, của cải tài sản, đất nước vợ con, đầu mắt tủy não, máu huyết cơ thể, không kể sang hèn, phú quý bần tiện, hễ ai cần gì, xin gì cho nấy, khiến cho đầy đủ, chỉ trừ những thứ sắc dục bất tịnh, thuốc độc hại người, thì không cho thôi.

Các nam cư sĩ phát tâm bồ-tát lại nghĩ như vậy:

- Chúng ta cùng đem giường màn, xe báu, vô vàn phẩm vật cúng Phật và Tăng lần sau cùng này là lần lớn nhất.

Các nam cư sĩ lại nghĩ như vậy:

- Phật và đại chúng thụ nhận phẩm vật chúng ta cúng xong, hôm nay Như Lai sẽ vào nê-hoàn.

Suy nghĩ thế rồi lòng buồn vô hạn, ví như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh

từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch máu đỏ, các nam cư sĩ, cũng giống như vậy, toàn thân rúng động, mỗi lỗ chân lông thấy đều rướm máu, tuôn xuống như mưa, thân tâm đau tựa trúng phải thuốc độc, khóc than thảm thiết.

Lại nữa, cạnh rừng Kiên cố, các nam cư sĩ dựng lều bảy báu, cao rộng đẹp đẽ, trùm khắp hư không. Bên trong lều ấy dựng nhà bảy báu. Bày biện xong rồi đến chỗ Thế Tôn, lạy dưới chân Ngài. Tràng phan, dù lọng, đem đến cúng dường đầy cả hư không. Khói hương như mây, hoa rải như mưa. Các nam cư sĩ, đau buồn than thở, chân động đất trời, đấm ngực gào khóc, nước mắt như mưa, nhìn nhau nói rằng:

- Than ôi nhân giả, thế gian trống vắng!
Con mắt thế gian, sao mau diệt vậy!

Rồi thì tất cả dập đầu sát đất, đồng thanh thỉnh Phật:

- Mong Phật và tăng thương xót chúng con, cùng với chúng sinh, nhận lời cúng dường, Ngài thụ thực xong rồi vào nê-hoàn, để cho chúng con được phước cúng dường Đức Phật, chúng tăng một lần sau cuối!

Thế Tôn biết thời, lặng im không nhận. Họ thỉnh ba lần, Phật đều im lặng.

Bảy giờ hết thấy các nam cư sĩ tuyệt vọng vô cùng, ưu sầu khổ não. Giống như cha lành có một đứa con, rớt cuộc bệnh chết, ông đưa hình hài của con đem chôn ở nơi gò mả, buồn bã quay về, đau xót vô cùng. Các nam cư sĩ đau khổ tột cùng cũng y như vậy. Họ lạy Phật xong, đứng về một phía.

Lại có các vị tín nữ cư sĩ[34] thọ trì năm giới, công đức đầy đủ, số nhiều như cát trong ba sông Hằng. Các cư sĩ này hiện làm thân nữ hóa độ chúng sinh, tự trách thân mình như bốn rắn độc[35]. Họ quán thân thể giống như tòa nhà, cũng là thức ăn của tám vạn trùng; thân này ô uế, do tham dục sinh, thí như xác chết, chẳng may may ưa; thân này bất tịnh, chín lỗ bài tiết thường xuyên thải ra những chất dơ bẩn; máu thịt gân cốt, cùng với y phục tạo nên thành quách, hư nguy giả dối; chân tay xương cốt, làm cột chống đỡ, móng răng tai mắt là các cửa sổ, tâm pháp đối trá làm màn che cửa, phóng dật kiêu mạn là kẻ giữ thành, lũ giặc tâm vương ngự trong thành ấy, tham lợi phóng túng chạy theo sáu cảnh. Thân thể như thành bại hoại như vậy, chư Phật bỏ đi mà kẻ phàm phu thì ưa thích lắm. Quý dữ tham dục, giận hờn ngu si nương tựa thân này, như

loài hoa lan sống nhờ cây khác, chẳng có chút gì đáng ưa đáng thích; thân này tựa như những chùm bọt nước, như thân cây chuối, chẳng gì bền chắc; như tia điện chớp, tiếng vọng âm thanh của loài ngựa hoang; như trăng dưới nước huyền hóa không thật; như cơn sóng biển nhanh chóng lướt qua trên đầu ngọn cỏ phút chốc chẳng dừng; như nơi gò mả, như ở rừng hoang, ô uế đầy đầy, từng đàn lang sói, kên kên cú mèo giành nhau ăn thịt, vô số vi trùng cạnh tranh sinh sống ở trong thân này. Tâm thân thể này ô uế như vậy an ổn được sao? Nếu có thể đếm sợi lông, giọt nước ở trong biển lớn còn biết được số ít nhiều bao nhiêu, nhưng trong thân này độc trùng tàn hoại, bốn trăm bốn bệnh, vô lượng những điều ô uế bất tịnh thật không thể nào tính hết cho được! Giống như Thế Tôn đã từng thí dụ, bao nhiêu cây cối ở trong thiên hạ đem chẻ

làm thê, hay lấy đất đá trên quả địa cầu tán thành bụi nhỏ, cũng có thể đếm được số bao nhiêu, nhưng đối thân này những thứ bất tịnh số nhiều vô lượng, vượt quá số kia, không thể tính kể. Thân này độc hại, hủy diệt thiện pháp. Các nữ cư sĩ đều có khả năng xả bỏ thân này như nhổ nước bọt, tu hành pháp không, vô tướng vô tác, tin ưa Đại thừa, lại hay diễn nói cho người khác hiểu. Tên các vị ấy: Kỳ-bà-thi-lợi, Thắng Man phu nhân, bà Tỳ-xá-khư... Các cư sĩ này vào sáng hôm ấy, lúc ánh quang minh chiếu khắp thân hình liền biết điềm lạ. Họ bèn nhanh chóng chuẩn bị phẩm vật đem dâng cúng dường đầy đủ thù thắng gấp đôi người trước. Rồi họ đến chỗ Đức Phật Thế Tôn sụp lạy sát đất, xin Phật và tăng thương xót nạp thụ, nhưng Đức Thế Tôn từ chối không nhận. Các nữ cư sĩ lòng rất u buồn, đứng qua một phía.

Lại có những người bộ tộc Li-xa[36] ở trong và ngoài thành Tì-xá-li[37], cùng với vua quan các nước xung quanh cõi Diêm-phù-đề[38], số nhiều như cát của bốn sông Hằng. Những người Li-xa đều có niềm vui ở trong chánh pháp, thuần tu giới hạnh, đạo đức tròn đầy, hàng phục ngoại đạo, cùng với những kẻ phá hoại Phật pháp. Những Phật tử này đều có khả năng thí pháp vô úy, diễn thuyết cho người pháp tạng vô tận; hết thấy đều có khả năng tu tập diệu pháp cam lộ chư Phật đã dạy. Họ có khả năng nhiếp phục chúng ma, tà luận ngoại đạo; tự giữ giới luật, lại hộ trì cho chư Tăng giữ giới thêm được an ổn; tự mình giữ luật, thích nghe Đại thừa và còn diễn nói cho người khác nghe; ai cũng đều có tấm lòng từ mẫn thương khắp chúng sinh, đầy đủ đức độ như những người trước. Tên các vị ấy là Tịnh Ly Cầu Tạng, Thường Khoái Tịnh, Hằng Thủy Ly

Cầu Tịnh... Các Phật tử này, mỗi người đều sắm tám mươi bốn ức giường, màn bằng gỗ chiên-đàn, trầm thủy, uất kim, bách mộc[39], đầu-lâu hương mộc[40]... mỗi một giường màn đều được chạm trổ, điêu khắc tinh xảo bằng bảy loại báu, đồng thời trang sức năm màu lấp lánh, đẹp tựa như trước. Mỗi người lại sắm tám vạn bốn ngàn ngựa báu mạnh khỏe; tám vạn bốn ngàn voi chúa hùng dũng; tám vạn bốn ngàn cỗ xe bốn ngựa, và dùng đèn báu Thần châu kết nối, trang sức đoan nghiêm, chạy nhanh như gió; tám vạn bốn ngàn đèn báu Minh Nguyệt, suốt cả ngày đêm thường luôn cháy sáng. Tràng, lọng, phan, hoa, màn, lều đại bảo, tranh tượng thêu bằng len giả màu trắng như những người trước. Lọng bằng hoa báu rộng một do tuần. Những thứ len giả vi diệu mịn màng kết thành tranh tượng dài ba hai do tuần. Mỗi chiếc lều cao một trăm do tuần.

Mỗi chiếc phan dài một ngàn do tuần. Mọi thứ trang sức đều bằng bảy báu giống như ở trước. Hương thơm thức ăn theo gió bay đi khắp một do tuần. Các Phật tử này sắp xếp giường tọa, cùng các phẩm vật nơi rừng Kiên cố đầy đủ xong rồi đến chỗ Đức Phật, dập đầu thỉnh cầu, đầu mặt sát đất, đánh lễ xong rồi, đứng về một phía.

Lại có các hàng đại Trưởng giả ở trong Diêm-phù-đề số nhiều như cát của năm sông Hằng. Họ đều vui ưa tin sâu chánh pháp, giới hạnh thuần thực, thành tựu các đức, hàng phục ngoại đạo cùng với những kẻ phá hoại Phật pháp, khiến cho kẻ ấy tin sâu Đại thừa. Tên các vị là Nhật Nguyệt Quang Vương Đám Bạc Hoa Thủ, Pháp Thủ... Những trưởng giả này đem theo con trai, cùng với con gái số nhiều như cát của năm sông Hằng. Các trưởng giả này buổi sáng hôm ấy, nương thần lực Phật

sắm sửa phẩm vật đầy đủ trang nghiêm gấp đôi người trước, đem đến chỗ Phật, cung kính dập đầu, lễ chân Như Lai, rồi tất cả cùng đứng về một phía.

Lại có quyền thuộc nội ngoại của vua thành Tì-xá-li, vua và nhân dân, chủ các thành ấp, tụ lạc thôn xóm lớn nhỏ ở trong cõi Diêm-phù-đề, trừ A-xà-thế[41], còn lại tất cả các bậc vua chúa, như Nguyệt Ly Cầu Tạng, Nhật Ly Cầu v.v... số nhiều như cát của sáu sông Hằng, mỗi người đem theo một trăm tám mươi vạn ức quyền thuộc, đều là những người dũng mãnh phi thường, như rồng, voi chúa, đi nhanh như gió, hết thấy tin ưa giáo pháp Đại thừa, giữ giới thanh tịnh, oai đức đầy đủ, hàng phục ngoại đạo cùng với những kẻ phá hoại Phật pháp. Họ cũng sắm sửa phẩm vật cúng dường trang nghiêm thù thắng gấp đôi người trước, đem đến chỗ

Phật thành kính cúng dường, xin Phật xót thương từ bi tiếp nhận. Tất cả mọi người dập đầu sát đất, lễ chân Như Lai, đứng về một phía.

Lại có các vua lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-đề này cùng với phu nhân, cung tần mỹ nữ số nhiều như cát của bảy sông Hằng, trừ A-xà-thế. Hết thấy phu nhân, cung tần mỹ nữ đều chán thân nữ, tu tập Không hành[42], tin ưa Đại thừa, hay vì người khác giảng nói rộng rãi công đức tu hành và những điều khác như trước đã nói. Tên các phu nhân gồm Tam Giới Sa, Niệm Đức v.v... Họ sắm lễ vật gấp đôi người trước, vào sáng hôm ấy đến chỗ Thế Tôn, dập đầu sát đất, đánh lễ chân Ngài, đứng về một phía.

[855a] Lại có thiên tử Phổ Minh cùng với chư thiên nhiều như số cát trong tám sông Hằng. Những thiên tử này ưa pháp Đại

thừa, cũng ưa giảng rộng cho người khác nghe. Họ tu tịnh giới, khát ngưỡng Đại thừa, những chúng sinh nào ưa pháp Đại thừa thì dùng pháp ấy thỏa lòng khát ngưỡng; họ tu tịnh giới, ham ưa Đại thừa, kiên cố Đại thừa, giác ngộ Đại thừa, nơi pháp Đại thừa chưa từng khởi lên tâm ý kiêu mạn. Họ hàng phục cả những kẻ ngoại đạo cùng với những kẻ phá rối Phật pháp; hộ trì chánh pháp, tu hành tịnh giới, tùy thuận thế gian, độ người chưa độ, giải thoát cho kẻ chưa được giải thoát. Họ muốn chuyển vận bánh xe chánh pháp, hưng long Tam bảo mãi mãi không dứt; họ muốn kiến lập quốc độ trang nghiêm. Họ đã thành tựu viên mãn vô lượng công đức như thế. Họ có tâm từ, thương khắp chúng sinh giống như con một. Các chư thiên này, vào sáng hôm ấy, ánh sáng chiếu thân liền biết điềm lạ, họ suy nghĩ rằng: ‘Đức Phật Như Lai chẳng bao lâu

nữa vào bát-nê-hoàn'. Họ liền đến chỗ Đức Phật Thế Tôn, thấy các phẩm vật dâng cúng đầy đủ, nhìn nhau bảo rằng:

- Chúng ta quan sát người ở thế gian sắm sinh phẩm vật cúng dường Như Lai một lần sau cuối trang nghiêm đặc thù chẳng khác cõi trời. Bao nhiêu phẩm vật cúng Phật cùng Tăng lần cuối cùng này thật là thù thắng, vậy mà Thế Tôn thấy đều không nhận. Nay chư nhân giả! Hôm nay chúng ta thỉnh Phật cùng Tăng và các quyền thuộc, làm lễ cúng dường một lần sau cuối cho thật thù thắng. Hôm nay Như Lai, chư Tăng cùng với tất cả quyền thuộc thương xót chúng ta thụ nhận cúng dường lần sau cùng này rồi vào nê-hoàn. Đức Phật ra đời thật là khó gặp, nhưng được cúng Phật một lần sau cuối lại càng khó hơn. Than ôi nhân giả, thế gian trông

vắng! Con mắt thế gian, sao diệt chóng thế!

Chư thiên cõi trời lại nghĩ như vậy:

- Chúng ta cũng phải cúng dường Như Lai.

Nghĩ như vậy rồi, tức thì chuẩn bị phẩm vật cúng dường tối thắng hơn cả người ở thế gian. Giường, màn, xe cộ, tràng, phan, hoa, cái, tranh tượng, lều trướng, mỗi mỗi đều dùng hương, lụa, vật báu của các cõi trời để mà trang sức. Chuẩn bị đầy đủ phẩm vật xong rồi, họ đến chỗ Phật, ôm chân đánh lễ, nhiều trăm ngàn vòng, cung kính thăm hỏi, đứng về một phía.

Lại có vua của các loài rồng ở khắp cả bốn phương, nhiều như số cát của chín sông Hằng, gồm Hòa-tu-cát[43], anh em Nan-đầu, Ưu-bát-nan-đà[44]... Các vua rồng này đầy đủ công đức, có lòng thương

xót tất cả thế gian. Sáng sớm hôm ấy, gặp ánh sáng Phật, Long vương nghĩ rằng: Như Lai không lâu sẽ nhập nê-hoàn. Chúng liền sắm sửa phẩm vật thù thắng, nhiều gấp hai lần của chúng trời, người, đem đến chỗ Phật, ôm lạy chân Ngài, nhiều trăm ngàn vòng, xong rồi tất cả, đứng về một phía.

Lại có vua của các chúng quý, thần và Tỳ-xa-môn[45], nhiều như số cát của mười sông Hằng. Hết thấy quý vương sắm sinh lễ vật đầy đủ như trước, đến chỗ Đức Phật, đầu thành đánh lễ, nhiều trăm ngàn vòng, xong rồi tất cả đứng về một phía.

Lại có, Già-lưu-la[46] vương, Long oán Già-lưu-la vương... nhiều như số cát hai mươi sông Hằng; Càn-thát-bà[47] vương, Na-la-đạt Càn-thát-bà vương ... nhiều như số cát ba mươi sông Hằng; Khẩn-na-la[48] vương, Khoái kiến Khẩn-na-la

vương... nhiều như số cát bốn mươi sông Hằng; Ma-hầu-la-già[49] vương, Đại khoái kiến Ma-hầu-la-già vương... nhiều như số cát năm mươi sông Hằng; A-tu-la vương, Du không A-tu-la vương... nhiều như số cát sáu mươi sông Hằng; Đà-na-bà[50] vương, Pháp Thủy Ly Cầu Thắng vương... nhiều như số cát bảy mươi sông Hằng; vua loài la-sát, Quảng bố úy la-sát... nhiều như số cát tám mươi sông Hằng; Chủ vương tùng lâm, Dục hương tùng lâm... nhiều như số cát chín mươi sông Hằng; vua loài Trì Chú, Đại huyển Trì Chú... nhiều như số cát một ngàn sông Hằng; chúng Dục Sắc, Thiện kiến Dục Sắc... nhiều như số cát một ức sông hằng; chúng Thiên nữ, Lam-bà Thiên nữ... nhiều như số sát trăm ức sông Hằng; vua chúng Phụ-đa, Túc-quân-đề Phụ-đa vương... nhiều như số cát ngàn ức sông Hằng; thiên tử ở cõi trời Tứ thiên

vương... nhiều như số cát trăm ngàn ức sông Hằng; Lại có thần gió nhiều như số cát trong trăm ngàn ức của con sông Hằng; Lại có các vua làm mây, tạo mưa, vua của hết thủy, các thần làm cho mây, mưa vắng lặng, nhiều như số cát một ức sông Hằng.

Hết thủy các vua của muôn loài ấy, ngay sáng hôm đó, gặp ánh sáng Phật liền biết điềm lạ, suy nghĩ như vậy: Như Lai không lâu sẽ nhập nê-hoàn. Họ liền sắm sinh phẩm vật cúng dường vô cùng thù thắng, gấp đôi trời, người, đem đến chỗ Phật, đầu thành đánh lễ, nhiều trăm ngàn vòng, đứng về một phía.

Lại có voi chúa hương tượng[51], voi chúa thân vàng, voi chúa mắt xanh... nhiều như số cát hai mươi sông Hằng. Các loài voi ấy tùy theo sức mình, từ trong Tuyết Sơn, dùng vòi bút hoa cùng các

dược thảo. Có những bông hoa lớn bằng bánh xe, như ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi. Nói chung tất cả những loài hoa mọc trên núi dưới khe, hoặc trên đất bằng, thấy đều mang đến, dùng để trang sức giường màn các thứ. Các loài voi ấy buồn rầu gào rống, âm thanh chấn động khắp cả đất trời: Thế gian trống vắng sao mà chóng thế? Con mắt thế gian sao diệt nhanh vậy! Muôn loài voi chúa đến bên chân Phật, sụp lạy chân Phật, rồi thì tất cả đứng về một phía.

Lại có các vua của loài sư tử, như Đại Chấn Hồng... đều vì chúng sinh cho sự vô úy[52]; cùng với các loài vua của muôn chim, như Ca-lan-đà, Ca-lăng-tần-già[53]... nhiều như số cát của ba sông Hằng, cũng cúng dường Phật đầy đủ trang nghiêm như loài voi chúa.

Lại có vua của các loài trâu, dê, đến rừng Kiên cố cúng dường sữa thơm, hết thảy hào rãnh đều chứa đầy sữa. Lại có vua của các loài ong mật, mang đầy mật thơm chứa đầy hào rãnh. Các loài như vậy nhiều như số cát ở trong sông Hằng, thảy đều đến chỗ Đức Thế Tôn nằm, đánh lễ sát chân, đứng về một phía.

Lại có các vị thần tiên đã đạt năm thứ thần thông[54], cùng với hết thảy chư vị tiên nhân trong bốn thiên hạ[55], như tiên Nhân Nhục v.v... nhiều như số cát một vạn sông Hằng. Các vị tiên nhân biểu hiện vô số thần lực biến hóa, sắm sinh lễ phẩm thù thắng vi diệu, gấp đôi người trước, đem đến chỗ Phật, trải tóc trên đất, ôm chân Như Lai, thành kính đánh lễ, đứng về một phía.

Bảy giờ tì-kheo và tì-kheo-ni mười sáu nước lớn[56] vân tập đông đủ, kín một do

tuần, chỉ thiếu hai chúng của hai Tôn giả Ca-diếp, A-nan[57]. Các vị tì-kheo và tì-kheo-ni, ngay sáng hôm ấy, đến chỗ Đức Phật, ôm chân đánh lễ, nhiều trăm ngàn vòng, đứng về một phía.

Lại có vua của các thần núi nhỏ và thần núi lớn; vua của quý thần thế giới trung gian; vua của thần núi Tu-di[58], số nhiều như cát của vạn sông Hằng. Những sơn thần này chỉ ăn những loại lá cây, bông, trái và có thần lực phóng ánh sáng lớn. Họ cùng đến chỗ Đức Thế Tôn nằm, ôm chân đánh lễ, đứng về một phía.

Lại có chư thần, thiên tử trong tám sông lớn, biển lớn, đất lớn, số nhiều như cát, trong trăm ngàn vạn sông Hằng. Các vua lớn nhỏ đều có thần lực phóng ánh sáng lớn, che lấp ánh sáng mặt trời mặt trăng. Họ dùng thần lực làm rừng Kiên cố vọt nước cam lộ[59] đầy cả sông Hằng, mềm

mại trong suốt, khắp nơi đều làm bậc thêm bảy báu, khiến cho chúng hội xuống lên lấy nước chẳng hề thấy mệt.

Bảy giờ, nơi vùng đất của bộ tộc Lục sĩ, về phía phương Bắc, tự nhiên xuất hiện giảng đường Thiện pháp[60], hướng Nam xuất hiện giảng đường Trọng các[61]. Các giảng đường ấy chạm trở tinh xảo, bảy báu trang nghiêm, ánh sáng năm màu, lung linh rực rỡ. Suối trong, hồ tắm, hoa quả, vườn rừng, cũng tự nhiên có. Thật chẳng khác gì khu vườn Hoan Hỷ cõi trời Đạo Lợi, vô cùng ưa thích. Chư vị trời, người, chúng a-tu-la, đều nhìn thấy tướng thể nhập nê-hoàn của đức Như Lai, lòng rất bi cảm, than thở buồn sầu.

Lại có một ức số a-tăng-kỳ[62] chư vị thiên tử ở Tứ thiên vương[63], đều đến hội họp, nhìn nhau bảo rằng: Các ông nhìn kia, các chúng trời, người và a-tu-la,

vì muốn cúng dường Đức Phật Như Lai một lần sau cuối mà sắm phẩm vật đặc biệt thù thắng, nhiều vô số kể. Phật và đại chúng sau khi thụ nhận phẩm thực họ cúng sẽ nhập nê-hoàn. Chúng ta cũng phải sắm sửa phẩm vật nhiều gấp hai lần phẩm vật người trước, tất cả mọi thứ thức ăn, hương hoa, đều của cõi trời, như mạn-đà-la[64], ma-ha mạn-đà-la, hoa ca-câu-la[65], ma-ha ca-câu-la, hoa mạn-thù-sa[66], ma-ha mạn-thù-sa, hoa tán-đa-na[67], ma-ha tán-đa-na. Họ sắm vô lượng hương hoa cõi trời mang đến chỗ Phật, dâng lên cúng dường, dập đầu lạy Phật, đứng qua một phía.

Thích Đề-hoàn Nhân[68] cùng với thiên chúng cõi trời Ba ba[69], số a-tăng-kỳ, sắm sửa lễ vật đem dâng cúng dường. Vua trời thứ sáu[70], cùng với quyến thuộc, sắm sửa lễ vật thù thắng hơn trước. Trừ

các cõi trời Bốn vô sắc[71] và Hữu sắc vô tướng[72], ngoài ra các cõi trời khác đều sắm lễ vật cúng dường thù thắng hơn trước.

Bấy giờ Phạm thiên[73], chủ của thế giới Ta-bà[74], cùng Phạm thiên tử, vô lượng quyến thuộc, thân phóng hào quang che bốn thiên hạ, làm cho ánh sáng trời, người cõi Dục đều bị lu mờ. Áo trời, hoa trời, tung xuống như mưa; đồng thời bày biện phẩm vật, tràng, phan, dù, lọng cõi trời, xếp thành hàng dài, từ cõi Phạm thiên đến rừng Kiên cố. Họ chuẩn bị xong, đến chỗ Thế Tôn, cung kính đánh lễ, đứng về một phía.

Lại có, Tì-ma-chất-đa[75], vua trời tu-la, cùng với quyến thuộc, số nhiều vô lượng, thân phóng ánh sáng che bốn thiên hạ, khiến cho ánh sáng Thích Đề-hoàn Nhân và các Phạm vương đều bị lu mờ. Vua trời

tu-la cũng sắm sửa nhiều lễ vật dâng cúng, trong đó bảo cái to lớn che khắp tiểu thiên thế giới[76]. Họ chuẩn bị xong, phẩm vật cúng dường, liền đến chỗ Phật, cung kính đánh lễ, đứng về một phía.

Bảy giờ, Thiên ma Ba-tuần[77], cùng với quyến thuộc, ma nữ cõi trời, số nhiều vô lượng. Họ dùng thần lực mở tất cả cửa của các địa ngục; rồi tùy sở nguyện của các chúng sinh trong địa ngục đó, cung cấp cho họ những thứ cần dùng. Đồng thời bảo với chúng sinh trong cõi địa ngục ấy rằng:

- Các ông cần phải suy niệm công đức tùy hỷ sau cùng mà Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác đã từng chỉ dạy. Nếu niệm như vậy, tất cả các ông sẽ thêm sức mạnh, có thể tu hành phước lợi vô cùng, sẽ khiến các ông hưởng được an ổn, khoái lạc lâu dài, mãi mãi thoát khỏi địa ngục khổ đau,

vì Đức Như Lai có oai thần lớn, có thể khiến cho tâm ma Ba-tuần chuyển hóa điều phục, và cũng khiến cho quyền thuộc của ma, bao nhiêu dùng cụ dùng để chiến đấu, đao, trượng, kiếm, cung, tên sắt, dùi sắt, búa sắt, dây buộc, lưới móc câu dài, thủy đều biến hóa thành đồ trang nghiêm. Chúng sinh địa ngục xa rời chánh pháp cho nên nhận chịu bao nhiêu khổ đau, đêm dài tăm tối sống trong ngôi nhà tường vách vây quanh, lửa dữ thiêu đốt, nhờ thần lực Phật, mưa pháp rưới xuống khiến cho lửa dữ thủy đều tắt hết.

Khi ấy chúng sinh trong chốn địa ngục thoát khỏi khổ đau, được vui an ổn. Sau khi thoát khổ được an ổn rồi, mỗi mỗi cùng với quyền thuộc của ma sắm sửa lễ vật, đầy đủ thù thắng, gấp đôi số trước, đến chỗ đức Phật, cung kính đánh lễ:

- Cúi xin Thế Tôn thương xót tiếp nhận cho con cúng dường. Đức Phật thọ nhận cho con cúng rồi từ đây về sau, nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ nào xưng lên danh hiệu hai chữ Đại thừa[78], tất cả chúng con sẽ vì người ấy bảo hộ cho họ không còn sợ hãi.

Rồi nói chú rằng:

- Sá chỉ trá trá la, đà chỉ lô lâu lệ, ma ha lô lâu lệ, a la, ma la, đa la, tất ba ha.

- Câu thần chú này có thể khiến cho những người loạn tâm được định tâm diệu. Câu thần chú này cũng có khả năng giúp người sợ hãi lìa mọi sợ hãi. Câu thần chú này cũng có thể giúp cho vị pháp sư biện tài vô ngại. Câu thần chú này có thể hàng phục các hàng ngoại đạo. Những người đã có khả năng hộ trì chánh pháp vững bền thì tụng chú này được hai vị

thần thường theo hộ vệ. Những lời con nói về thần chú này đều là chân thật. Nếu ở những nơi đồng hoang nguy hiểm, các nạn thú dữ, nạn nước, nạn lửa, người nào trì tụng câu thần chú này, các nạn tiêu trừ. Những người siêng năng trì thần chú này, con sẽ giữ họ như rùa giữ kỉ sáu chi[79] của mình. Ngày nay chúng con, đều đã xa lìa những lời xiêm nịnh mà ma thường dùng. Nguyên xin Thế Tôn thương xót nhận lãnh phẩm vật con cúng, nguyên xin hứa khả, câu thần chú này.

Khi ấy Thế Tôn nói với Ma vương:

- Như Lai không nhận phẩm vật ông cúng, nhưng vì an ổn cho các chúng sinh, nay Như Lai sẽ chấp nhận thần chú là pháp cúng dường của ông đã nói.

Ba-tuần cầu thỉnh ba lần như vậy, Thế Tôn im lặng không nhận cúng dường. Khi

ấy Ba-tuần cùng hàng ma nữ, ôm chân Đức Phật, cung kính đánh lễ, đứng về một phía.

Lại có, vua của cõi trời Đại Tự Tại Thiên[80] và các Thiên tử, đầy đủ thần lực, số nhiều vô lượng, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, khiến cho ánh sáng của trời Phạm thiên, Thích Đề-hoàn Nhân, cho đến cõi giới của A-tu-la, đều bị lu mờ. Vua cùng Thiên tử Đại Tự Tại Thiên cũng sắm lễ vật đầy đủ trang nghiêm, thù thắng hơn trước; hoa cái[81] sáng rỡ, chiếu khắp ba ngàn, đại thiên thế giới, khiến cho trăng ực, mặt trời, mặt trăng, đều bị che khuất.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 2: BỒ TÁT ĐẠI THÂN

[856c] Từ thế giới này nhìn về phương Đông, cách khoảng vô số cõi Phật như cát trong vô số a-tăng-kỳ sông Hằng, có thế giới tên Ý Lạc Mỹ Âm. Trong thế giới ấy, có Đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng, Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chính Giác. Đức Phật ấy bảo với người đệ tử bậc nhất trong hàng thanh văn bồ-tát tên là Đại Thân:

- Này thiện nam tử! Từ thế giới này nhìn về phương Tây, có một thế giới tên gọi Ta-bà. Trong thế giới ấy có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chính Giác, sắp vào nê-hoàn. Ông hãy cầm bát, đựng đầy cơm thơm, mà hương xông khắp ba ngàn thế giới của quốc độ này, đồng thời chuyển lời thăm hỏi của Ta đến với chúng hội Đức Phật Thích-ca, và thỉnh cầu Ngài thọ

com Ta cúng rồi vào nê-hoàn. Lại nữa, ông hãy đem các giường, màn, phẩm vật quý báu bậc nhất cúng Phật Thích-ca. Thêm nữa, các ông ai có hoài nghi hãy tự thưa hỏi nơi Đức Phật ấy.

Bồ-tát Đại Thân chấp tay lãnh giáo, cúi đầu đánh lễ sát chân đức Phật, nhiễu quanh bên phải, rồi với vô lượng các đại bồ-tát cùng nhau đi đến thế giới Ta-bà. Bảy giờ ba ngàn đại thiên thế giới mặt đất rung động. Đại chúng trong hội, Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm thiên, Tứ thiên, Ma vương, Tu-la, hết thấy chư Thiên có thần lực lớn, thấy cả mặt đất chấn động như vậy toàn thân sớn ớn, ai cũng tự thấy ánh sáng của mình đều bị tắt lịm. Đại chúng ai nấy cũng đều sợ hãi. Khi ấy bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo với Thích, Phạm, Hộ thế, Ma vương và chư Thiên rằng:

- Các ông đừng sợ! Các ông đừng sợ! Từ thế giới này nhìn về phương Đông, khoảng cách như cát của muôn sông Hằng quốc độ chư Phật, có một thế giới Ý Lạc Mỹ Âm. Trong thế giới ấy, có Phật Như Lai hiệu Hư Không Đẳng, Ứng Cúng, Đẳng Giác. Đức Phật ấy bảo với người đệ tử bậc nhất trong hàng thanh văn bồ-tát tên là Đại Thân: “Ông hãy đi đến thế giới Ta-bà, ở đó có Phật Thích-ca Mâu-ni, Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chính Giác sắp vào nê-hoàn, đem cơm cúng Phật và chúng tì-kheo. Các ông ai còn hoài nghi thì hãy tự mình thưa hỏi”. Tức thì bồ-tát Đại Thân đánh lễ sát chân Phật ấy, đi nhiều bên phải, cung kính vâng lời. Rồi cùng vô lượng chư đại bồ-tát cùng nhau đi đến cõi Ta-bà này. Vì thân quý Ngài phóng ánh hào quang khiến cho ánh sáng của các ông đây thấy đều lu mờ. Ở thế giới kia, Phật Hư Không Đẳng, Như

Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chính Giác, vì muốn cúng dường Thế Tôn chúng ta nên sai bồ-tát đến thế giới này. Các ông nên phải, một lòng tùy hỷ.

Khi ấy, Thích, Phạm, Thiên vương, cùng với Đại chúng bình tĩnh trở lại đồng than lời rằng:

- Than ôi buồn sao, thế gian trống vắng! Như Lai không lâu sẽ vào nê-hoàn. Con mắt thế gian sao diệt chóng vậy!

Rồi thì hết thảy khóc gào thảm thiết.

Bấy giờ, bồ-tát Đại Thân cùng vô lượng đại bồ-tát toàn thân tỏa sáng, từ bên cõi Phật Ý Lạc Mỹ Âm đến cõi Ta-bà. Mỗi lỗ chân lông trên thân bồ-tát phóng ra ánh sáng, hóa thành vô lượng những loài hoa sen. Trên mỗi hoa sen có bảy trăm tám mươi vạn thành ấp, cao rộng trang nghiêm. Thành ấy bảy lớp, đều bằng bảy

báu, diêm-phù-đàn kim[82] làm đài chống đỡ. Trên những đài ấy trồng toàn cây báu. Những cây báu này trở bông kết trái, hoa quả sum sê. Dây vàng giăng mắc giữa các hàng cây. Bao bọc bên ngoài bảy lớp lưới báu, gió nhẹ thổi qua phát năm thứ tiếng[83], âm thanh hòa nhã, tựa như nhạc trời. Nhân dân thành ấy an ổn vui vẻ, hạnh phúc tự tại. Bên ngoài thành ấy, bao bọc xung quanh có ao bảy báu, nước tám công đức[84], trong mát dâng đầy, không lạnh không nóng, mềm mại trong suốt, sinh ra bốn loại hoa sen bảy báu, lớn như bánh xe, xanh vàng đỏ trắng, phát ra ánh sáng năm màu lung linh. Trong mỗi ao hồ có thuyền bảy báu, mọi người bơi thuyền dạo chơi nô đùa. Bên trong thành ấy, còn có ao tám, trồng bốn loài sen, hoa như bánh xe, năm màu rực rỡ; bốn bên hồ ấy lót toàn vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, pha lê, khiến cho đôi bờ đối diện phản chiếu

ánh sáng rất đẹp; mai khô[85] làm đáy, rải cát vàng lên; mỗi một ao tắm, đều có mười tám bậc thềm bằng vàng; khoảng giữa bậc thềm, dùng nhiều vật báu, trang hoàng rất đẹp; diêm-phù-đàn kim làm thành cây chuối trồng hai bên đường; những loài hoa trời như ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi, lớn như bánh xe phủ khắp mặt ao. Những loài chim lạ bay liệng trong ao, líu lo ca hát. Bên bờ ao tắm trồng rất nhiều loại hoa thơm cõi trời, bốn phương gió thổi, hoa rải khắp nơi ở trên mặt nước. Nước ấy thơm sạch như hương chiên-đàn ở trên cõi trời. Trong ngoài thành ấy có tám vạn bốn ngàn đại vương, mỗi đại vương có vô lượng phu nhân và các cung nữ, họ tự vui chơi với năm món dục. Nhà cửa nhân dân rộng bốn do tuần, hàng rào bảy lớp, đều bằng bảy báu; cũng tự có đủ vườn kiểng ao tắm, tùy ý vui chơi với

năm món dục, đi lại tự do, không cần theo chủ. Đất trong thành ấy rất là mềm dẻo, bởi được nhào nhuyễn với hoa năm màu, và ướp hương trời. Lại nữa xứ ấy, không có những hàng Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ thuần một hàng Đại thừa mà thôi. Trên mỗi bông hoa đều có Đại vương ngồi tòa sư tử, ghé bấu đỡ chân, các tràng phan báu che phủ ở trên, đem pháp Đại thừa giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh cõi ấy, ngồi ngay trên hoa nghe pháp Đại thừa, hoặc cầm kinh tụng, y pháp tu hành. Trên lỗ chân lông bồ-tát Đại thân phóng ra ánh sáng thần thông biến hóa. Các bồ-tát khác cũng giống như vậy. Bảy giờ chúng sinh chẳng còn niềm vui, chỉ thấy đau buồn, nước mắt rung rung, theo chư bồ-tát, từ từ đi đến thành Câu-thi-na, nhìn nhau bảo rằng:

- Các ông nhìn kia! Phẩm vật cúng dường của trời và người vô cùng đặc thù.

Chư vị bồ-tát mới đến cũng sắm phẩm vật cúng dường. Tất cả thực phẩm tinh khiết thơm ngon, không thể ví dụ. Từ lỗ chân lông bồ-tát Đại Thân và hàng quyến thuộc mọc ra sen báu đựng lấy thức ăn cúng Phật cùng Tăng. Mùi vị thức ăn bay khắp ba ngàn đại thiên thế giới, chúng sinh ngửa được bao nhiêu phiến não thấy đều tiêu trừ. Những vật cúng dường như hoa sen báu, tràng phan, dù lọng, cũng không có gì so sánh cho vừa. Từ cõi Phật ấy, chư vị bồ-tát nương giữa hư không đến thế giới này, tựa như đài cao, tất cả chúng sinh thấy đều trông thấy. Bồ-tát Đại Thân cùng các quyến thuộc sắm sinh lễ phẩm gấp bội chư Thiên. Chỉ trừ hào quang của Đức Như Lai, còn lại tất cả ánh sáng Phạm, Thích, chư Thiên đều bị che mờ.

Từ lỗ chân lông của chư bồ-tát tuôn mưa hoa sen. Hương thơm hoa ấy bay khắp ba ngàn thế giới đại thiên. Nếu có người nào ngửi được mùi thơm của bông hoa này, bao nhiêu tội cấu thảy đều tiêu trừ và lại có thể phát tâm bồ-đề[86]. Bồ-tát Đại Thân có thân vô lượng, lớn tựa hư không, chỉ trừ chư Phật, còn chúng sinh khác không thể thấy được bờ mé vô cùng của thân bồ-tát. Chư vị bồ-tát đánh lễ Thế Tôn, dâng cơm cúng dường, đứng về một phía.

Chư vị bồ-tát thế giới phương Nam cũng đến chỗ Phật. Trên thân quý Ngài, từ lỗ chân lông mọc ra sen báu như cõi Diêm-phù. Trên hoa sen ấy, hiện thành bảy báu, thù thắng hơn trước. Chư bồ-tát từ thế giới phương Đông, thế giới Phương Tây đến cõi ta-bà, trên khắp thân thể của chư bồ-tát, từ lỗ chân lông cũng mọc hoa sen

như bốn thiên hạ; thành ấp, phẩm vật, các thứ cúng dường, thù thắng hơn trước. Hoa sen mọc ra từ lỗ chân lông chư vị bồ-tát thế giới phương Bắc số nhiều như một tiểu thiên thế giới; thành ấp, ao tắm, thù thắng hơn trước. Chư vị bồ-tát ở trong mười phương thế giới vô lượng số a-tăng-kỳ, có thân như Ngài bồ-tát Đại Thân đầy cả hư không, từ lỗ chân lông hoa sen mọc ra nhiều bằng ba ngàn đại thiên thế giới. Các thứ bông hoa, phẩm vật cúng dường tuôn xuống như mưa. Thân của quý Ngài tỏa ra ánh sáng che cả chúng hội, chỉ trừ Như Lai. Quý ngài đánh lễ, dâng lên phẩm vật cúng dường đức Phật, rồi thì cùng nhau đứng về một phía.

Khi ấy, cạnh rừng Kiên cố, vùng đất tốt đẹp, đã được sắp bày ba mươi hai hàng bảo tòa sư tử. Nơi ấy tuy hẹp, nhưng chư bồ-tát thân lớn vô lượng, cùng với chư

thiên, loài người hội họp mà vẫn đủ chỗ. Có người ngồi chỗ nhỏ như đầu kim. Có người ngồi chỗ, nhỏ như mày lông. Có người ngồi chỗ nhỏ như ngọn gai. Có người ngồi chỗ nhỏ như mày bụi. Tùy thân lớn nhỏ, đều được ngồi yên, không thấy khổ nhọc. Bảy giờ thế giới nhiều như số bụi có trong mười phương đều bị chấn động, rung chuyển sáu cách, hiện tượng hy hữu, biến hóa thần thông, mỗi một thế giới, tùy theo sức mình, đều sắm lễ vật cúng dường như trước.

Cõi Diêm-phù-đề bảy giờ chỉ thiếu hai chúng đệ tử của ngài Ca-diếp và ngài Anan cùng các quyến thuộc vua A-xà-thế, còn lại bao nhiêu chúng sinh đều đến nhóm họp chỗ Phật. Thậm chí rắn, rết, các loài có độc, ma quỷ, la-sát chuyên làm hại người, đều sinh lòng từ, không xâm hại

nhau, đối xử với nhau giống như con ruột, chỉ trừ một hạng là nhất-xiển-đề[87].

Lúc ấy, nhờ thần lực Phật, mặt đất ba ngàn đại thiên thế giới thấy đều mịn màng, không có gò đồi, đá sạn, gai góc, các thứ cỏ độc, chỉ có muôn thứ vật báu trang nghiêm, giống như thế giới Tây phương Cực lạc. Khi ấy đại chúng, trời, người, tu-la, thấy cả vi trần mười phương thế giới hiện ra rõ ràng như những hình ảnh phản chiếu trong gương.

Bấy giờ, từ trên khuôn mặt đức Phật phóng ra vô số hào quang vi diệu đặc thù, khiến cho tất cả ánh sáng trên thân của cả chúng hội đều bị lu mờ. Hết thấy chúng sinh dập đầu khuyến thỉnh. Luồng ánh sáng ấy, chiếu chúng hội xong vào lại miệng Phật. Khi ấy chư thiên, người, a-tu-la, tất cả hội chúng, thấy đều kinh hãi, toàn thân sớn ớn, cùng nhau bảo rằng:

- Ánh sáng của Phật chiếu khắp mười phương, vô lượng thế giới. Luồng ánh sáng ấy, chiếu khắp nơi xong vào lại miệng Phật, không còn bóng dáng. Sự việc như vậy, hẳn có nguyên do, chắc hẳn là tướng nê-hoàn sau cùng. Kỳ lạ làm sao, trời, người cúng dường, thấy đều không nhận, thoáng chốc xả bỏ bốn vô lượng tâm. Ánh sáng Phật huệ từ nay tắt lịm, thuyền báu từ bi từ nay đắm chìm. Than ôi, khổ thay! Chúng sinh tuyệt vọng!

Họ khóc nức nở, chảy máu nước mắt, tuôn xuống như mưa. Giống như mây đen che kín bầu trời, trút cơn mưa xuống, đại chúng gào khóc, huyết lệ tuôn rơi cũng y như vậy.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 3: TRƯỞNG GIẢ THUẦN- ĐÀ

[857c] Bấy giờ trong chúng, có ông trưởng giả tên gọi Thuần-đà[88], người thành Câu-di, cùng với năm trăm đứa con của ông, đầy đủ uy nghi, thứ tự trang nghiêm. Trưởng giả Thuần-đà quán sát chúng hội vân tập đủ rồi, liền chỉnh y phục, đánh lễ đức Phật, trong lòng lo lắng, như ánh mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch máu đỏ, trưởng giả Thuần-đà cũng giống như vậy, toàn thân rướm máu, lệ tuôn như mưa, nhiều trăm ngàn vòng, chấp tay bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn cùng với Đại chúng, thương xót chúng con được thỉnh cúng dường một lần sau cuối, để cho chúng con

cùng với chúng sinh nhờ ơn giải thoát. Thí như ruộng đồng của người nghèo khổ, vào tiết tháng hai cày bừa gieo hạt mong cơn mưa xuống. Con nay cũng vậy, thân khẩu ý nghiệp, phiền não đầy đầy, chỉ mong tu tập chút ít ý niệm chán lìa ba nghiệp. Cúi xin Thế Tôn cùng với Đại chúng thương xót chúng con ban ơn mưa pháp, nhận lời khuyến thỉnh. Đám ruộng khô khan mong thấm ân từ!

Bấy giờ Thế Tôn, Nhất Thiết Chúng Trí[89], biết hết mọi thời, bảo với Thuần-đà:

- Như Lai Ứng Cúng, bậc Đẳng Chính Giác, cùng với Đại chúng nhận lời ông thỉnh, thụ buổi cúng dường một lần sau cuối.

Khi ấy trời, người, chúng a-tu-la, nghe Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác,

nhận lời thỉnh cầu của ông Thuận-đà thụ buổi cúng dường một lần sau cuối, hết thấy Đại chúng vô cùng hoan hỷ, khác miệng đồng lời cùng nói lên rằng:

- Thật là hy hữu! Lành thay, lành thay! Trưởng giả Thuận-đà đầy đủ đức nguyện. Lạ thay Thuận-đà, sinh trong cõi người phước lớn khó được, nay ông đã được. Như hoa ưu-đàm[90], thế gian hiếm có, Đức Phật ra đời khó gặp hơn vậy. Lòng tin đã khó, nghe pháp càng khó. Nhưng Phật nê-hoàn được cúng dường Ngài một lần sau cuối còn khó hơn nữa. Lại nữa Thuận-đà! Thí như trăng tròn đêm rằm tháng giêng không một gợn mây, hết thấy chúng sinh ai cũng nhìn thấy. Ông cũng như vậy, Như Lai Ứng Cúng, bậc Đẳng Chính Giác, cùng với Đại chúng nhận lời ông thỉnh cúng dường lần cuối liền lên bờ giác. Lành thay Thuận-đà! Vì vậy nói

ông, như trăng tròn đầy, hết thảy chúng sinh ai cũng chiêm ngưỡng. Lại thay Thuần-đà, quả là đệ tử chánh chân của Phật. Tuy sinh cõi người mà nay quả thật là người tối thắng trong hàng chư thiên. Cho nên chúng tôi cúi đầu đánh lễ, cùng nhau đồng thanh nói kệ khen rằng:

*Tuy sinh ở cõi Người,
Mà phước Trời đầy đủ,
Ta cùng tất cả chúng,
Nay dập đầu lễ thỉnh.
Nếu Ngài thương hứa khả,
Bày tỏ chút tâm nguyện,
Muốn cứu độ chúng sinh,
Xin hãy mau thỉnh cầu.
Nay tôi thắng cõi Trời,*

*Giữa đời, Điều ngự sĩ,
 Mắt thần thông thấy suốt,
 Tướng công đức vô lượng,
 Vì chúng sinh cầu thỉnh,
 Xả phương tiện nê-hoàn,
 Trụ thế giữa trời, người,
 Rộng nói pháp cam lồ,
 Mãi là khổ sinh tử,
 Được an ổn từ đây.*

[858b] Bảy giờ, trưởng giả Thuần-đà vui mừng khôn xiết. Giống như một người cha mẹ chết cả, lòng đau như cắt, đưa ra gò mả làm lễ tống táng bỗng nhiên sống lại, thì niềm vui sướng tả sao cho hết? Trưởng giả Thuần-đà cùng với quyến thuộc sung sướng reo vui cũng giống như

vậy, nắm vóc sát đất, chấp tay đánh lễ,
dùng kệ khen rằng:

*Vui thay! Nay ta được phước lớn,
Có được diệu quả ở cõi người.*

*Vui thay! Nay ta được phước lớn,
Vĩnh viễn đóng kín cửa khổ đau.*

*Vui thay! Nay ta được phước lớn,
Gặp quả vô thượng giữa cõi đời,
Giống như tìm vàng khi đãi cát,
Chợt được kim cương sướng biết bao!*

*Vui thay! Nay ta được thoát ly,
Các nẻo súc sinh đường khổ dữ.*

*Vui thay! Nay ta được phước lớn,
Tin sâu hiếm có như ưu-đàm[91].*

Vui thay! Nay ta được thoát ly,

Đói khát, xan tham đường ngạ quỷ.
 Vui thay! Nay ta được phước lớn,
 Bỏ thí một lần đến bờ kia
 Từ nay vĩnh viễn lìa ác thú,
 Cảnh giới tu-la cũng rời xa.
 Vui thay! Nay ta được phước lớn,
 Khó gặp Như Lai giữa cõi đời.
 Như được gặp hoa ưu-đàm nở,
 Như ném hạt cải dính đầu kim.
 Vui thay! Nay ta được thoát ly,
 Đại vương bốn trời thường nghĩ tưởng.
 Vui thay! Nay ta được phước lớn,
 Tận mắt được thấy Đại Pháp Vương
 Mươi chỗ thác sinh trời cõi dục,
 Hiểu rõ rành rành chẳng luyến mê.

*Vui thay! Ta nay được phước lớn,
 Giữa đời khó gặp được anh hùng
 Giống như hạt cải dính đầu kim,
 Gặp đấng Như Lai khó hơn thế.
 Khó tựa đầu kim mà để được,
 Ba cõi, hai lăm hữu[92] đứng yên.
 Vui thay! Nay ta được phước lớn,
 Gặp được Như Lai ước nguyện tròn.
 Diệt sạch tất cả mọi điều ác,
 Vô lượng ngu si, giặc vô minh.
 Vui thay! Nay ta được phước lớn,
 Gặp Đấng Ly Cấu tựa hoa sen.
 Vui thay! Nay ta mãi thoát ly,
 Sóng dữ trầm luân biến sinh tử.
 Vui thay! Giữa đời gặp Như Lai,*

Rùa mù gặp bọng cây giữa biển.

Vui thay! Nay ta mãi thoát ly,

Biển sinh tử rùa mù lâm lạc.

Vui thay! Nay ta được phước lớn,

Giữa đời hy hữu, mấy ai bằng.

Trời, gười ai thỉnh đều không nhận,

Pháp Bảo khó thừa, ta được thừa.

Vui thay! Nay ta được phước lớn,

Trời, người, tu-la thấy tin mong.

Vui thay! Nay được quả hiện tại,

Lần cuối Thế Tôn nhận lời ta.

Vui thay! Nay ta được phước lớn,

Trời, Người ai nấy xin thỉnh cầu.

Bao nhiêu phẩm vật đều không nhận,

Thương xót nhận ta chút lễ này.

Vui thay! Nay ta được phước lớn,
 Trời, người hiến cúng, trọn không thành.
 Lễ mọn ta cúng tựa y lan[93]
 Như Lai từ bi thương xót nhận.
 Cõi trời, cõi người, a-tu-la,
 Ưu sầu, than khóc, dập đầu thỉnh,
 Như Lai đại bi thương tất cả,
 Xem chúng sinh tựa con một thôi,
 Dù cho không nhận chúng con cúng,
 Xin thương trời, người, đừng nê-hoàn.
 Tất cả trời, người chẳng mong gì,
 Chỉ mong Như Lai ở đời mãi,
 Tựa núi Tu-di trụ biển khơi,
 Đế kim cương luân[94] chẳng hề động.
 Núi sông ảnh hiện vô cùng đẹp,

*Giữa hội Như Lai cũng sáng ngời.
 Uy quang của Phật soi bốn chúng
 Chẳng khác mây đen lấp kín trời.
 Mặt trời hiển hiện xua bóng tối,
 Có Phật trời, người hết u mê.
 Lâu nay bóng tối sâu bi phủ,
 Nên nguyện Như Lai trụ mãi đời,
 Đại Trí, Đại Hùng trụ thế mãi,
 Vận nguồn tuệ giác diệt u mê
 Để tâm chúng con lìa sợ hãi,
 Như núi Tu-di chẳng động lay.*

[858c] Bảy giờ Thế Tôn bảo Thuần-đà rằng:

- Đúng vậy Thuần-đà! Đức Phật ra đời thật khó gặp được, như hạt kim cương lẫn trong biển cát. Có được thân người còn

khó hơn vậy. Đây đủ tin tâm càng khó hơn nữa, tựa như rùa mù gặp bọng cây nổi. Được gặp Như Lai thể nhập nê-hoàn, cúng dường lần cuối, đến bờ giải thoát, lại càng khó hơn, như hoa ưu-đàm suốt cả ngàn năm một lần xuất hiện. Thuần-đà, nay ông chớ sinh ưu não, hãy nên vui mừng. Vì sao như thế? Hãy nghĩ như vậy: “Hôm nay Như Lai cùng với đại chúng nhận ta cúng dường một lần sau cùng thật là lớn lao”. Vì duyên lành ấy ông phải vui mừng. Nay ông Thuần-đà chớ thỉnh Như Lai trụ mãi đời này. Phải quán thế gian đều là vô thường, bản chất các hành[95] cũng y như vậy.

Bấy giờ Thế Tôn vì ông Thuần-đà mà nói kệ rằng:

Dù cuộc đời dài lâu

Chung quy rồi cũng diệt

Dù sinh trời trường thọ[96]

Cuối cùng cũng chết thôi

Có hợp ắt có tan

Hữu vi[97], pháp ma diệt[98]

Trẻ bị già hủy hoại,

Khỏe bị bệnh khôn vầy,

Người sống rồi phải chết,

Vô thường, há bền lâu.

Không sức mạnh, sắc đẹp,

Thọ mạng vốn cũng không,

Vợ con cùng voi, ngựa

Tiền tài cũng thế thôi

Thế gian người thân thích

Bà con đều biệt ly

Ba cõi thật đáng sợ

Ác đạo đầy khổ đau
Chung quy đều diệt hết
Làm sao chẳng chán lo?
Hữu vi, tướng sinh, già
Là pháp đáng hổ thẹn
Bị thường kiến dối lừa
Nên mới tin còn mãi
Pháp thù thắng, nê-hoàn
Xa lìa chốn sợ hãi
Thoát được tướng sinh, già
Các họa lớn bệnh, chết
Ngu si tâm rối loạn
Nghệp này đã vượt qua
Vô lượng điều mong cầu
Không gì hơn tịch diệt

*Nghĩa này thật vô thường
Chẳng phải pháp che chở
Chỉ do khổ nhóm hợp
Hư huyền không chắc bền
Nơi này khó kham nhẫn
Cũng chẳng thể thường tồn
Y như tầm kéo kén
Nhả tơ tự buộc mình
Luân hồi trong ba cõi
Không một chỗ yên vui
Chỉ có khổ sinh, già
Và họa lớn bệnh, chết
Người biết nghĩa, thấy rõ
Ngày đêm mạng trôi lăn
Là pháp giảm, hư dối*

Sợ hãi, chẳng chút vui
Tật bệnh, ưu, bi, não
Thứ phi nghĩa dây dây
Lừa dục quay không hở
Bao nhiêu nạn tụ về
Bạc trí mãi xa lìa
Những nơi thống khổ ấy
Họa năm dục hiểu rành
Chưa hẳn có công đức
Phải ly dục, vô tham
Thấu tỏ pháp chơn thật
Mới chính là giải thoát
Từ bỏ nẻo sinh, già
Khẩu nghiệp kết oán cừu
Cứu cánh lìa các hữu.

*Từ đây gấp rút lìa tất cả
Y như củi hết, lửa chẳng còn
Diệu sắc trạm nhiên thường an ổn
Không bị già suy mãi hoại tàn
Vô lượng bệnh khổ không bức bách
Thọ mạng vô hạn mãi trường tồn
Biển khổ vô biên vượt qua hết
Không theo thời tiết kiếp đời
Vui thay! Như Lai vượt ba cõi
Sinh tử luân hồi chẳng làm mê
Ông chớ xem Ta diệt độ hẳn
Như núi Tu-di trụ biển khơi
Thuần-đà, nay Ta nhập nê-hoàn
Chánh pháp bình đẳng mãi an lạc*

Bậc trí sáng suốt nghe nghĩa này

Thấu tỏ rõ ràng không lo lắng

Chớ đem thân sinh tử bọ bèo

Trí tuệ thấp hèn, đo lường Phật

Thân Ta thật trụ nơi an ổn

Chỉ có Như Lai mới tỏ tường.

[859b] Bảy giờ Thuần-đà bạch với Phật rằng:

- Ngưỡng bạch Thế Tôn! Lành thay! Lành thay! Chúng con là kẻ kém hèn, làm sao hiểu thấu Như Lai nê-hoàn! Ngưỡng bạch Thế Tôn! Hôm nay thân con vốn chẳng hề khác với chư bồ-tát, những bậc đại nhân và a-la-hán. Như ngài Văn-thù chẳng có gì khác các a-la-hán. Trong chúng hội đây, nếu có người nào đầu tiên thọ giới liền được giới thể dự vào Tăng đoàn, thì con cũng vậy, dù con chỉ là phàm phu

kém hèn, nương nhờ oai thần của đức Như Lai mà được đứng cùng chư đại Hiền thánh, dự vào Tăng đoàn. Dạ vâng Thế Tôn, Nguyên xin Như Lai trụ mãi ở đời, đừng vào nê-hoàn như lửa tắt ngấm.

Văn-thù-sư-lợi bảo Thuần-đà rằng:

- Nay ông Thuần-đà, chớ nói như thế! Bởi vì sao vậy? Ông phải quán xét bản chất đổi thay của pháp hữu vi vốn là như vậy. Quán chiếu được vậy đầy đủ Không tuệ, người cầu chính pháp phải học như vậy.

Thuần-đà đáp rằng:

- Thưa Ngài Văn-thù! Phạm Như Lai là bậc tối tôn của các hàng trời, người, là bậc Ứng Cúng lẽ đâu cũng là pháp hành hay sao? Nếu là pháp hành, là pháp sinh diệt, thí như bọt nước thoát nổi thoát tan, vắn xoay qua lại tựa như bánh xe. Nếu bảo Như Lai cũng là pháp hành thì không thể

nào trên cả trời, người? Chẳng phải là người tối thắng cõi trời thì không xứng đáng để mà ứng cúng. Lại nữa, thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ngài há chẳng nghe có trời trường thọ? Vậy mà ngày nay thọ mạng Như Lai không đầy trăm tuổi, như vậy chẳng là pháp sinh tử chằng? Đã vậy làm sao có thể tôn xưng là đáng tối tôn trong hàng trời, người, là bậc Ứng Cúng? Thưa ngài Văn-thù! Thí như có người làm chủ tự lực, tùy theo khả năng, công sức của mình, từ từ thăng tiến lên địa vị cao, mọi người kính trọng, tiền của dồi dào, quyền thế tự tại, nhưng khi phước hết trở lại nghèo hèn, chẳng ai tôn trọng. Giả sử Như Lai, cũng là pháp hành thì y như vậy, chẳng phải là đáng tối tôn trời, người, thành kẻ thấp hèn, không xứng ứng cúng. Bởi vì sao vậy? Bởi vì Như Lai là pháp sinh diệt. Cho nên, thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ngài chớ nói rằng Như Lai Ứng

Cúng, bậc Đẳng Chính Giác là pháp sinh diệt. Lại nữa Văn-thù! Ngài biết mà nói hay là không biết, vọng tưởng cho rằng Như Lai cũng là pháp hành sinh diệt? Nếu đức Như Lai đúng là pháp hành, thì không được tôn Pháp Vương Tự Tại ở trong ba cõi. Bởi vì sao vậy? Thí như ông vua dũng mãnh phi thường, có thể một mình thắng ngàn lực sĩ, thì lúc bấy giờ người ta sẽ gọi vua thắng nghìn người. Như Lai Ứng Cúng, bậc Đẳng Chính Giác cũng y như vậy, Ngài đã hàng phục ác ma phiền não, ám ma, tử ma và ma Ba-tuần, như vậy tất cả các ma lực sĩ, công cao ngã mạn điều bị hàng phục, vì vậy cho nên Như Lai Ứng Cúng, bậc Đẳng Chính Giác, được làm Pháp Vương tự tại ba cõi. Nếu bảo Như Lai là pháp sinh tử thì thật chẳng có công đức gì cả. Do đó thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ngài chớ vọng tưởng nói rằng Như Lai là pháp sinh diệt. Lại nữa

Văn-thù! Như ông trưởng giả giàu có bạc nhất, sinh được đứa con, thầy tướng xem nó có tướng đoán thọ. Vợ chồng trưởng giả nghe nói như vậy lòng rất đau buồn, nghĩ mình phước bạc, gia môn bất hạnh, sinh phải đứa con đoán thọ chết yểu, nên chẳng yêu mến. Bởi vì sao vậy? Bởi kẻ đoán thọ chẳng được trời, người, hàng bà-la-môn cùng với quyền thuộc yêu mến kính trọng. Bởi vậy thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Nếu đức Như Lai cũng có tuổi thọ bằng với người đời thì cũng giống như người đời chẳng được cha mẹ kính yêu. Như Lai Ứng Cúng, bậc Đẳng Chính Giác mà là pháp hành, chẳng được trời, người, tu-la kính mến, vì bản thân Ngài cũng bị đổi thay. Bởi vì sao vậy? Vì dùng các pháp tri kiến thối thất mà đem giảng nói cho các chúng sinh là pháp giải thoát, với ý nghĩa đó làm sao được gọi là bậc Chánh Giác? Thế nên, thưa ngài Văn-thù-sư-lợi!

Ngài chớ vọng tưởng cho rằng Như Lai cũng là pháp hành.

Lại nữa Văn-thù! Như người nữ nghèo chẳng có nhà cửa, bệnh tật ốm đau, thân lại mang thai, xin ăn khắp chốn, ngày nọ đứng chân trước cửa nhà kia xin nhờ ở trọ để mà sinh nở. Chủ nhà không cho, lại còn xua đuổi. Thế rồi người nữ sinh con giữa đường, ẵm bế trên tay đi qua nước khác. Giữa đường gặp phải bao nỗi khốn cùng, muỗi mòng, trùng độc, chực chờ ăn thịt. Đến bờ sông Hằng, ẵm con trong lòng, bà lội qua sông, gặp dòng nước xoáy, chẳng nở buông con, bởi vậy cho nên cả hai mẹ con đều cùng chết đuối. Do nhờ công đức từ ái thương con mà người nữ kia sau khi mạng chung sinh trời Tịnh Diệu. Bởi vì sao vậy? Bởi vì người nữ không tiếc thân mạng thà chết cứu con. Văn-thù-sur-lợi! Bồ-tát cũng vậy muốn hộ

chánh pháp chớ dùng pháp hành mà nhìn Như Lai. Người dùng pháp hành, phải biết người đó nhục nhãn cũng mù, không có tuệ nhãn. Đối với Thế Tôn phải khởi chính quán bất khả tư nghì. Phải biết Như Lai chẳng phải hữu vi, nhưng vì chúng sinh hóa hiện cứu độ cho được an lạc, như người nữ nghèo vì cứu con mình không tiếc thân mạng, nhờ thế sinh lên cõi trời Tịnh Diệu. Bồ-tát hộ pháp cũng giống như vậy, biết rõ Như Lai chẳng phải hữu vi, là pháp trường tồn, là pháp cửu trụ, do đó hộ pháp được quả hiện tại mau thành giải thoát.

Lại nữa Văn-thù! Thí như có người đường xa mệt mỏi, nghỉ nhờ nhà nọ, đang đêm ngủ vùi, bỗng nhiên nhà ấy phát cháy dữ dội. Người ấy choàng tỉnh, thấy lửa vây quanh, muốn thoát thân ra khỏi nhà lửa này thật khó biết bao, áo quần cháy hết,

sợ chết lỏa lồ, nên lòng hồ thẹn. Rồi vì không thể thoát khỏi nhà cháy nên bị thiêu chết. Do nhờ công đức sinh lòng hồ thẹn mà sau khi chết người ấy được sinh lên trời Đao Lợi, tám mươi ngàn kiếp làm vua trời ấy, rồi trăm ngàn kiếp làm vua Phạm thiên, sau đó trở lại sinh trong loài người thường được làm vua Chuyển luân thánh vương, không đọa ác thú mãi sinh ở chốn an ổn hạnh phúc. Tất cả phước ấy đều nhờ một niệm sinh lòng tâm quý. Văn-thù-sư-lợi! Phải biết Như Lai, làm phương tiện đó, như người đi đường chết trong hồ thẹn. Chớ theo ngoại đạo huân tập tà kiến, làm thầy tì-kheo mà không giữ giới, đối với Như Lai là pháp vô vi mà khởi tâm tưởng cho là hữu vi là tội vọng ngữ. Người nào nghĩ rằng, đức Phật Như Lai là pháp hữu vi thì nên biết rằng người ấy thường lấy a-tỳ-địa ngục[99] làm nhà ở. Vì vậy chớ nên nghĩ rằng Như Lai là

pháp hữu vi, mà nên nhớ nghĩ Như Lai vô vi, từ đó mà được trí tuệ vượt qua biển lớn sinh tử, không bị sống chết làm cho mê hoặc, là được trí tuệ thâm sâu giải thoát. Nhờ trí tuệ này nhanh chóng đạt được đầy đủ tướng hảo của đức Như Lai.

[860a] Bảy giờ Văn-thù bảo Thuần-đà rằng:

- Lành thay thiện nam! Nên biết như vậy, đức Phật Như Lai thường trụ, vô vi, không phải là pháp sinh diệt đổi thay. Nay ông Thuần-đà! Ông có trí tuệ, khéo dùng phương tiện che pháp hữu vi của đức Như Lai, chẳng bao lâu nữa ông sẽ thành Phật. Công đức thù thắng vi diệu của ông chỉ Phật Thế Tôn mới khen ngợi hết. Lại nữa Thuần-đà! Có hai cách thí, bố thí kịp thời và bố thí pháp. Bố thí kịp thời vượt xa bố thí tất cả chúng sinh. Như có tì-kheo hoặc tì-kheo-ni, hàng ưu-bà-tắc hoặc ưu-bà-di,

từ xa mới đến, trên lộ trình ấy nếu có người nào tùy theo sức mình nhanh chóng cung cấp những thứ cần dùng cho những người ấy, thì việc làm này đã gieo hạt giống đàn-ba-la-mật[100], được quả báo lớn. Hôm nay Thuần-đà tùy theo sức mình cúng Phật cùng Tăng một lần sau cuối, phải biết lúc này mau dâng lên cúng, bởi sắp đến giờ Thế Tôn diệt độ.

Thuần-đà thưa rằng:

- Kính bạch bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Việc gì ngài lại hỏi thúc con dâng thức ăn không mấy được thanh tịnh này? Như Lai lẽ nào chờ đợi được dùng thức ăn này ư? Thuở xưa Như Lai tu hành khổ hạnh suốt sáu năm trời, ngồi dưới gốc cây, ngày ăn chỉ một hạt mè để sống mà còn chịu được, huống gì hôm nay, chỉ trong chốc lát không nhịn được sao? Ngài thật cho rằng Như Lai thọ dụng thức ăn này ư? Thân

của Như Lai chính là pháp thân, không phải là thân thọ dụng thức ăn.

Bấy giờ Thế Tôn bảo ngài Văn-thù:

- Những lời Thuần-đà đều là chân thật.

Rồi Phật lại bảo với ông Thuần-đà:

- Hôm nay ông đã thành tựu đại trí, thấu triệt Đại thừa.

Văn-thù-sur-lợi bảo Thuần-đà rằng:

- Hôm nay ông đã xưng tán Như Lai, nên được Đức Phật thương yêu gia hộ.

Thuần-đà thưa rằng:

- Như Lai đâu phải chỉ thương mình con? Tất cả chúng sinh đều được chư Phật bình đẳng thương yêu. Ngài chớ khởi lên vọng tưởng điên đảo mà nói như vậy. Ngài nên biết rằng, chư Phật thương yêu và người được Ngài thương yêu che chở, cả hai

người ấy đều chẳng phải là pháp hành sinh diệt. Bởi tình thương ấy, như con trâu mẹ, dù đang đói khát, đi tìm cỏ nước, no hay chưa no, chợt nhớ con mình liền vội quay về. Chư Phật Thế Tôn không có niệm này, thương khắp chúng sinh như là con một. Tình thương như vậy chính là cảnh giới trí tuệ chư Phật. Lại nữa thưa Ngài Văn-thù-sư-lợi! Thí như xe báu được kéo bởi voi hay là bởi ngựa, nhanh chậm bất đồng. Chúng ta cũng vậy, với chín loại kinh[101], không đủ sức trí để mà thưa hỏi trí tuệ của Phật. Văn-thù-sư-lợi! Như chim cánh vàng[102] liệng giữa hư không, bay qua biển lớn, thấy bóng của mình hiện trên mặt nước, rộng lớn vô cùng, đồng thời thấy rõ mọi loài thủy tộc, thân hình lớn nhỏ. Như đứa trẻ bệnh đau kham uống được thuốc của người lớn?

Văn-thù-sư-lợi bảo Thuần-đà rằng:

- Đúng vậy Thuần-đà! Như lời ông nói, ta vì bồ-tát công đức thậm thâm mà nói lời đó.

Bấy giờ từ trên khuôn mặt Thế Tôn phóng ra vô số ánh sáng đủ màu. Văn-thù-sư-lợi thấy ánh sáng ấy, biết đã đến giờ Thế Tôn nhập-nê-hoàn, liền bảo Thuần-đà:

- Ông muốn cúng dường Như Lai nhập-nê-hoàn một lần sau cuối, nay đã đến giờ, hãy mau thiết lễ. Thuần-đà nên biết, Như Lai phóng ra vô số ánh sáng là có nguyên do, vì ý nghĩa này, hãy mau hãy mau, chớ để đánh mất cơ hội hái hoa đúng lúc phải hái.

Trưởng giả Thuần-đà, thân thờ chết lặng. Phật bảo Thuần-đà:

- Như Lai ngay đây sẽ nhập nhập-nê-hoàn, nay chính là lúc ông cúng dường Tăng.

Phật bảo ba lần, Thuần-đà nghẹn ngào cất tiếng than rằng:

- Than ôi thế gian, trống vắng nhanh thế,
Nhu Lai từ nay, lìa xa mãi mãi.

Thuần-đà nghẹn ngào, rơi lệ thỉnh cầu,
xin Phật thương xót trụ đời lâu dài. Thế
Tôn bảo rằng:

- Nay ông Thuần-đà! Ông đừng khóc gào
làm loạn tâm mình, phải chính tư duy
quán chiếu thân này như là ngựa hoang,
cây chuối, giấc mộng, ánh chớp, đồ
gốm... chẳng gì bền chắc. Phải biết hữu
vi là ngôi nhà lửa, nguy hiểm vô cùng.

Thuần-đà bạch Phật:

- Thế Tôn không muốn trụ lại ở đời nên
đời trống vắng, thử hỏi làm sao chúng con
không khóc?

Phật bảo Thuần-đà:

- Nay ta thương ông và mọi chúng sinh
mới nhập nê-hoàn. Pháp của chư Phật,

vốn là như vậy. Bản chất hữu vi cũng y như vậy. Ông cũng là một trong tất cả pháp hữu vi sinh diệt. Với tất cả pháp hữu vi sinh diệt ông phải nghĩ rằng, Như Lai xưa đã nói pháp vô thường, khổ, không, vô ngã; cũng đã từng nói thân này là mầm của mọi tai họa, như chùm bọt nước, sinh diệt tan biến. Ông chớ buồn khổ như bọn phàm phu.

Thuần-đà bạch Phật:

- Đúng vậy, Thế Tôn! Thật lòng con biết Như Lai phương tiện thể nhập nê-hoàn, nhưng con vẫn buồn không kiềm chế được.

Phật bảo Thuần-đà:

- Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử! Ông đã rõ biết Như Lai phương tiện thể nhập nê-hoàn. Ông phải biết rằng, Phật đã trải qua, như qua biển lớn, thấy

biết cùng tận các pháp trường thọ với chẳng trường thọ, dùng pháp phương tiện, pháp diệt, pháp huyễn, thời với phi thời, tánh với phi tánh. Thuần-đà! Ông muốn nhanh chóng, vượt biển tam hữu[103] thì mau sắm soạn lễ phẩm cúng dường như chúng Trời, Người, chúng A-tu-la... Lần cúng dường này là lần sau cuối, khiến cho tất cả chúng sinh nhờ Ta mà được bất động, an ổn khoái lạc, ông và mọi người gặp ruộng phước lớn, đã phát tâm thí đàn-ba-la-mật cho Đức Như Lai, bậc Đăng-Chánh-Giác, thì đừng níu kéo, vắn nạn Ta nữa, nhưng bản thân ông cũng đã thành tựu ruộng phước Như Lai.

[860c] Lúc ấy, Trưởng giả Thuần-đà, vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh, dập đầu than khóc, nước mắt như mưa. Giống như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như

mạch máu đỏ, Trưởng giả Thuần-đà máu lệ tuôn rơi cũng y như vậy, mà bạch Phật rằng:

- Dạ vâng Thế Tôn! Theo lời Ngài dạy, ý nghĩa Như Lai thể nhập nê-hoàn thật là thâm sâu, không phải phàm phu ngu muội như con có thể lường biết, đến như các hàng Thanh Văn, Duyên Giác, cũng không hiểu thấu. Chỉ có chư Phật mới thấu hiểu hết cảnh giới trí tuệ của các Thế Tôn.

[861a] Bảy giờ Thuần-đà cùng các quyến thuộc vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh, dập đầu sát đất, lạy chân Đức Phật, nhiễu quanh bên phải, xông đốt trầm hương, rải hoa cúng dường Đức Phật Thế Tôn, đồng thời cúng dường Văn-thù-sư-lợi. Cúng dường hoàn mãn cùng trở về nhà.

Kinh Đại bát-nê-hoàn

Hết quyển 1

KINH

PHẬT THUYẾT ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Quyển 2

Phẩm thứ 4: AI THÁN

[861a] Bấy giờ mặt đất chấn động sáu cách. Tất cả thôn xóm, thành ấp, núi, biển ngay thành Câu-di, nhĩn đến mười phương đều chấn động mạnh. Đại chúng sợ hãi. Trời, người, tu-la khóc gào thảm thiết, dập đầu sát đất lễ Phật cúng dường, rồi họ cùng nhau đồng thanh nói kệ:

Dập đầu lay Thế Tôn,

Thương con, đời coi cút,

*Quỳ lạy dưới chân Ngài,
Chiêm ngưỡng Diệu Công Đức.
Xin Phật nói cho con
Vô lượng khổ sinh tử
Trời, người ai nghe được
Đều sinh tâm chán lìa.
Giống như kẻ mê côi
Bệnh nặng tự nuôi thân
Tuy gặp thầy thuốc giỏi
Nhưng trị bệnh chưa lành
Bỗng giữa chừng thầy thuốc
Bỏ đi qua nơi khác
Tất cả chúng con đây
Cùng khổ cũng như vậy
Mới nhờ chút phương tiện*

Trừ phiền não, tà kiến
 Thế Tôn, Đại y vương
 Bông bỏ con mà đi
 Chẳng khác người bệnh khổ
 Mất thầy thuốc cậy nhờ!
 Than ôi! Thế gian này
 Từ nay mãi trống vắng
 Như đất nước loạn lạc
 Lại mất vua hiền minh
 Thương thay chúng trời, người
 Đều gặp họa la-sát[104].
 Như vào kiếp mất mùa
 Dân bị khổ đói kém
 Thương thay chúng trời, người
 Vị cam lộ mất hẳn

Thí như lửa dữ cháy
 Thiêu rụi hết chúng sinh
 Thương thay chúng trời, người
 Đường ác mãi nung đốt
 Thương thay chúng trời, người
 Đêm dài chịu khổ đau
 Trôi lăn dòng sinh tử
 Như voi lún bùn sâu
 Thương thay nay trời, người
 Toàn thân tuôn huyết lệ
 Sầu bi, thêm khổ não
 Tâm quuyến luyến như vậy
 Vì Thế Tôn diệt độ[105]
 Hành nghiệp khó đo lường
 Trời, trăng mây che phủ

*Ánh tuệ diệt từ nay
Thương thay chúng trời, người
Đêm dài tâm tối mãi
Vì thế lòng khổ sâu
không gì so sánh được
Thân này chẳng gì vui
Muốn bỏ như đàm giải
không muốn sống ở đời
Khi hay Phật nê-hoàn
Xin nguyện Đại Trí Tôn
Trụ thế thuyết cam lộ
Mây tan, mặt trời hiện
Bóng tối thấy tiêu tan
Ánh sáng trí tuệ Phật
Xua tan màn sinh tử.*

[861b] Bảy giờ Thế Tôn bảo các tì-kheo:

- Này các tì-kheo! Chớ như phạm phu, chư thiên, loài người, u sầu khóc lóc mà hãy nỗ lực tinh tấn phụng trì, chuyên niệm giữ gìn những pháp chân thật mà Phật đã dạy.

Lúc ấy trời, người và a-tu-la... nghe Phật nói pháp cho các tì-kheo, liền tự nén lòng, ngăn sự luyến thương, thí như hiếu tử cùng với mẹ hiền vừa mới tiễn đưa ông nội ra nơi gò mã tổng táng, vĩnh biệt quay về, dù rất thương cảm, áo não trong lòng cũng tự kiềm chế.

Bảy giờ Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Các ông hãy lĩnh ngộ

Pháp chư Phật vốn vậy

Mỗi người về chỗ ngồi

Lắng nghe lời Ta dạy

Nhiếp tâm, chớ buông lung

Giữ gìn giới thanh tịnh

Định phục các loạn tướng

Khéo hộ trì tâm mình.

[861b] Lại nữa, này các tì-kheo! Nếu có hoài nghi nay nên thưa hỏi. Đối với các pháp: không với chẳng không, thường với vô thường, quy với vô quy, y với vô y, hăng với không hăng, chúng sinh với chẳng phải là chúng sinh, thật với không thật, đế với không đế, nê-hoàn với chẳng phải là nê-hoàn, mật với không mật, hai với chẳng hai... đối với các pháp như vậy ai còn hoài nghi điều gì hãy mau thưa hỏi, Ta sẽ tùy thuận trả lời các ông, sẽ vì các ông mở cửa bất tử rồi mới diệt độ. Vì vậy trong tâm các ông hiện còn nghi ngờ điều gì mau đem thưa hỏi. Vì sao như vậy? Phật rất khó gặp, thân người khó được, có

được niềm tin càng khó hơn nữa, lìa khỏi tám nạn[106], trì giới cụ túc[107] lại càng khó hơn, giống như trong cát tìm hạt gạo vàng, như hoa ưu-đàm ngàn năm mới nở.

- Lại nữa, này các tì-kheo! Trăm loài thảo dược, lúa gạo, cỏ cây và các trân bảo đều từ đất sinh. Hết thấy chúng sinh nương nơi trái đất mà được sinh trưởng. Như Lai cũng vậy, sinh ra các pháp, cam lộ nhiệm mầu, chúng sinh nhờ đó trưởng dưỡng pháp thân. Vì vậy cho nên, này các tì-kheo, nếu còn hoài nghi hãy đem thưa hỏi, Như Lai sẽ vì các ông quyết nghị rồi vào nê-hoàn, vì Ta muốn cho tất cả chúng sinh đều được an lạc.

Bấy giờ chư vị tì-kheo nghe Phật quyết định nê-hoàn thì tâm của họ đều thấy bất an, vừa buồn vừa sợ, toàn thân sớn ớn. Giống như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá như mạch

máu đỏ hiện rõ trên ấy, thân thể tì-kheo cũng giống như vậy, khắp cả tứ chi máu huyết tươm ra. Họ dập đầu xuống sát đất đánh lễ dưới chân Đức Phật, rồi đi nhiều phải, xong quỳ bạch rằng:

- Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài mau thuyết vô thường, khổ, không. Thí như dấu chân các loài chúng sinh thì dấu chân voi là lớn hơn hết. Thế Tôn cũng vậy, trong các pháp thoại nói về pháp quán, thì quán vô thường là tối thượng nhất, nếu như tinh cần tu tập thì sẽ thoát ly tất cả tham ái cõi dục, ái hữu, ái sắc, vô minh kiêu mạn từ đây diệt tận. Lại nữa, Thế Tôn! Thí như ruộng đồng của người nông phu, vào tiết mùa thu, khi cỏ chưa chín, cày bừa thật sâu, thì đến mùa xuân, gieo ngũ cốc xuống, cỏ dại không mọc. Hành giả cũng vậy, siêng quán vô thường, tinh cần tu tập thì được thoát ly tham ái cõi

dục, sắc ái, hữu ái, vô minh kiêu mạn không sinh trở lại, như người nông phu cày vào mùa thu là hơn hết cả. Kính bạch Thế Tôn! Trong các pháp quán, quán tưởng vô thường là pháp đệ nhất. Lại như ông vua, tự biết rằng mình đã sắp băng hà, liền ban chiếu lệnh đại xá thiên hạ, phóng thích tù nhân, rồi sau mới chết. Hôm nay Thế Tôn cũng giống như vậy, trước khi diệt độ, thuyết pháp cam lộ, lợi lạc chúng sinh, giải thoát mọi thứ lao ngục tham ái rồi vào nê-hoàn. Giống như một người, bị ác quỷ bắt, may gặp pháp sư trì chú làm phép liền thoát nạn quỷ. Chúng sinh cũng vậy, bị quỷ la-sát tham ái bắt đi, may nhờ thần chú Thánh huệ của Phật giải thoát chúng sinh ra khỏi lưới tà, quỷ dữ ân ái. Như người bệnh sốt gặp thầy thuốc giỏi, bệnh được trị lành. Chúng con cũng vậy, thân vô lượng bệnh, tà kiến, phiền não, may nhờ pháp dược của Đức Thế Tôn mà

lành hẳn bệnh. Như người say rượu chẳng biết thân sơ, tôn ty già trẻ. Đến khi tỉnh rượu, lòng thấy hổ thẹn, liền tự trách mình. Chúng con cũng vậy, trong biển sinh tử không bờ không mé, say mê tình dục, vướng vào tà kiến, nay vừa tỉnh ngộ, biết tâm thân này tựa như cỏ lau hay cây y lan, chẳng gì bền chắc; ta, người, thọ mạng[108] đều không lâu bền.

Phật bảo tì-kheo:

- Như vậy các ông tu tập pháp quán vô ngã phải không?

Các tì-kheo đáp:

- Đúng vậy Thế Tôn! Chúng con thường tu pháp quán vô ngã. Ngoài ra có người còn quán vô thường, khổ, không, vô ngã. Kính bạch Thế Tôn! Như có người nói, mặt trời mặt trăng, các vì tinh tú, đất, núi chuyển dời, mà những thứ này thực không

chuyên đời, chúng sinh mê lầm bảo là chuyên đời. Như vậy người nào nói pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, phải biết người đó, như những chúng sinh thế tục mê lầm. Pháp chúng con tu là pháp bình đẳng.

Phật bảo tì-kheo:

- Như ông thí dụ, trong thí dụ đó, câu chữ nghĩa lý ông vẫn chưa hiểu. Ta sẽ nói thêm. Như có người nói mặt trời, mặt trăng, đất núi chuyên đời, mà những thứ này thực không chuyên đời, chỉ vì mê lầm mới nói chuyên đời, chúng sinh cũng vậy, ngu si điên đảo, chấp ngã, chấp thường, chấp lạc, chấp tịnh. Nhưng ngã chính là diệu nghĩa của Phật, thường đây chính là nghĩa của Pháp thân, lạc đây chính là nghĩa của nê-hoàn, tịnh đây chính là thật nghĩa của pháp. Nay các tì-kheo, chớ sinh

mê lầm mà nói rằng Ta đối với các pháp tu quán vô thường, khổ, không, bất tịnh.

Tì-kheo lại thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Chúng con cũng tu ba pháp quán tịnh[109].

Phật bảo tì-kheo:

- Ba pháp tu này trong pháp của Ta cũng không thật nghĩa, dù cho khổ tu vẫn không thành tựu, vì tính thay đổi. Khổ mà tưởng vui, đó là điên đảo. Vui mà tưởng khổ, đó là điên đảo. Vô thường nghĩ thường, đó là điên đảo. Thường nghĩ vô thường, đó là điên đảo. Vô ngã tưởng ngã, đó là điên đảo. Ngã tưởng vô ngã, đó là điên đảo. Bất tịnh tưởng tịnh, đó là điên đảo. Tịnh tưởng bất tịnh, đó là điên đảo. Đây là bốn pháp điên đảo vọng tưởng. Người nào không biết vận tâm bình đẳng tu những pháp này thì chẳng phải là tu

hành chân chính. Khô tu bất khô, vô thường tu thường, vô ngã tu ngã, bất tịnh tu tịnh, bốn pháp tu này, thường-lạc-ngã-tịnh, là của thế gian. Lìa khỏi thế gian cũng có bốn pháp thường-lạc-ngã-tịnh. Các ông phải biết, pháp của thế gian chỉ có tên chữ, pháp xuất thế gian mới có nghĩa lý.

Lúc ấy, chư vị tì-kheo bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Chúng con làm sao như lời Ngài dạy tu ba quán tưởng, thấy bốn điên đảo? Nguyên xin Thế Tôn trụ lại ở đời hoặc là một kiếp, hoặc hơn một kiếp, như lời Ngài dạy chúng con tu hành. Nếu Đức Như Lai không trụ lại đời chúng con làm sao có đủ khả năng ở chung một nhà với loài rắn độc[110]? Mãi xa Như Lai ai trụ lại đời giữ gìn chính pháp? Nay chúng con sẽ làm y như Phật, nhập vào nê-hoàn.

Phật bảo tì-kheo:

- Chớ nói như vậy! Chớ nói như vậy! Tì-kheo nên biết, chính pháp Như Lai đã trao Ca-diếp. Ông Đại Ca-diếp là chỗ nương tựa cho các tì-kheo, cũng sẽ cứu độ tất cả chúng sinh như Phật không khác. Tì-kheo nên biết, thí như đại vương nắm giữ quyền hành của một đất nước, nếu muốn du hành thì lập đại thần quyền hành như vua coi ngó việc nước. Ta cũng như vậy, đem thế giới này giao cho Ca-diếp. Này các tì-kheo! Các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã mà các ông từng tu tập trước đây chưa phải chân thật. Thí như, đêm rằm tháng giêng có đoàn thương nhân dạo chơi trên sông, trong đó có người đánh rơi xuống nước một viên lưu ly. Lúc ấy, mấy người thương nhân liền nhảy xuống nước lặn tìm bảo châu. Có người nhặt được gạch đá dưới nước tưởng

lầm bảo châu, vui mừng nổi lên mới biết không phải. Bảo châu lưu ly vẫn còn dưới nước lấp lánh sắc màu sáng tựa trời, trăng. Mọi người nhìn thấy biết minh châu thật, ai cũng trầm trồ, cùng tranh nhau lấy. Lúc ấy có người khéo léo dùng trí lấy được bảo châu. Này các tì-kheo! Đối với tất cả các pháp khổ, không, vô thường, bất tịnh, các ông nghĩ rằng mình đã hết lòng vâng lời tu tập, thì như những người nhặt lấy gạch ngói mà tự dối mình cho là bảo châu. Này các tì-kheo! Chớ như bọn kia tự lừa dối mình mà phải như kẻ thương nhân trí tuệ. Tì-kheo phải biết, có ngã, có thường, có lạc, có tịnh. Pháp các ông tu, nhiếp thọ phụng trì đều là điên đảo, như người không biết thứ bảo châu giả. Này các tì-kheo, tu pháp chân thật, như bảo châu thật, với pháp không thật, tu quán vô thường.

Tì-kheo bạch Phật:

- Như Thế Tôn dạy, tất cả các pháp đều là vô ngã, phải tu như vậy ngã tướng sẽ diệt. Ngã tướng diệt rồi hướng đến nê-hoàn. Nghĩa này thế nào? Nguyện xin Thế Tôn, thương xót chúng con giải thích tường tận!

Phật dạy tì-kheo:

- Lành thay, lành thay! Này các tì-kheo! Các ông muốn trừ bản ngã mê lầm mới hỏi như vậy. Thí như ông vua ám độn thiếu trí, gặp ông thầy thuốc cũng hạng ngu si, lừa dối thiên hạ. Ông thầy thuốc này nhận bổng lộc vua, chỉ biết thuốc sũa[111], không biết gì khác, thường dùng thuốc này để điều trị bệnh cho cả quốc dân, lại không biết được nguyên nhân của bệnh phong đàm, viêm họng. Nhưng vua ám độn lại khen ông ấy tài

giỏi bậc nhất. Bây giờ có một thầy thuốc thông hiểu tám cách trị bệnh, mới từ xa đến, bảo thầy thuốc cũ: ‘Xin theo thầy học, ngài là thầy tôi, tôi là đệ tử’. Thầy thuốc cũ nói: ‘Lành thay! Ta sẽ dạy ông phương thuốc trường sinh bất tử, ông phải siêng năng học 48 năm, khi ấy ông sẽ biết hết tất cả y thuật bậc nhất’. Rồi thầy thuốc cũ dẫn đưa học trò ra vào vương cung. Ông vua ám độn cũng rất ưa mến. Thầy thuốc mới đến thưa với vua rằng: ‘Đại vương cũng nên học nghề y thuật’. Vua rất hoan hỷ, bèn theo học nghề, trí tuệ tăng dần, mới vỡ lẽ ra, ông thầy thuốc cũ ngu dốt lừa mình, liền đuổi khỏi nước, thêm phần kính trọng thầy thuốc đến sau. Thầy thuốc đến sau biết đã đúng lúc, liền thưa vua rằng: ‘Có lời muốn thưa, xin vua cho phép’. Vua bảo: ‘Cứ nói’! Thầy thuốc liền thưa: ‘Đại vương nên biết, thuốc sữa mà ông thầy thuốc trước đây thường cho

dân uống độc hại nguy hiểm, không nên uống nữa, phải bỏ đi ngay'. Vua liền nghe lời, hạ lệnh toàn dân từ nay về sau ai dùng thuốc sữa sẽ bị phạt nặng. Khi ấy, thầy thuốc đến sau dùng năm loại thuốc đủ cả năm vị: ngọt, chua, mặn, đắng, cay để chữa mọi bệnh. Sau vua lâm bệnh mời thầy thuốc đến. Thầy thuốc xem mạch, biết bệnh của vua phải dùng thuốc sữa, bèn thưa vua rằng: 'Chỉ có thuốc sữa, mới trị lành bệnh'. Vua bảo thầy thuốc: 'Ông điên rồi sao? Trước nói là độc, bảo ta phải đuổi thầy thuốc trước đây, nhưng nay lại bảo phải uống thuốc sữa'? Thầy thuốc đáp rằng: 'Không phải, đại vương! Lời này có ý. Thí như tấm ván bị mối mọt ăn để lại dấu vết như tên của vua. Người không giỏi chữ tưởng là chữ thật, còn người giỏi chữ biết ngay không phải. Thầy thuốc trước đây cũng y như vậy, tuy dùng thuốc sữa nhưng không biết cách sử dụng đúng

lúc. Đại vương nên biết, thuốc sữa có thể giết chết con người, nhưng cũng có thể cứu được mạng người. Không giết chết người là nuôi bò sữa thả nơi đồng trống, không có cỏ độc, cho uống nước sạch, không dùng roi đánh, thả nhốt đúng lúc, khi vắt sữa bò đừng cho nổi bọt. Phải biết sữa này cứu tất cả bệnh, không phải thuốc độc'. Vua nói: 'Hay thay'! Bèn uống thuốc sữa. Khi ấy quốc dân nghe vua uống sữa hết thấy kinh hoàng kéo đến gặp vua, hỏi rõ ngọn ngành: 'Ông thầy thuốc này không phải quý chứ? Sao trước đây nói thuốc sữa hại người nay lại khiến vua dùng lại thuốc ấy'? Bấy giờ nhà vua giải thích rõ ràng cho dân chúng nghe về cách dùng sữa. Vua cùng dân chúng càng thêm kính trọng thầy thuốc đến sau, làm theo cách ấy, thường uống thuốc sữa.

Tì-kheo nên biết, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, là Đại y vương xuất hiện ở đời, vì để phá trừ tà thuật ngoại đạo nên sống gần gũi với mọi chúng sinh, để họ yêu thích rồi liền giáo hóa khiến bỏ đường tà mà nói lời này: Không có ngã nhân, chúng sinh, thọ mạng. Tựa như trùng mọt đục ván thành chữ, những kẻ dị học vì chấp ngã nhân, nên nói vô ngã. Hết thấy chúng sinh vâng lời Như Lai xoay vần dạy nhau đều nói vô ngã. Đó là Như Lai biết đúng thời điểm, vì cứu chúng sinh phương tiện thuyết rằng tính của các pháp vốn là vô ngã, chẳng như thế gian chấp có ngã nhân, nên mới nói rằng tính của các pháp vốn là vô ngã. Bây giờ nói ngã, như thầy thuốc kia biết dùng thuốc sữa, phải biết rằng ngã vốn là chân thật, ngã là

thường trụ, không phải là pháp thay đổi biến dị, không phải là pháp hủy diệt từ từ. Ngã là phước đức, ngã là tự tại, thí như thầy thuốc khéo dùng thuốc sữa, Như Lai cũng vậy, vì mọi chúng sinh nói pháp chân thật. Hết thấy bốn chúng[112] nên học như vậy.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo tì-kheo:

- Đối với giới luật nếu có nghi lầm mau hỏi Như Lai.

Các tì-kheo thưa:

- Xin vâng, Thế Tôn! Chúng con cũng tu như trên đã nói, hiểu biết thân tướng đều là không tịch[113].

Phật bảo tì-kheo:

- Các ông chớ có bắt chước nói theo bậc Nhất thiết trí: Chúng con cũng tu hết thấy thân tướng đều là không tịch. Lại nữa tì-

kheo, đối với giới luật, nếu có nghi lầm hãy mau thưa hỏi.

Chư tì-kheo thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Diệu nghĩa bình đẳng, của đấng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác đâu phải cảnh giới chúng con thưa hỏi? Pháp chư Phật thuyết chẳng thể nghĩ bàn. Việc chư Phật làm chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy chúng con cùng với đại chúng đều không dám hỏi với đức Như Lai. Kính bạch Thế Tôn! Thí như có người sống đã một trăm hai mươi tuổi rồi, thân mang bệnh nặng, đau nằm liệt giường. Lại có một người, không chút trí tuệ, giàu có vô lượng, đến thăm người ấy, ngồi cạnh bên giường, cầm tay người bệnh mà nói như vậy: ‘Này ông bạn già, tôi muốn đi xa, qua nước khác chơi, sẽ đi mười năm hoặc hai mươi năm, nên nhờ ông bạn coi giùm kho bạc trân bảo của tôi, sau này trở

về tôi sẽ lấy lại'. Bây giờ người bệnh, chẳng có vợ con lại không quyền thuộc, bệnh ngày càng nặng, rớt cuộc mạng chung, tài vật ký gởi đều bị mất hết. Chủ tài sản kia sau đó trở về muốn đến lấy đồ chẳng biết tìm đâu. Cũng vậy, Thế Tôn! Ngài bảo chúng con đối với giới luật nếu có nghi ngờ thì mau thưa hỏi, nếu bảo thanh văn thưa hỏi Như Lai sợ chính pháp này không được cứu trụ. Lại nữa không biết ai có thể hỏi để cho chúng sinh nhờ chút ân này? Vì vậy, Thế Tôn! Hôm nay chúng con không dám thưa hỏi. Như có sĩ phu, thầy bói xem tướng ông sống đến một trăm hai mươi tuổi[114], quyền thuộc đầy đủ, giàu có vô lượng. Lại có một người, nói với sĩ phu: 'Tôi có tài sản, nay gởi cho ông, ông hãy vì tôi làm vốn sinh lời, hoặc sau mười năm, hoặc hai mươi năm, rồi trả lại tôi'. Bây giờ sĩ phu liền nhận tài vật, làm cho vốn ấy càng sinh

thêm lời. Sau đó chủ vốn đến lấy lại tiền, được trả đầy đủ. Đúng vậy, Thế Tôn! Tôn giả A-nan và hàng thanh văn, họ không thể nào hộ trì Như Lai thuyết giảng pháp tạng, mong muốn trường tồn. Vì sao như vậy? Vì là thanh văn. Chỉ có chư vị hàng đại bồ-tát, hoặc ngài Ca-diếp mới có thể hỏi, trăm ngàn vạn kiếp kham nhận phụng trì pháp tạng Như Lai, tất cả chúng sinh ắt được nhờ ân. Vì vậy, Thế Tôn! Nên đề bồ-tát vì mọi chúng sinh thỉnh đức Như Lai giải quyết nghi lầm, chẳng phải chúng con kham được việc này.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các tì-kheo:

- Lành thay! Lành thay! Tì-kheo các ông chứng pháp vô lậu, thành a-la-hán, mới có thể nói lời chân thật này, hiểu sâu ý Ta. Có hai nhân duyên, khiến cho bồ-tát giữ gìn chính pháp: Khiến pháp Đại thừa tồn

tại lâu dài, và để chúng sinh mong nhờ ân ấy.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 5: TRƯỜNG THỌ

[863b] Bảy giờ Thế Tôn bảo khắp chúng hội:

- Nay các thiện nam và các thiện nữ! Ở trong ba pháp và các giới luật, ai còn hoài nghi nay mau thưa hỏi.

Đức Phật gạn hỏi ba lần như vậy.

Bảy giờ chúng hội có vị Bồ-tát ở thôn Nala[115], họ Ca-diếp Thi[116], dòng Bà-la-môn, nương oai thần Phật từ nơi chỗ ngồi đứng dậy chỉnh y trích bên vai hữu, lễ

Phật sát chân, nhiều trăm ngàn vòng, gồi phải chầm đất, dùng hương hoa trời cúng dường Đức Phật, xong bạch Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Con nay muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn từ bi thương xót giảng bày rộng cho.

Phật bảo Ca-diếp, bậc Đại Bồ-tát:

- Như Lai Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác, cho phép ông hỏi, và giải đáp cho.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Những lời con hỏi đều nhờ oai lực của Đức Như Lai, cũng nhờ thiện căn của mọi chúng sinh. Ngày nay Như Lai lấy bốn chúng lớn toàn là Hiền thánh dùng làm quyến thuộc, các Đại sư tử dùng làm quyến thuộc, Lục sĩ Kim Cang dùng làm quyến thuộc, Diệu trí đại hải dùng làm quyến thuộc, chư vị Bồ-tát trong chúng hội này đều đã thành tựu

vô lượng công đức... những chúng như vậy dùng làm quyến thuộc. Còn chúng con đây phàm phu thấp kém, nếu có nghi ngờ mà không nương nhờ thần lực Như Lai gia trì giúp đỡ thì không thể nào đủ sức thừa hồi. Vì vậy hôm nay con giám thừa hồi là phải biết rằng đều nhờ thần lực của đức Như Lai, liền ở trước Phật dùng kê hỏi rằng:

Làm sao được trường thọ

Thân kim cang bất hoại?

Khế kinh nghĩa thậm thâm

Làm sao để thọ trì?

Bồ-tát độ chúng sinh

Thuyết pháp có căn cơ

người nào kham nhận được

Làm chỗ tựa chân thật?

Dù chưa đạt La-hán
 Cũng mong được ngang bằng.
 Ma hay Phật nói pháp
 Làm sao phân biệt được?
 Làm sao biết bình đẳng
 Nghĩa của bốn thánh đế
 Và bốn tướng điên đảo
 Hành khổ, không, vô ngã
 Bô-tát làm sao thấy
 Tánh khó thấy của Phật?
 Làm sao được đầy đủ
 Hiểu nghĩa của bán tự[117]?
 Làm sao khéo hóa hiện
 Như nhận, hạc, xá-lợi[118]?
 Làm sao có trí tuệ

Sáng tựa mặt trời, trăng?

Sao làm bạc bô-tát?

Nguyện thương con nói rõ

Các pháp môn như vậy

Vô lượng nghĩa thậm thâm

Chúng con đều muốn biết

Nên mới hỏi lời này

Dám xin hỏi Như Lai

Cảnh giới của chư Phật?

[863c] Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử! Ông đã dần đến Nhất thiết chủng trí của đức Như Lai mới có khả năng hỏi về nghĩa lý thâm sâu kinh này. Số chư Phật nhiều như cát ở trong a-tăng-kì sông Hằng, bất cứ phương nào, từ xưa đến nay,

tại thế giới này đều ngồi nơi đạo tràng dưới gốc cây bồ-đề mà thành Đẳng Chính Giác. Và họ vốn là bồ-tát đắc đạo bồ-đề và đã lần lượt khai ngộ đều nhờ thừa hỏi pháp tạng thâm sâu của đức Như Lai. Ngày nay các ông cũng lại như vậy, hay đem cảnh giới Nhất thiết chủng trí mà thừa hỏi Ta, nhờ đó an lạc tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Con không kham nhận hỏi về cảnh giới Nhất thiết chủng trí của đức Thế Tôn. Thí như con muỗi, con ve không thể vượt qua biển lớn đến bờ bên kia, và không thể bay cùng khắp hư không, cũng không thể nào uống hết nước biển. Con cũng như vậy, không thể kham nhận trí tuệ thâm sâu dường như biển cả, rộng lớn bao la trùm cả hư không của đức Như Lai mà được vô úy. Kính bạch Thế

Tôn! Lại như đại vương có viên minh châu ở trong búi tóc, giao người giữ kho cẩn thận gìn giữ như giữ đầu mình. Con cũng như vậy, nay hỏi Như Lai chính pháp thâm sâu, Như Lai giảng rộng dứt trừ lưới nghi.

Phật bảo Ca-diếp:

- Nay thiện nam tử! Nay Ta sẽ nói nghiệp nhân trường thọ bậc đại bồ-tát, thực hành nghiệp này là nhân Đẳng giác[119], các ông lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ. Nghe bồn hạnh đó rồi vì người khác giảng nói rộng rãi, nhờ đó được sinh trí tuệ Đẳng giác. Nay thiện nam tử! Ta cũng nhờ sự thực hành nghiệp đó và nói rộng rãi cho người khác nghe mà được chứng đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề[120]. Thí như đại vương có con phạm tội nhất trong ngục tù, vì để cứu con nên phải ân xá cho mọi tù nhân. Bồ-tát cũng vậy, tu nghiệp

trường thọ nên thương chúng sinh, y như con một, đối với chúng sinh, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, giữ gìn tịnh giới, không hại chúng sinh, an lập tất cả chúng sinh vào nghiệp năm giới, thập thiện, tùy theo sức mình cứu giúp chúng sinh trong đường địa ngục, ngã quý, súc sinh, đoạn từ tất cả nghiệp duyên ác thú, giải thoát cho kẻ chưa được giải thoát, độ người chưa độ, chí nguyện kiên cường, thành trí phương tiện. Nhờ hạnh nghiệp này được quả y báo trường thọ vô cùng, thành đại diệu trí, vô úy, tự tại. Bồ-tát như vậy viên ly sinh tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Như lời Thế Tôn, bậc đại bồ-tát xem khắp chúng sinh y như con một, nghĩa này thế nào? Nếu nói bồ-tát xem khắp chúng sinh y như con một chắc là không có. Vì sao như vậy? Bởi trong Phật pháp người nào phạm giới, gây tội ngũ nghịch, phỉ

báng chính pháp, thì những người này có xem họ như con một đực không?

Thế Tôn trả lời:

- Đúng vậy Ca-diếp! Ta xem chúng sinh như La-hầu-la[121].

Ca-diếp bạch Phật:

- Nếu nói như vậy tại sao lần nọ, vào đêm mười lăm, nhằm kỳ bố tát, chúng Tăng thanh tịnh, thì có đồng tử chưa thọ cụ túc lén trộm nghe giới, lúc ấy đại thần lực sĩ Kim Cang[122] vâng thần ý Phật cầm chày kim cang đập đồng tử ấy nát thành tro bụi, như vậy gọi là thương khắp chúng sinh như con một sao?

Phật bảo Ca-diếp:

- Chớ nói như vậy! Kẻ đồng tử kia chỉ là hóa nhân[123], vì muốn minh chứng ở trong chính pháp những kẻ phạm tội sẽ bị

tần xuất để dạy những kẻ đời sau có tâm trộm giới và bọn nhất-xiển-đề có ác tâm tiềm phục. Như vua, đại thần bắt kẻ phạm pháp tùy tội mà trị. Phật cũng như vậy, có người hoại pháp, dùng lý trùng phạt, khiến người phạm tội tự thấy ác báo. Như Lai thường lấy ánh sáng tự thân an ủi chúng sinh, khiến cho chúng nó không sợ và cũng không bị ám hại. Tuy có chúng sinh không gặp ánh sáng cho đến khi chết, nhưng đức Như Lai đối với người đó không bỏ đại từ. Lại nữa Ca-diếp! Các ông phải biết nghĩa lý bí mật của đức Như Lai. Nay sẽ nói thêm, này ông Ca-diếp, thí như nơi nào có các tì-kheo trì giới thanh tịnh, đạo đức thuần nhất, đầy đủ uy nghi, Như Lai cõi ấy đã bát-nê-hoàn, có các tì-kheo không chịu giữ giới, vì chúng Tăng đó không có đại sư, có người vô đạo, não hại các vị tì-kheo giữ giới. Bây giờ quốc vương mền mộ Phật pháp, trị những kẻ

ác, hoặc đuổi khỏi nước. Vì vua có công trừng trị kẻ ác, an lập chính pháp, cho nên gặt được bước báo vô lượng. Bởi vì sao thế? Vì phạt kẻ ác, an lập đại pháp. Lại nữa có người, trong vườn nhà họ mọc đầy cây độc, họ liền đốn sạch. Trong pháp cũng vậy, những người phạm giới, nhiều loạn chính pháp, như hại chủ nô, đều bị tẩn xuất. Nếu không tẩn xuất, phải biết bọn này quay lưng với Ta, lìa xa chính pháp. Nếu bị tẩn xuất là đệ tử Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Theo như nghĩa này, thì chẳng bình đẳng xem mọi chúng sinh y như con một, thí như bình đẳng xem người ân, oán[124], lời này trái nhau. Nếu nói Như Lai phải trị những kẻ phá hoại chính pháp, nghĩa này thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Như vua, đại thần, trưởng giả, cư sĩ sinh con đoan chính, thông minh lanh lợi, giữa đời hiếm có, ai cũng mến yêu. Người cha đem con đến nhà thầy giáo học các kỹ nghệ, nói với thầy rằng: “Tôi có đứa con, phước đức đoan chính, chưa học kỹ nghệ, thầy hãy vì tôi dạy nó nên người, nếu không như pháp cần nghiêm khắc trị. Tôi có bốn con, đều học nơi thầy. Giả sử ba đứa bị đòn mà chết, một đứa còn lại cũng phải nghiêm trị để nó nên người, dầu chết không hối”. Phật bảo Ca-diếp: Ý ông nghĩ sao? Cha, mẹ, thầy giáo nghiêm khắc dạy dỗ đứa trẻ đến nỗi khiến nó mất mạng, thì cha, mẹ, thầy, phạm tội sát không?

Ca-diếp bạch Phật:

- Thưa không, Thế Tôn! Vì lòng thương con, muốn nó nên người, tuy có đánh đòn nhưng không ác ý, dạy dỗ như vậy được phước vô lượng, không mang tội sát.

- Này thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, những kẻ phạm giới, phá hoại chính pháp Ta đều thương yêu, y như con Ta, từ mẫn dạy dỗ, muốn họ thành tựu. Những ai phạm giới, phá hoại chính pháp, dù nghiêm khắc trị vẫn không có lỗi. Vì vậy phải biết, bậc đại bồ-tát xem khắp chúng sinh y như con một. Tu tập tam-muội[125] bình đẳng như vậy, tâm không sát hại gọi đó chính là trí tuệ tự tại, nghiệp nhân trường thọ của hàng bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Xem khắp chúng sinh y như con một, bậc đại bồ-tát tu hành như vậy được trường thọ chăng?

Phật đáp:

- Đúng vậy!

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Cúi xin Thế Tôn đừng nói nghĩa này, như trẻ nít đùa, nói làm không thật. Kính bạch Thế Tôn, thí như trẻ con trong khi đóng kịch, dùng lời ca ngợi, đem các phẩm vật cúng dường mẹ cha, nhưng khi về nhà ngỗ nghịch bất hiếu, làm khổ mẹ cha, không báo đáp ân sinh thành dưỡng dục. Thế Tôn cũng vậy, nói đại bồ-tát thương khắp chúng sinh y như con một, nhờ công đức này bèn được trường thọ, trí tuệ tự tại, thường trụ bất tử, vậy mà hôm nay tuổi thọ Thế Tôn chỉ bằng người đời. Phải chăng Thế Tôn trong vô số kiếp đối với chúng sinh ôm lòng nghĩ tưởng thường dùng đao kiếm? Kỳ thay, Thế Tôn! Ngài bị đoản thọ là do quả báo sát hại chúng sinh, giống như người đời chỉ có trăm tuổi. Tuổi thọ bồ-tát, còn không như vậy, huống là Như Lai?

Phật bảo Ca-diếp:

- Đứng trước Như Lai, Ứng Cúng Đẳng Giác, chớ nên buông ra những lời thô tục. Này thiện nam tử! Phải biết Như Lai trường thọ vô lượng. Phải biết Như Lai là pháp thường trụ. Phải biết Như Lai là pháp không đổi. Phải biết Như Lai là pháp bất hoại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Làm sao biết được Như Lai trường thọ?

Phật bảo Ca-diếp:

- Như Diêm-phù-đề có tám sông lớn và những dòng suối đều chảy ra biển, không bao giờ dứt. Phải biết biển lớn là nơi dung chứa nước của muôn dòng. Như Lai cũng vậy, bao nhiêu thọ mạng của hàng trời, người đều chảy vào biển thọ mạng Như Lai. Do ý nghĩa này mà biết thọ mạng Như Lai vô lượng. Lại nữa Ca-diếp! Thí như hư không thường trụ bất biến. Như

Lai thường trụ cũng y như vậy. Cũng như đề hồ[126] là thuốc tươi mát, hay trừ nhiệt não, Như Lai Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác, thường lấy pháp dược thanh lương đề đồ trừ mọi khổ nạn cho khắp chúng sinh. Vì vậy Như Lai thường trụ, thanh lương, không có các thứ hoạn nạn, phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu Đức Như Lai thọ mạng vô lượng, lại muốn an lạc tất cả chúng sinh, ngày nay Thế Tôn nên trụ lại đời hoặc là một kiếp hoặc hơn một kiếp, dùng pháp thanh lương như tuôn mưa xuống cho mọi chúng sinh. Cúi xin Thế Tôn thương xót trụ thế.

Phật bảo Ca-diếp:

- Chớ nên đối với Đức Phật Như Lai sinh tâm diệt tận. Các hàng tì-kheo và tì-kheo-

ni, hàng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di, cùng hàng ngoại đạo còn có năm đức[127], có thể kéo dài tuổi thọ một kiếp hoặc hơn một kiếp, ở giữa hư không kinh hành, nằm ngồi rất là tự tại, hông phải phun lửa, hông trái tuôn nước, thân tỏa ra khói, có thể khiến cho thân lớn vô cùng, có thể khiến cho thân như hạt bụi lọt mọi kẻ hở. Có năm đức này liền được thần lực tự tại như vậy, huống gì Như Lai thành tựu tất cả công đức vô lượng mà không khả năng trụ lại ở đời hoặc là một kiếp, hoặc hơn một kiếp? Vì vậy phải biết Như Lai thường trụ, không phải là pháp thay đổi, hư hoại, phải biết thân này không phải là thân thụ dụng thức ăn, ở thế giới này là thân ứng hóa, như cây thuốc độc nay phải bỏ đi. Vì vậy Ca-diếp, phải biết Pháp thân Như Lai thường trụ, không phải là thân thay đổi, hư hoại, phải vì người khác rộng nói như thế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Các pháp thế gian và xuất thế gian, có gì khác nhau? Phật từng dạy rằng: Như Lai thường trụ mà người thế gian cũng nói thường trụ, con là Ca-diếp cũng từng nghe nói tiên sư Phạm thiên vốn có thần lực thường hay tới lui, chu du khắp chốn. Nếu Đức Như Lai là pháp thường trụ, thì pháp thế gian và xuất thế gian chưa thấy có gì khác nhau hết cả.

Phật bảo Ca-diếp:

- Như ông trưởng giả có con bò sữa giao cho người giữ, sai nó nuôi dưỡng, thả riêng đồng trống, chỗ không cỏ độc, không thả chung đàn, không cột chung chuồng, thương yêu chăm sóc, vì muốn có được thực tô[128] tốt nhất cung cấp quyền thuộc. Không bao lâu sau, trưởng giả qua đời, người chăn bò kia cũng chết sau đó.

Lúc ấy có người dân quê đi qua trong vùng đầm vắng được con bò ấy liền dắt đem về, lấy sữa nuôi thân, muốn làm sinh tô, nhưng không biết cách, chứa sữa trong bồn không được tinh sạch, lạnh nóng không hợp nên chẳng thành sinh, cũng chẳng thành tô, lại lấy sữa hư cho là lạc, tô. Đã tưởng lạc, tô nên lấy mà ăn. Chúng sinh ngu si, cũng y như vậy. Chính pháp trong sạch, diệu nghĩa sâu rộng, Phật đã diệt độ như chủ bò chết, chúng sinh sống trong đầm lầy sinh tử như người dân quê, lấy trí thế tục đối với chính pháp, luật nghi trong sạch tưởng thành điên đảo, bảo có chúng sinh, ta, người, thọ mạng, cho là giải thoát, cho là thường trụ. Các chúng sinh này bị tà hoặc che, không biết giải thoát, chẳng biết thường trụ, học theo dị kiến[129], chẳng được giải thoát, xa lìa chân đế, bỏ hạnh luật nghi, không biết Như Lai, là pháp thường trụ, như người

dân quê ngu si chẳng được năm loại sữa bò, tự nói ăn tô mà thật chẳng được một vị nào cả trong năm vị sữa. Những kẻ thế tục chấp rằng Phạm thiên là đấng tạo hóa, nói rằng là thường, rằng là chúng sinh, rằng là giải thoát, nhờ cầu Phạm thiên, tu chút phạm hạnh, như lìa tà dâm, hiếu dưỡng cha mẹ, được ít phước báo sinh lên cõi trời, hưởng phước tự nhiên như người dân quê ăn loại sữa hư. Này thiện nam tử! Những người thế tục tu chút phạm hạnh, cúng dường cha mẹ, nhưng nếu không chịu quy y tam bảo, phải biết người ấy có chút quả báo, không được lâu dài. Cúng dường cha mẹ, không hành tà dâm..., sẽ được quả báo vợ chồng hòa thuận, nhưng cũng vô thường, là pháp thế gian như Phật đã nói. Chỉ có Như Lai thường trụ bất diệt. Vì vậy, thiện nam! Hãy tìm phương tiện lìa các hồ nghi, cần phải tư duy đức Phật Như Lai là pháp thường trụ. Lại nữa,

thiện nam! Lúc người dân quê nuôi bò sữa ấy, chợt gặp Chuyển luân thánh vương ra đời. Vương pháp chuyển luân cảm đến bò sữa, nhờ sức phước đức, người dân quê ấy thả con bò sữa. Bò được thả rồi, tự nhiên đi đến chỗ thần giữ kho của Chuyển luân vương. Chủ giữ kho biết đây là bò sữa ắt sẽ làm ra năm loại sữa tốt, nhất định là do phước đức Thánh vương cảm ứng mà đến. Phật là pháp vương xuất hiện giữa đời cũng giống y vậy. Như bò sữa kia, âm thanh thường pháp mà người đời nghe chuyển thành âm thanh thường pháp của Phật, như người dân quê thu phục bò sữa, rồi lại phá tán chẳng được sữa ngon, cuối cùng thả bò, bỏ cả âm thanh thường pháp bò sữa, liền đến trước Phật, giống như đệ tử coi giữ kho báu, đứng trước Như Lai, nhờ sức phước báu của các chúng sinh, khiến thường pháp của bò sữa sinh ra sữa luôn thơm ngon. Vì vậy, thiện nam! Phải

biết Như Lai chính là pháp thường, chẳng phải là pháp thay đổi biến dị, phàm ngu thế gian không thể hiểu được, đều nhờ âm thanh Như Lai thường trụ mà được biết vậy. Người thế gian kia phải nghĩ như vậy: Âm thanh thường pháp tức là âm thanh thường pháp Như Lai. Từ âm thanh này nên biết Như Lai vô lượng vô biên, không thể suy lường. Nay người thiện nam và người thiện nữ, nếu giữ hai chữ “thường trụ” của Phật, trải qua nhiều kiếp tinh cần tu tập thì chúng sinh này không bao lâu nữa thành đạo bồ-đề, chính đẳng chính giác, như Ta không khác. Nay thiện nam tử! Hãy gắng cẩn thận, chớ có buông lung, tu hai chữ ấy kiên cố thọ trì. Hôm nay Như Lai sẽ bát-nê-hoàn. Đây là định pháp của tất cả Phật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp? Pháp có nghĩa gì? Nguyên xin được nghe thế nào là tính của các pháp ấy?

Phật bảo Ca-diếp:

- Ông nay muốn nghe pháp tính phải không?

Ca-diếp bạch Phật:

- Xin Phật nói rộng, con muốn được nghe!

Phật bảo Ca-diếp:

- Pháp tính nghĩa là xả bỏ thân mạng.

Ca-diếp bạch Phật:

- Xả bỏ thân mạng? Nghĩa này càng tăng thêm lòng nghi ngờ.

Phật bảo Ca-diếp:

- Chớ nên nghĩ rằng Như Lai xả thân liền thụ thân khác.

Ca-diếp bạch Phật:

- Không hỏi thụ thân.

Phật bảo Ca-diếp:

- Chớ nên nói rằng các pháp đoạn diệt. Lại nữa Ca-diếp! Như trời Phi tướng, cõi không sắc âm, chúng sinh cõi ấy làm sao để trụ? Làm sao mà chết? Làm sao mà hiện? Tâm tướng của họ làm sao hỏi chuyên? Là cảnh giới Phật, ông nên thưa hỏi, cũng phải hỏi Ta thụ thân nữa không? Giả sử có người hỏi ông về việc chúng sinh vô tướng, thân, tâm, trú xứ, thọ lạc thế nào, ông trả lời sao? Bởi đây chẳng phải cảnh giới của hàng thanh văn, duyên giác và hàng bồ-tát, chỉ là cảnh giới Như Lai hành xử. Lại nữa thiện nam! Thân của Như Lai so với thân của chúng trời vô tướng càng khó biết được. Không phải cảnh giới thanh văn, duyên giác và hàng

bồ-tát, làm sao biết được Như Lai ở đâu, xuất hiện thế nào? Thân của Như Lai là thân phương tiện chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải cảnh giới của ông tri lượng. Này thiện nam tử! Ông ở nơi Ta chỉ niệm như vậy: Như Lai thường trụ, pháp, tăng cũng vậy. Ba ngôi báu này là pháp không bị vô thường chi phối, thường trụ bất biến, thanh lương, chân thật, lìa mọi phiền não, nếu không như vậy thì người thiện nam và kẻ thiện nữ thanh tịnh quy y ắt không thành tựu. Tu tập như vậy là pháp thường trụ không thể nghĩ bàn. Này thiện nam tử! Thí như có cây thì ắt có bóng, nếu không có cây thì không có bóng. Nếu không thấy cây mà nói thấy bóng là điều không tưởng. Như vậy đã có pháp thường của Phật làm mọi cây lớn che chở chúng sinh, làm chỗ nương tựa cho mọi chúng sinh. Giả sử Như Lai là pháp vô thường thì không có tên Ứng Cúng Đẳng Giác, làm

chỗ nương tựa tối thượng cho hàng chư thiên loài người.

Ca-diếp bạch Phật:

- Dạ thưa Thế Tôn! Như trong đêm tối bóng cây hiện không?

Phật bảo Ca-diếp:

- Sao không có bóng? Có bóng vì đã có thân cây này. Thế nhưng không phải mắt thịt chúng sinh mà có thể thấy. Vì vậy phải biết, đã có Như Lai thì là thường trụ, chẳng phải là pháp thay đổi biến dị, chẳng phải là pháp hủy diệt từ từ. Như bóng cây kia ở trong đêm tối mắt thịt không thấy, Phật nê-hoàn rồi, thường trụ bất biến, mắt thịt không thấy cũng y như vậy, nên sinh vọng tưởng, đối với Như Lai nghĩ rằng vô thường. Này thiện nam tử! Nếu cha mẹ ông, tôn trọng quy y nơi Phật, Pháp, Tăng, mà nghĩ vô thường thì sự quy y ấy không

thanh tịnh. Ông nay nên lấy ba pháp thường trụ để mà giáo hóa, khuyến khích cha mẹ, khiến cho cha mẹ thành tựu tam quy của hàng bồ-tát.

Ca-diếp bạch Phật:

- Dạ vâng, Thế Tôn! Từ nay về sau con sẽ vận dụng ba pháp thường trụ là Phật, Pháp, Tăng để khai ngộ cho cha mẹ hiện tại, nhân đến bảy đời, đều khiến phụng trì các pháp thường trụ. Lành thay Thế Tôn! Con sẽ thụ học, giảng rộng cho người ba pháp thường trụ, nếu họ không nhận lời chân diệu này, phải biết bọn họ bị vô thường che, nhưng con nguyện sẽ mỗi ngày ba lần vì họ dạy dỗ, khiến họ thân cận.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử, hộ trì chính pháp phải làm như thế, cũng

thường tu tập không mất tâm từ, không hại quả ấy liền được thành tựu trí tuệ tự tại, thọ mạng vô cùng như hàng bồ-tát.

KINH ĐẠI BÁT NÊN HOÀN

Phẩm thứ 6: THÂN KIM CANG

[866a] Bảy giờ Thế Tôn lại bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Phải quán như vậy: Thân của Như Lai là thân thường trụ, là thân bất hoại, là thân kim cang, chính là pháp thân, chẳng phải là thân thụ thực ô uế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Con không quán chiếu cái tâm thường đó. Bởi vì sao vậy? Nếu nay Như Lai đại bát-nê-hoàn thì thân của Ngài là thân hư hoại, là thân bụi đất, là thân thụ dụng thức ăn ô uế. Nếu Đức Như Lai mãi không nê-hoàn thì con tùy thuận tu quán bình đẳng.

Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Chớ nói thân Ta giống thân người đời, chẳng bền dễ hoại. Trái bao số kiếp đêm dài tăm tối xoay vần sinh tử, thân của Như Lai là thân bất hoại, chẳng phải như thân của những người đời, cũng chẳng như thân của hàng chư thiên, thân không thụ dụng thức ăn ô uế, là thân phi thân, cũng không sinh diệt, không còn tập khởi, không còn lưu chuyển, không có bờ mé, không còn dấu vết, không trí không hành, bốn tính thanh tịnh, không có sở hữu, không có sở thụ, không đến

không đi, không dừng không động, không vị không xúc, không thức không tư, không bằng không hơn, không chỗ hướng đến, mà cũng chẳng phải không chỗ hướng đến, vĩnh viễn đoạn diệt, mà cũng chẳng phải là pháp đoạn diệt, chẳng sự chẳng thật, chẳng giác chẳng tướng, chẳng có bắt đầu, chẳng có kết thúc, chẳng phải kiến lập, chẳng phải sung túc, không chỗ tựa nương, chẳng có nhà cửa, chẳng có dừng nghỉ, chẳng có tịch tĩnh, rộng rãi thanh tịnh, lìa mọi phiền não, không còn nắm giữ, cũng không nhiệm trước, không còn tranh chấp, lìa mọi tranh chấp, thường trụ chẳng trụ, không còn lên xuống, bởi thân không chết, vừa thân phi pháp, vừa cũng chẳng phải là thân phi pháp, chẳng phải phước điền, mà cũng không phải là chẳng phước điền, không thể cùng tận, chẳng phải tì-kheo, mà cũng không phải chẳng là tì-kheo, xa lìa danh

tự, là sự khen ngợi, là cả nói năng, là cả tu tập, là mọi mong cầu, chẳng phải hòa hợp, mà cũng không phải là không hòa hợp, chẳng còn đo lường, mà cũng không phải là chẳng đo lường, chẳng phải đến nơi, mà cũng không phải là chẳng đến nơi, không phải thông suốt, chẳng còn chướng ngại, không còn hình tướng, là mọi hình tướng, tướng tướng trang nghiêm, chẳng có giữ gìn, không còn hiện hữu, là mọi hiện hữu, thân này có thể làm ruộng phước đức, thật không thể thấy, không thể biểu hiện, như như chân thật, độ mọi chúng sinh, nhưng chẳng chúng sinh để mà cứu độ, giải thoát tất cả mọi loài chúng sinh, nhưng cũng chẳng có một chúng sinh nào để mà giải thoát, an tịnh tất cả mọi loài chúng sinh mà thật chẳng có một chúng sinh nào để mà an tịnh, che chở tất cả mọi loài chúng sinh mà chẳng chúng sinh nào được che chở, dạy dỗ

chúng sinh nhưng chẳng có hai, không người dạy dỗ và người được dạy. Thân của Như Lai gọi là Vô Đẳng, hay Vô Đẳng Đẳng[130], bằng với vô lượng, ngang với hư không, bằng với vô xứ, bằng với vô sinh, bằng vô sở hữu[131]. Thân của Như Lai không gì sánh bằng, là mọi so sánh, là thân tịch diệt, nhưng không đoạn dứt, luôn luôn vận hành, kỳ thật rốt ráo không hề chuyển vận, nhiếp thọ hết thảy, đoạn mọi vi diệu, hiện giáo bất nhị[132], không bỏ tự tính. Thân này chẳng thành, không dài không ngắn, không âm, giới, nhập[133], chẳng tướng hữu vi, cũng chẳng vô vi, không cần nuôi lớn, không cao không thấp, chẳng có nhóm chứa, cũng không phải là chẳng có nhóm chứa, chẳng phải là đất, mà cũng không phải là chẳng phải đất. Công đức như vậy vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn là thân Như Lai, không có ai biết,

chẳng có ai thấy, không có ai nói, chẳng người luận bàn, là điều thế gian không thể nhiếp thụ, chẳng có nguyên nhân mà cũng không phải là chẳng nguyên nhân. Hết thấy vọng tưởng, chấp giữ hình tướng, cùng mọi ngôn thuyết và cả nê-hoàn cũng không thể nào so sánh pháp thân. Thành tựu công đức vô lượng như vậy thì mới gọi là thân của Như Lai. Nay ông Ca-diếp, thân tướng Như Lai là cảnh sở tri đề hàng Thanh văn và Bích-chi-phật nhìn vào hiểu được. Thành tựu được thân Như Lai như thế chính là pháp thân, không phải là thân thụ thực ô uế, thì làm sao có các bệnh các nã và bị hư hoại như đồ đất nung? Tùy thuận hóa thân, hiện già, bệnh, chết, chứ pháp thân Phật kim cang khó hoại. Nay ông Ca-diếp, từ nay trở đi ông phải biết vậy, thân của Như Lai không phải là thân thụ thực ô uế, và vì người khác rộng nói điều này, từ nhân vi diệu

sinh làm pháp thân, là thân kim cang, là thân thuần thực. Nên biết các pháp thường trụ như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Công đức Như Lai đầy đủ như vậy, tại sao còn có bị bệnh và chết? Từ nay trở đi con quán pháp thân của Đức Như Lai là pháp thường trụ, pháp chẳng đổi khác, vắng lặng tốt bực, và vì người khác rộng nói điều này. Dạ vâng, Thế Tôn! Pháp thân Như Lai giống như kim cang không hề hư hoại nhưng nay chưa biết nhân ấy thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Nhân ấy chính là nhờ vào công đức hộ trì chính pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

- Thế nào gọi là hộ trì chính pháp?

Phật bảo Ca-diếp:

- Hộ trì chính pháp là những con người không giữ năm giới, cũng không thực hành oai nghi hiền thánh, ở trong cuộc đời đầy dẫy tội ác, không tiếc thân mạng cầm những binh khí bảo hộ pháp sư và người trì giới. Những người như vậy gọi là hộ pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

- Vị tì-kheo kia cùng đi cùng đứng với những người đời, cầm giữ binh khí, phải chăng họ chẳng phải là tì-kheo?

Phật nói:

- Không phải như vậy!

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Đây phải gọi là hạng cư sĩ trọc!

Phật bảo Ca-diếp:

- Chớ nói như vậy. Bởi vì tại sao? Nếu có người nào ở riêng một mình, tu hành chín pháp khổ hạnh đầu đà, khát thực, ít dục, tĩnh mặc, thiên định, quán thân, kinh hành, cũng vì người khác nói về nhân quả công đức tu tập bố thí trì giới, nhưng không thể nào giảng giải rộng rãi sự không sợ hãi, cũng không thể nào hàng phục người ác, giáo hóa người dối. Phải biết người này không thể tự độ, cũng chẳng độ tha, chỉ biết tu hành phạm hạnh độc cư, hành thiện mà thôi. Lại nữa, nếu tì-kheo nào hành pháp đầu đà được sự vô úy, giảng dạy rộng rãi chín bộ kinh điển: Khế kinh trường hàng, Trùng tụng, Thọ ký, Thi kệ, Nhân duyên, Như thị ngữ, Bồn sinh, Phương quảng, Vị tăng hữu[134], dùng chín kinh này giáo hóa chúng sinh, độ mình độ người, lại vì người khác giảng điều cốt yếu từng câu khế kinh. Như nói kinh kia dạy người xuất gia không được

nuôi giữ nô tỳ, trâu, ngựa, các loài súc sinh, không được cất giữ, vật dụng phi pháp. Người nào nuôi giữ thì không đúng pháp của người xuất gia, người ấy phạm giới phải bị trục xuất. Các người phạm giới nghe nói như vậy, cả bọn nổi giận, hại pháp sư kia. Vị pháp sư ấy tuy bị mất mạng, nhưng lại có thể độ mình độ người. Vì vậy, Ca-diếp! Các ưu-bà-tắc, hoặc vua, đại thần, hộ trì chính pháp cũng phải hàng phục hạng cư sĩ trợ.

Lại nữa Ca-diếp! Thuở quá khứ xưa, a-tăng-kỳ kiếp, có Phật ra đời hiệu là Nan-đề-bạc-đàn Như Lai, Ứng Cúng Đẳng Giác, cũng đã từng ở thành Câu-di này. Thế giới lúc ấy rộng lớn trang nghiêm, rất là thanh tịnh, giống như quốc độ Cực lạc Phương Tây. Chúng sinh cõi này đều được an lạc, không hề đói khát, thuần chur bồ-tát. Phật ấy ở đời vô lượng ức kiếp mới

nhập nê-hoàn. Giáo pháp còn trụ ở đời cũng lâu vô lượng ức kiếp. Phật pháp ngài giảng hơn bốn mươi năm chưa bị diệt mất. Bảy giờ có một tì-kheo tên là Phật-độ-đạt-đa xuất hiện ở đời, đại chúng quyền thuộc vây quanh trước sau, thành tựu vô úy, thuyết pháp tự tại, lấy chín bộ kinh dạy các tì-kheo: Rằng khế kinh nói, không được nuôi dưỡng, nô tỳ, súc sinh, và không cất giữ vật dụng phi pháp. Những người phạm giới liền nổi giận dữ, cùng nhau kết đảng muốn hại pháp sư. Bảy giờ quốc vương nước ấy tên là Bà-già-đạt-đa, nghe bọn ác kia muốn hại pháp sư, vì muốn hộ pháp liền cầm dao bén, ra sức khỏ nhọn đánh trừ bọn ác. Rồi vua bị thương, đến chỗ pháp sư. Pháp sư vì vua nói về công đức của người hộ pháp. Vua nghe pháp rồi tức thời mạng chung, sinh về thế giới của Phật A-súc[135]. Bảy giờ quyền thuộc của vua

cùng làm hộ pháp lần lượt mạng chung, đều được vãng sinh về thế giới của Đức Phật A-súc. Những người phát tâm tùy hỷ hộ pháp đều được thành tựu đạo quả bồ-đề. Phật-độ-đạt-đa sau đó mạng chung cũng vãng sinh về cõi Phật A-súc và làm đệ tử thượng thủ thứ nhất, quốc vương hộ pháp Bà-già-đạt-đa làm người đệ tử thượng thủ thứ hai.

Phật bảo Ca-diếp:

- Quốc vương thuở ấy đâu phải ai khác, chính là thân Ta. Pháp sư thuở ấy là Phật Ca-diếp. Nay ông Ca-diếp, phải biết những người hộ trì chính pháp công đức vô lượng. Ta vốn đã từng không tiếc thân mạng hộ trì chính pháp nên được pháp thân kim cang bất hoại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Như Thế Tôn dạy, pháp thân Như Lai chân thật thường trụ, không phải là pháp hủy diệt từ từ, lòng con tin sâu như khắc vào đá.

Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Vì nhân duyên đó, các hàng tì-kheo và tì-kheo-ni, hàng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di cần phải siêng năng hộ trì chính pháp, cũng phải giảng rộng phước báo của người hộ trì chính pháp. Lại nữa Ca-diếp! Những vị pháp sư trì giới thanh tịnh thường xuyên cảnh giác tự hộ vệ mình, nếu không đủ sức tự phòng hộ mình chớ có manh động mà phải nương nhờ những ưu-bà-tắc chưa thọ năm giới mà học Đại thừa, vì tâm hộ pháp cầm dao, gậy gộc, kết thành bạn lũ.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Ngài đã dạy rằng, cầm giữ dao gậy là phi luật nghi.

Phật bảo Ca-diếp:

- Ta nê-hoàn rồi, trong đời ác trược, vì lúa đất đỏ, bệnh dịch khắp nơi, những người trá hình, tham cầu lợi dưỡng nhiều vô số kể. Bảy giờ pháp sư trì giới giữ luật, oai nghi đầy đủ bị bọn người kia rượt đuổi đánh đập, hoặc hại hoặc giết. Ngay lúc bảy giờ pháp sư trì giới đi qua thành ấp, đồng trống hiểm nạn. Pháp sư nghĩ rằng: Ta nghe nước ấy quốc vương, đại thần, thường dân, cư sĩ, và chiêm-đà-la[136]..., không thụ năm giới, có thể hộ pháp, có thể cùng họ kết làm bạn lữ. Những hạng người ấy, tuy không thụ giới nhưng nhờ hộ pháp mà có phước báo công đức vô lượng hơn người thụ giới. Còn vị pháp sư phụng trì giới hạnh, oai nghi thanh tịnh, vui vẻ tin sâu giáo pháp Đại thừa, giảng

giải rộng rãi cho người khác nghe có thể xử dụng các thứ cúng dường, hương, dầu, tràng hoa, cùng với quốc vương, đại thần, trưởng giả thay nhau dâng cúng, không hề thiếu sót, nhưng không đánh mất pháp hạnh sa-môn. Người này xứng đáng gọi là pháp sư.

- Người trì giới là tự thân giữ gìn các pháp chân thật, giống như biển lớn, oai nghi đầy đủ, đó là trì giới. Lại nữa, người trì giới là không ham khoái lạc, chẳng thích danh dự, chán ghét lợi dưỡng, thường dạy người khác ít muốn biết đủ. Còn như những kẻ giữ giới mà bị tổn giảm lợi ích của bản thân mình, quyền thuộc không ưa thì không phải là pháp sư. Nếu pháp sư nào khởi tâm buồn chán với đồ chúng mình, đó là hành động tự hoại quyền thuộc, cũng gọi phá Tăng. Tăng có ba hạng. Hạng Tăng phạm giới, hạng Tăng

trẻ con[137], hạng Tăng thanh tịnh. Trong ba hạng này, hạng Tăng phạm giới và Tăng trẻ con không phá hoại được hạng Tăng thanh tịnh. Tăng phạm giới là phạm phu ngu độn, theo kẻ phạm giới, chẳng kiểm soát nhau, tham lam ô trược mà cùng hòa hợp, những hạng người này là Tăng phạm giới. Giả sử tự thân có thể trì giới nhưng vì lợi danh, thường hay lui tới với người phạm giới thì cũng liệt vào hạng Tăng phạm giới. Những hạng Tăng này thường hay thực hành những điều phi pháp. Ai có khả năng giáo hóa những người làm điều phi pháp gọi là pháp sư. Tăng trẻ con là những hạng người thường tỏ ra vô sự, các căn đàn độn, ngu si tầm tối, nếu được lợi dưỡng thì cho quyền thuộc, tu tập riêng rẽ, không cùng hòa hợp, đến ngày tự-tứ, hay ngày bố-tát cũng không tham dự. Hạng Tăng trẻ con cùng đồng một hạng những kẻ phạm giới. Ai có

khả năng giáo hóa những người ngu muội phi pháp gọi là pháp sư. Tăng sống thanh tịnh như pháp như luật thì hạng Tăng này trăm ngàn chúng ma, cũng không thể nào phá hoại được họ. Hàng Tăng bồ-tát, tính thường thanh tịnh là thầy của hai hạng Tăng phá giới. Tăng trì luật là, khéo léo giáo hóa biết đúng phải thời, biết trọng biết khinh, không bỏ những điều không phải luật nghi, cũng không ngăn cản người giữ giới luật đúng như pháp luật. Thế nào gọi là khéo léo giáo hóa, biết đúng phải thời? Những người giáo hóa, hoặc là bồ-tát hoặc là trẻ con. Nếu là bồ-tát vì tâm hộ pháp không cần quán sát hợp thời hay là không phải hợp thời, dư hay không dư, hoặc mở hoặc chế, tùy từng trường hợp, tự tại đi đứng qua nơi thôn xóm hay nơi gò mả, vì tâm hộ pháp nên không trái phạm. Nơi mà thanh văn không được đi đến, như nhà kỹ nữ, quả phụ, dâm

nữ, hoặc là đồng nữ, thì những nơi đó đều là xứ sở bò-tát hộ pháp. Bò-tát hộ pháp tới lui khắp chốn, suốt cả đêm ngày cũng không lỗi lầm. Đó là pháp sư biết thời giáo hóa. Biết điều trọng là, chẳng hạn một kẻ ngay khi Như Lai đầu tiên chế giới họ đã khởi tâm khinh chê, phạm giới, nhân đến phạm phải bốn pháp giới trọng[138], kẻ đó không được gọi là xuất gia, đó là biết trọng. Thế nào là khinh? Là biết tì-kheo mỗi một duyên do phạm vào tội nhẹ, tâm giới cũng nhẹ, hoặc tự nhớ nghĩ theo giới Phật chế, việc phạm không nhiều, đó là biết khinh. Không bỏ những điều giới luật còn lại, như là nuôi giữ súc vật, nô tỳ, và chứa những vật bất tịnh v.v... với những điều này, nằm ngoài giới luật, cũng không nên bỏ, phải thường giữ mình, không muốn tranh chấp với người phá giới, dù những điều đó không phải giới luật nhưng không được bỏ, bởi tuy

không phải là giới luật nói, nhưng còn trong kinh nói giống giới luật, cho nên gọi đó chính là giới luật, nên không được bỏ. Hiểu trên ngôn thuyết, là chấp câu văn, không hiểu nghĩa chữ. Nếu có thể hiểu tất cả những gì chư Phật ba đời đã nói trong kinh mà tâm không hề một chút hoảng sợ, lại hay thọ trì diệu nghĩa vô lượng rộng lớn thâm sâu mà Phật đã dạy liền thành pháp vương chẳng thể nghĩ bàn của Đức Như Lai.

Bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

- Dạ vâng, Thế Tôn! Như Lai là đấng Pháp vương vô thượng, không thể nghĩ bàn. Như Lai là pháp thường trụ không đổi. Con sẽ phụng trì và giảng giải rộng cho người khác nghe.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Ca-diếp phụng trì Pháp thân kim cang không hề biến hoại. Muốn học bình đẳng quán thân Như Lai phải tu pháp quán kim cang bất hoại. Bậc đại bồ-tát tu hành như vậy liền được đẳng quán, Pháp thân vô thượng.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 7: THỌ TRÌ

[867c] Lại nữa, thiện nam! Nay ta sẽ nói, công đức thọ trì kệ kinh thậm thâm. Nếu có chúng sinh nghe được kinh này đời đời không đọa trong bốn đường ác[139], sinh ở chỗ nào cũng thường gặp Phật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng:

- Kinh này tên gì, phụng trì thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Kinh này tên là Đại bát-nê-hoàn, đoạn đầu cũng thiện, đoạn giữa cũng thiện, đoạn cuối cũng thiện. Nghĩa thiện vị thiện, thuần một vị thiện. Bảo tạng kim cang nay Ta đã thuyết. Nay thiện nam tử! Như Diêm-phù-đề có tám sông lớn đều chảy ra biển. Nước trong biển đó thật vô cùng tận. Đại-bát-nê-hoàn cũng lại như vậy, diệt trừ phiền não, hàng phục chúng ma, xoay lưng sinh tử, xả bỏ hóa thân, nên gọi nê-hoàn. Hết thấy chư Phật là diệu pháp này, không gì cao bằng. Lại như thầy thuốc có pháp thuật hay, vi diệu bí mật, bao nhiêu phương thuốc đều ở ông ấy nên gọi đại y. Pháp tạng bí mật Như Lai đã thuyết cũng lại như vậy, chín bộ kinh điển nằm trong kinh này, cho nên gọi là Đại bát-nê-hoàn. Thí như mùa hạ cày ruộng gieo hạt thường nuôi hy vọng, khi

thu hoạch xong mọi hy vọng ấy cũng đều chấm dứt. Hành giả cũng vậy, đối với các kinh tu tập thiền định thường có hy vọng, đến khi học được kinh này xong rồi mau thành giải thoát, siêu việt ba cõi. Lại nữa thiện nam! Như người bệnh nặng, trước uống đề hồ, rồi dần uống đến loại thuốc tám vị là loại tốt nhất trong tất cả thuốc. Chúng sinh cũng vậy, đối với giáo pháp bí mật của Phật có bệnh mê lầm, tạm dùng kinh điển Đại thừa giáo hóa, sau cùng mới nói pháp dược tám vị Đại bát-nê-hoàn. Tám vị đó là: thường trụ, tịch diệt, không già, không chết, thanh lương, hư thông, bất động, khoái lạc[140]. Tám vị này là Đại bát-nê-hoàn. Nếu có bồ-tát an trú ở nơi Đại bát-nê-hoàn thì thường có thể ở khắp mọi nơi thị hiện nê-hoàn, vì thế gọi là Đại bát-nê-hoàn. Nếu có thiện nam muốn ở nơi pháp Đại bát-nê-hoàn mà bát-nê-hoàn phải học như vậy: Như Lai

thường trụ, Pháp, Tăng cũng vậy. Nếu có thiện nam hoặc người thiện nữ hành trì kinh Đại bát-nê-hoàn này thì đời Như Lai học pháp thường trụ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Pháp thân Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Diệu pháp Ngài thuyết chẳng thể nghĩ bàn. Công đức chúng Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Và kinh này cũng chẳng thể nghĩ bàn. Từ nay con sẽ vì mọi chúng sinh có tâm cương cường, diệt trừ vô minh, đem dài sinh tử tối tăm cho họ.

Kinh Đại bát-nê-hoàn, hết quyển 2

KINH

PHẬT THUYẾT ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Quyển 3

Phẩm thứ 8: BỐN PHÁP

[868a] Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Bậc đại bồ-tát thành tựu bốn pháp, có thể nói kinh Đại bát-nê-hoàn cho người khác nghe. Bốn pháp đó là: Tự mình chuyên chính, giúp người chuyên chính, tùy thời hỏi đáp, hiểu rõ nhân duyên.

- Tự chuyên chính là: nghe pháp của Phật có thể tùy thuận nhằm tỏ sợ hãi, toàn thân sớn ớn. Như nghe Phật dạy thà ôm cây cháy, lửa đỏ bùng bùng, thiêu rụi thân thể thành than chứ không thể nào đối với phương tiện mật giáo của Đức Như Lai khi tâm chưa ngộ nghe thuyết hữu thường

sinh lòng phỉ báng, nhưng nghe ma giáo ca tụng luận thuyết về pháp thế gian, giảng nói vô thường thì cho là thật. Thà đưa lưỡi liếm cây củi đang cháy chứ không dám nói Như Lai vô thường; nếu nghe ai nói liền thấy sợ hãi, phải khởi lòng thương đối với người ấy. Phải tin sâu sắc pháp thân Như Lai trường tồn bất diệt, pháp già, bệnh, chết, không thể hủy hoại. Phải biết Đức Phật Thế Tôn là bậc không thể nghĩ bàn, giáo pháp Ngài dạy cũng y như vậy. Như Ta nói kinh ví dụ Cây Khô[141]... hãy khéo giữ gìn, đó là bồ-tát tự chuyên chính mình.

- Giúp người chuyên chính: Lúc Phật thuyết pháp, có người phụ nữ bỗng đưa con nhỏ đang còn bú mớm đến chỗ Đức Phật lễ sát chân Ngài. Trong lòng bà có một mối hoài nghi, nên cứ đứng yên trầm ngâm nghĩ ngợi. Bấy giờ Thế Tôn biết bà

ngĩ gì, liền lấy con bà ra làm thí dụ mà nói pháp rằng: “Thí như người mẹ khéo nuôi con mình, mới đầu lấy tay mớm sữa cho con, chờ nó nuốt hết mới mớm thêm nữa”. Bấy giờ người nữ tâm liền tỏ ngộ, bạch với Phật rằng: “Kính bạch Thế Tôn! Ngài là Đại thánh, biết tâm niệm con mới nói lời này. Từ nay mỗi sáng con sẽ cho con của con ăn sữa thật nhiều chắc cũng không hề hại gì”. Phật bảo: “Không phải! Khi trẻ lớn khôn, cho nó ăn cơm cũng không hại gì”. Người nữ vui mừng bạch với Phật rằng: “Kỳ thay, Thế Tôn! Ngài khéo tùy thuận nói pháp dễ tiêu và không dễ tiêu. Để giáo hóa người, trước hết Ngài nói về pháp vô thường, khổ, không, bất tịnh. Nếu chúng sinh nào lòng tin chưa vững mà nói cho họ nghe pháp thường trụ thì sẽ phá hoại tín căn của họ, như người uống sữa mà vẫn chưa tiêu”. Phật bảo: “Lành thay! Nay người thiện nữ, nên học

như vậy, phương pháp nuôi con là lúc còn nhỏ, từ từ cho ăn thức ăn mềm dẻo và lại dễ tiêu. Khi tuổi lớn khôn thì cho ăn các thức ăn cứng hơn, cũng sẽ tiêu hóa không có hại gì. Ta cũng như vậy, vì các đệ tử trước nói bất tịnh, vô thường, khổ, không, như cho con ăn thức ăn mềm dẻo. Khi đạo tâm đã tăng trưởng lên rồi, có thể kham nhận các pháp Đại thừa thì Ta mới dạy giáo pháp Đại thừa Đại bát-nê-hoàn, cho ăn sáu món thức ăn cứng hơn, là vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, nhạt. Lấy mọi khổ đau làm món vị chua, vô thường vị mặn, vô ngã vị đắng, vui thích vị ngọt, ngô ngã vị nhạt, thường pháp vị cay, lấy củi phiền não, đốt lửa huyễn nghiệp, nấu chín pháp thực Đại bát-nê-hoàn thành vị cam lồ. Lại nữa thiện nữ! Thí như có hai chị em nhà nọ, có duyên sự cần phải ra khỏi nhà đến thôn xóm khác, hoặc sẽ ở lâu không thể về liền. Họ có hai con, một đứa rất ngoan,

một đứa rất hư, cho nên lúc đi, bao nhiêu trân bảo, kho tàng bí mật đều không nói cho đứa con hư biết, mà đem giao phó cho đứa con ngoan”. Người nữ bạch Phật: “Đúng vậy, Thế Tôn”! Phật hỏi người nữ: “Tại sao kho báu không nói cho đứa con hư đồn biết”? Người nữ bạch Phật: “Bởi đứa con hư làm điều phi nghĩa, phóng túng buông lung, ăn tiêu vô độ, vì vậy không nói. Còn đứa con ngoan có thể gây dựng gia nghiệp giàu sang, vinh hiển dòng họ, nên giao cho nó”. Phật bảo: “Đúng vậy! Giáo pháp của Ta cũng y như vậy. Lúc Ta phương tiện muốn vào nê-hoàn, pháp yếu bí mật bảo tạng Như Lai phải trao đệ tử, không trao những người phạm giới, tà kiến. Đối với Như Lai, nay bà chớ nghĩ là pháp diệt tận, mà phải nghĩ rằng là pháp thường trụ”. Người nữ bạch Phật: “Con thường nghĩ tưởng Như Lai thường trụ”. Phật bảo: “Này bà! Như lời

bà nói, nên quán như vậy, chớ nên nghĩ rằng các pháp diệt tận, phải biết Như Lai là pháp thường trụ, không phải là pháp biến dịch đổi thay, không phải là pháp hủy diệt từ từ. Nếu như người nào thường xuyên tu tập, quán tưởng Như Lai là pháp thường trụ, phải biết người đó nhà nhà có Phật. Như vậy gọi là giúp người chuyên chính.

- Tùy thời hỏi đáp là như có người đến hỏi Như Lai: “Con phải làm sao được danh đại thí[142], tiếng đồn khắp chốn, thiên hạ đều hay mà không tổn mất một chút tài sản”. Phật bảo kẻ ấy: “Với người thanh tịnh, không nuôi súc vật, trâu bò, đày tớ, tu trì phạm hạnh thì đem những thứ nô tỳ, vợ con... vui vẻ cho họ; người không ăn thịt, vui vẻ đem thịt bồ thí cho họ; người không uống rượu, dù chỉ một giọt, vui vẻ đem rượu khuyến khích họ uống; người

ăn đúng thời, vui vẻ dâng cúng những lúc phi thời; người bỏ trang sức những thứ hương hoa, thì đem hương hoa, những đồ trang sức, vui vẻ cho họ. Đem những thứ ấy, cho người thế kia, rồi quay trở về. Nếu làm như vậy liền được mang danh là Đại thí chủ, thiên hạ đều biết nhưng mà chưa từng tổn hao một hào tài sản của mình”. Thuyết như vậy là tùy thời hỏi đáp.

Bảy giờ bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

- Như Thế Tôn dạy, người không ăn thịt mà cho họ thịt, người ăn thịt đó mắc tội không lớn, như vậy chẳng phải là làm tăng trưởng tà kiến ngoại đạo? Vì vậy nên chế giới không ăn thịt?

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử khéo hiểu ý Phật. Bồ-tát hộ pháp nên phải như vậy. Này thiện nam tử! Từ ngày hôm

nay Ta cấm đệ tử không được ăn thịt. Giả sử nhận được những thức ăn khác phải thường quán tưởng như ăn thịt con. Vì sao đệ tử của đức Như Lai mà lại ăn thịt? Chư Phật đã dạy người nào ăn thịt là bị đoạn mất hạt giống đại từ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Vì sao được ăn ba món tịnh nhục[143]?

Phật bảo Ca-diếp:

- Ba món tịnh nhục là Ta tùy việc tạm thời chế ra.

Ca-diếp lại thưa:

- Là do nhân gì?

Phật bảo Ca-diếp:

- Có chín cách nhận, trừ mười loại thịt[144]. Đây cũng tạm chế, phải biết từ nay không được dùng nữa.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Vậy sao Thế Tôn từng khen thịt cá là thứ ăn ngon?

Phật bảo Ca-diếp:

- Ta chưa từng nói thịt cá là thứ thức ăn thơm ngon. Ta chỉ nói rằng cây mía, lúa tẻ, lúa gạo, đường phèn, các loại trái cây là thức ăn ngon, như Ta khen ngợi các thứ y phục trang nghiêm vẫn là ba y hoại sắc. Phải biết thịt cá là loại thức ăn tanh hôi ô uế, chỉ làm tăng trưởng thêm lòng tham muốn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Nếu Thế Tôn cấm không được ăn thịt thì năm món như: sữa, dầu, vải bông, ngọc bội, da thú, cũng không được nhận.

Phật bảo Ca-diếp:

- Nghĩ lạ, Ca-diếp? Ông chớ nhận thức như bọn ngoại đạo nhóm Ni-kiền-tử[145].

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Vậy phải thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Từ ngày hôm nay, Ta cấm đệ tử không được thọ dụng ba món tịnh nhục, và bỏ chín cách thọ nhận thức ăn dù không có mười loại thịt đã cấm, cho đến loài vật tự nhiên chết đi cũng không được ăn. Bởi vì sao vậy? Người nào ăn thịt thì khi đi đứng ngồi nằm chúng sinh thấy đều sợ hãi, vì nghe sát khí[146] từ nơi người ấy, như người ăn món hưng

cừ[147] hay tởi, nếu vào hội chúng ai cũng chán ghét; người nào ăn thịt cũng y như vậy, tất cả chúng sinh nghe mùi sát khí lo sợ bị chết, những loài có mạng, dưới nước trên đất, hoặc bay trên không, thấy đều chạy trốn. Vì vậy bồ-tát chưa từng ăn thịt, vì độ chúng sinh tùy thời ăn uống kỳ thật chẳng ăn. Lại nữa thiện nam! Ta nê-hoàn rồi, về đời lâu sau có những tì-kheo tuy là học đạo mà tự công cao, cho mình chứng quả, hoặc Tu-đà-hoàn, hoặc Tu-đà-hàm, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Trong đời ác trược, những người lang thang, bản cùng khốn khổ xuất gia học đạo phần nhiều lạm dụng danh tự tì-kheo[148], vì lợi dưỡng mà cung kính bạch y[149]; hình trạng tiều tụy như đũa chẵn râu; thân mặc cà-sa[150] như kẻ thợ săn trá hình bắt thú; mong cầu danh lợi của cái thế gian như mèo bắt chuột; các bệnh gầy gò, ghẻ lở, phong cùi, thân thể

bất tịnh mà đấp y phục hiền thánh mâu-ni; thân hình giống như ngạ quỷ bần cùng, lạnh rét khốn khổ, chẳng phải sa-môn giả tướng sa-môn. Ở đời sau này, lúc chính pháp hoại, pháp luật hành xử, kinh điển chính luận mà Ta đã chế, đều bị trái ngược. Ai nấy tự tạo kinh luận, giới luật, nói giới luật mình ăn thịt thanh tịnh là điều Phật dạy; tự tạo luận tụng[151] trái ngược lẫn nhau; đều xưng sa-môn đệ tử Thích-ca. Lại nữa thiện nam! Giáo pháp Ta dạy thụ dụng ngũ cốc, lúa gạo còn sống và tự tay làm cá thịt mà ăn đều không thanh tịnh; học nghề ép dầu, cùng các kỹ thuật làm thợ công xảo, thợ mộc, luyện da, lui tới quốc vương, xem sao, làm lịch, chế biến thuốc thang, học luận thanh âm, văn từ xảo thế, chăn nuôi súc vật, nuôi giữ nô tỳ, cất chứa tiền tài, vàng bạc, san hô, ngọc bội, cầm thạch, trân châu, vật báu, nuôi dưỡng các loài sư tử,

hồ, báo, chồn, chuột, mèo, cáo, cất chứa thuốc độc, luyện thuật bùa chú, làm thợ vẽ tranh, viết sách số điệp, tạo sự nghiệp bằng các trò mưu mẹo khiến người mê hoặc, ca múa huyền hoặc, đấu vật, nhuộm răng, thân ướp hương thơm, lấy hoa cài tóc, trau chuốt thể hình, và còn tất cả những vật phi pháp, hoặc giống phi pháp, Ta đều bảo đó là pháp bất tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Có những quốc độ mà dân nước ấy phần nhiều ăn thịt, nếu đi khát thực đều nhận thức ăn trộn lẫn với thịt, thì các tì-kheo và tì-kheo-ni, hàng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di, ở trong nước ấy làm sao giữ được đời sống thanh tịnh?

Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Nếu nhận thức ăn trộn lẫn với thịt, nên bỏ thức ăn vào ở

trong nước, tách cơm với thịt riêng ra mỗi thứ, rồi lấy cơm ăn thì không phạm giới.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Nếu như thức ăn trộn lẫn với thịt mà không thể phân thì phải làm sao?

Phật bảo Ca-diếp:

- Nay thiện nam tử! Nếu ở đất nước mà mọi người dân ăn thịt là chính, tất cả thức ăn thấy đều có thịt, thì Ta cho phép bỏ hết thịt ra, còn lại thức ăn đem bỏ vào nước, làm mất hương vị của thịt đi rồi sau đó mới dùng. Còn như cá thịt có thể phân ra mà ăn là tội. Ngày nay Ta chế giới không ăn thịt là có nhân duyên. Nếu không nhân duyên thì nhân thuyết kinh Đại bát-nê-hoàn cũng sẽ cấm chế không được ăn thịt. Như thế gọi là tùy thời hỏi đáp.

- Hiểu rõ nhân duyên là nếu tì-kheo hay ưu-bà-tắc hỏi nghĩa như vậy: Vì sao Thế

Tôn, Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác lúc mới xuất thế không vì đệ tử mỗi mỗi chế giới? Mỗi mỗi không thuyết pháp môn như vậy? Sao không thuyết ba-la-đề-mộc-xoa[152] đến nơi rớt ráo? Nghĩa này thế nào? Tỳ-ni[153] là gì? Nay thiện nam tử! Nghe Ta phân biệt nghĩa lý của ba-la-đề-mộc-xoa. Ba-la-đề-mộc-xoa có nghĩa là ít muốn biết đủ, thành tựu uy nghi, không còn đọa lạc vào đường súc sinh, lìa mọi nhiễm trước, hết thảy thân mạng đều được thanh tịnh. Đọa lạc là đọa vào bốn đường ác, địa ngục thiêu đốt. Uy nghi nghĩa là ít muốn biết đủ, nên không đọa lạc vào đường súc sinh, hết thảy thân mạng đều được thanh tịnh, cho nên giới bốn gọi là không đọa. Đọa trong địa ngục A-tỳ khổ đau gọi là đọa lạc. Bồ-tát[154] nghĩa là nuôi lớn hai điều, một là tăng trưởng giới bốn mộc-xoa, hai là làm cho lìa mọi tà thuyết. Tỳ-

ni nghĩa là giới luật vi tế, điều phục uy nghi, những vật phi pháp mình không tiếp nhận, cũng không cho người, gọi là tỳ-ni. Trong đó ai phạm bốn pháp giới trọng, mười ba hữu dư, ba mươi xả đọa, chín mươi một pháp đọa, bốn pháp hồi quá, trăm pháp chúng học, hai pháp bất định, bảy pháp diệt tránh, những người phỉ báng kinh điển và bọn nhất-xiên-đề, phạm những tội như thế mà không hướng đến những người thanh tịnh phát lồ sám hối, một mực che dấu, như rùa giữ kỹ sáu chi của mình, thì tội phạm giới ngày đêm tăng trưởng. Vì sao Thế Tôn biết có tội này mà không kết giới? Khiến cho chúng sinh đọa vào ác thú? Giống như một người dẫn theo nhiều người muốn đi phương khác đã chỉ bày rõ cho con đường chính, nhưng vẫn có người quên mất đường chính lạc vào đường khác, có người lanh lợi hô hoán kịp thời khiến người lạc đường quay

lại đường chính. Giáo pháp Như Lai cũng y như vậy, lúc đầu chỉ nói con đường duy nhất thẳng đến nê-hoàn, nếu các tì-kheo phạm nhiều lỗi lầm, khi đó mới nói quả báo phạm tội, rồi chế giới cấm. Như vậy Thế Tôn chỉ đường chân thật, vì mọi chúng sinh nói rõ công đức của mười nghiệp lành. Trong các vị trời, Phật là hơn hết. Trong tất cả pháp, Phật là chính pháp. Ngài thương chúng sinh, nói rõ công đức của mười nghiệp lành, bình đẳng thương yêu tất cả chúng sinh y như con một. Nếu có chúng sinh đọa trong địa ngục, vì muốn cứu độ chúng sinh này thoát khỏi cảnh địa ngục thì đức Như Lai có thể ở trong địa ngục kéo dài tuổi thọ một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Vì vậy làm sao có thể để cho tì-kheo phạm giới tăng trưởng tội lỗi đọa trong đường ác? Như người thợ may, may xong áo mới, sau đó cắt xé cho rách nát đi rồi khâu vá lại. Thí như ông

vua Chuyển luân thánh vương mới đầu dùng pháp mười nghiệp thiện lành giáo hóa nhân dân. Về sau dân chúng ác hạnh tăng dần, vua lấy Tụ Tại Kim Luân[155] Bảo thần ra chế pháp luật, điều phục chúng sinh. Thế Tôn cũng vậy, lúc đầu chưa kết giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa, về sau vì phạm tội tăng dần, khi ấy mới lấy nhân duyên phạm giới làm điều căn cứ rồi chế giới cấm để cho chúng sinh, những người giữ giới an lạc tu tập thấy nhân duyên đó càng thêm hoan hỷ, tín tâm tăng trưởng, nhân đến bình đẳng quán chiếu nghĩa lý bốn pháp chân thật thậm thâm vi diệu, như vua Chuyển luân tụ tại sử dụng Bảo thần Kim Luân. Pháp luân của Phật cũng y như vậy, cũng là giáo pháp vô lượng chư Phật. Chư Phật Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Giáo pháp Phật thuyết chẳng thể nghĩ bàn. Những người nghe được giáo pháp của Phật chẳng thể

ngĩ bàn. Những ai tin được kinh này cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Như vậy gọi là khéo hiểu nhân duyên, là đại bồ-tát thành tựu bốn pháp có thể nói kinh Đại bát-nê-hoàn cho người khác nghe. Hiện nói nhân duyên và nhân duyên của Đại bát-nê-hoàn chính là bộ kinh Đại bát-nê-hoàn. Như vậy gọi là khéo hiểu nhân duyên.

- Tụ chuyên chính là thành thật trở lại với chính bản thân, chuyên hướng về kinh Đại bát-nê-hoàn, phải biết đây là tụ mình chuyên chính. Lại có khả năng giúp người chuyên chính là biết tì-kheo tâm đã thành thực mới nói bốn kinh Đại bát-nê-hoàn, nói Đức Như Lai trường tồn bất diệt, phải biết đây là giúp người chuyên chính. Tùy thời hỏi đáp là như Ta vì Ca-diếp mà nói bậc đại bồ-tát lợi trí vi diệu, có nhiều bí yếu, phương tiện mật giáo, chẳng phải

thanh văn hay hàng duyên giác có thể suy lường, đó chính là kinh Đại bát-nê-hoàn, đây cũng gọi là tùy thời vấn đáp, tùy vào tâm tưởng của mọi chúng sinh mong muốn điều gì thì nói pháp ấy, chẳng phải hư vọng. Thí như một người diễn tả hư không bằng nhiều tên gọi, là không, là hư, là không gì cả, hay là vô số... diễn tả như vậy chẳng phải hư vọng. Như Lai thuyết pháp cũng y như vậy. Bộ kinh Đại bát-nê-hoàn này nói bốn pháp ấy hẳn có chỗ ứng hợp, chẳng phải hư vọng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Nếu Đức Như Lai trường tồn bất diệt thì trái ngược với kệ kinh[156] Phật dạy.

Rồi thì bồ-tát nói bài kệ rằng:

Như đốt viên sắt nóng

Rồi bỏ vào nước lạnh

*Sức nóng nó mất dần
 Chẳng biết nó về đâu
 Giải thoát hết tất cả
 Qua vực sâu tử sinh
 Mãi an lạc bất động
 Chẳng biết ở nơi nào?*

[870a] Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Chớ dùng bài kệ nói điều sai lầm, cho rằng Như Lai mãi mãi mất hẳn. Chẳng phải sắt nóng bỏ vào trong nước sức nóng của nó dần dần mất hẳn. Chư Phật Như Lai vĩnh diệt nê-hoàn cũng y như vậy. Như viên sắt nóng bỏ vào trong nước, sức nóng mất dần, Như Lai cũng vậy, vô lượng phiền não, trói buộc, hoạn nạn, thấy đều tiêu diệt, thí như sắt nóng bỏ vào trong nước sức nóng của lửa tuy đã diệt mất, nhưng tính của sắt vẫn

còn nguyên vẹn. Như Lai cũng vậy, vô lượng kiếp số, lửa dữ phiền não đều tiêu diệt cả, nhưng tính Như Lai là tính kim cương vẫn hằng thường tại, không phải là pháp biến dị thay đổi, không phải là pháp hủy diệt từ từ. Đức Phật Như Lai giải thoát tất cả, vượt qua mọi chốn vực sâu sinh tử, thể nhập nê-hoàn là đi đến chỗ mọi nẻo thú hướng hoàn toàn vĩnh diệt, không thể biết được, vì vậy nói rằng:

Giải thoát hết tất cả

Qua vực sâu tử sinh

Mãi an lạc bất động

Chẳng biết ở nơi nào?

[870a] Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Như đem sắt nóng bỏ vào trong nước, sức nóng của nó dần dần mất hẳn, rồi lại đem nó bỏ vào trong

lửa. Như Lai Nê-hoàn kỳ thật thường trụ, nhưng vì chúng sinh lại vào vô lượng lửa dữ sinh tử, đoạn trừ tất cả oán kết hoạn nạn trói buộc chúng sinh. Lành thay, Thế Tôn! Như Lai trường tồn, là điều chắc thật.

Phật bảo Ca-diếp:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam tử! Thí như ông vua Chuyển luân thánh vương vào trong hậu cung cùng với mỹ nữ vui hưởng dục lạc, phút chốc sau đó đi ra ngự viên, đến hồ nước tắm, khoái lạc tự tại. Bấy giờ trong cung chẳng thấy bóng vua chớ bảo mất hẳn. Chư Phật Thế Tôn bỏ Diêm-phù-đề, thị hiện vô thường cũng y như vậy, chớ bảo vĩnh diệt, như vua Chuyển luân bỏ chốn thâm cung dạo chơi lâm viên khoái lạc tự tại. Như Lai cũng vậy, bỏ chốn thâm cung vô lượng phiền não, vào vườn tổng trì[157], có hoa thất

giác[158], có hồ tẩm mát, dạo chơi thoả thích, dùng trí phương tiện tự tại hóa hiện, vô lượng phiền não đã diệt từ lâu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Như Thế Tôn dạy, Như Lai đã diệt vô lượng kiếp số sinh tử phiền não, hoạn nạn khổ đau, Ngài đã vượt qua biển lớn ngũ dục[159], vậy thì tại sao lúc còn bồ-tát ở trong thâm cung vui thú dục lạc cùng với mỹ nữ? Và làm thân phụ của La-hầu-la[160]? Do đó nên biết Ngài chưa đoạn hết phiền não hoạn nạn, Ngài chưa vượt qua biển lớn ngũ dục.

Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Chớ nói lời đó với Đức Như Lai, Ứng Cúng Đẳng Giác. Sở dĩ gọi là Đại bát-nê-hoàn bởi có khả năng kiến lập nghĩa lớn, nay ông lắng nghe và diễn nói rộng cho người khác nghe, chớ

sinh nghi ngờ. Bậc đại bồ-tát trụ trong nê-
hoàn có khả năng lấy núi chúa Tu-di bỏ
vào hạt lúa, vậy mà bao nhiêu chúng sinh
sống ở nơi núi Tu-di chẳng bị nhiều hại,
đến đi đứng ngồi, chẳng biết ai làm, chỉ
trừ chúng sinh có được tri kiến, biết bồ-tát
trụ Đại bát-nê-hoàn an trí Tu-di vào trong
hạt lúa rồi sau trả lại. Cảnh giới của bậc
Đại bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn là y như
vậy. Lại nữa thiện nam! Bậc đại bồ-tát trụ
trong Đại bát-nê-hoàn cầm lấy đại địa của
cả ba ngàn thế giới bỏ vào hạt lúa, bao
nhiêu chúng sinh trong thế giới ấy chẳng
bị nhiều hại và chẳng thể biết ai đem mình
đến, ai an trí mình ở tại chỗ đó, ngoại trừ
chúng sinh có được tri kiến biết bồ-tát trụ
Đại bát-nê-hoàn cầm lấy ba ngàn đại thiên
thế giới an trí vào trong hạt lúa rồi sau trả
lại như cũ. Lại nữa thiện nam! Bậc bồ-tát
trụ Đại bát-nê-hoàn lại đem ba ngàn đại
thiên thế giới an trí vào trong lỗ chân lông

mình, vậy mà chúng sinh của thế giới ấy chẳng bị nhiều hại và chẳng tự biết ai đem mình đến, ai an trí mình ở tại chỗ đó, chỉ trừ chúng sinh có được tri kiến biết bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn đem cả thế giới ba ngàn đại thiên an trí vào trong lỗ chân lông của thân thể quý ngài rồi sau trả lại. Lại nữa thiện nam! Bạc bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn, ở thế giới này có thể đem cả mười phương quốc độ của các chư Phật để trên đầu kim, như lấy đầu kim nâng chiếc lá táo, rồi đem đi qua quốc độ Phật khác mà các chúng sinh chẳng bị nhiều hại và đều chẳng hay ai đem mình đi, ai an trí mình vào quốc độ ấy, chỉ trừ chúng sinh có được tri kiến biết bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn và dùng thần lực để làm việc ấy. Lại nữa thiện nam! Bạc bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn nắm hết tất cả quốc độ mười phương bỏ vào tay phải, như người thợ nung nắm lấy bánh xe làm bằng đất nung

ném qua phương khác, xa đến vô lượng thế giới vi trần, mà các chúng sinh không bị nhiễu hại, và chẳng tự hay ai đem mình đi, ai an trí mình vào thế giới ấy, chỉ trừ chúng sinh có được tri kiến biết bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn và dùng thần lực để làm việc ấy. Lại nữa thiện nam! Bạc bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn lấy hết thế giới khắp cả mười phương bỏ vào hạt bụi, mà các chúng sinh chẳng hề tổn hại, và chẳng tự hay ai đem mình đến an trí tại đó, ngoại trừ chúng sinh có được tri kiến, biết bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn, và dùng thần lực để làm việc đó. Nay thiện nam tử! Đại bồ-tát trụ Đại bát-nê-hoàn có đại thần lực, thị hiện vô số những việc như vậy, cho nên gọi là Đại bát-nê-hoàn. Những việc bồ-tát đã làm khi trụ Đại bát-nê-hoàn tất cả chúng sinh không thể lường được. Nay ông làm sao có thể biết được Như Lai gần gũi với năm món dục, và làm thân phụ

của La-hầu-la? Lại nữa thiện nam! Ta trụ ở trong Đại bát-nê-hoàn là vì việc lớn, ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, trăm ức mặt trời và cả mặt trăng, trăm ức cõi nước Diêm-phù-đề này hóa hiện nhiều cách, y như cảnh giới định Thủ Lăng Nghiêm[161] đã nói, ở trong ba ngàn đại thiên thế giới và Diêm-phù-đề đều lấy Đại bát-nê-hoàn để thị hiện nê-hoàn, nhưng mà chẳng phải nhập bát-nê-hoàn một lần sau cuối, mà còn trở lại cõi Diêm-phù-đề ở trong năm dục thị hiện thụ thai, cha mẹ của Ta gọi Ta là con, nhưng Ta từ thuở quá khứ xa xưa, vô số kiếp trước đến nay đã đoạn sạch hết ái dục, không còn thụ thân nhiễm ô bất tịnh, không còn thụ thân thụ thực ô uế, thân Ta chính là pháp thân thanh tịnh, sự sinh đã đoạn. Ta dùng trí tuệ phương tiện tùy thuận, ở Diêm-phù-đề thị hiện sinh ra làm một đồng tử, khi vừa sinh ra, bước về hướng bắc bảy bước và

nói: “Trong loài trời, người đến a-tu-la chỉ có mình Ta là tôn quý nhất, không ai sánh bằng”. Cha mẹ vui mừng cất tiếng khen rằng: “Ta sinh đứa con, vừa mới chào đời đã đi bảy bước, là chuyện hiếm trong cuộc đời này”! Vào lúc bảy giờ, mọi loài chúng sinh đều nói kỳ lạ, nhưng Ta chưa từng làm thân đồng tử. Từ vô lượng kiếp đến nay Ta đã lìa hạnh anh nhi, pháp thân thanh tịnh, chẳng phải là thân gân cốt xương thịt, thức ăn nuôi lớn. Pháp thân thị thiện tùy thuận thế gian, làm thân đồng tử, hướng về phương nam bước đi bảy bước là muốn chỉ rõ, trong mọi phước điền Ta là hơn hết; hướng về phương tây bước đi bảy bước là muốn nói rõ, Ta sẽ là người hoàn toàn đoạn tận sinh lão bệnh tử, trong cõi chúng sinh đây là thân cuối; hướng về phương đông bước đi bảy bước là muốn nói rõ trong mọi chúng sinh Ta là bậc thầy dẫn đường tối thượng; hướng về bốn góc

bước đi bảy bước là muốn nói rõ Ta sẽ
 đoạn tận mọi thứ tà thuyết, quét sạch
 phiền não, hành động của ma, thiên tử Tự
 Tại đều phải hàng phục, và Ta sẽ thành
 Ứng Cúng Đẳng Giác; nương giữa hư
 không, nhẹ đi bảy bước là Ta thị hiện
 không bị nhiễm ô, như hư không kia;
 hướng về phương dưới, bước đi bảy bước
 là muốn nói rõ, Ta sẽ phá bỏ tất cả lửa dữ
 ở trong địa ngục, nổi mây pháp lớn, rưới
 mưa pháp lớn, an lạc chúng sinh, mưa
 trận mưa đá đại pháp đẽ bẽp tất cả ác giới.
 Ta sinh ở cõi Diêm-phù-đề này thị hiện
 vẫn còn búi tóc là muốn cho chúng sinh
 biết búi tóc trên đầu của đồng tử kia chư
 thiên, loài người không ai có thể cầm dao
 đến cắt búi tóc ở trên đỉnh đầu Ta được.
 Trong vô số kiếp Ta đã từ bỏ búi tóc này
 rồi, nay lại thị hiện vẫn còn búi tóc là để
 tùy thuận thế gian mà thôi. Ta thị hiện vào
 trong miếu thờ trời, đại lực thiên thần,

Thích Phạm hộ thế[162] cúi đầu cung kính đánh lễ sát chân, vì vô số kiếp Ta đã làm thầy của cả trời, người, nay thị hiện vào miếu trời là để tùy thuận thế gian. Ở Diêm-phù-đề Ta còn thị hiện việc đeo khoen tai, nhưng thật ra chẳng có người nào dám đeo khoen cho Ta. Mái tóc xoắn tròn, rủ xuống bên phải như bờm sư tử, hết thấy nhân dân đều thấy tóc Ta như bờm sư tử, nhưng vô số kiếp Ta đã từ bỏ mái tóc rủ ấy, nay Ta thị hiện mái tóc xoắn tròn, rủ xuống bên phải như bờm sư tử là để tùy thuận thế gian mà thôi. Ở Diêm-phù-đề, Ta cũng thị hiện vào trong học đường, nhưng trong ba cõi không ai có thể làm thầy Ta được, duy chỉ có Ta làm thầy trời, người, vì vậy cho nên gọi Ta là bậc Nhất thiết chủng trí[163]. Nhiều kiếp Ta đã từng học thành tựu trí tuệ vô thượng, nhưng nay thị hiện vào trong học đường là để tùy thuận chúng sinh mà thôi.

Ta cũng thị hiện cưỡi voi, cưỡi ngựa, xử dụng xe báu, giữ các kho báu, thân ở thâm cung hưởng thụ dục lạc, lãnh đạo việc nước, nhưng thật chưa từng bị những thứ đó làm cho nhiễm trước, vì từ lâu xa Ta đã xả ly tất cả thứ ấy như bỏ đàm giải. Ta còn thị hiện thụ năm món dục, lãnh đạo việc nước, làm Chuyển luân vương, vua Diêm-phù-đề, nhưng vô số kiếp Ta đã từ bỏ địa vị vua chúa, vận chuyển pháp luân cam lồ vô thượng, nay Ta thị hiện làm vua Chuyển luân chỉ là tùy thuận thế gian mà thôi. Ở Diêm-phù-đề Ta cũng thị hiện thấy cảnh sinh, già, bệnh, chết, rồi Ta từ bỏ cung vàng điện ngọc với mọi dục lạc xuất gia, mọi người đều thấy đồng tử xuất gia, nhưng Ta chỉ vì hóa độ chúng sinh và để tùy thuận thế gian nên mới thị hiện xuất gia. Ta cũng thị hiện chứng đắc bốn quả của bậc sa-môn là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, trải qua

chín lớp thứ tự thiên định[164], tu bốn chân đế, chúng sinh đều thấy Ta rất mau chóng thành bậc La-hán không ai sánh bằng, nhưng nhiều kiếp trước Ta đã chứng quả cứu cánh La-hán, nay vì hóa độ mọi loài chúng sinh cho nên thị hiện lần đầu tiên chúng. Ta lại thị hiện đến dưới gốc cây trái cỏ làm tòa, hàng phục chúng ma thành đạo vô thượng, nhưng nhiều kiếp trước Ta đã hàng phục tất cả chúng ma và mọi phiền não, đã chứng đắc được pháp vị cam lộ. Ta cũng thị hiện thở ra hít vào, đại tiện tiểu tiện, nhưng thân Ta là pháp thân thanh tịnh đâu có các thứ phiền phức đó nữa, mà chỉ thị hiện theo cách thế gian. Thị hiện ăn uống là vì chúng sinh, kỳ thật Ta chẳng có niệm đói khát, thị hiện ăn uống là để tùy thuận theo cách người đời. Trong vô số kiếp Ta thường chứng đắc các ba-la-mật[165] thậm thâm vi diệu, nên chẳng còn bị thời

tiết chi phối, nhưng phải tùy thuận theo cách thế gian, thị hiện ở trong nhà cửa phòng xá, kỳ thật không có mấy việc ngủ nghỉ, ợ, ngáp phiền phức. Thị hiện ngồi, nằm, kinh hành, dòm ngó, liếc qua, liếc lại, ngẩng lên, cúi xuống, kỳ thật pháp thân của Ta không có các cử chỉ đó. Thị hiện tắm rửa, thân thể sức dầu, dùng cành dương chi để mà súc miệng, nhỏ thuốc sáng mắt, nhưng mà pháp thân đâu có sử dụng những thứ không được thanh tịnh như vậy. Thân thể của Ta, tay chân mềm mại như cánh lá sen, miệng ngát hương hơn như hoa ưu-bát, đôi mắt trong sáng tựa như mặt trăng, nhưng để tùy thuận thế gian nên phải thị hiện thế kia. Ta còn thị hiện sống hạnh thiếu dục, khát thực xin ăn, mặc đồ phẩn tảo[166], nhưng nhiều kiếp trước Ta đã thực hành thành tựu cứu cánh đời sống của một sa-môn khổ hạnh. Ta thị hiện giữa nhân gian làm cha của

La-hầu-la, làm con của vua tên là Tịnh Phạn, mẹ là Ma-da, quyền thuộc đầy đủ, nhưng có khả năng từ bỏ cuộc sống an vui thế tục xuất gia học đạo, sống ở trong rừng, ngồi dưới gốc cây, đoạn mọi thô tế của năm món dục và những trạng thái thọ lạc khác nhau. Bồ ngôi vương tử dòng họ Cù-đàm, thị hiện xuất gia hóa độ chúng sinh. Như Lai không hề đả nhiễm năm món dục lạc khi làm cha La-hầu-la. Ta thị hiện có đầy đủ cha mẹ là để tùy thuận theo cách thế gian, chúng sinh đều thấy Ta là người thường, kỳ thật Như Lai chẳng như người trời, chẳng giống người đời. Lại nữa, ở Diêm-phù-đề Như Lai thị hiện nhập bát-nê-hoàn nhưng mà không phải vào nê-hoàn hẳn, chúng sinh đều bảo Như Lai vĩnh diệt, nhưng mà pháp thân Như Lai thường trụ, chẳng phải là pháp thay đổi, hoại diệt. Thị hiện nê-hoàn là pháp thường trụ của các chư Phật. Có khi

thị hiện làm một tì-kheo phạm bốn tội trọng, mọi người đều thấy, nhưng mà kỳ thật Ta chưa bao giờ thể hiện giải đãi. Hoặc lại thị hiện làm nhất-xiển-đề, hoặc phá hoại Tăng, mọi người đều thấy Ta tạo tội nghiệp địa ngục Vô gián, nhưng mà kỳ thật Ta không hề có tâm phá hoại Tăng, thật ra không ai phá hoại Tăng được. Ở Diêm-phù-đề Ta còn thị hiện hộ trì chính pháp, mọi người đều thấy Ta là đại sĩ hộ pháp đặc lực, nhưng đây chỉ là pháp thường của Phật và hàng bồ-tát. Ở Diêm-phù-đề hiện làm Thiên ma ai cũng đều thấy, kỳ thật Ta không tạo nghiệp của ma. Ở Diêm-phù-đề hiện làm thân nữ, ai cũng ngạc nhiên: Lạ thay, hôm nay người nữ thành Phật! Nhưng mà kỳ thật Như Lai chưa từng làm thân nhi nữ, tùy theo nhân duyên và chỗ mong cầu của mọi chúng sinh mà thị hiện làm thân nam, thân nữ. Ở Diêm-phù-đề Ta thị hiện vào bốn loài súc

sinh, mọi người đều bảo là súc sinh thật, kỳ thật Ta không tạo nghiệp súc sinh, thị hiện vào đó là để tùy thuận thế gian mà thôi. Ta lại thị hiện vào chúng Phạm thiên, làm thầy bọn họ, chỉ vì phương tiện dẫn dắt chúng sinh phụng thờ Phạm thiên để khiến cho họ kính tin chính pháp chứ Ta không hề tạo nghiệp Phạm thiên, hiện tướng Phạm thiên chỉ là tùy thuận thế gian mà thôi. Ta lại thị hiện vào trong nhà chứa độ các dâm nữ, không hề khởi lên ý tưởng tham dục, tâm như hoa sen chẳng nhiễm bùn nhơ. Thân tướng trang nghiêm, đến khắp những nơi ồn ào náo nhiệt, phương tiện dẫn dắt, giáo hóa chúng sinh có tâm nhiễm ô. Ta lại thị hiện vào trong kỹ viện hiện làm kỹ nữ nhưng dùng chính pháp giáo hóa mọi người; vào trong học đường thị hiện làm thầy dạy bọn trẻ con; hoặc vào quán rượu, chiếu bạc, hí viện để giáo hóa người, nhưng Ta không hề tạo

nghiệp như họ; đến nơi gò mả độ các chim thú, nhưng Ta chẳng phải là thân súc sinh; vào nhà trưởng giả truyền trao chính pháp; vào chốn đại thần chỉ dạy việc nước; vào chỗ thái tử dạy làm hộ pháp; vào nhà vương hầu làm bậc tiên vương vận dụng chính pháp để mà trị quốc; Ta còn thị hiện ra các mầm bệnh nhân đó chữa trị những người bệnh ấy, rồi đem chính pháp dạy họ chán lìa bệnh khổ của thân, chúng sinh cho rằng thật có mầm bệnh; Ta cũng thị hiện mất mùa đói khát rồi đem thức ăn cam lộ bố thí cho những chúng sinh đói khổ trở về nương tựa chính pháp, chúng sinh bảo rằng thật có kiếp đói; Ta còn thị hiện trận kiếp đao binh, khiến cho chúng sinh tổn hại lẫn nhau, nhân đó mới đem chính pháp giáo hóa khiến họ hòa vui, chúng sinh cho rằng thật có tai kiếp đao binh chiến trận; Ta lại thị hiện tướng trạng vô thường như lửa thiêu

đốt, để dạy cho những chúng sinh chấp thường, chúng sinh đều bảo thật có tai họa lửa dữ thiêu đốt. Mỗi loài chúng sinh đều đồng ngôn ngữ giống loài của mình, nhưng ai cũng cho tiếng nói loài mình hơn mọi loài khác, nên Ta tùy thuận âm thanh họ ưa mà hóa độ họ. Ta lại thị hiện đủ cả bốn loại đất, nước, gió, lửa, tùy loại chúng sinh mê đắm loài nào nhân đó độ họ. Ta lại thị hiện làm những cây thuốc, tùy mỗi căn bệnh chữa trị độ thoát chúng sinh bệnh đó. Ta lại thị hiện vào chúng ngoại đạo xuất gia làm thầy dẫn dắt bọn họ, nhưng vô lượng kiếp Ta đã lìa hẳn nghiệp ngoại đạo rồi, thị hiện như vậy cốt đem chính pháp độ họ mà thôi. Ta lại thị hiện làm thợ khéo tay, làm thầy thuốc giỏi, làm thầy bùa chú, là để giáo hóa mọi loài chúng sinh và các ngoại đạo lòng đầy kiêu mạn, vận dụng chính pháp hàng phục mọi loài tà mạn, kiêu mạn, cống cao, ngã mạn,

chúng sinh thấy vậy cho Ta là người thế tục tầm thường, nhưng Phật thường trụ là pháp thế gian. Thậm chí Ta cũng thị hiện làm kẻ tội tở hạ tiện để mà tùy thuận độ cho bọn họ. Trong Diêm-phù-đề thị hiện vô số nghiệp chủng khác nhau, kỳ thật Như Lai chưa từng làm việc giống như bọn họ. Thị hiện vô số tướng loài là để tùy thuận thế gian. Trong các cõi nước, Bắc Uất-đan-viết, Tây Câu-da-ni, Đông Phát-vi-kiến, hai mươi lăm cõi[167], cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, Ta đã tùy thuận theo pháp thế gian hóa hiện vô vàn và nói rõ trong Lăng Nghiêm tam-muội. Như Lai thành tựu trí đại phương tiện, mọi việc Phật làm đều là thị hiện, vì vậy gọi là Đại bát-nê-hoàn.

Bậc đại bồ-tát trụ công đức Đại bát-nê-hoàn tất có khả năng tùy duyên biến hóa vô số giống loài chẳng hề sợ hãi. Ông chớ

nghi ngờ Ta làm thân phụ của La-hầu-la. Phải biết Như Lai từ vô số kiếp đã lìa biển lớn sinh tử ái dục. Do đó Như Lai là pháp thường trụ, chẳng phải là pháp biến đổi, hư hoại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Nếu Đức Như Lai là pháp thường trụ, chẳng phải là pháp hủy diệt từ từ, chẳng phải là pháp biến dị đổi thay, vậy thì tại sao Như Lai khen ngợi việc nhập涅槃? Thí như đèn tắt, ánh sáng của nó đi về chốn nào không ai biết được?

Phật bảo Ca-diếp:

- Ông ví như vậy không đúng ý Ta. Đây thiện nam tử! Thí như cây đèn đựng đầy dầu mỡ thắp lên sẽ sáng, đến khi dầu hết gọi là đèn tắt, nhưng mà kỳ thật cây đèn vẫn còn. Như Lai cũng vậy, loại dầu phiền não đã cháy hết rồi, nhưng đèn Như

Lai vẫn còn chẳng mất. Nếu như dầu mỡ và đèn đều hết thì đức Như Lai nê-hoàn cũng vậy. Lửa tắt đèn còn, vì vậy Như Lai an lạc nê-hoàn chẳng còn chẳng mất. Lại nữa thiện nam! Ta nói đèn tắt là để thí dụ bậc A-la-hán, chẳng phải để nói về pháp nê-hoàn. Bậc A-la-hán đắc quả tăng thượng^[168] thì đã diệt sạch mọi thứ tham muốn thức ăn ô uế ở trong cuộc đời, thí như đèn tắt. Bậc A-na-hàm nghĩa cũng như vậy. Vì vậy Ta đã phương tiện nói pháp vi diệu bí mật, chẳng nói nê-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Bậc A-na-hàm có nghĩa là gì?

Phật bảo Ca-diếp:

- Không còn trở lại thụ thân này nữa là A-na-hàm.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, Như Lai cũng giống những nhà ảo thuật, có pháp bí mật?

Phật bảo:

- Không phải! Pháp của Ta thuyết ví như trăng thu tròn đầy không khuyết, lìa dâm, nộ, si, không có che dấu, cũng không bí mật. Như ông trưởng giả lắm tiền nhiều của, chỉ có một con, thương yêu hết mực, đem đến nhà thầy để học bán tự^[169]. Chưa được bao lâu, sợ con học vậy lâu được thành tài, trưởng giả đem con về lại nhà mình ngày đêm ân cần dạy cho bán tự. Thế nào thiện nam, người cha chỉ dạy con học bán tự có thể biết được tất cả các loại ký luận hay chăng? Nếu có thể biết tất cả ký luận vậy thì tại sao người cha chỉ dạy bán tự mà thôi? Với đứa con yêu lẽ đâu ông ấy dấu giếm không dạy ký luận hay sao?

Ca-diếp bạch Phật:

- Dạ không Thế Tôn! Vì đứa trẻ con chưa thể hiểu luận cho nên không dạy. Nếu ông tham tiếc giấu kín thì mới gọi là che giấu, đằng này lòng dạ thẳng ngay khích lệ, tùy sức đứa trẻ từ từ dạy dỗ nên không thể nói là che giấu được.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Đúng như ông nói, với tâm giận hờn, tham lam, keo kiệt giữ lại bí mật gọi là che giấu, nhưng Ta dùng tâm từ bi thương yêu tất cả chúng sinh y như con một, chỉ vì thấy con còn nhỏ không thể kham nhận giáo pháp thậm thâm vi diệu cho nên chưa dạy, như ông trưởng giả lúc đầu dạy con chỉ dạy bán tự. Ta cũng như vậy, dạy chín bộ kinh, mười trí, mười lực, bốn chân diệu đế, tám phần thánh đạo, luận ký thậm

thâm, nhưng với giáo pháp Đại thừa phương đẳng thì chưa thể dạy. Lại nữa thiện nam! Như ông trưởng giả dạy đứa con cưng, trước học bán tự, học bán tự xong, lần lượt mới dạy ký luận thâm sâu, khiến con thông hiểu. Ta cũng như vậy, trước vì đệ tử dạy chín bộ kinh, khi biết đệ tử đã thông hiểu rồi, sau đó mới dạy luận ký Đại thừa: Như Lai trường tồn, chẳng phải là pháp thay đổi biến dị, khiến mọi chúng sinh mở rộng mắt huệ. Nay thiện nam tử! Thí như mùa hạ, khi mây kéo về, sấm chớp rền vang ắt có mưa to, trăm loại thảo mộc đều được thấm nhuần. Ngày nay Như Lai cũng y như vậy, kéo mây sấm sét khởi đại pháp âm tuyên thuyết giáo pháp vi diệu bí mật Đại bát-nê-hoàn, ắt hẳn có mưa pháp vũ cam lồ an lạc chúng sinh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Như Thế Tôn dạy chẳng hề giấu giếm, rõ ràng như việc đưa cơm vào miệng. Nhưng còn ý nghĩa như chim bay qua ở giữa bầu trời dấu vết khó tìm thì là thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Giấu là gom chứa, lấy về cho nhiều; giếm là cất giữ, cất giữ những gì đã nhận về được; đó là ý nghĩa hai chữ giấu giếm. Giấu giếm có hai: một là hữu vi, hai là vô vi. Giấu giếm hữu vi là những Thanh văn. Giấu giếm vô vi chính là Như Lai. Tăng có hai loại, đó là đấng Tăng và vô đấng Tăng. Đấng Tăng chính là hàng Tăng Thanh văn. Hàng Tăng Thanh văn cũng không giấu giếm, vậy mà ngày nay tại sao có người nhận nuôi đầy tớ, cất giữ tiền bạc; đến như dầu vừng, muối ăn v.v... Như Lai còn không cho họ cất giữ, lẽ nào Như Lai cho họ nuôi chứa những vật như

trên. Nếu ai bảo rằng Như Lai cho phép, kẻ ấy đời đời bị đọa lạc vào địa ngục Cắt Lưỡi. Đẳng Tăng Thanh văn không có giấu giếm, rõ ràng như việc đưa cơm vào miệng; tâm tư của họ không hề tham tiếc, như không tham tiếc mùi vị thức ăn, nơi mà họ đến như dấu chim qua, khó lòng tìm được. Những hạng người đó mau chóng thành đạo Vô thượng chính giác. Dấu vết khó tìm gọi là Như Lai. Hàng Tăng hữu vi còn không giấu giếm, huống Tăng vô vi! Tăng vô vi là chư Phật Như Lai. Chư Phật Như Lai há có bí mật? Nếu có bí mật mới là giấu giếm. Khó tìm chính là chỉ cho nê-hoàn an lạc bất động, không có các tướng hư không, nhật, nguyệt, mây, mưa, đất, nước, lửa, gió, sinh già, bệnh, chết, phiền não. Thường trụ bất biến, an lạc bất động gọi là nê-hoàn. Vì chúng nê-hoàn nên gọi Như Lai đại bát-nê-hoàn. Đại có nghĩa là làm những việc

lớn. Đại là tên gọi số đếm hữu vi, nếu có người nào thọ mạng dài lâu, thì gọi người đó là bậc đại thọ. Người có khả năng vận hành Phật pháp là bậc đại nhân ở trong loài người. Người nào thành tựu tám điều giác ngộ của bậc đại nhân, gọi là đại nhân. Cho nên chữ đại là tên số đếm của pháp hữu vi. Nê-hoàn nghĩa là lìa mọi ung nhọt. Thí như một người bị trúng tên độc, đau đớn vô cùng, may nhờ gặp được thầy thuốc chữa trị, vết thương đau đớn ắt được chữa lành. Người thiện nam đó lìa khỏi ung nhọt, ông thầy thuốc ấy lại qua nước khác chữa bệnh ung nhọt cho mọi chúng sinh. Đức Phật Như Lai, Ứng Cúng Đẳng Giác cũng làm như thế, tất cả chúng sinh trong Diêm-phù-đề từ vô lượng kiếp bị nhiễm các độc phiền não tham dâm, giận hờn, si mê làm cho khổ đau, Như Lai dùng thuốc pháp vị cam lộ Đại thừa để trị những bệnh khổ ấy. Những chúng sinh

này dứt bệnh khổ rồi, Ta lại thị hiện đi qua nước khác chữa trị bệnh khổ chúng sinh ở đó, vì vậy nên gọi Đại bát-nê-hoàn. Nghĩa lý chân thật và nghĩa phương tiện đều được gọi là Đại bát-nê-hoàn. Ta thị hiện vào sáu nẻo luân hồi và đường giải thoát, bất cứ chỗ nào, tùy theo chỗ cảm thụ của chúng sinh mà Ta giáo hóa, vì ý nghĩa này cho nên gọi là Đại bát-nê-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Cách chữa trị bệnh của ông thầy thuốc, phải chăng trị dứt bệnh khổ mọi người ở chỗ này xong, ông lại xuất hiện ở một nơi khác trị bệnh cho người?

Phật bảo:

- Đúng vậy! Nay thiện nam tử, có thể điều trị tất cả các bệnh khiến cho được lành, chỉ trừ bệnh nặng không thể chữa được.

Chư Phật Thế Tôn cũng giống như vậy, trừ nhất-xiên-đề, mọi người còn lại đều được chữa khỏi.

Ca-diếp lại thưa:

- Giải thoát là gì? Có bao nhiêu loại?

Phật bảo Ca-diếp:

- Giải thoát có hai, sắc và vô sắc. Vô sắc chính là giải thoát của hàng Thanh văn, Duyên giác. Sắc là giải thoát của đức Như Lai. Giải thoát thuộc sắc, không nói đến sắc. Bởi vì sao vậy? Ví như chúng sinh ở cõi Phi tưởng, Phi phi tưởng kia, thân vừa có sắc, vừa không có sắc, nhưng đâu thể nói là họ có sắc. Nếu ai hỏi rằng chúng sinh Phi tưởng, Phi phi tưởng kia, thân vừa có sắc, vừa không có sắc, nhưng đâu thể nói là họ có sắc, thì họ sẽ trụ vào ở chỗ nào? Khoái lạc ra sao? Ông trả lời rằng đó là cảnh giới của các chư Phật,

chẳng phải là điều Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Cúi xin Thế Tôn giảng lại ý nghĩa giải thoát nê-hoàn của Phật Như Lai.

Phật bảo Ca-diếp:

- Giải thoát nghĩa là xa lìa mọi sự trói buộc hòa hợp. Lìa hòa hợp là sinh mà không sinh, như có cha mẹ mới sinh ra con thì gọi là sinh, còn như giải thoát thì không như vậy, nó như đề hồ tính vốn tinh khiết, không nhờ cha mẹ ái dục nuôi lớn, vì độ chúng sinh thị hiện có sinh, nên giải thoát là sinh mà chẳng sinh. Lại nữa sinh là như gieo hạt giống nó nảy thành mầm, còn nghĩa giải thoát thì không như vậy, nên nói giải thoát vốn chẳng phải sinh. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Thế nên Như Lai sinh mà không sinh, tạo

tác nhưng mà không hề tạo tác. Tạo tác thật sự là như thành quách, lầu quán do người tạo tác mà ra, giải thoát chân thật thì không như vậy, giải thoát nghĩa là không người tạo tác. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Vì vậy nên biết Như Lai nghĩa là không còn tạo tác, gọi là vô vi. Còn nghĩa hữu vi, thì như thợ gốm lấy đất sét nặn ra các đồ dùng, có làm có hư, giải thoát chân thật thì không như vậy, không có tạo tác, không có hư hoại, vì vậy giải thoát là không tạo tác, là không hư hoại. Sự giải thoát đó tức là Như Lai. Nên biết Như Lai không sinh, không tử, vì vậy Như Lai là pháp vô vi, nên nói Như Lai nhập đại nê-hoàn không có các tướng già suy sức yếu. Thân thể khô gầy, thể lực suy kém, tóc bạc răng rụng là tướng già yếu, giải thoát chân thật thì không như vậy, vĩnh viễn xa lìa các tướng già suy gọi là giải thoát, giải thoát như vậy gọi là Như

Lai. Như Lai không có các tướng già suy nên gọi không bệnh. Hễ nói tới bệnh thì có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, ngoài ra đau ốm đột ngột thì nhiều không thể kể hết. Là mọi bệnh này gọi là giải thoát, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Pháp thân thanh tịnh, không có bệnh hoạn cho nên mới nói Như Lai vô bệnh. Vì không có bệnh nên chẳng có chết. Chúng sinh thường chết, vì chẳng giải thoát, có tận có tử. Vĩnh viễn thoát khỏi sự chết trôi buộc gọi là giải thoát. Sự giải thoát đó tức là Như Lai. Như Lai thành tựu vô lượng công đức thượng diệu như vậy. Nói rằng Như Lai vẫn còn bị chết là điều hoang đường. Thân của Như Lai pháp thân kim cương, thanh tịnh không hoại, cho nên không chết, là mọi cấu uế, thì làm sao có tướng của vô thường biến hoại đổi thay. Thí như vầng sữa đọng lại từng lớp trắng ngần tuyệt đẹp, giải thoát chân thật thì không

như vậy. Giống như sen trắng, thanh tịnh vô nhiễm, giải thoát của Phật cũng giống như vậy, vĩnh viễn xa lìa ái dục như bản, vì vậy Như Lai gọi là vô nhiễm, lìa mọi ngăn ngại. Nếu có người chủ quản chế nghiêm ngặt gọi là ngăn ngại, giải thoát chân thật thì không ngăn ngại, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nên Như Lai là vô ngại thanh lương. Đối với người đời, chôn thanh lương nhất chính là cõi trời, nhưng nói như vậy là lời dối gạt, bởi vì chỉ có giải thoát mới là chân thật thanh lương. Sự giải thoát đó chính là Như Lai, nên Như Lai là thanh lương an ổn. Sự an ổn đó, thí như đường đi không gặp giặc cướp gọi là an ổn, giải thoát chân thật thì không như vậy, tính không sợ hãi gọi là an ổn, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nên Như Lai là an ổn vô úy, lìa mọi sợ hãi. Sự sợ hãi đó, thí như quốc vương thường sợ kẻ thù, giải thoát chân thật trọn không sợ

hãi, thí như ông vua Chuyển luân thánh vương chẳng có sợ hãi, giải thoát chân thật cũng giống như vậy, sự giải thoát đó chính là Như Lai. Như Lai chuyển vận bánh xe pháp vương tối thắng vô thượng chẳng có kẻ thù, vì vậy Như Lai không sợ không lo. Sự lo sợ đó, thí như quốc vương có người mưu phản mà không khả năng để hàng phục nó nên thường lo sợ. Giải thoát chân thật thì không có những nỗi lo như vậy, thí như quốc vương đã hàng phục được kẻ thù trong nhà không còn lo lắng, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Như Lai không có lo âu sợ hãi, là mọi bợn nhơ. Sự bợn nhơ đó thí như gió xuân thổi tung bụi đất, giải thoát chân thật là mọi bụi bặm, như Chuyển luân vương cột viên minh châu ở trong búi tóc bụi không vấy bẩn, sự giải thoát đó tức là Như Lai, cho nên Như Lai là mọi bợn nhơ, là mọi hư dối. Sự hư dối đó dụ như ngói bể, giải

thoát chân thật thì không như vậy, giống như kim cương chắc thật không bể, sự giải thoát đó tức là Như Lai, cho nên Như Lai là không hư dối, luôn luôn tự tại. Không được tự tại là như những người bần cùng thiếu nợ tài vật của chủ, bị chủ quản chế chẳng được tự do. Giải thoát chân thật thì không như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nên Như Lai là tự tại vô ngại, chẳng ai xâm hại. Sự xâm hại là, thí như một người mùa xuân chịu nóng, mùa hạ uống rượu, mùa đông chịu rét, thì thân tổn thương, tự xâm hại mình. Giải thoát chân thật thì không như vậy, chẳng bị xâm hại, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Nên Như Lai là không bị xâm hại, là mọi như bần, thí như hư không chẳng chút bợn nhơ. Giải thoát chân thật cũng y như vậy, chẳng có bợn nhơ, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Nên Như Lai là không có bợn nhơ, không còn ràng buộc. Ràng buộc

nghĩa là vương vấn bạn bè, bà con quyến thuộc, giải thoát chân thật thì không còn sự ràng buộc như vậy, như Chuyển luân vương vui thú một mình không cần bạn, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nên Như Lai là chẳng ai ngang bằng. Như loài hoa sen sinh ra trong nước là chuyện bình thường, hoa sen sinh ra từ ở trong lửa mới là kỳ đặc, mọi người ưa thích, giải thoát chân thật cũng y như vậy, mọi người ưa thích, sự giải thoát đó tức là Như Lai, cho nên Như Lai là bậc hy hữu, kỳ đặc vô cùng chẳng ai sánh kịp. Thí như trẻ con chưa mọc răng được, thì không thể khiến cho răng mọc liền, giải thoát chân thật cũng y như vậy, kẻ sống phi thời buông lung phóng túng mà được chứng quả thì không thể có, như nhất-xiển-đề, giải đãi làm biếng, nằm dài suốt ngày mà nói thành Phật là chuyện hoang đường. Giả sử cư sĩ tại gia năm giới tin sâu Phật pháp

muốn cầu giải thoát đến bờ bên kia còn không thể được, huống là những kẻ lười biếng nằm dài. Vì sao như vậy? Bởi vì bản tính thì không thể nhờ kẻ khác mà thành, cho nên giải thoát chẳng ai sánh kịp, sự giải thoát đó tức là Như Lai, vì vậy Như Lai không ai sánh kịp, vô lượng vô số. Thí như biển lớn vẫn lường đếm được, giải thoát chân thật chẳng lường chẳng đếm, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nên Như Lai là tối thắng vô lượng. Sự tối thắng đó chẳng thể so sánh, thí như biển lớn không gì sánh bằng, sự giải thoát đó chính là Như Lai, nên Như Lai là vời vợi tối thắng. Sự vời vợi đó thí như hư không chẳng gì vượt qua, sự giải thoát đó chính là Như Lai, Như Lai vời vợi, vua trong hàng thánh, thí như sư tử chúa tể muôn loài, giải thoát chân thật là vua các pháp, ánh sáng giải thoát chiếu khắp các pháp, sự giải thoát đó chính là Như Lai, cực kỳ

cao tốt. Như trong các cõi thì Uất-đan-viết[170] là thù thắng nhất, giải thoát tối thượng cũng y như vậy, sự giải thoát đó chính là Như Lai, nên Như Lai là tối thượng bậc nhất không gì cao hơn, như trong các cõi thì Uất-đan-viết là thù thắng nhất, vô thượng giải thoát cũng y như vậy, sự giải thoát đó chính là Như Lai, nên Như Lai là pháp thường vô thượng. Giống như sự chết đối với trời, người là pháp thường vậy, nhưng với pháp thường của sự giải thoát thì không như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nên Như Lai là thường trụ kiên cố. Cây chuối, bọt nước thì không bền chắc, giải thoát chân thật thì không như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, là mọi tệ lậu. Thí như vách gỗ đã bị mục nát là chỗ sinh sống của loài mối mọt, còn sự giải thoát thì không như vậy, như tường sơn láng không gì bám trụ, giải thoát như vậy tất cả điều ác

không thể nhiễm được, sự giải thoát đó tức là Như Lai, chẳng có giới hạn. Thí như tụ lạc, quốc thổ mới có ranh giới giới hạn, giải thoát chân thật thì không như vậy, thí như hư không khoáng lạc vô biên, sự giải thoát đó tức là Như Lai, vi diệu vô cùng, chẳng có dấu vết. Như chim bay ngang dấu vết chẳng hiện, giải thoát không còn để lại dấu vết cũng y như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, thâm sâu khó lường. Cha mẹ sinh thành, nuôi dưỡng lớn khôn, ân đức thậm thâm không thể đo lường, giải thoát chân thật cũng y như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, thâm sâu khó thấy. Như các chúng sinh, mỗi mỗi tự thân đều có bản tính Như Lai của mình rất là vi diệu nhưng lại sâu kín rất là khó thấy, giải thoát chân thật vi diệu bí mật khó thấy hơn vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, không thể thấy được. Giống như đỉnh tướng[171] không thể

thấy được, giải thoát như vậy chẳng phải Thanh văn và hàng Duyên giác có thể thấy được, sự giải thoát đó tức là Như Lai, không có nhà cửa. Gọi là nhà cửa bởi có phòng ốc làm chỗ cư trú, giải thoát chân thật thì không như vậy, thí như hư không, vĩnh viễn không thể làm chỗ ở cho hai mươi lăm cõi sinh tử cư ngụ, sự giải thoát đó tức là Như Lai, không có nắm giữ. Nắm giữ nghĩa là, như tay cầm nắm trái a-ma-lặc[172], giải thoát chân thật thì không như vậy, như nhà ảo thuật làm trò biến hóa không thể nắm được, sự giải thoát đó tức là Như Lai, lìa mọi uế tạp. Uế tạp nghĩa là như dùng da trâu lốm đốm nhiều màu để làm y phục, giải thoát chân thật thì không như vậy, thí như lấy sữa đúng thời đúng kỳ, thì thứ sữa ấy một màu một vị, giải thoát chân thật cũng y như vậy, một tướng vi diệu, sự giải thoát đó tức là Như Lai, bản tính thanh tịnh.

Nước ao tù đọng thì không trong sạch, giải thoát chân thật thì không như vậy, như nước trời mưa một vị trong sạch, sự giải thoát đó tức là Như Lai, bản tính chân diệu. Giống như trăng trong chẳng chút mây che, giải thoát cũng vậy chân diệu vô nhiễm, sự giải thoát đó tức là Như Lai, chân diệu định tĩnh. Cứu lửa đang cháy hừng hực trên đầu thì không định tĩnh, còn sự giải thoát diệt sạch tai họa phiền não đốt cháy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, tính nó bình đẳng. Không bình đẳng là như hai người điên, tính không bình thường, giải thoát chân thật thì không như vậy, bản tính bình đẳng giống như mẹ con, sự giải thoát đó tức là Như Lai, bản tính tịch diệt, đến chỗ tối thượng, không còn điều gì để mong cầu nữa, giống như một người đói khát cùng cực mà được cơm ngon no đủ thỏa ý thì chẳng mong cầu thêm điều gì nữa, giải thoát chân thật

cũng y như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, tính đã đoạn tận. Thí như lưới câu, mỗi câu, dây câu đều đã đoạn sạch, giải thoát chân thật cũng y như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, đã đến bờ kia. Thí như dòng sông có bến có bờ, sinh tử vô lượng gọi là bờ này, giải thoát chân thật gọi là bờ kia, giải thoát chân thật tức là Như Lai, thanh tịnh lắng sâu. Lắng sâu nghĩa là chẳng như nước sông mà như biển lớn, giải thoát chân thật cũng y như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, chỉ thuần một vị, như cư-xá tử[173], thuần một vị đấng, giải thoát chân thật thì không như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, lìa mọi buông lung. Buông lung tức là đam mê năm dục, giải thoát chân thật thì không như vậy, tính nó thanh tịnh, lìa dâm, nộ, si, sự giải thoát đó tức là Như Lai, điều phục khát ái. Ái có hai loại: niệm ái, pháp ái. Pháp ái tức là thương

nhớ chúng sinh, giải thoát chân thật không có niệm ái, lìa ngã, ngã sở, sự giải thoát đó tức là Như Lai, tính nó diệt tận. Hết thấy tập khí sinh tử trôi buộc đều đã diệt hết gọi là giải thoát, sự giải thoát đó tức là Như Lai, ví như thế gian là nơi che chở mọi sự tạo tác, sự giải thoát đó tức là Như Lai, làm chỗ nương tựa cho cả thế gian. Thí như quốc vương dạo chơi nước nhỏ, giải thoát chân thật thì không như vậy, bất động khoái lạc gọi là giải thoát, sự giải thoát đó tức là Như Lai, ở bất cứ đâu cũng thường an ổn. Chẳng hạn ở nơi đồng trống có nhiều hiểm nạn, sợ hãi, giải thoát chân thật thì không như vậy, giống như sư tử chúa tể muôn loài chẳng có sợ hãi, sự giải thoát đó tức là Như Lai, thoát mọi bức bách. Thí như một người bị thú dữ đuổi chẳng ai cứu hộ để thoát hiểm nạn, giải thoát chân thật thì không như vậy. Như người lái thuyền, được con thuyền

tốt vượt qua biển lớn, sự giải thoát đó tức là Như Lai, thoát mọi nhơ bần. Thí như từ sữa mà làm ra lạc, rồi lại từ lạc làm ra sinh tô, rồi từ sinh tô làm ra thực tô, rồi từ thực tô làm ra đề hồ, chỉ có đề hồ mới có tính chất tinh khiết bậc nhất, lìa mọi bợn nhơ, giải thoát cũng vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, hàng phục tâm niệm công cao ngã mạn. Thí như quốc vương cao mạn tự đại bảo rằng chẳng ai có thể bằng mình, giải thoát chân thật thì không như vậy, lìa mọi tâm niệm công cao ngã mạn, vô ngã, ngã sở, sự giải thoát đó tức là Như Lai, diệt trừ vô minh. Thí như từ sữa mà làm ra lạc triển chuyển tương sinh cho đến đề hồ, như vậy đề hồ là chất tinh khiết, tự nó không còn tạp chất, nhơ bợn, giải thoát cũng vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, thoát dục nhân tính, không có hai pháp ngang nhau bằng nhau. Thí như voi chúa, không ở chung đàn, giải thoát

cũng vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, là mọi dối lừa, giải thoát ngã sở, vào Như Lai tạng[174]. Thân của trời, người và a-tu-la không được chắc thật, như cây y lan[175], cây lau, cây chuối, chẳng có bền chắc, là Như Lai tạng. Giải thoát chân thật thì thể nhập trong mật tạng Như Lai, là mọi hư vọng, đoạn tất cả hữu, giải thoát cũng vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, vào chính pháp Phật. Phi chính pháp là như hoa bách diệp, giải thoát chân thật thì không như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nhập vào nhất tính. Muôn tính nghĩa là tính mọi chúng sinh, thọ mạng sai khác là thọ mạng của tất cả chúng sinh, giải thoát chân thật thì không như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nhập vào nhất xứ. Mọi ngộ thể nhập không có ngã sở, giải thoát cũng vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Thiên pháp nghĩa là, thí như đứa con có hiếu cha mẹ,

giải thoát cũng vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Ra khỏi thế gian nghĩa là vượt trên tất cả các pháp, trong tất cả vị thì vị giải thoát chân thật là nhất, sự giải thoát đó tức là Như Lai, trạm nhiên bất động. Động ở đây là như biển nổi sóng, giải thoát chân thật thì không như vậy, phương nhân-đà-la[176] gió bốn phương thổi vẫn không lay động, sự giải thoát đó tức là Như Lai, thẳng lên nhà Pháp. Nhà của thế gian lớn lắm cũng như cung điện của vua, giải thoát chân thật thì không như vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Ánh sáng chiếu lòa như luyện vàng ròng, giải thoát cũng vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Nghỉ ngơi khoáng lạc, thì như quốc vương vừa hàng phục xong các nước đối địch thân tâm khoáng lạc, giải thoát chân thật xả trừ khổ ấm, nê-hoàn khoáng lạc, sự giải thoát đó tức là Như Lai, đạt đến cứu cánh, chẳng còn dư tàn, lìa mọi trói buộc lao

ngục sinh tử. Thí như tù nhân mãn hết tội tù được cho ra ngục, giải thoát cũng vậy, sự giải thoát đó tức là Như Lai, là mọi kết độc. Như được giải thoát vô lượng phiền não, độc xà kết hoạn, đoạn tất cả hữu, là tất cả khổ, được tất cả lạc, được giải thoát mãi, sự giải thoát đó tức là Như Lai, là dâm, nộ, si. Tất cả phiền não đã đoạn hết sạch, nhổ gốc ba độc, giải thoát vô dư, sự giải thoát đó tức là Như Lai, là tất cả hữu. Đoạn diệt hoàn toàn tất cả chư hữu, thể nhập nê-hoàn, cứu cánh giải thoát, sự giải thoát đó tức là Như Lai, siêu việt các ám. Siêu việt tất cả các pháp bất thiện, giải thoát lâu dài, sự giải thoát đó tức là Như Lai, là nơi tự ngã và mọi ngã sở. Cuộc đời vô ngã, vô ngã chân thật thì Phật tính sẽ hiển hiện rõ ràng, sự giải thoát đó tức là Như Lai, tính như hư không. Hư không nghĩa là không thể nắm bắt những gì vốn có, những gì vốn không,

như các Ni-kiền có niệm sở hữu và không sở hữu, giải thoát chân thật thì không như vậy. Lại nữa, về nghĩa chữ không, thì như bình mật, nếu không có mật gọi là bình không, kỳ thật chẳng phải không có cái bình, do không có vật gì ở trong đó, nên gọi bình không, nhưng mà hình sắc cái bình vẫn còn cho nên biết rằng chẳng phải không có, nghĩa chẳng phải không của sự giải thoát cũng y như vậy, có hình có sắc cho nên mới nói chẳng phải là không. Đã diệt hoàn toàn vô lượng phiền não, hai mươi lăm cõi, luân chuyển sinh tử, thế giới hành xứ tới lui đã hết, giống như không có mật ở trong bình gọi là bình không, đã diệt hoàn toàn mọi thứ họa hoạn nên gọi là không, giống như cái bình. Lìa pháp thế gian, chu du khắp chốn, lòng thường khoáng lạc, chẳng hề lay động, thường trụ bất biến, nhưng cái bình kia là pháp vô thường, còn sự giải thoát

thường trụ bất biến, cho nên gọi là không mà chẳng không, sự giải thoát đó tức là Như Lai, lìa chỗ chấp trước. Chấp trước nghĩa là mê làm Đê thích, Đại lực, Phạm thiên. Tuệ giác tròn đầy nghĩa là giải thoát mọi sự ái chấp, sự giải thoát đó tức là Như Lai, tham dục diệt hết. Tất cả mong cầu về sự tham muốn cũng đều diệt hết, thoát mọi đam mê gọi là diệt hết, sự diệt hết đó tức là giải thoát, sự giải thoát đó tức là Như Lai, nê-hoàn khoái lạc. Trạng thái nê-hoàn, ví như bầy nai thấy đám thợ săn sợ đến chết khiếp, trốn vào núi sâu, gặp động tiên như liền được yên nghỉ an ổn khoái lạc, sự khoái lạc đó gọi là nê-hoàn. Trạng thái nê-hoàn chẳng hề chấm dứt, giải thoát hoàn toàn tất cả các hữu, vô lượng sinh tử, phiền não đảo điên, oan gia trái thù, phương tiện trốn vào gặp được động tiên đó là chính pháp, nương tựa chư Phật, chính Pháp và Tăng, an ổn khoái lạc

vô lượng chúng sinh. An ổn khoái lạc tức là nê-hoàn, chẳng hề diệt tận. Nếu chúng sinh nào quy y Tam bảo gọi là nê-hoàn, huống là Như Lai Nhất thiết chủng trí, xả hẳn thân này mà không phải là an ổn khoái lạc nê-hoàn hay sao! Nhập nê-hoàn là, như kẻ bị say, có người đến hỏi ông an lạc không? Kẻ say tỉnh lại đáp rằng an lạc, chúng sinh cũng vậy, trong vô lượng kiếp say vui sinh tử trong hai lăm cõi, khi đã tỏ ngộ an ổn khoái lạc, an ổn mãi mãi, giải thoát bất động, không phải diệt tận, sự giải thoát đó tức là Như Lai.

Bấy giờ bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Không sinh, không khởi tức là giải thoát, là Như Lai chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

- Đúng vậy, đúng vậy! Này thiện nam tử! Không sinh, không khởi tức là giải thoát, cũng là Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Tính của hư không, không sinh không khởi, là Như Lai chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

- Cứu cánh giải thoát chẳng như hư không. Lại nữa thiện nam! Tiếng hót thanh thoát, vi diệu của chim ca-lăng-tần-già và chim cộng mạng có giống với loài chim cú hay không?

Ca-diếp bạch Phật:

- Dạ không, Thế Tôn! Âm thanh của chúng khác nhau nhiều lắm, không thể thí dụ. Vì nhân duyên gì chư Phật Như Lai lại dùng phương tiện nói thí dụ này?

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Ông khéo hiểu được thâm ý của Phật! Cho nên giải thoát chính là Như Lai, Như Lai tức là sự giải thoát ấy, sự giải thoát này không thể ví dụ. Chư thiên, loài người, chúng a-tu-la... tất cả muôn loài không thể lấy cái không thể ví dụ làm ví dụ được, chỉ có Như Lai vì để giáo hoá mới dùng phương tiện lấy cái chẳng phải ví dụ để làm ví dụ mà nói về sự giải thoát. Vì sao như vậy? Bởi sự giải thoát tức là Như Lai, Như Lai chính là sự giải thoát ấy, không hai, không khác. Không thể ví dụ lấy làm ví dụ như vàng trắng tròn, thân voi trắng lớn dụ như núi tuyết, chư Phật Thế Tôn cũng y như vậy, nói đến những điều chẳng phải ví dụ dụ cho giải thoát, vì để giáo hoá chúng sinh nên thuyết pháp phương tiện và thuyết pháp chân thật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Vì sao phải thuyết pháp bằng hai cách?

Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Thí như có người khởi tâm sân hận với đức Như Lai, liền lấy dao kiếm tổn thương Như Lai, nhưng đức Như Lai không bị tổn thương. Này thiện nam tử, vậy thì người kia có bị mang tội Vô gián hay không?

Ca-diếp bạch Phật:

- Dạ không, Thế Tôn! Bởi vì sao vậy? Bởi thân Như Lai vẫn được bảo toàn, không bị thương tổn, cho nên không mắc tội nặng Vô gián. Thân của Như Lai pháp thân tự tại, không phải là thân cần được nuôi dưỡng, làm sao tổn hại! Tuy nhiên người kia khởi tâm độc ác, vì lý do đó mắc tội Vô gián. Đây là cách thuyết pháp phương tiện và thuyết pháp chân thật.

[875c] Phật bảo:

- Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Pháp của Ta thuyết cũng giống như vậy. Lại nữa thiện nam! Ví như có một đứa con bất hiếu muốn hại mẹ mình. Bà mẹ biết được nên đã bỏ xứ chuyển đi nơi khác. Đứa con không biết mẹ mình đã đi, nên về quê cũ, đem theo dao gậy, rồi tự bảo rằng đã giết mẹ mình, nhưng mà kỳ thật thì chưa giết mẹ. Thế nào thiện nam! Như đứa con đó có bị đọa vào địa ngục Vô gián?

Ca-diếp bạch Phật:

- Dạ không, Thế Tôn! Nếu như sự việc giết mẹ đã được thực hiện hoàn tất thì mới mang tội địa ngục Vô gián, nhưng nay thân thể của người mẹ kia không bị tổn thương thì chưa mang tội địa ngục Vô gián, nhưng sẽ mang tội tương tự Vô gián, cũng như Vô gián, như vậy gọi đây là thuyết phương tiện và pháp chân thật.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thế Tôn khéo dạy phương tiện đáng làm và không đáng làm.

[875c] Phật bảo Ca-diếp:

- Vì có nhân duyên nên mới tuyên thuyết về pháp giải thoát, vì có nhân duyên nên mới giảng rộng về các thí dụ. Thành tựu vô lượng công đức như vậy gọi là nê-hoàn, cũng là Như Lai, và đó chính là hướng đến bên kia đại bát-nê-hoàn. Hôm nay Như Lai sẽ nhập nê-hoàn, vì ý nghĩa đó cho nên gọi là đại bát-nê-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Đúng thật Như Lai không hướng đến sự diệt tận hoàn toàn. Chúng con nay biết thọ mạng Như Lai là vô cùng tận.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Hộ trì chính pháp phải nên như vậy, phải diệt tất cả mọi tâm nghi ngờ, học trí quyết định. Này thiện nam tử! Như vậy là bậc đại bồ-tát đã thành tựu bốn pháp, khéo léo thuyết giảng bộ kinh phương đẳng Đại bát-nê-hoàn.

Kinh Đại bát-nê-hoàn, hết quyển 3

KINH

PHẬT THUYẾT ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Quyển 4

Phẩm thứ 9: TỨ Y[177]

[875c] Đức Phật lại bảo ngài Ca-diếp rằng:

- Trong kinh Đại bát-nê-hoàn này có bốn hạng người xuất hiện giữa thế gian. Họ có khả năng hướng đến chính pháp, hộ trì chính pháp. Họ có thể làm bốn chỗ nương tựa, đem đến rất nhiều sự giải thoát và nhiều sự lợi ích. Bốn hạng ấy gồm: Một là phàm phu chưa lìa phiền não xuất hiện ở đời, đem đến rất nhiều sự giải thoát và nhiều sự lợi ích. Hai là hạng người chứng Tu-đà-hoàn hoặc Tư-đà-hàm. Ba là hạng người chứng A-na-hàm. Bốn là hạng người chứng A-la-hán. Đó là bốn hạng người làm chỗ nương tựa rất chân thật, đem đến rất nhiều sự giải thoát và nhiều sự lợi ích.

- Hạng phàm phu là những người tự mình giữ gìn giới đức, đầy đủ uy nghi, vì để hộ pháp nên đã lãnh thọ chính pháp Như Lai, đọc tụng, thọ trì câu chữ, nghĩa lý, giảng giải rộng rãi cho người khác nghe, sống ít

tham muốn, lại vì người khác giảng dạy tám điều đại nhân giác ngộ[178], giáo hóa những người phạm giới khiến họ ăn năn sám hối, biết nhiều ngôn ngữ của các chúng sinh, tập hành công đức hộ trì chính pháp của hàng bồ-tát. Hạng này gọi là đệ nhất phạm phu trong hàng bồ-tát. Dù vậy, hàng phạm phu này chưa được Như Lai thụ ký cho vào địa vị bồ-tát.

- Hạng Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm là những người đã chứng đắc chính pháp, lìa mọi nghi hoặc. Họ không bao giờ dạy người những thứ kinh sách phi pháp, luận ký văn vẽ ca tụng thế gian xa khế kinh Phật, hay nuôi nô tỳ, giữ vật phi pháp. Hạng này là Tu-đà-hoàn bồ-tát. Tuy họ chưa đắc địa vị bồ-tát thứ hai, thứ ba, nhưng họ đã được chư Phật thụ ký[179] ngay ở đời này.

- A-na-hàm là đã đắc chính pháp, lìa mọi hồ nghi. Họ không bao giờ dạy người những thứ kinh sách phi pháp, luận ký văn vẽ ca tụng thế gian xa Khế kinh Phật, hay nuôi nô tỳ, giữ vật phi pháp. Phiền não chưa khởi họ đã biết ngay. Còn những phiền não trong thời quá khứ họ đã đoạn sạch không còn trở lại. Những pháp họ thuyết không đoạn Phật tính, đức hạnh thanh tịnh, thân không có bệnh từ bên ngoài vào; rắn độc bốn đại[180] làm chỗ nương tựa cho các mầm bệnh cũng không thể sinh; khéo giảng vô ngã độ người chấp ngã[181]. Họ đã xa lìa ngô ngã thế gian nhưng vẫn phương tiện tùy thuận thế gian. Họ chỉ thuyết giảng giáo pháp Đại thừa, không thuyết gì khác. Trong thân chẳng có vô lượng não hoạn của tám vạn trùng. Tâm lìa ái dục, không có ác mộng. Thoát tất cả hữu và nạn sinh tử. Người làm được vậy là A-na-hàm. Không còn trở lại cõi

đời này nữa là A-na-hàm. Huân tập công đức qua nhiều thời gian, bao nhiêu điều ác không thể nhiễm vào là A-na-hàm. Gọi A-na-hàm này là bồ-tát phát tâm thụ ký. Phát tâm thụ ký nghĩa là người ấy không bao lâu nữa sẽ thành Phật đạo.

- A-la-hán là phiền não đã hết, lìa mọi gánh nặng, những việc cần làm đều đã làm xong, đầy đủ thập địa[182], đã được thụ ký pháp nhẫn[183] thậm thâm. Họ có khả năng hóa hiện mọi hình về mọi phương diện tùy theo ý muốn. Là bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác. Đầy đủ công đức như vậy gọi là bậc A-la-hán.

- Trong kinh Đại Bát-nê-hoàn này có bốn hạng người đó xuất hiện ở đời, đem đến rất nhiều sự giải thoát và nhiều sự lợi ích, làm thầy trời, người giống như chư Phật. Bốn hạng người này làm chỗ chúng sinh nương tựa chân thật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Con không tin rằng bốn hạng người đó có thể làm chỗ nương tựa chân thật. Bởi vì sao vậy? Bởi vì Thế Tôn từng dạy trưởng giả Cù-sư-la[184] rằng: “Nếu như thiên ma, phạm ma hóa hiện làm thân đức Phật, đủ ba hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, vàng hào quang tròn rộng đến một tầm, hiện tướng lông trắng giữa hai chân mày, đến chỗ của ông, ông phải biết cách hàng phục ma ấy. Nay Ta khuyên ông hàng phục bọn ma xấu ác thế kia. Bởi vì sao vậy? Vì không phải là bậc a-la-hán mà lại tự xưng là a-la-hán. Giả sử bọn ma xấu ác biến hóa nhiều trò ngòi, nằm ở giữa hư không, hông trái phun lửa, hông phải phun nước, toàn thân cháy đỏ tan thành mây khói, hoặc có thể thuyết chín bộ kệ kinh... ông cũng đừng tin. Vì vậy ông phải hàng phục bọn ma xấu ác đó

đi chó sinh nghi hoặc. Thí như ban đêm con chó ăn vụng vào nhà người ta. Chủ nhà biết được có chó vào nhà lập tức la mắng: “Con chó chết tiệt, hãy mau cút đi, nếu không ta sẽ giết chết bây giờ”! Thế là con chó nhanh chóng bỏ chạy, không dám trở lại. Ác ma Ba-tuần cũng y như vậy. Nếu ác ma đến biến hóa thì ông hãy lấy năm pháp trói buộc[185] của Ta để trói buộc chúng. Bị năm pháp này trói buộc rồi thì ác ma Ba-tuần sợ hãi chạy nhanh, như chó ăn vụng”. Đức Phật còn vì ông Cù-su-la mà nói lời rằng: “Nay ông có thể hàng phục ác ma thì ông đã gần đến chỗ nê-hoàn”. Kính bạch Thế Tôn! Vậy thì tại sao hôm nay lại nói bốn hàng người kia làm chỗ nương tựa rất là chân thật? Vì lý do đó con nay chẳng tin.

Phật bảo Ca-diếp:

- Đúng vậy thiện nam! Ta nói pháp này cho hàng Thanh văn đầy đủ học nhãn hàng phục chúng ma, chứ không phải cho những người thực hành giáo pháp Đại thừa. Trong hàng Thanh văn tuy có thiên nhãn nhưng Ta vẫn nói họ còn nhục nhãn. Nhưng người nhục nhãn mà tin Đại thừa thì Ta vẫn nói họ có Phật nhãn. Bởi vì sao vậy? Bởi vì những người trì kinh Đại thừa chính là Phật thừa[186]. Lại nữa thiện nam! Giống như đại tướng biết giỏi binh pháp, dạy cho một người tính tình hèn nhát những môn võ thuật, bảo kẻ ấy rằng: “Ông phải nắm chặt đao kiếm chiến đấu, giữ vững tâm mình như ngọn lửa dữ, cẩn thận chớ có quay đầu trở lại. Đến lúc lâm trận hãy nắm giữ chặt binh khí trên tay đại chiến với giặc giống như mãnh hỏa, binh giặc chắc chắn sẽ bị đánh lui”. Đại Hùng Thế Tôn, tướng quân ba cõi, dạy hàng Thanh văn hàng phục chúng ma cũng y

như vậy. Lại nữa thiện nam! Thí như một người bản tính dũng mãnh, lại được học thêm binh pháp chiến đấu, chẳng hề khiếp sợ, là kẻ đứng đầu trong hàng chiến sĩ. Cũng vậy, thiện nam! Những người học tập khế kinh Đại thừa thâm sâu vi diệu chẳng còn sợ hãi. Phải biết người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, đã từng thụ học giáo pháp Đại thừa, niềm tin của họ vô cùng vững chắc, cho dù ức trăm ngàn ma biến hóa trọn không sợ hãi, dù chỉ một niệm nhỏ như lông tóc, nhưng chúng ma kia thấy người thụ học kinh điển Đại thừa thì sinh sợ hãi, như kẻ hèn nhát. Thí như rắn độc thấy thuốc trị độc thì sinh sợ hãi, thiên ma Ba-tuần cũng y như vậy. Ưc trăm ngàn ma nghe được âm thanh kinh điển Đại thừa, hoặc nghe hương thơm, thấy kinh chiếu sáng thì bao kiêu mạn, cống cao, tự đại thấy đều tiêu hết. Lại nữa thiện nam! Thí như con

người nếu thấy rồng dữ, rắn độc, sư tử, hổ, báo, chó sói ai cũng sợ hãi, hoặc chỉ nghe tiếng cũng đã sợ rồi. Nhưng lại có người có được khả năng hàng phục ác thú như kẻ trượng phu. Người thấy ác thú sinh lòng sợ hãi thì cũng giống như hết thảy những hàng Thanh văn, Duyên giác nhìn thấy chúng ma. Nếu thấy chúng ma sinh lòng sợ hãi thì bị chúng ma làm cho lung lạc. Còn như trượng phu có được khả năng hàng phục ác thú, nên biết những người học kinh Đại thừa cũng y như vậy, họ có khả năng hàng phục chúng ma, đã hàng phục rồi lại còn thuyết pháp, như người trượng phu hàng phục thú độc. Bọn ma Ba-tuần tâm đã điều phục liền nói lời rằng: “Từ nay về sau, đối với chính pháp con sẽ phát tâm vui vẻ tin ưa, không dám nhiều loạn”. Nên biết Thanh văn thì còn phiền não, tập khí sợ hãi; còn người Đại thừa đã diệt hoàn toàn tập khí sợ hãi.

Người Đại thừa là đồng mãnh tinh tấn. Vì vậy Ta nói những hàng Thanh văn phải nên hàng phục, chớ sinh sợ hãi. Như vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa Đại bát-nê-hoàn rất là hy hữu. Nếu nghe kinh này thì cũng giống như Phật còn tại thế. Người nào tin nhận cũng là hy hữu. Như hoa ưu-đàm rất khó được gặp, kinh Đại thừa này cũng y như vậy, thật là hy hữu. Ta nê-hoàn rồi, nếu ai gặp được kinh Đại thừa này cũng y như vậy, rất là hy hữu. Ta nê-hoàn rồi, nếu chúng sinh nào nghe được kinh này cũng rất hy hữu. Vì sao hy hữu? Nay thiện nam tử! Vì đời tương lai có nhiều chúng sinh hủy báng kinh này.

Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu như sau này có nhiều chúng sinh hủy báng kinh này, vậy thì tương lai ai sẽ là người hộ trì chính pháp?

Phật bảo Ca-diếp:

- Sau Ta diệt độ pháp này lưu bố khoảng 40 năm, sau đó ẩn mất. Nay thiện nam tử! Thí như người đời lấy mía, lúa, gạo, tô du[187], nhũ lạc[188] dùng làm thức ăn. Có nhiều chúng sinh ăn uống thứ này thì sinh ra bệnh, trái lại ăn uống hoa trái thô cứng lại thấy ngon lành như người ăn uống lúa gạo, tô du... Kinh điển Đại thừa lại không muốn nghe chính là hạng người ăn thứ hoa trái, cỏ cây thô cứng, và đó chính là hàng Thanh văn thừa[189], bỏ mất mỹ thực kinh pháp Đại thừa Đại bát-nê-hoàn, không ưa muốn nghe.

[877a] Lại nữa thiện nam! Thí như ông vua ở trong núi sâu, không có thức ăn lúa gạo, tô du... Nhân dân ông ấy có nhiều thức ngon đều dâng lên vua, còn tự thân mình ăn uống những thứ hoa trái thô cứng. Nhiều người gần gũi với lại nhà vua

được thừa hưởng ân, bấy lâu chưa từng thấy thức ăn ngon mà nay được ăn. Cũng vậy, thiện nam! Bốn hạng người này là những tướng quân đồng mãnh bậc nhất ở trong Phật pháp, là đại bồ-tát trong hàng bồ-tát. Nếu có một người xuất hiện ở đời, những nơi họ đến đều lấy kinh điển Đại bát-nê-hoàn giáo hóa chúng sinh, tự mình sao chép, dạy người sao chép, làm cho quyển kinh đến với mọi loài. Nếu chúng sinh nào ở gần với bậc đại bồ-tát ấy nghe được pháp thực Đại thừa nê-hoàn sẽ được thần lực quang minh của họ khiến người nghe kinh, dù chưa từng biết câu cú, nghĩa lý, thậm chí một chữ, được nhuần lợi ích, như những chúng sinh nhờ ân của vua được ăn mỹ thực. Vì vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa Đại bát-nê-hoàn đến ở nơi nào phải biết chỗ ấy đất thành kim cương, chúng sinh chỗ ấy nghe được pháp này, thụ trì đọc tụng dù chỉ một chữ, phải biết

thân họ cũng thành kim cương. Còn những chúng sinh bạc đức thiếu phước không muốn thụ trì kinh điển Đại thừa dù cho chính pháp lưu thông khắp nước, như những chúng sinh trong đất nước mình có bao nhiêu loại thực phẩm thượng vị mà chẳng muốn ăn. Thương thay chúng sinh nghe nghĩa chân thật mà chẳng tin nhận!

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Phật diệt độ rồi pháp này tồn tại khoảng 40 năm, sau đó ắt mất, vậy trong bao lâu pháp này sẽ được lưu bố trở lại?

Phật bảo Ca-diếp:

- Nay thiện nam tử! Sau Ta nê-hoàn, lúc chính pháp còn hơn 80 năm, là lúc kinh điển Đại thừa lưu bố khắp Diêm-phù-đề, qua 40 năm, kinh này lại ắt.

Ca-diếp lại bạch:

- Như Thế Tôn dạy, lúc kinh Đại bát-nê-hoàn này ản, sau đó lại hiện ở giữa cuộc đời, bấy giờ những người trì giới rất ít, người phạm giới nhiều, chính pháp ản mất, đường chính tôn giảm, vậy thì người nào có được khả năng tin nhận pháp này? Ai sẽ giữ gìn? Ai đọc? Ai tụng? Ai sẽ cúng dường? Ai sẽ giảng giải? Ai biên chép kinh, dạy người sao chép? Cúi xin Thế Tôn phân biệt giải thích, khiến mọi chúng sinh nhờ đó được độ. Chư vị bồ-tát ưa học pháp sâu, nghe Thế Tôn dạy sẽ vâng làm theo.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử! Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều số như cát của sông Hi-liên, thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận phát tâm bồ-tát, dù chưa quyết định đắc đạo vô thượng,

nhưng không phỉ báng kinh Phương đẳng[190] này.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của một sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại còn khởi tâm vui thích tin nhận, nhưng chưa khả năng giảng rộng cho người.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của hai sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, mà tự thân còn thụ học thêm nữa, nhưng cũng chưa có khả năng dạy người.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của ba sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp

lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, biên chép kinh điển, nhưng chưa khả năng hiểu được nghĩa lý.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của bốn sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, hiểu được một phần mười sáu nghĩa lý thâm sâu của kinh.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của năm sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, biên chép, gìn giữ, hiểu một phần tám nghĩa lý thâm sâu.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của sáu sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, biên chép, giữ gìn, hiểu một phần tư nghĩa lý thâm sâu.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của bảy sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, giữ gìn, biên chép, dạy người biên chép, hiểu một phần hai nghĩa lý thâm sâu.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của tám sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng

tin nhận, biên chép, dạy người biên chép, giữ gìn, đọc tụng, giảng giải, truyền bá, khéo léo ẩn mật, gìn giữ chớ che, khéo léo hiển thị, thương xót thế gian, khuyên người cung kính cúng dường kinh điển, chuyên dạy người khác cung kính cúng dường, trí tuệ đầy đủ, hiểu sâu nghĩa lý, khéo biết Như Lai là pháp thường trụ, chẳng phải là pháp thay đổi, hủy diệt, an ổn khoái lạc, khéo hiểu chúng sinh ai cũng đều có tự tính Như Lai, khai mở chúng sinh hiểu rõ điều đó. Chư bồ-tát này trong thuở quá khứ đã từng phụng sự vô lượng chư Phật, vì vậy nên có khả năng hộ trì chính pháp Như Lai. Nếu như hôm nay người ấy lại phát tâm bồ-đề thì đời sau người ấy cũng sẽ kham nhận hộ trì chính pháp và những việc như biên chép, đọc tụng, hiểu nghĩa, giảng giải cho chúng sinh khác họ đều thành tựu.

- Này thiện nam tử! Nên quán xét rằng, ở đời hiện tại và đời tương lai nếu có người nào tin ưa giáo pháp, phát tâm bồ-đề, phải biết người ấy chính là hộ pháp.

- Lại nữa, thiện nam! Có bọn ngoại đạo vì tham lợi dưỡng, nghe Phật nê-hoàn, liền la lên rằng: “Phật chết hẵn rồi”! Bọn chúng không có một chút lo buồn, ngược lại thêm vui. Ở đời tương lai, trong pháp của Ta, có kẻ giả dạng đắp áo ca-sa xuất gia học đạo, lừa dối, buông lung, phỉ báng khế kinh nê-hoàn, Phương đẳng... phải biết bọn này chính là những hạng dị đạo hôm nay. Vì vậy những ai tin sâu giáo pháp, ưa thích Phương đẳng, Đại bát-nê-hoàn đều là những người thành tựu vô lượng công đức thù thắng. Này thiện nam tử! Giả sử người này trong kiếp quá khứ đã từng tạo tác vô lượng tội lỗi, gieo nhiều nghiệp ác, đáng lẽ phải chịu vô

lượng quả báo khổ ở cuộc đời, hoặc bị khinh khi, hoặc rất xấu xí, áo quần chẳng đủ, ăn uống thiếu thốn, cầu tài chẳng lợi, sinh nhà bần tiện, hoặc nhà tà kiến, hoặc bị nạn vua... thì nay nhờ sức công đức hộ pháp chỉ chịu quả báo nhẹ nhàng mà thôi, còn bệnh nhức đầu thì được khỏi hẳn. Nay thiện nam tử! Thí như sương tuyết, lúc trời chưa mọc, đọng lại chưa tan, đến lúc trời mọc thấy đều tan hết. Chúng sinh tạo tác vô lượng tội ác cũng y như vậy, khi vàng mặt trời kinh Đại nê-hoàn này chưa xuất hiện, vô lượng ác báo tích tụ chẳng mất, đến lúc mặt trời Đại bát-nê-hoàn này xuất hiện thì vô lượng ác báo thấy đều tiêu mất. Lại nữa, thiện nam! Thí như một người xuất gia học đạo, dù chẳng giữ giới nhưng được đi chung với đức Như Lai và với đại chúng, ở bất cứ đâu, giả đắp ca-sa, nhận người cúng dường, tên họ vẫn có trong đoàn thể Tăng của đức Như Lai.

Cũng vậy, thiện nam! Nếu đại bồ-tát đã chứng Thập địa và hàng ngoại đạo có thể tin nhận một lời trong kinh điển Đại thừa này thoáng qua lỗ tai, thì những người đó đều được nhập vào chúng đại bồ-tát của đức Như Lai. Giả sử họ vì danh dự, lợi dưỡng mà tụng kinh này, nhưng không phỉ báng, thì họ cũng sẽ thành đạo Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác. Vì vậy Ta nói bốn hạng người trên là bốn chỗ nương tựa rất chân thật. Trong bốn hạng đó, chỉ cần làm cho một người có được khả năng tự quyết không lấy luận ký ngoại đạo thế tục cho là Phật nói, thì đã xứng danh làm chỗ chúng sinh nương tựa chân thật, phải nên cúng dường, theo học hộ pháp. Cúng dường thế nào? Nếu ai thụ trì kinh điển đại thừa, thì nên suốt đời theo họ để học hộ trì chính pháp; theo họ học rồi còn cúng dường thêm. Vì vậy, Ta nói kệ này:

Người nào biết chính pháp

Bất luận trẻ hay già

Nên hết lòng cúng dường

Như người thờ thần lửa.

Người nào biết chính pháp

Bất luận trẻ hay già

Phải hết lòng kính lễ

Như trời thờ Đế Thích.

[878a] Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, đối với sư trưởng phải nên cung kính đánh lễ, cúng dường là điều tất yếu. Giả sử những bậc trưởng lão theo người trẻ tuổi để học cũng phải cung kính đánh lễ hay sao? Nếu như trưởng lão tuy biết kinh pháp nhưng chẳng giữ giới, còn người trẻ tuổi giữ gìn giới hạnh, thì có kính lễ

trưởng lão kia không? Nếu hàng bạch y[191] khéo biết kinh pháp, những người xuất gia theo họ thụ học, thì phải cung kính theo pháp thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Những người xuất gia không nên lễ bái những người tại gia, vì họ chẳng phải là ruộng phước điền. Còn người xuất gia thuộc hàng trưởng lão đều là ruộng phước, phải nên kính lễ. Nếu người phạm giới thì không nên lễ. Bởi vì sao vậy? Vì giữ cỏ dại thì hại lúa tốt!

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Trong hai bài kệ Thế Tôn đã dạy là phải hết lòng cung kính đánh lễ như những chư thiên phụng sự Đế Thích, nhưng so lời dạy vừa rồi thì nghĩa đã trái ngược nhau? Nếu phải lễ kính tất cả trưởng lão thì các tì-kheo giữ giới ắt bị phạm tội rất nhiều.

Kính bạch Thế Tôn! Ngài nói bài kệ nghĩa nó thế nào? Lại nữa, ở trong khế kinh Phật dạy phải nên hàng phục những người phạm giới?

Phật bảo Ca-diếp:

- Ta nói cho hàng bồ-tát tương lai, phải nên hết lòng cung kính đánh lễ, như những chư thiên phụng thờ Đế Thích. Hai bài kệ này nói cho bồ-tát, chẳng phải để nói cho hàng thanh văn. Nay thiện nam tử! Ta nê-hoàn rồi, đến lúc chính pháp Như Lai sắp diệt, người giữ giới giảm, người phạm giới tăng; những bậc thanh tịnh, đạt được giải thoát đều ẩn dật hết, chỉ còn những người xuất gia thụ nhận tài vật phi pháp, nuôi dưỡng nô tỳ... Vào lúc bấy giờ, trong bốn hạng người, nếu có một hạng xuất hiện ở đời, với lòng tịnh tín, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo, cũng thị hiện như những người thụ nhận tài vật

phi pháp, nuôi dưỡng nô tỳ, nhưng người ấy biết phân biệt những điều đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật, biết rõ người nào không giữ giới hạnh, cũng tự biết mình phạm tội nặng nhẹ, lại có khả năng biết việc Phật làm, khéo biết phong tục, pháp luật từng vùng. Lúc học chín bộ kinh điển Như Lai, biết người tụng tập chín bộ kinh điển phạm giới trái luật. Dù biết người đó phạm tội rất nặng, nhưng vì hộ pháp nên vẫn phương tiện im lặng không nói lỗi lầm của họ, mà tự nhún nhường theo họ thụ học, vì tâm hộ pháp nên chẳng phá hoại. Phải biết người này xuất hiện ở đời là để hộ pháp.

- Nay thiện nam tử! Thí như đất nước vua mới băng hà, vương tử còn nhỏ chẳng thể trị quốc. Có người dân quê, dòng chiên-đà-la[192], lợi dụng sức mạnh cướp đoạt ngôi vua. Bây giờ, những dòng trưởng giả

và bà-la-môn suy nghĩ như vậy: Nay chiên-đà-là làm chủ nước này, chúng ta vì sao không phản, lại theo? Bèn bỏ quê hương trốn qua nước khác. Vua chiên-đà-la sai người đuổi theo, chặn các ngã đường. Vua chiên-đà-la đánh trống tuyên lệnh, bảo các trưởng giả và bà-la-môn: “Mọi người chớ đi, ta sẽ chia cho các ông nửa nước”. Nhân dân trong nước có người không đi. Vua lại nói rằng: “Các bà-la-môn! Mọi người hãy chuyên lời của ta rằng, vào bảy ngày sau, các bà-la-môn, những nhân sĩ phải thiết đại hội cho vua chiên-đà-la. Mọi người cùng nhau đến chỗ của vua, cùng với quốc vương và hàng thân tộc dòng chiên-đà-la ăn uống ngủ nghỉ. Nếu có người nào không tuân theo lệnh thì sẽ bị ta nghiêm khắc trừng trị”. Vua lại nói rằng: “Gia tộc của ta có thuốc cam lộ từ trời Đao-lợi, người nào uống vào sẽ được trường sinh, vậy hãy

tìm cách giữ gìn, dùng chung”. Bấy giờ có một Phạm chí bện tóc, chuyên tu tịnh hạnh, nghe vua thông báo liền đến chỗ vua, đầu mặt đánh lễ dưới chân nhà vua, thưa rằng: “Muôn tâu đại vương! Thần chính là người làm điều đại ác, bất nhân bậc nhất ở trong thiên hạ. Nếu ngài ban cho chức tước, bổng lộc, thì thần nguyện xin nghe theo lệnh ngài”. Vua liền chuẩn tâu. Khi ấy Phạm chí vâng theo lệnh vua, lãnh đạo quốc nội. Bấy giờ trong nước các bà-la-môn đều nổi giận dữ, trách mắng Phạm chí, nhưng Phạm chí vẫn theo vua trị nước. Một thời gian sau, đại thần Phạm chí thưa với vua rằng: “Thần với đại vương cùng nhau lãnh đạo đất nước bấy lâu, chẳng lẽ chưa đủ để tin tưởng nhau, sao chẳng thấy ngài dạy cho pháp thuật?” Vua bảo Phạm chí: “Từ từ ta sẽ dạy ông pháp thuật. Nay trong nhà ta còn thuốc cam lộ của bậc tiên vương, hãy cùng nhau

uống”. Rồi vua bèn đem vị thuốc cam lộ cùng với cách dùng giao cho Phạm chí. Đại thần Phạm chí lấy được cam lộ và cách dùng rồi, hòa thuốc vào cơm đưa cho vua ăn. Vua ăn thuốc ấy tức thì mạng chung[193]. Bảy giờ đại thần Phạm chí liền lập thái tử của vua thưở trước lên ngôi, truyền trao vương vị, giúp đỡ nhà vua dùng pháp tiên vương giáo hóa dân chúng. Như vậy đại thần Phạm chí không bỏ pháp bà-la-môn thực hành theo pháp của chiên-đà-la. Đó là Phạm chí tu hạnh bồ-tát cứu vớt chúng sinh, nhân dân trong nước hết lời ca ngợi: “Lành thay! bà-la-môn này hộ trì vương pháp”. Bảy giờ bồ-tát hộ trì chính pháp cũng dùng phương tiện như bà-la-môn lập vương tử đó lên ngôi quốc vương, trong ngoài hoàng cung cho đến đại thần đều theo chính pháp. Vợ con quyến thuộc vua chiên-đà-la đều bị thuốc độc làm cho mê mẩn, sau khi tỉnh

lại bị đuổi khỏi nước. Bậc đại bồ-tát cũng y như vậy, hiện tướng phạm giới, nuôi dưỡng nô tỳ, thụ nhận tài vật không đúng chính pháp, đến chỗ tà-kheo phạm giới, làm ác thụ học kinh điển. Học kinh điển xong, vì muốn truyền dạy cho người trì giới, nên phải ở chung với những người ác, qua lại ăn uống, tự tay nấu nướng, không đi khát thực, vì để hộ pháp nên mới phương tiện làm tám sự việc phi pháp[194] khiến những người ác mê mẩn, nhằm điều phục họ, không cùng bọn họ hòa hợp bồ-tát hay dự tự-tứ. Hàng phục tất cả những người phạm giới, rồi cùng hòa hợp với chúng thanh tịnh bồ-tát, tự-tứ, đem pháp Đại thừa giảng giải rộng rãi cho mọi người nghe, làm cho an ổn và cứu độ khắp vô lượng chúng sinh. Đó là bồ-tát hộ trì chính pháp. Ta vì những người như thế mà nói hai bài kệ trên. Nếu tà-kheo nào nghe Ta nói đây mà không có

tâm hộ trì chính pháp, nhưng muốn phương tiện bắt chước những vị bồ-tát thế kia, thì những người đó gây nên tội lỗi mà Phật đã cấm, nếu nói bồ-tát thật sự có làm những điều xấu ác, thì Ta nói họ là bọn lừa biếng. Ta dùng phương tiện dạy pháp vi diệu cho hàng bồ-tát nên nói kệ này:

Người nào biết chính pháp

Bất luận trẻ hay già

Nên hết lòng cúng dường

Như người thờ Thần lửa.

Người nào biết chính pháp

Bất luận trẻ hay già

Phải hết lòng kính lễ

Như Trời thờ Đế Thích.

[879a] Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Bồ-tát buông thả, lười biếng như vậy với giới cụ túc có thanh tịnh không?

Phật bảo Ca-diếp:

- Nay thiện nam tử! Với giới cụ túc, nếu như người ấy thành tâm sám hối thì được thanh tịnh. Nay thiện nam tử! Thí như bờ đê bị vỡ thì nước sẽ chảy ra ngoài. Bởi vì sao vậy? Vì không sửa chữa. Nay thiện nam tử! Bờ đê bị vỡ liền đắp vá lại thì giữ được nước. Người giải đãi kia cũng giống như vậy. Với giới cụ túc, bỏ-tát, tự-tứ bị phá vỡ thì giới thể lọt mất. Bởi vì sao vậy? Vì siêng năng giảm, lười biếng lại tăng. Nhưng nếu tì-kheo giới hạnh tổn giảm liền tu chỉnh lại, theo chư bồ-tát hộ pháp học đạo, siêng năng sửa đổi, ân cần sám hối sẽ được thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

- Trái a-ma-lặc^[195] mà Thế Tôn từng ví dụ trong kinh, dù sống hay chín cũng khó phân biệt; trì giới, phạm giới, cũng khó nhận biết giống y như thế, vậy phải làm sao để phân biệt được?

Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Muốn biết tướng trạng trì giới, phạm giới thì y cứ kinh Đại bát-nê-hoàn sẽ phân biệt rõ. Này thiện nam tử! Như người nông dân gieo trồng ngũ cốc, trừ hết cỏ dại gọi là ruộng sạch. Nếu còn cỏ dại^[196] giống y như lúa, đến khi kết hạt, cỏ lúa khác nhau, khi đó sẽ biết thật giả rõ ràng. Bồ-tát hộ pháp cũng y như vậy. Phương pháp làm cho ruộng phước điền Tăng sạch sẽ trước hết phải trừ tám loại hành vi tội lỗi^[197]. Lỗi lầm trừ sạch, bấy giờ sẽ được gọi là chúng Tăng nhục nhân thanh tịnh, họ được xếp vào ruộng phước tốt lành dẫn đến thánh quả.

Ngoài chúng nhục nhân là Tăng thanh tịnh. Chỉ cần trừ sạch tám loại rắn độc lỗi lầm xấu ác^[198] thì được chúng Tăng ruộng phước tốt lành, dù chưa phải là thanh tịnh tất cả, nhưng cũng xứng đáng làm ruộng phước lành cho trời, người cúng, huống gì là bậc thành tựu rốt ráo diệu quả thánh hiền, ruộng phước thanh tịnh, là bậc tiêu biểu vượt ngoài thấy biết của hàng nhục nhân?

- Lại nữa thiện nam! Thí như nước nọ có hai loại quả, một là ca-lưu^[199], hai là triêm-mâu^[200]. Cây ca-lưu thì có trái rất đắng, còn cây triêm-mâu có trái rất ngọt. Nhưng cả hai cây đều có hoa, lá và trái giống nhau. Có một người kia không biết phân biệt hai loại trái trên lượm hết đem về, rồi ra chợ bán, người mua ăn vào bị chết rất nhiều. Bấy giờ người trí nghi là trái độc liền đến dò hỏi: “Ông lượm trái

này từ chỗ nào về?” Đáp: “Ở chỗ nọ”. Người trí liền bảo với kẻ kia rằng: “Đó là trái độc, làm chết nhiều người, phải bỏ đi mau”. Cũng vậy, thiện nam! Chúng Tăng lười biếng, làm tám điều ác^[201], thì người trì giới ở chung với họ như cây trái ngọt mọc chung trong rừng với cây có độc, bỏ-tát hộ pháp dạy họ từ bỏ, không để những người đê tử tín tâm thân cận lễ bái, cung kính, cúng dường, sợ đoạn mạng sống, mất giống trí tuệ, đọa vào địa ngục. Vì vậy những người cư sĩ nếu có lòng tin cần phải khéo léo phân biệt, chớ thấy hình tướng liền theo gàn gỏi, mà phải đến hỏi họ có làm tám điều phi pháp không? Tự-tứ, bỏ-tát có hòa hợp không? Nếu họ không làm tám điều phi pháp, thì hàng Tăng đó được Thế Tôn nhận, vì thương chúng sinh, ở rừng Kỳ-hoàn^[202] cùng chung hòa hợp y như vàng thật tụ về một chỗ. Phải biết đây là chỗ đáng cúng

dường. Còn nói không nhận, không cùng hòa hợp bố-tát, tự-tứ, phải biết bọn họ chẳng phải là chỗ trời, người cúng dường, các tì-kheo khác không nên cùng họ bố-tát, tự-tứ. Còn nếu như hỏi mà vẫn không biết, thì phải nương vào khế kinh chân thật của đức Như Lai để mà phân biệt. Nếu người ngu si, chẳng biết phân biệt, đi theo cung kính, chu cấp vật dụng và thường gần gũi, Ta nói kẻ ấy sẽ đọa đường ác.

- Lại nữa thiện nam! Thí như núi Tuyết^[203] có loại thảo dược vị nó rất ngọt. Bấy giờ thương nhân đem thứ thuốc ấy đi bán khắp nơi. Có một người nọ không biết phân biệt về các loại thuốc, hỏi thương nhân rằng: “Ông có dược thảo vị ngọt ở vùng núi Tuyết hay không?” Thương nhân nói: “Có”! Người nọ liền mua. Nhưng người lái buôn thì đưa thuốc đắng.

Người nọ tìm mua thuốc ngọt mà lại bị tráo thuốc đắng. Chúng Tăng thanh tịnh như thuốc núi Tuyết mà cùng với những tì-kheo lười biếng, phạm giới ở chung, những người tín tâm cúng dường lễ bái, phải biết đây là người trần mắt thịt, giống như kẻ nọ chẳng biết phân biệt thuốc ngọt, thuốc đắng. Người nào thanh tịnh, kẻ nào phạm giới, tướng trạng khó biết, người trần mắt thịt không thể phân biệt, chỉ người thiên nhãn mới khéo phân biệt. Cho nên những ai làm tám điều ác, dù mặc pháp phục, không nên thụ nhận người ta cúng kính, lễ bái cúng dường. Nhưng nếu có thể sửa đổi, sám hối, bỏ tám điều ác thì cũng trở thành bậc Tăng thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

- Hay thay! Hay thay! Thế Tôn giảng nói pháp hoan hỷ này! Con sẽ lãnh thụ giống như giữ gìn bảo vật kim cương.

Bấy giờ bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

- Thế Tôn có dạy cho các tì-kheo bốn pháp nương tựa. Bốn pháp đó là: Nương tựa chính pháp, không nương tựa người; nương nghĩa quyết định, không nương tựa pháp nghĩa chưa quyết định^[204]; nương tựa trí tuệ, không nương tựa thức; nương tựa nghĩa lý, không nương văn tự. Chúng con tin bốn pháp nương tựa này, chứ không tin bốn hạng người có thể làm chỗ chúng sinh nương tựa chân thật.

Phật bảo Ca-diếp:

- Tên các pháp đó chính là Như Lai đại bát-nê-hoàn. Hết thấy chư Phật đều đồng pháp ấy. Chư Phật Như Lai đắc pháp ấy rồi thường trụ bất biến, không hề hư hoại.

Đối với Như Lai mà nghĩ vô thường, Ta bảo người đó chẳng hề biết pháp, nên chẳng đáng tin. Còn bốn hạng người mà Ta đã nói họ đều khéo hiểu phương tiện mật giáo của đức Như Lai, họ biết Như Lai là pháp thường trụ, chẳng phải là pháp thay đổi, hư hoại. Chư Phật Như Lai cũng ở trong họ. Bốn hạng người đó và chúng sinh khác khéo hiểu nghĩa lý phương tiện mật giáo Như Lai thường trụ, cho nên Ta nói họ làm nền tảng cho sự nương tựa, phải biết nên tin. Vì ý nghĩa này Ta nói bốn hạng người ấy là chỗ nương tựa chân thật.

- Nương tựa pháp là, chư vị Thanh văn đại đức, trí tuệ, đối với chính pháp tâm không thất niệm; chính pháp chính là Như Lai thường trụ; đối với chính pháp phương tiện tinh cần, gọi là y pháp.

- Không nương tựa người là người phạm giới, tham dục, phiền não, lại nói Như Lai là pháp vô thường. Hạng người như vậy không đáng tin cậy, cho nên Ta nói không nên nương tựa.

- Nương nghĩa quyết định: Nghĩa quyết định là hàng đại bồ-tát. Chư vị thanh văn đối với phương tiện mật giáo Như Lai tâm còn nghi ngờ, chưa có lòng tin. Biện trí Đại thừa khiến cho tâm ấy đi đến quyết định, lìa mọi nghi hoặc. Quyết định nghĩa là trí tuệ Đại thừa vĩnh viễn xa lìa tất cả chướng ngại. Chướng ngại tức là trí của thanh văn. Chư vị bồ-tát khéo lấy trí tuệ Đại thừa quyết định, hiểu được Như Lai là pháp thường trụ, cho nên bồ-tát là chỗ đáng tin.

- Nghĩa chưa quyết định là trí thanh văn, họ nói thân Phật là do thức ăn ô uế nuôi dưỡng, Như Lai nê-hoàn tức là diệt tận,

giống như lửa tắt. Do trí như vậy nên chẳng đáng tin. Cho nên Như Lai thuyết bản kinh này phương tiện giáo hóa cho những chúng sinh nhị thừa^[205] lầm lạc. Hạng người thanh văn là trí hữu dư^[206], là không quyết định, vì vậy cho nên gọi thanh văn là trí chưa quyết định, bởi trí tuệ ấy không thể hiểu được lời dạy của bậc Như Lai Đại thánh. Cho nên nói họ là không đáng tin. Do đó Như Lai nói nghĩa quyết định chính là bốn chỗ nương tựa chân thật.

- Nương vào trí tuệ: Trí tuệ chính là tin pháp thân Phật, còn thân phương tiện thì không đáng tin. Thế nào là chỉ thấy thân phương tiện của đức Như Lai? Là cho rằng thật có âm, giới, nhập^[207], nếu không thì thân này từ đâu tới, và nay hiện có tích tụ xá-lợi? Vì có xá-lợi hiện giữa thế gian, nên nói pháp thân là thân ô uế, thức ăn

nuôi dưỡng. Bởi thức khởi lên ý nghĩ hư vọng như vậy cho nên không thể tin tưởng. Thức không đáng tin, cho nên những người sử dụng ý thức, phải biết người đó cũng không đáng tin.

- Nương tựa nghĩa lý: Nghĩa tức là chính. Chính là đầy đủ. Đầy đủ nghĩa là không bị sút giảm. Không sút giảm là Như Lai thường trụ. Như Lai thường trụ là pháp thường trụ. Pháp thường trụ nghĩa là tăng thường trụ, đó là lời Phật. Như thế gọi là nương tựa nghĩa lý. Nếu kẻ phàm phu tâm không ngay thẳng, may nhờ Như Lai từ bi che chở cho nên họ được xuất gia học đạo, nhưng rồi lười biếng, buông lung, phạm giới, nói rằng: “Đức Phật cho phép được nuôi súc vật, đầy tớ, nhận vật phi pháp”. Gặp lúc mất mùa, thì lại nói rằng: “Đệ tử của Phật chớ nên chịu khổ. Đức Phật cho phép nuôi giữ súc vật, trâu,

ngựa, đầy tớ, cất giữ lúa gạo, tiền tài, vàng, bạc, buôn bán kiếm lời”. Những thứ kinh luật văn từ như vậy không nên tin theo. Người nào tin theo những kinh luật đó, phải biết người đó cũng không đáng tin. Vì ý nghĩa này cho nên mới nói phải nương tựa nghĩa. Phi nghĩa tức là cho rằng tam bảo là pháp vô thường, thay đổi, hủy diệt. Đây là phi nghĩa, cũng gọi văn tự, do đó nói rằng phải nương ý nghĩa, đừng nương văn tự. Giả sử ngoại đạo có thuyết kinh luật, ý nghĩa lại hợp giáo pháp Đại thừa, thì nên tin theo, điều đó chẳng phải chỉ là văn tự.

- Này thiện nam tử! Bốn điều y cứ và bốn hạng người nhục nhãn nói trên là chỗ nương tựa chân thật ở đời, gọi là tứ y. Nên học như vậy!

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 10: PHÂN BIỆT TÀ CHÍNH

[880a] Phật bảo Ca-diếp:

- Có bốn loại pháp. Pháp của ma thuyết. Pháp của Phật thuyết. Có những chúng sinh theo pháp ma nói. Có những chúng sinh theo pháp Phật thuyết.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Chúng con làm sao biết để phân biệt? Xin Phật chỉ dạy, chúng con muốn nghe!

Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Sau Ta nê-hoàn khoảng bảy trăm năm, giáo pháp Như Lai

từ đó ẩn dần. Bây giờ chúng ma giả làm tì-kheo nhiều loạn chính pháp, hiện tướng thọt sấn cổ che giấu mình. Thiên ma ba-tuần giả tướng tì-kheo, tướng tì-kheo-ni, tướng ưu-bà-ắc, tướng ưu-bà-di, tướng tu-đà-hoàn, tướng tư-đà-hàm, tướng a-na-hàm, tướng a-la-hán, và cả tướng Phật; bỏ tướng thế tục nhưng lại hành động pháp của thế gian để phá pháp Ta. Ba-tuần nói rằng: “Nhu Lai từ trời Đâu-suất chết đi, giáng thân vào nhà của vua Tịnh Phạn, phu nhân Ma-da ái dục hòa hợp mà sinh ra thân. Nếu như nói rằng không phải từ chuyện ái dục mà sinh, là điều không thật. Ngài cũng sinh ra như cách người đời, nhưng được trời, người và a-tu-la cung kính cúng dường là bởi đời trước Ngài đã gieo trồng cội gốc phước đức, tự đem vợ con và mọi tài sản ra làm bố thí, nhờ đó thành Phật”. Phải biết đây là tướng mạo, lời nói, kinh luật của ma. Tại sao như

vậy? Bởi đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác vì muốn giáo hóa cho mọi chúng sinh mà sinh ra đời, chẳng phải Như Lai sinh ra từ sự mẹ cha ái nhiễm, thị hiện tướng ấy là để tùy thuận thế gian mà thôi. Phải biết tướng mạo và lời nói này chính là kinh luật của đức Phật thuyết. Nếu chúng sinh nào tin tưởng kinh luật của chúng ma nói, phải biết bọn họ là quyến thuộc ma. Nếu chúng sinh nào tin tưởng kinh luật của đức Phật thuyết, phải biết họ là những bậc bồ-tát.

- Lại nói “Như Lai xuất hiện ở đời, hướng về mười phía, bước đi bảy bước, chẳng phải thị hiện nói là thị hiện, nên chẳng thể tin”. Phải biết đây là kinh luật ma nói. Nếu nói “Như Lai lúc vừa đản sinh, hướng về mười phương, bước đi bảy bước, đó là Như Lai phương tiện thị hiện”. Phải biết đây là kinh luật Phật

thuyết. Kinh luật ma nói, nếu người nào tin, phải biết người đó là quyến thuộc ma. Kinh luật Phật thuyết, nếu người nào tin, phải biết người đó chính là bồ-tát.

- Lại nói “N hư Lai đi đến miếu trời, cung kính lễ bái, chẳng phải thiên thần lễ bái bồ-tát. Bởi vì sao vậy? Thiên thần đứng trước, N hư Lai đứng sau”. Phải biết đây là kinh luật ma nói. Kinh luật N hư Lai là nói thế này: “N hư Lai phương tiện đi đến miếu trời, chư thiên, Đế thích, Phạm thiên đều phải cung kính đánh lễ, hầu hạ bồ-tát”. Kinh luật ma nói, nếu người nào tin, phải biết người đó bị ma dạy dỗ. Nếu người nào tin kinh luật Phật nói, đó là bồ-tát.

- Lại nói “N hư Lai lúc làm thái tử, hưởng thụ năm món dục lạc cùng với cung nhân mỹ nữ”. Phải biết đây là kinh luật ma nói. Còn nói “N hư Lai thị hiện ở trong thâm

cung đầy đủ dục lạc, mỹ nữ vậy mà Ngài bỏ như nhổ đàm giải đê đi xuất gia”, thì đây chính là kinh luật Phật thuyết. Kinh luật ma nói mà có người tin, phải biết người đó bị ma dạy dỗ. Nếu người nào tin kinh luật Phật nói, đó là bồ-tát.

- Lại nói “N hư Lai, Ưng Cú ng, Đẳng Giác ở rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc thụ nhận tiền tài, vàng bạc, vật báu, đồng, sắt, lưu ly, hạt trai, ngọc bội, san hô, hổ phách, nuôi giữ súc vật voi, ngựa, trâu, dê, gà, chó, mèo, chồn, khỉ, chuột các loại..., ruộng nương nhà cửa, buôn bán trao đổi, nuôi dưỡng nam nữ, tích trữ lúa gạo. Vô số vật dụng như vậy vì lòng thương xót thế gian, nên nhận về hết”. Phải biết đây là những lời ma nói. Đức Phật Như Lai, Ưng Cú ng, Đẳng Giác thương xót tất cả chúng sinh muôn loài, khi trụ ở rừng Na-la^[208] Ta đã từng nói với bà-la-môn Di-la-

kì-la và vua Ba-tư-nặc^[209] rằng: “Đại vương! Nói những đệ tử của Ta thụ nhận những vật phi pháp là điều không có. Chẳng hạn nói nuôi nô tỳ, voi ngựa, trâu, dê, gà, chó, mèo, chồn, khỉ, chuột, đồng, sắt, lưu ly, vàng bạc, hạt trai, ngọc bội, cẩm thạch, san hô, hồ phách, nhiều loại vật khác; ruộng nương nhà cửa, buôn bán trao đổi, nuôi dưỡng nam nữ, tích trữ lúa gạo, tự nấu đồ ăn, dạy người nấu nướng, học xem tướng số, học luyện bùa chú, tập luyện theo tiếng của các loài chim, tính toán ngày tháng nhật thực, nguyệt thực, đoán xem số mạng, học kết hoa tóc, học làm thợ mộc, học sáu mươi bốn thuật đoán giải mộng, uống thuốc tiêu thực, sửa sang răng, môi, cài hoa trên tóc, thân ướp dầu thơm, dua nịnh tiến thân, giả tướng tri túc mà sự thật thì lòng tham không chán, nói cười chuyện phiếm, tham ăn vị ngon, cá, thịt các thứ, gom các thuốc độc, hoặc

gom dầu thơm, làm các nhạc khí^[210], giày dép, nón mũ bằng đồ da thú, chẻ tre, dệt vải khắc vẽ, thêu thùa, uống các loại thuốc hòa trộn nhiều hương, học cách ăn nói theo lối vương gia, đứng ngồi, nói cười an nhiên trầm mặc, học bọn đàn bà trang sức hương hoa, nói năng đùa bỡn, y phục lòe loẹt, làm lầu gác vàng, vào hội quán rượu và nhà dâm nữ... bao nhiêu những điều phi pháp như vậy, hoặc làm, hoặc nhận, hoặc cho người khác, đại vương nên biết, Ta đều nghiêm cấm không cho tì-kheo làm những việc đó. Bởi vì sao vậy? Bởi vì những điều phi pháp này giống như đám cỏ dại sẽ làm hư hoại ruộng lúa tốt tươi. Ta phải khổ nhọc trừ bỏ nó đi”. Phải biết những lời như vừa nói đó là kinh luật Phật. Những người tin theo kinh luật ma nói, phải biết bọn họ bị ma dạy dỗ. Những người tin theo kinh luật

của Phật, phải biết người đó chính là bồ-tát.

- Nếu nói “Nhu Lai không thể thị hiện đi vào miếu trời, cũng không thể nào hàng phục chư thiên, loài người trong đó; cũng không thể ở trong chín mươi sáu đạo mà xuất gia; không thể thị hiện kiếp thành kiếp bại, không thể học hết tất cả y thuật; cũng không thể nào hóa hiện làm người nô bộc nam, nữ, hay làm cây thuốc, làm vua, đại thần. Giả sử Nhu Lai làm được việc ấy, thì Ngài chẳng phải là đấng Nhu Lai, thấy biết như vậy là bọn tà kiến. Nhu Lai bình đẳng với mọi ân, oán; không có oán giận, chẳng có yêu thương, cũng không có các tâm niệm như vậy”. Nên biết đây là kinh luật của ma. Còn nói “Nhu Lai thị hiện vào trong tất cả miếu trời, ở trong chín mươi sáu đạo xuất gia, làm kiếp thành, bại, vào các giảng đường

chú thuật đọc sách, làm thân nô bộc, thân nam, thân nữ, hoặc làm cây thuốc, làm vua, đại thần, vào nhà dâm nữ, hoặc làm trưởng giả, cư sĩ, phạm chí, bản cùng, nam nữ, hoặc là phi nam, hiện hữu khắp nơi trong hai lăm cõi^[211], biến hóa không cùng mà chẳng hề bị thân ấy nhiều hại, giống như hoa sen chẳng nhiễm bùn dơ. Phải nên biết rằng, vì để hóa độ tất cả chúng sinh mà phải tùy thuận theo cách thế gian biến hóa ra đủ tướng mạo như thế”. Những điều ghi chép như vậy chính là kinh luật của Phật. Những ai tin theo kinh luật ma nói, phải biết bọn họ bị ma dạy dỗ. Còn ai tin theo kinh luật của Phật, đó là bồ-tát.

- Nếu ai nói rằng: “trong kinh luật ta, Thế Tôn đã dạy đây là tội lỗi, đây là điều ác, đây là điều nhẹ, đây là điều nặng, đây là tội thô, đây là tội tính^[212], đây là tội

chế^[213]... Ta nói giới luật này là chân thật. Ông cũng nói giới luật ông là thật, nên bỏ giới của ta theo của ông? Ông cho rằng đây là giới luật của thế gian hay sao? Kinh luật của ta là chín bộ kinh Như Lai đã thuyết, có dấu chứng thật. Trong chín bộ kinh ta chưa từng nghe một câu, một chữ, thậm chí nửa lời về kinh Phương đẳng. Kinh điển Như Lai có mười bộ chẳng? Bộ kinh Phương đẳng vô lượng như vậy, phải biết đều là do Điều-đạt^[214] làm, vì muốn phá hoại tất cả nghĩa lý nên mới tạo ra lời hư vọng đó. Kinh điển Phương đẳng tạo ra từ những ý nghĩ hư vọng, chúng ta đừng tin”.

Phật bảo Ca-diếp:

- Những lời như vậy làm loạn giáo pháp của đức Như Lai, bài báng khế kinh Phương đẳng của Phật. Phải biết đó là kinh luật ma nói. Ở đời tương tai có bọn

người đó. Ai cũng cho rằng mình có kinh luật, cùng tranh luận với kinh luật tà thuyết. Có các tì-kheo biết được ngoài chín bộ kinh Như Lai thuyết riêng một bộ Đại kinh Phương đẳng, nên dốc lòng tin; đối với giới luật không hề chấp trước những điều tà kiến; những gì bất tịnh, không hợp uy nghi đều xả bỏ hết; đối với pháp luật của đức Như Lai đầy đủ thanh tịnh tựa như trăng tròn; biết tất cả kinh, mỗi mỗi pháp luật, mọi điều giới hạnh số nhiều như cát ở trong sông Hằng, không thể tính đếm, nghĩa lý chân thật, mọi nghĩa lý đó đều do Phật thuyết. Nếu người nào nói giới luật của ta không có giới này, phải biết giới này chẳng phải Phật thuyết; hoặc nói giới luật ta giữ chỉ có giới hạn mà thôi. Phải biết đây là những người phạm giới. Kinh luật nào nói thiếu dục, thanh tịnh, hợp với lời Phật, phải biết nghĩa này đều là kinh điển của Đại thừa

thuyết. Nếu ai bảo rằng, đức Phật Như Lai vì muốn an ổn và vì cứu độ tất cả chúng sinh cho nên thuyết kinh Phương đẳng Đại thừa Đại bát-nê-hoàn. Phải biết người này là đệ tử Ta. Những người nói khác thì Ta chẳng phải là thầy của họ, chẳng phải xuất gia học đạo nơi Ta, mà là đệ tử ngoại đạo tà kiến. Các dấu hiệu trên phải biết đó là kinh luật Phật thuyết. Người nào tin theo kinh luật ma thuyết, phải biết người đó bị ma dạy dỗ. Đối với kinh luật của Như Lai thuyết người nào tin theo, phải biết người đó chính là bồ-tát.

- “Như Lai thành tựu công đức vô lượng, đắc tuệ Không vô^[215], vì chúng sinh thuyết khổ, không, vô ngã, nay đã đến lúc vô thường hoại diệt nên nhập nê-hoàn, không phải thị hiện tùy thuận thế gian”. Những lời như vậy đều là ma nói. Phải biết Như Lai không thể nghĩ bàn. Ngài đã

thành tựu vô lượng vô số công đức trang nghiêm, là Phật, Thế Tôn, là pháp thường trụ, không phải là pháp thay đổi, biến hoại, chẳng phải tất cả như cây đa-la^[216] đã bị chặt ngọn, nhưng Thế Tôn thuyết bốn pháp bất độ^[217] như cây đa-la đã bị chặt ngọn; lại nói mỗi một bất độ tựa như đá chẻ làm đôi; ai tự cho rằng mình đã chứng được pháp hơn người thì sẽ bị đọa ngục Vô gián trở lên. Pháp hơn người là chưa thật chứng quả nói mình chứng quả. Nếu có tì-kheo ít muốn, biết đủ, lại nhiều tri thức, vua và đại thần, cùng với dân chúng thấy đều cung kính, nói kệ tán thán thầy tì-kheo ấy công đức vô lượng, xưng là tôn giả, nói rằng sau khi tôn giả xả bỏ thân này chắc chắn sẽ thành Phật đạo. Thầy tì-kheo ấy nghe vậy liền nói: “Các ông chớ nên lấy đạo giải thoát tán thán những người chưa chứng đạo quả, bởi những lời đó đắm trên chữ nghĩa, Phật

chẳng hài lòng. Các ông im đi, chớ nên suốt đời vì người tu hành pháp lạc như ta mà nói những lời đa dục như vậy, ta tự biết mình chưa chứng đạo quả”. Vua và đại thần bảo tì-kheo rằng: “Tôn giả ngày nay chẳng khác đức Phật, mọi người nghe tiếng, đều sẽ theo ngài học kinh, luật, luận”. Nên biết nhà vua cùng với đại thần nói kệ tán thán sẽ được thành tựu công đức vô lượng. Còn tì-kheo kia tu trì phạm hạnh, không vi phạm giới, chẳng phạm bất độ, không phạm vào lỗi tự cho rằng mình có pháp hơn người.

- Lại có tì-kheo diễn thuyết rộng rãi kinh tạng Như Lai, nói rằng: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính của mình. Một khi vô lượng phiền não trong thân đã trừ diệt hết thì tính Phật ấy sẽ hiển lộ ra, trừ nhất-xiên-đề”. Bấy giờ quốc vương cùng với đại thần hỏi tì-kheo kia: “Ngài sẽ làm

Phật hay chẳng làm Phật? Trong thân của ngài cũng có Phật tính?”. Tì-kheo kia đáp: “Chưa biết tôi sẽ thành Phật hay không, nhưng tôi biết chắc là trong thân tôi thật có tính Phật”. Lại hỏi tì-kheo: “Như ngài chẳng làm hạng nhất-xiển-đề, vậy thì phải chẳng ngài tự cho rằng mình sẽ làm Phật”? Tì-kheo ấy đáp: “Đúng vậy! Chỉ cần trong thân thật có Phật tính”. Dù tì-kheo kia nói lời như vậy, chẳng phải tự xưng đắc pháp hơn người, bởi vì sự thật là có Phật tính, nhờ giữ giới luật mới thành Phật quả.

- Lại có tì-kheo tư duy như vậy: “Ta sẽ thành Phật, chắc chắn như vậy, không nghi ngờ gì”. Tư duy như vậy, dù chưa chứng đắc đạo quả giải thoát, người ấy vẫn có phước đức vô lượng. Vì ý nghĩa này, tất cả tì-kheo đều nên tu hành pháp tư duy đó. Bởi vì sao vậy? Vì sẽ ngay đây

xa lìa tám mươi ức pháp bất tịnh; thanh tịnh, thiếu dục tất được thành tựu, chân tính Như Lai nhờ đó hiển hiện, mau được trăm ngàn kho tàng pháp báu. Thế Tôn đại bi mới nói lời này. Phải biết tướng trạng trình bày ở trước chính là kinh luật của đức Phật thuyết. Kinh luật của ma, người nào tin theo, phải biết người đó bị ma dạy dỗ. Người nào tin theo kinh luật Phật thuyết, phải biết người đó chính là bồ-tát.

- Lại nữa, nếu ai bảo rằng: “Chẳng có bốn pháp tội đọa, mười ba tầng tàn, ba mươi pháp xả, chín một pháp đọa, nhiều pháp chúng học, bốn pháp hồi lỗi, hai pháp bất định, bảy pháp diệt tránh; không việc tỳ-ni^[218], cũng chẳng tội nặng, không có ngũ nghịch, chẳng bán kinh pháp, chẳng có hạng người là nhất-xiên-đề, cũng chẳng có chuyện phạm các giới này sẽ bị quả báo đọa trong địa ngục. Tất cả tỳ-kheo và

những ngoại đạo đều được sinh thiên, nhưng Phật Thế Tôn đề hù dọa người nên thuyết giới luật. Nếu muốn mặc tình hưởng thụ khoái lạc ở cuộc đời thì hãy bỏ pháp phục, trở lại thế tục thụ hưởng năm dục, chùng nào thấy chán năm món dục rồi, trở lại tu thiện, ăn năn sám hối. Thời Phật tại thế cũng có tì-kheo thụ hưởng năm dục được sinh cõi trời, cũng được giải thoát. Xưa nay đều có những chuyện như vậy, chẳng phải riêng ta tự tạo dựng nên. Phạm bốn tội đọa, cho đến năm giới, cùng với tất cả luật nghi bất tịnh, nhận vật phi pháp... đều được giải thoát. Nếu ai nói rằng, tội việt tỳ-ni đọa trong địa ngục chịu khổ lâu dài, thời gian bằng tám vạn bốn ngàn năm của trời Đao-lợi, còn các tội khác phần nào chuyển thành quả báo nặng hơn. Đây là những lời của các luật sư giả danh Phật giáo, vọng nói hư ngụy, chẳng nên tin tưởng”. Những điều trên đó,

phải biết chính là kinh luật của ma. Tội việ̣t tỳ-ni rất là vi tế. Nếu tỳ-kheo nào phạm mỗi mỗi điều luật nghi vi tế, biết mình phạm tội mà cố che giấu, như rùa giữ kỹ sáu chi của mình, với bọn người này phải nên xa lìa, đừng nên gần gũi, như Ta nói kệ:

Nếu người phạm tội nhỏ

Nói dối bằng im lặng

Không kể trong đời sau

Việc ác nào cũng làm.

[882a] Đây là những điều nhỏ nhất vi tế, đều do Như Lai quyết định giáo giới, huống phạm tội nặng?! Giới luật không kể là lớn hay nhỏ đều phải giữ vững, vì là Phật tính.

- Nếu ai bảo rằng: “Chín bộ kinh điển không nói chúng sinh đều có Phật tính;

kinh điển Phương đẳng cũng thuyết vô ngã chính là bài báng chín bộ kệ kinh. Tại sao lại không khơi mở cái thấy ở nơi chúng sinh? Trong chín bộ kinh chưa từng nghe nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Ta làm sao tin? Hoặc là tự xưng nói pháp hơn người”. Phải biết những lời bợn họ vừa nói, như bảo biển cả chẳng có của báu. Người kia tuy có học chín bộ kinh, nhưng mà yếu tạng của kinh Phương đẳng, biển pháp Đại thừa, vô lượng pháp bảo chẳng phải là cảnh giới của người kia. Đức Phật thuyết pháp đâu vì tất cả thanh văn, duyên giác, cảnh giới Đại thừa không phải của họ. Thấy được nhân duyên, dấu hiệu Phật thuyết, lại cũng biết được tất cả chúng sinh đều có Phật tính, không hoại các tướng vô ngã, thọ mạng, tâm giữ trung đạo, nói trong thân ta đều có Phật tính, ta sẽ thành Phật, ta nay phải đoạn tất cả phiền não. Ai nói như vậy, thì bản thân

họ chính là thanh văn, nếu ai nói khác gọi là tự xưng được pháp hơn người.

- Nếu ai bảo rằng: “Ta đã thành Phật, ta đã thấy pháp, trụ ở Phật địa”, chính là tự xưng được pháp hơn người. Ai không nói vậy thì không bao lâu họ sẽ thành Phật. Pháp Phật thâm sâu quyết định như vậy. Trong những tì-kheo tự cho rằng mình được pháp hơn người vì cầu lợi dưỡng, đua nịnh tiến thân, giả đi khát thực, ngu si phạm giới, chưa chứng đạo quả mà nói với người là mình đã chứng, để mọi người biết nhằm được cung kính, hưởng sự cúng dường, tăng thêm tham muốn, chờ đợi cúng dường, không tu niệm pháp, nhưng giả uy nghi làm vui lòng người. Ta nói bọn này là kẻ tự xưng được pháp hơn người.

- Lại có tì-kheo vì để hộ trì chính pháp nên giả tham cầu lợi dưỡng, ưa muốn nổi

danh, suy nghĩ như vậy: “Phải khiến tất cả mọi người được biết, khen ngợi lành thay, cung kính, thừa sự. Ta sẽ nhân đó, hàng phục ngoại đạo và bọn phạm giới, quang rạng oai đức trời người tôn kính của đức Như Lai, rộng tuyên kinh điển Phương đẳng Đại thừa Đại bát-nê-hoàn, khai đạo chúng sinh khéo hiểu kinh luật và luật liên hệ của Như Lai thuyết, nuôi lớn hạt giống Như Lai tự thân, khiến cho Phật tính nhanh chóng hiển bày, vô lượng kết hoạn đồng thời trừ diệt, bảo các chúng sinh: ‘Mọi người đều có khả tính thành Phật, cho nên hãy gắng diệt sạch phiền não’”. Vì tâm hộ pháp mà nói như vậy, Ta bảo người này là hàng bồ-tát, chỉ vì hộ pháp nên chẳng có tội nói pháp hơn người. Tội viết tỳ-ni còn bị đọa địa ngục chịu khổ với thời gian bằng tám vạn bốn ngàn năm của trời Đao-lợi, huống là tội nặng? Trong pháp Đại thừa người phạm tội nặng đều bị

trục xuất. Có tâm chiếm giữ là phạm tội nặng. Như người giữ tháp mà chiếm một vật nhỏ bằng hạt cải, lấy một quyển kinh mà không hỏi chủ, đều phạm tội nặng; có lòng gian tà phá hoại tháp Phật, cũng phạm tội nặng, tất phải trục xuất. Nếu vua, đại thần xây dựng chùa, tháp, cúng dường xá-lợi, hoặc vì cung kính mời một tì-kheo thay vua sắp đặt, giữ gìn tiền bạc, nhưng tì-kheo đó làm theo ý mình khiến chủ quở trách. Những tì-kheo này cũng phải trục xuất. Những người bất nam[219] và người nhị căn[220], đều phải trục xuất. Bởi vì sao vậy? Vì vượt năm giới. Thậm chí phải có từ tâm bố thí sự không sợ hãi cho cả con kiến, là pháp sa-môn. Giả sử chỉ nghe mùi rượu đã phải nhanh chóng rời xa, là pháp sa-môn. Pháp của sa-môn thì ở trong mộng cũng không vọng ngữ. Pháp của sa-môn thì ở trong mộng cũng không ở chung chỗ có người nữ. Nếu ở

trong mộng mà cùng ở chung, dù chưa phạm giới, như hương của hoa khiến người xao xuyến, tâm khởi buông lung, đều do ban ngày nhìn thấy cảnh vật, tâm liền sinh theo, nên tối nằm mộng, khi tỉnh mộng rồi ý niệm thêm loạn, như nghĩ đến ăn mới đi khát thực, làm sao khiến tâm phóng túng không sinh? Ngay ở trong mộng, tâm niệm mới sinh phải mau trừ diệt. Những điều nêu trên phải biết đó là kinh luật của Phật. Nếu ai tin theo kinh luật của ma, phải biết người đó bị ma dạy dỗ. Còn ai tin theo kinh luật Phật thuyết, phải biết người đó chính là bồ-tát.

- Nếu ai bảo rằng: “Như Lai cho phép những bậc đại nhân chỉ ngồi một chỗ, uy nghi đi đứng, không nói là pháp; gieo đầu vào đá, tự uống thuốc độc, hoặc là nhịn ăn, sát hại sinh vật, trói buộc chúng sinh để nuôi thân thể, làm nghề mưu mẹo,

luyện thuật bùa chú khiến người mê loạn, hạng chiêm-đà-la, bất nam, nhị căn, thân thể khuyết tật... đều được xuất gia, vì thương chúng sinh. Vì lòng từ bi, nên những sữa, mật, lụa là, ngọc bội, thuộc da, lúa gạo... đều không nên dùng, những loài cỏ cây đều có mạng sống. Nê-hoàn diệt hẳn”. Những lời như trên phải biết chính là kinh luật ma thuyết. Trừ bốn uy nghi của bậc đại nhân, nếu ai bảo rằng Ta cho phép được uống thứ thuốc độc, lao đầu vào lửa, nhin ăn đến chết, gieo đầu vào đá, tàn sát chúng sinh, làm nghề mưu mẹo, luyện thuật bùa chú khiến người mê loạn, những loại sữa, mật, lụa là, ngọc bội, lúa gạo nấu chín nghĩ đó là thịt, đối với hết thảy cỏ cây nghĩ rằng chúng có thọ mạng... ai nói như vậy Ta không hài lòng. Người nói điều đó, phải biết họ là đệ tử ngoại đạo. Những ai hành trì theo lời Ta dạy là đệ tử Ta, không nói bốn đại là

có mạng sống. Những điều như vậy phải biết chính là kinh luật Phật thuyết.

- Những điều so sánh còn nhiều vô lượng. Những ai tin theo kinh luật ma thuyết, phải biết người đó bị ma dạy dỗ. Những ai tin theo kinh luật Phật thuyết, phải biết người đó chính là bồ-tát.

- Này thiện nam tử! Phải khéo phân biệt, tương trạng sai khác giữa kinh Phật thuyết, với kinh ma thuyết, như vừa trình bày.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Hay thay, Thế Tôn! Hôm nay chúng con mới hiểu lời dạy của đức Như Lai thật là thâm sâu.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử!
Phải học như vậy mới là người có trí tuệ
thông suốt.

Kinh Đại Bát-nê-hoàn

Hết quyển thứ 4

KINH

PHẬT THUYẾT ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Quyển 5

Phẩm thứ 11: TỨ ĐẾ[221]

[882c] Bảy giờ Thế Tôn bảo ngài Ca-
diếp:

- Này thiện nam tử! Giả sử có khổ gọi là
khổ đế[222], thì mọi chúng sinh trong
đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh... đều
có khổ đau. Khổ đế nghĩa là, pháp thân

Như Lai thường trụ bất diệt, chẳng phải là thân thụ thực ô uế, nhưng các chúng sinh chẳng có trí tuệ tôn quý của Phật nên không biết được chân lý về khổ, lấy điều phi pháp làm điều chính pháp, vì vậy nên bị si, ái, phiền não trói buộc mãi hoài, nhiều kiếp luân chuyển sinh tử khổ đau. Giả sử chúng sinh được nghe hai chữ Như Lai thường trụ thoát qua lỗ tai, thì dù muốn được sinh lên cõi trời hay cầu giải thoát chắc chắn sẽ được chứng quả vị thánh, khoái lạc tự nhiên. Người trí tự biết chúng được diệu quả đều nhờ âm thanh Như Lai thường trụ thoát qua lỗ tai. Bởi vì từ xưa cho đến hôm nay chẳng hề biết được Như Lai thường trụ cho nên phải chịu qua lại vô lượng sinh tử khổ đau. Biết khổ như vậy là biết[223] khổ đế. Nếu biết khác đi tức là chẳng phải biết về khổ đế.

- Khô tập đế[224] là, vì không biết được sự thật các pháp cho nên tham ái ngày một thêm nhiều, nuôi dưỡng súc vật, đầy tớ và giữ vật dụng phi pháp; những điều phi pháp lại cho là pháp rồi lại sinh tâm nắm giữ hư vọng, chính pháp bị diệt[225], vì không có trí cho nên phải chịu luân chuyển ở mãi trong đường sinh tử, khổ đau phiền não. Phải biết điều đó phá hoại chính pháp[226], rốt cuộc chẳng được chứng quả sinh thiên hay là giải thoát. Chẳng biết tướng trạng chân thật của những nguyên nhân khổ đau là hoại chính pháp. Quả báo nói dối cũng sẽ phải chịu đê dài tăm tối sinh tử khổ não. Ai biết như vậy là biết tập đế. Nếu hiểu khác đi tức là chẳng biết nguyên nhân của khổ.

- Khô diệt đế[227] là tu pháp hành không[228], nhưng nếu cho rằng mọi pháp diệt tận, thì sẽ hoại diệt thể tính Như

Lai; nếu tu hành không gọi là diệt đế, thì ngoại đạo kia nhìn nhận nghĩa lý trái nghĩa hành không, tu hành như vậy cũng sẽ chứng được diệt đế hay sao? Phải biết tất cả đều có bản tính Như Lai thường trụ. Nếu như diệt sạch phiền não trói buộc thì tính Như Lai thường trụ hiển hiện. Chỉ trong một niệm khởi lên liền được diệu quả thường lạc tự tại gọi là Pháp tự tại vương. Đó là tu hành diệt khổ thánh đế. Ngược lại, đối với thể tính Như Lai người tu khởi nghĩ là không, vô ngã thì biết bọn này giống như thiêu thân[229] đâm đầu vào lửa. Diệt đế nghĩa là thể tính Như Lai, là quả Như Lai diệt trừ tất cả vô lượng phiền não. Bởi vì sao vậy? Bởi vì thể tính Như Lai là nhân. Người biết điều này là biết diệt đế Như Lai bình đẳng. Nếu biết khác đi thì không thể gọi là biết diệt đế.

- Khô diệt đạo[230] là thể tính Như Lai, Pháp, Tăng, Giải thoát. Bốn loại pháp này gọi là đạo đế. Không biết như thật về bốn pháp này thì sẽ ở mãi trong đường sinh tử vô lượng khô đau. Trong đường sinh tử cần phải siêng năng tinh tấn tu hành, hiểu rõ Như Lai, Pháp, Tăng, Giải thoát là pháp thường trụ, không phải là pháp thay đổi, biến hoại, bất tận, bất hoại. Khởi lên một niệm như vậy liền được chứng quả vi diệu khoái lạc tự tại. Đối với bốn pháp thường trụ bất không, nếu ai nghĩ rằng đây là phi pháp, phải biết bọn đó sẽ bị quả báo tà kiến điên đảo. Khô diệt đạo là, với ba pháp[231] này người tu luôn nghĩ là pháp thường trụ. Đó gọi là biết khô diệt đạo đế. Người nào tu hành nghĩ pháp thường trụ, phải biết người đó là đệ tử Ta, biết bốn chân đế. Đó là bồ-tát biết bốn chân đế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Nay con mới biết tu bốn chân đế.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 12: BỐN PHÁP ĐIÊN ĐẢO

[883a] Đức Phật lại bảo ngài Ca-diếp rằng:

- Điên đảo nghĩa là khổ mà nghĩ vui, nghĩ rằng Như Lai là pháp vô thường, nê-hoàn diệt tận, như củi hết lửa tắt, đó là đại khổ. Nếu ai nghĩ rằng Như Lai vô thường tức là điên đảo. Vui mà tưởng khổ, đối với Như Lai trường tồn mà thấy giống như chúng sinh, đó là điên đảo. Ba cõi là khổ

mà nghĩ rằng vui, đó là điên đảo. Đây là những điều điên đảo thứ nhất.

- Vô thường nghĩ thường, đó là điên đảo. Thường nghĩ vô thường, đó là điên đảo. Thường nghĩ vô thường là nghĩ Như Lai đạt được nê-hoàn nhờ tu cực không[232], đó là điên đảo. Tu cực không rồi, chúng sinh đoán thọ liền được trường thọ, cho kết quả ấy là pháp thường tồn, đó là điên đảo. Đây chính là điều điên đảo thứ hai.

- Phi ngã tưởng ngã, đó là điên đảo. Ngã tưởng phi ngã, tức là điên đảo. Cho rằng tất cả thế gian có ngã, tức là điên đảo. Chư Phật dạy rằng thể tính Như Lai là ngã chân thật, nhưng với nghĩa này lại tưởng phi ngã, đây chính là điều điên đảo thứ ba.

- Tịnh nghĩ bất tịnh, đó là điên đảo. Bất tịnh nghĩ tịnh, đó là điên đảo. Như Lai thường trụ, chẳng phải là thân thụ thực ô

uế, nhưng người mắt thịt cho rằng là thân thọ thực ô uế, pháp không thanh tịnh; Pháp, Tăng, Giải thoát cũng sẽ diệt tận, đó là điên đảo. Đối với tất cả thân hình bất tịnh, không thấy một chút thanh tịnh nào cả, nhưng mà chúng sinh ngu si, điên đảo lại nghĩ thanh tịnh, đây chính là điều điên đảo thứ tư.

- Như vậy, thiện nam! Đây là bốn điều điên đảo vọng tưởng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Hay thay, Thế Tôn! Từ trước đến nay con thường chấp giữ những điều điên đảo, bây giờ mới thấy chính pháp Như Lai.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 13: NHƯ LẠI TÁNH

[883b] Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Như Lai có ngã, còn chúng sinh trong hai mươi lăm hữu thì có hay không?

Phật bảo Ca-diếp:

- Ngã chân thật là thể tính Như Lai, phải biết tất cả chúng sinh đều có, nhưng chúng sinh bị vô lượng phiền não che đậy không hiện. Như một kẻ nghèo, trong nhà có cả kho tàng trân bảo mà chẳng hay biết. Bấy giờ có người khéo biết kho báu chôn giấu chỗ nào, bảo kẻ nghèo rằng: “Ông làm cho tôi, tôi sẽ trả ông tiền tài, bảo vật”. Người nghèo trả lời: “Tôi không thể làm. Bởi vì sao vậy? Bởi vì trước đây trong nhà của tôi có kho trân bảo, không thể bỏ đi”. Người kia lại nói: “Ông là người ngu, không biết chỗ để kho báu ở

đâu, chi bằng để ta lấy rồi cho ông, dùng hoài không hết”. Kẻ nghèo liền nghe theo lời ông ấy. Sau đó người kia tìm ra kho báu trong nhà kẻ nghèo, giao cho ông ta. Kẻ nghèo vui mừng, rất lấy làm lạ, biết được người kia là chỗ nương nhờ rất là chân thật. Hết thấy chúng sinh cũng y như vậy. Mỗi người đều có thể tính Như Lai, nhưng bị vô lượng phiền não che lấp nên chẳng tự biết. Như Lai phương tiện dẫn dắt, khai hóa khiến cho tự biết trong thân của mình có tính Như Lai, vui mừng tin nhận.

- Lại nữa thiện nam! Thí như người mẹ vừa mới sinh con liền bị mang bệnh. Thầy thuốc phương tiện, hòa trộn thuốc tốt với sữa, mật ong cho đứa trẻ bú. Bảo người mẹ rằng: “Cẩn thận đừng cho con bú sữa mình, để thuốc tiêu hết, rồi hãy cho bú”. Thầy thuốc lại lấy thuốc đắng thoa lên

đầu vú người mẹ, đưa trẻ muôn bú, nghe mùi thuốc đắng, liền nhả ra ngay. Khi biết thuốc trong người nó đã hết, sau đó người mẹ rửa vú cho thật sạch rồi cho con bú. Cũng vậy, thiện nam! Như Lai dẫn dắt, giáo hóa chúng sinh, bước đầu chỉ dạy chúng sinh tu hành hết tẩy các pháp đều là vô ngã. Lúc tu vô ngã, diệt trừ ngã kiến[233], diệt sạch ngã kiến liền chứng nê-hoàn. Để trừ cái ngã thế gian cho nên phương tiện mật giáo nói về vô ngã, sau đó mới nói thể tính Như Lai, chính là cái ngã chân thật xa lìa khỏi pháp thế gian.

Ca-diếp bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Lúc người mới sinh trí tuệ còn ít, từ từ lớn lên, trí tuệ cũng sáng, nếu như có ngã thì chắc chắn rằng trước sau vẫn vậy. Nhưng bởi trí tuệ dần dần tăng trưởng, cho nên biết rằng thật là vô ngã. Lại nữa, nếu như có ngã thì không

sinh tử, nhưng có sinh tử, nên biết vô ngã. Giả sử hết thấy đều có Phật tính thì không khác nhau, nhưng nay hiện thấy có hàng trưởng giả, phạm chí, sát-lợi, cư sĩ và cả hàng chiên-đà-la, mọi loài chúng sinh có nghiệp khác nhau, thụ thân bất đồng. Giả sử chúng sinh đều có Phật tính thì phải đồng đẳng, nhưng nay bất đồng, cho nên biết rằng chẳng có Phật tính. Lại nữa, nếu như thật có Phật tính thì đã không có sát sinh, trộm cướp tạo nên vô số nghiệp ác, bất thiện. Nếu như chúng sinh có Phật tính thì người điếc phải nghe, người mù phải thấy, người câm phải nói. Nếu như mọi loài đều có Phật tính thì nó ở đâu? Nó hòa hợp thân, xanh, vàng, đỏ, trắng, ở trong muôn màu, là ở một chỗ, hay ở khắp thân?

Phật bảo Ca-diếp:

- Thí như ông vua có sức mạnh lớn và có bảo châu ma-ni trừ được những chất kịch độc đeo ở trên đầu, lúc cùng giao tranh với nước thù địch, bảo châu vua đeo bị vùi lấp mất vào trong thân thể, máu thịt và da che mất bảo châu, tìm kiếm chẳng thấy, liền nghĩ đã mất. Bấy giờ thầy thuốc đến điều trị bệnh, vua hỏi thầy thuốc: “Ta có bảo châu mà để quên mất, tìm kiếm khắp nơi, chẳng biết ở đâu. Phải biết tài bảo là vật vô thường, y như bọt nước, mau sinh mau diệt, hư dối, như huyễn”. Vua cứ nghĩ rằng đã mất bảo châu. Thầy thuốc trả lời: “Bảo châu vẫn còn, chớ nghĩ đã mất. Lúc ngài giao đấu, bảo châu bị lẫn vào trong thân thể, máu thịt và da che đậy đi mất, cho nên chẳng thấy”. Ông vua chẳng tin, bảo với thầy thuốc: “Trong máu thịt này chỗ nào có châu? Nói chuyện xa vời”! Lúc ấy thầy thuốc bèn lấy châu ra. Vua thấy châu rồi mới tin thầy thuốc biết

điều kỳ đặc. Hết thấy chúng sinh cũng y như vậy, mỗi mỗi đều có tự tính Như Lai, nhưng vì quen theo bạn xấu mới khởi dâm, nộ, si mê, đọa ba đường ác, dẫn đến trôi lăn trong hai lăm cõi, thụ vô số thân. Tự tính Như Lai như châu ma-ni lẫn trong phiền não, dâm, nộ, si mê, chẳng biết ở đâu. Với ngã thế gian, tu quán vô ngã, chẳng hiểu Như Lai là bậc lương y, phương tiện mật giáo dạy quán vô ngã, nhưng không biết được tự ngã chân thật, vì vậy Như Lai lại dùng phương tiện khiến diệt vô lượng lửa dữ phiền não, khai thị hiển hiện tự tính Như Lai.

- Lại nữa, thiện nam! Như trong núi Tuyết có loại thuốc ngọt tên là thượng vị. Lúc Chuyển luân thánh vương chưa ra đời, thuốc ấy ảm mất, không thấy hiện hữu. Bao nhiêu người bệnh đều đi tìm thuốc, đào ở trong đất để tìm nhựa thuốc, hoặc

được vị ngọt, hoặc được vị đắng, hoặc
 được vị cay, hoặc được vị chua, hoặc
 được vị mặn, hoặc được vị nhạt, nhưng
 những người bệnh được các vị đó chứ
 không thật sự được thuốc thượng vị, vì
 phước đức mỏng, đào đất chẳng sâu. Đến
 lúc Chuyển luân thánh vương có đủ sức
 mạnh phước đức xuất hiện ở đời liền được
 thứ thuốc chân thật thượng vị. Cũng vậy,
 thiện nam! Tự tính Như Lai bị quá nhiều
 thứ, vô lượng phiền não, ngu si che lấp,
 cho nên chúng sinh chẳng được thượng vị
 tự tính Như Lai. Dù bị vô lượng hành
 nghiệp dẫn dắt thụ thân khắp chốn, thể
 tính Như Lai vẫn không thể mất. Những
 thân hình đó đã bị chết đi, gọi là đoản thọ.
 Còn tính Như Lai gọi là chân thọ[234],
 chẳng đoạn, chẳng hoại, cho đến thành
 Phật. Thể tính Như Lai không hại, không
 sát, chỉ có tâm thân tự tính nương nhờ có
 hại, có sát, như những người bệnh tạo các

nghiệp tà bị báo vô lượng, thọ thân sát-lợi, phạm chí, cho đến sinh tử ở trong hai mươi lăm cõi, vì không thật sự thấy tính Như Lai.

- Lại nữa, thiện nam! Như người đào đất tìm Kim cương báu, cầm cái đục bén, đục đất, đá cứng khiến cho vỡ vụn, chỉ có Kim cương là không bị vỡ. Tự tính Như Lai cũng y như vậy, kiếm bén thiên ma không thể làm hại, chỉ có thân thể tự tính nương nhờ bị thương hại thôi, tự tính Như Lai không hề bị hại. Cho nên phải biết, tự tính Như Lai không hại, không sát. Đây là lời dạy chân thật của Phật, rằng kinh Phương đẳng vừa là cam lộ, vừa là độc dược.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Khế kinh Phương đẳng vừa là cam lộ, vừa là độc dược nghĩa là thế nào và dẫn đến đâu?

Phật bảo Ca-diếp:

- Thiện nam, lắng nghe! Hôm nay Ta sẽ giảng cho ông nghe.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Có người uống cam lộ

Được thành tiên trường thọ

Có người uống cam lộ

Tôn thọ mà chết yếu

Người vì độc mà chết

Kẻ nhờ độc mà sống.

[884b] Cam lộ chính là trí tuệ vô ngại của pháp Đại thừa. Độc dược cũng là trí tuệ vô ngại của pháp Đại thừa. Giống như đề

hồ, tô du, đường phèn, người ăn không tiêu, gọi là độc dược, còn người ăn tiêu, gọi là cam lộ. Chúng sinh vô trí chẳng hiểu mật giáo Phương đẳng Đại thừa, thì đối với họ gọi là độc dược; Thanh văn, Duyên giác trụ pháp Đại thừa và chư Bồ-tát, những bậc đại hùng trong chốn loài người thì gọi cam lộ. Thí như sữa trâu dù có khác màu nhưng cùng một vị. Cũng vậy, Ca-diếp! Phải biết pháp tính Như Lai an trú trong thân Bồ-tát chứng pháp vô úy, thì thể tính đó cũng đồng một vị với thể tính Ta.

Bấy giờ Ca-diếp liền nói kệ rằng:

Con quy y tam bảo

Như Lai tính thậm thâm

Tự thân Như Lai tạng

Phật, Pháp, Tăng là ba

Người quy y như vậy

Là quy y tối thượng.

[884b] Bảy giờ Thế Tôn lại vì Ca-diếp mà nói kệ rằng:

Người không biết tam bảo

Làm sao biết quy y?

Nghĩa quy y chưa hiểu

Làm sao biết Phật tính?

Nếu đã quy y Phật

Là chỗ an ổn nhất

Thì có nhân duyên gì

Lại quy y nơi Pháp?

Người quy y nơi Pháp

Là quy y tự tâm.

Lại có nhân duyên gì

Mà quy y Tăng chúng?
 Không tin quy y Phật
 Bậc quyết định chân thật,
 Tam bảo, tính Như Lai
 Do đâu biết được hết?
 Vì sao chưa biết nghĩa
 Đã sinh tâm suy tính
 Phật, Pháp, từ-kheo Tăng
 Thêm thang của tam bảo?
 Như người chẳng mang thai
 Mà nghĩ sẽ sinh con
 Người tư duy như vậy
 Chỉ tăng thêm phiền não.
 Như người tìm tiếng vọng
 Chẳng phải cư sĩ thật[235]

Phải siêng tìm phương tiện

Đại thừa nghĩa quyết định

Ta sẽ tùy nghi giảng

Khiến ông trừ lưới nghi.

[884c] Bồ-tát Ca-diếp lại dùng kệ bạch:

Pháp của ưu-bà-tắc

Là quy y nơi Phật

Không nghĩ tưởng quy y

Nơi hết thấy thiên, thần.

Pháp của ưu-bà-tắc

Là quy y nơi Pháp

Không sát hại sự sống

Để thờ cúng phi pháp.

Pháp của ưu-bà-tắc

Là quy y nơi Tăng

Không nương chúng tà đạo

Để cầu ruộng phước lành.

Cho nên nương tam bảo

Trừ ba pháp thế tục.

Ba pháp quy y này

Chính Như Lai cũng dạy:

“Ta xưa nhờ pháp này

Nay được chỗ an ổn

Các ông cũng sẽ hành

Đến được chỗ Ta đến

Đây là đường bình đẳng

Các ông thực hành theo

Mau chóng thoát các khổ

Nghiệp sinh tử luân hồi”.

Tự tính của Như Lai

Cũng từ Thế Tôn dạy:

*“Ta và mọi chúng sinh
 Đồng tính Như Lai này
 Đạo chư Phật tùy thuận
 Chúng ta ắt nhờ đó
 Cho đến chúng thiên ma
 Cũng có cam lộ này
 Chung quy đồng chư Phật
 Ly hữu Mâu-ni tôn[236]”.*

[884c] Bảy giờ Thế Tôn lại nói bài kệ cho Ca-diếp rằng:

*Ông chớ như Thanh văn
 Trí tuệ của trẻ con
 Nên biết một quy y
 Chứ chẳng phải có ba*

*Đạo bình đẳng như vậy
Phật, Pháp, Tăng một vị
Vì diệt tà kiến, nghi
Nên lập ba pháp này.
Nay ông muốn thị hiện
Người tùy thuận thế gian
Phải theo lời dạy này
Quy y nơi tam bảo.
Nếu người quy y Phật
Chính là quy y Ta
Quy y Đấng Chính Giác
Chánh Giác Ta đã đạt.
Người phân biệt quy y
Thì loạn tính Như Lai.
Từ nơi chỗ Như Lai*

*Mà sinh tâm bình đẳng
Chấp tay cung kính lễ
Là lễ tất cả Phật.*

*Ta là chỗ nương tựa
Chân thật cho mọi loài
Vì Ta đã đầy đủ
Thân diệu pháp thanh tịnh.*

*Nếu lễ tháp xá-lợi
Chính là kính lễ Ta
Ta là tháp chân thật
Tối thượng cho chúng sinh
Cũng là xá-lợi thật
Cho nên phải kính lễ.*

*Nếu người quy y Pháp
Chính là quy y Ta*

*Vì Ta đã đầy đủ
Thân diệu pháp thanh tịnh
Ta là pháp nương tựa
Chân thật cho mọi loài.
Nếu quy y chúng Tăng
Chính là quy y Ta
Mọi chúng sinh còn lại
Đều thuộc Phật chúng Tăng
Ta là Tăng chính giác
Tối thượng cho mọi loài.
Loài chúng sinh không mắt
Nhờ đây mà có mắt
Cho nên chúng Thanh văn
Và hàng Tăng Duyên giác
Đều thuộc Tăng Như Lai*

Quy y chân thật nhất.

[885a] Phật bảo Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Bạc đại Bồ-tát phải nghĩ như vậy: Giả sử bất thiện, vô tri tích tụ, cũng nên biết rằng ta có Phật tính, giống như tráng sĩ lúc đi chiến đấu phải biết mình là chủ tướng ba quân, là chỗ tất cả binh lính nương nhờ. Thí như con vua lúc làm thái tử phải tự biết mình là hơn tất cả những vương tử khác, sẽ nối ngôi vua, làm chỗ nương tựa chân thật cho tất cả vương tử khác, quyết không sinh tâm nghĩ mình hạ liệt. Này thiện nam tử! Bạc đại Bồ-tát cũng y như vậy, lập chí kim cương, vượt ba pháp kia, như vương tử nọ thành tựu đức tính không còn sợ hãi, đối với ba pháp bỏ mọi suy nghĩ. Như Lai tối thượng, giống như đỉnh tướng là tối thượng nhất, chẳng Phật, chẳng Pháp, chẳng Trì-kheo Tăng. Mọi sai biệt kia như

nấc thang vậy, làm chỗ thế gian nương tựa là để cứu độ thế gian, trong pháp chân thật thị hiện vô lượng, như là ba pháp dẫn dụ giáo hóa chúng sinh vô tri, trí tuệ trẻ con, khiến vào Đại thừa, trí tuệ sâu bén.

Bồ-tát Ca-diếp lại nói kệ rằng:

Biết nghĩa chân thật này

Nhưng vẫn hỏi Như Lai

Muốn Bồ-tát hiển phát

Dũng mãnh lià nhiệm ô.

Hay thay! Lời Thế Tôn

Việc làm của Bồ-tát

Trí Đại thừa sâu bén

Như luyện tuệ kim cương.

Hay thay! Lời Thế Tôn

An lập chư Bồ-tát

*Như Lai khéo hiển thị
Con nay cũng phải vậy
Hết thấy mọi chúng sinh
Sẽ tự mình khuyến phát
Như Lai tạng tự thân
Đều là ba quy y
Hết thấy mọi chúng sinh
Tin, thụ nhận kinh này
Ai đã lìa phiền não
Và ai chưa ly dục
Đều phải nương tự thân
Như Lai tạng vi diệu
Chỉ có một quy y
Chẳng hai, cũng chẳng ba
Bởi vì sao như vậy*

*Thế Tôn phân biệt rộng
Mỗi mỗi tự thân có
Như Lai tạng vi diệu
Vì biết được nghĩa này
Không cần phải tam quy
Ta vì cả thế gian
Làm chỗ nương chân thật
Pháp và Tăng tì-kheo
Hết thấy đều nhiếp thụ
Thanh văn, Bích-chi-phật
Đều phải nên kính lễ
Để cho hàng bồ-tát
Hướng thẳng đến Đại thừa
Tánh Như Lai như vậy
Là không thể nghĩ bàn*

Đầy đủ ba hai tướng

Và tám mươi vẻ đẹp.

[885b] Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Chư vị Bồ-tát nên học lợi trí thậm thâm như vậy. Lại nữa thiện nam! Ta sẽ nói thêm về việc thể nhập tạng tính Như Lai.

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Có ngã trường tồn thì

Trọn không bị khổ hoạn

Giả sử không có ngã

Không ai tu phạm hạnh.

Hết thấy pháp vô ngã

Đây là thuyết đoạn diệt.

Ai nói ngã trường tồn

Đó là thuyết chấp thường.
 Hết thấy pháp vô thường
 Cũng là thuyết đoạn diệt
 Hết thấy pháp thường hằng
 Đó là thuyết chấp thường.
 Hết thấy pháp là khổ
 Chính là thuyết đoạn diệt
 Hết thấy pháp là lạc
 Đó là thuyết chấp thường
 Tu tướng tất cả thường
 Thì mau được thuyết đoạn
 Tu tất cả vô thường
 Thì mau đắc thường tướng.
 Thí như chặt trùng lâu[237]
 Được một mong thành hai.

*Cũng vậy, tu thường tưởng
Thì mau được đoạn diệt
Nếu tu thuyết đoạn diệt
Cũng mau được thường tưởng
Như thí dụ đã nói
Được một lại mong nhiều.
Ngoài ra tu pháp khổ
Là nói điều bất thiện
Tu pháp thường an vui
Chính là nói điều thiện
Tu các pháp vô ngã
Quán vô lượng phiền não
Tu các pháp thường tồn
Phật tính và niết-bàn
Tu các pháp vô thường*

Là thân chẳng kiên cố
Tu các pháp thường hằng
Như Lai và Tam bảo
Cùng bình đẳng, giải thoát
Là các pháp chân thật
Những điều Như Lai dạy
Chẳng giống ví dụ kia.
Phải biết trừ nhị biên[238]
Ở trung đạo thuyết pháp
Chấp thường và đoạn diệt
Phải xa hai thuyết đó.
Bọn phàm ngu thế gian
Hiểu lầm lời Phật dạy
Ví như người bệnh gầy
Vội uống lầm sữa tô

Có, không thêm bệnh ấy?
Thí như người bệnh nặng
Bốn đại xung đột nhau
Mà không được hòa hợp
Đàm uẩn[239] tăng không ngừng
Gió thổi càng như đốt
Phong uẩn đã trái nhau
Đàm dãi lại càng tăng
Tứ đại không điều hòa
Nên thân thể phát cuồng
Thầy thuốc khéo trị bệnh
Tùy thuận an bốn đại
Trừ diệt tất cả bệnh
Toàn thân khỏe, an vui
Như bốn rắn độc lớn

*Vô lượng phiền não, hoạn
Thầy thuốc khéo trị bệnh
Tính bình đẳng, an ổn
Và tính bình đẳng đó
Gọi là Như Lai tạng
Được nghe Như Lai tính
Xa lìa tất cả giới
Thường trụ, không thay đổi
Có, không đều chẳng vương
Kẻ ngu chỉ vọng thuyết
Không hiểu pháp bí mật.
Như Lai vì chúng sinh
Phương tiện nói thân khổ
Kẻ ngu không thể biết
Bảo thân Ta đoạn diệt*

*Người trí mới hiểu rõ
Không thụ hết tất cả
Biết được trong thân Ta
Có hạt giống an lạc.*

*Nghe Ta vì chúng sinh
Phương tiện nói vô thường*

*Kẻ ngu bảo Thân ta
Như đồ bằng đất nung*

*Người trí tuệ biết rõ
Không nhận hết tất cả
Biết được thân Ta có
Là pháp thân vi diệu.*

*Nghe Ta vì chúng sinh
Phương tiện thuyết vô ngã
Kẻ ngu bảo pháp Phật*

Hết thấy đều vô ngã
Người trí mới hiểu rõ
Đó giả danh, phi tận
Chẳng mê nơi thanh tịnh
Như Lai chân pháp tính.
Nghe Phật vì chúng sinh
Phương tiện thuyết giáo không
Kẻ ngu không hiểu được
Bảo rằng ngôn ngữ đoạn
Người trí thì hiểu rõ
Không gồm thấu tất cả
Biết pháp thân Như Lai
Trường tồn không thay đổi.
Nghe Ta vì chúng sinh
Phương tiện thuyết giải thoát

Người ngu không hiểu được

Bảo giải thoát là hết

Người trí thì hiểu rõ

Không hẳn đến chỗ đoạn

Như Lai, Nhân Sư Tử[240]

Bậc tự tại độc hành

Ta vì chúng sinh thuyết

Vô minh duyên các hành

Người ngu không hiểu được

Bảo đó là hai pháp

Nhưng người trí hiểu rõ

Minh, vô minh tuy khác

Pháp giải thoát chân thật

Thì chẳng có hai tướng.

Duyên các hành sinh thức

Kẻ ngu bảo là hai

Người trí biết hành, duyên

Tuy hai mà chẳng hai.

Thập thiện và thập ác[241]

Kẻ ngu theo hai tướng

Người trí mới hiểu rõ

Tuy hai mà chẳng hai.

Có tội và vô tội

Kẻ ngu bảo là hai

Người trí khéo hiểu rõ

Tự tính vốn chẳng hai.

Tướng thanh tịnh, bất tịnh

Kẻ ngu bảo là hai

Người trí khéo hiểu rõ

Tự tính vốn chẳng hai.

Tạo tác, chẳng tạo tác
 Nói tất cả mọi pháp
 Kẻ ngu không thể biết
 Bảo đó là hai pháp
 Người trí khéo hiểu rõ
 Tự tính vốn chẳng hai.
 Nói tất cả các pháp
 Là có khổ và lạc
 Kẻ ngu không thể biết
 Bảo đó là hai pháp
 Người trí khéo biết rõ
 Tự tính vốn chẳng hai.
 Ta vì chúng sinh thuyết
 Tất cả hành vô thường
 Kẻ ngu chẳng thể biết

*Thuần tu Như Lai tính
Người trí khéo hiểu rõ
Tự tính vốn chẳng hai.
Ta vì chúng sinh thuyết
Tất cả pháp vô ngã
Kẻ ngu không thể biết
Nói Phật thuyết vô ngã
Người trí hiểu tự tính
Ngã, vô ngã chẳng hai.
Vô lượng vô số Phật
Đều thuyết Như Lai tạng
Ta cũng nói tất cả
Kinh tích tụ công đức
Ngã, vô ngã chẳng hai
Các ông khéo thụ trì.*

[886b] - Nay thiện nam tử! Phải luôn ghi nhớ kinh điển tích tụ tất cả công đức. Ta cũng đã thuyết kinh Đại bát-nhã ba-la-mật-đa[242], là kinh bát nhị[243]. Kinh đó nói rằng ngã và vô ngã vốn là không hai[244]. Thí như từ sữa mà có được lạc, từ lạc có tô, từ tô có thực, rồi từ thực tô mới có đề hồ, trước sau là một. Nếu như lạc, tô... từ thứ khác sinh, thì là thứ khác tạo ra thứ này. Nếu sữa là lạc, vậy thì tại sao lúc còn là sữa chẳng thấy tướng lạc[245]. Như vậy là do nhân duyên xoay vần đắp đổi cùng sinh, chẳng phải tự sinh, nên nói xoay vần. Nếu từ thứ khác sinh ra thì nó ở chỗ nào đến? Ngay lúc là sữa không thấy lạc, tô, thực tô, đề hồ từ chỗ khác đến. Tất cả mỗi thứ, sữa, lạc, sinh tô... đều có tự tính của chất đề hồ, nhưng bị nhiều thứ tạp nhiễm che đậy cho nên mới có những chất khác nhau. Nếu bò ăn nhiều, sữa sẽ như máu; nếu ăn cỏ ngọt,

sữa sẽ ngọt thơm; nếu ăn cỏ đắng, sữa có vị đắng; dưới chân núi Tuyết có đằm cỏ ngọt, nếu bò ăn được loại cỏ ngọt này sẽ cho đề hồ, không có màu khác. Nếu bò ăn nhiều loại cỏ khác nhau thì sữa cũng sẽ có nhiều màu khác. Minh và vô minh[246] là pháp bất nhị, cũng giống như vậy, do những hành nghiệp lỗi lầm cho nên minh thành vô minh. Hết thấy pháp thiện và pháp bất thiện đều chẳng phải hai. Cho nên phải biết, tính của Như Lai giống như đề hồ, tự tính thanh tịnh bị vương phiền não cho nên có những hình tướng khác nhau. Như người ta nói nước biển vị mặn, không phải tất cả nước biển thuần mặn, mà trong nước biển cũng có đầy đủ tám vị của nước. Như trong núi Tuyết có nhiều cỏ độc, nhưng mà trước đây núi Tuyết cũng có rất nhiều thuốc hay. Thân của tất cả chúng sinh cũng vậy, bốn đại hòa hợp thí như rắn độc, nhưng trong thân này

trước có Phật tính, như thuốc hay kia, tự tính Như Lai trước sau thường có, chẳng phải là do tạo tác mà có, nhưng vì trong đó vô lượng phiền não đua nhau nổi dậy. Tất cả chúng sinh muốn cầu thành Phật, phải trừ vô lượng phiền não kết hoạn. Thí như mùa xuân nổi mây sấm lớn nhưng mà chưa mưa, cỏ cây, hoa quả đều chưa nảy mầm; khi mùa hạ đến, mưa lớn đổ xuống, hết thảy nương nhờ. Tự tính Như Lai cũng y như vậy, vô lượng phiền não kết hoạn che đậy, tuy nghe khế kinh và các tam-muội nhưng vẫn chẳng biết tự tính Như Lai. Do vì không biết cho nên khởi tướng ngã và vô ngã. Khế kinh Phương đẳng Đại bát-nê-hoàn pháp tạng mật giáo dạy ở thế gian, chúng sinh nghe rồi tự tính Như Lai thấy đều nảy mầm, có thể nuôi lớn, vì vậy gọi là Đại bát-nê-hoàn. Như vậy, thiện nam! Nếu chúng sinh nào học

kinh Phương đẳng Bát-nê-hoàn này thì đã
đền đáp ân đức Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Hay thay, Thế Tôn! Các hàng Thanh văn
và Bích-chi-phật rất là khó thấy, khó được
bảo vật tự tính Như Lai.

Phật bảo Ca-diếp:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam tử!
Ta cũng thường nói rất là khó thấy. Thí
như một người bị bệnh màng mắt che
khuất con ngươi, chẳng thấy năm sắc, đến
chỗ thầy thuốc trị bệnh màng mắt. Thầy
thuốc cắt được chút ít màng mây, rồi lấy
một vật để ở trước mặt kêu người bệnh
nhìn. Người ấy nhìn thấy, nhưng thấy loạn
xạ, nói hai hoặc ba. Từ từ nhìn kỹ thấy
được lờ mờ. Cũng vậy, thiện nam! Bạc
đại Bồ-tát tu pháp mật giáo, thành tựu
Thập trụ[247], quán sát thể tính Như Lai

chân thật ở nơi tự thân, vậy mà vẫn còn mê hoặc mập mờ trong pháp vô ngã, huống nữa là hàng Thanh văn, Bích-chi có thể biết được! Này thiện nam tử! Phải nên biết rằng tự tính Như Lai khó thấy như vậy.

- Lại như một người ngược nhìn chim bay, vì xa nên không biết đúng hay sai, phải nhìn thật kỹ mới thấy lò mờ. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân vẫn còn mê lầm, lâu sau mới thấy chỉ được lò mờ, huống là Thanh văn và Bích-chi-phật!

- Lại như một người do đàm uẩn tăng[248], lầm lẫn phương hướng, muốn đến chỗ nào, trong tâm liên tục chuyên niệm, ghi nhớ, vậy mà vẫn còn bị quên mất đường. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân,

phương tiện chuyên tâm vẫn còn mê lầm, huống là Thanh văn và Bích-chi-phật.

- Lại như một người đi xa qua vùng đồng không nhà trống, cơn khát bức loạn, từ xa trông thấy một bầy ngựa hoang, hoặc tưởng lầm nước, hoặc bảo rừng cây, hoặc nói thôn làng. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân cũng sinh mê lầm.

- Lại nữa, thí như một người lên cao nhìn xuống đằng xa thấy ngôi tháp Phật, hoặc tưởng là nước, hoặc bảo hư không, hoặc nói nhà cửa, hoặc bảo ngựa hoang, núi đá, cỏ cây... khi có phương tiện quán sát kỹ càng mới biết là tháp. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân vẫn còn mê lầm, phương tiện quán sâu mới biết chân thật.

- Lại nữa, như người đi thuyền trên biển, từ xa trông thấy thành ấp nhưng lầm tưởng là hư không, hoặc bảo loài vật. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân cũng còn mê lầm.

- Lại như vương tử suốt đêm coi hát, đến mặt trời mọc nhìn thấy người thân tưởng lầm người lạ. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân cũng còn mê lầm.

- Lại nữa, thí như đại thần đến chỗ của vua hỏi bàn việc nước, đến khuya về nhà, trong luồng ánh chớp thấy con trâu trắng, nghĩ tưởng sai lầm cho là nhà cửa, hoặc tưởng gò mả. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân, cũng còn mê lầm.

- Lại nữa, thí như tì-kheo tự lọc nước sạch, sau đó nhìn kỹ thấy chút mảy lông, tưởng là vi trùng, hoặc là bụi bặm. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân cũng còn mê lầm.

- Lại như có người nhìn đỉnh núi cao, thấy có người đi, tưởng là cầm thú. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân cũng còn mê lầm. Như người bệnh mắt, ban đêm xem tranh, hoặc bảo hình người, hoặc nói tượng thần, hoặc nói tượng Phật, hoặc bảo hình tượng Thích, Phạm, Bồ-tát. Bồ-tát Thập trụ cũng giống như vậy, quán tính Như Lai ở nơi tự thân cũng sinh mê lầm.

- Cũng vậy, thiện nam! Tự tính Như Lai rất khó thấy được, là cảnh giới Phật, không phải cảnh giới của hàng Thanh văn và Bích-chi-phật có thể thấy biết. Như

vậy, thiện nam! Giáo pháp Như Lai người trí biết được phải nên tin nhận.

Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng:

- Như Thế Tôn dạy, tự tính Như Lai rất là vi diệu, những người mắt thịt làm sao thấy được?

Phật bảo Ca-diếp:

- Như cõi Phi tướng, Phi phi tướng thiên, cảnh giới của Phật, hết thấy Thanh văn và Bích-chi-phật làm sao thấy được? Nhưng họ tùy thuận khế kinh Như Lai, tín tâm phương tiện, rồi sau bình đẳng quán sát nghĩa lý. Như vậy, thiện nam! Hết thấy Thanh văn và Bích-chi-phật, phải nương kinh điển Phương đẳng nê-hoàn mà sinh tín tâm, biết được tự thân có tính Như Lai. Cho nên phải biết, tự tính Như Lai là cảnh giới Phật, chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn và Bích-chi-phật.

Ca-diếp bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Chúng sinh thế gian đều nói có ngã, so với tự tính, nghĩa nó thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Thí như thuở xưa, có hai người bạn, một người vương tử, người kia bần cùng, kết giao qua lại. Vương tử có nuôi huấn luyện con hủ[249], anh bạn nhà nghèo đã từng thấy qua. Sau đó hai người cùng đi nước khác, gặp lúc trời tối cùng thuê phòng nghỉ. Anh bạn nhà nghèo trong mộng nói mơ: “Hủy đến, hủy đến”! Tiếng la vang ra thấu cả bên ngoài. Lúc ấy có người nghe được tiếng ấy, liền đến chỗ vua, kể lại đầy đủ những gì nghe được. Vua liền bắt anh bạn nghèo thăm vấn: “Hủy ở chỗ nào”? Bấy giờ anh bạn nhà nghèo trả lời: “Tôi không có hủy. Người bạn tôi có, tôi từng

thấy qua”. Vua liền hỏi kỹ: “Hình dáng thế nào”? Anh lại trả lời: “Sừng của con hủ giống sừng con dê”. Nghe lời đó xong, vua bảo người nghèo: “Người hãy trở về chỗ có con hủ, nếu tìm không có, là lời nói dối”. Thế rồi lời nói hủ giống con dê truyền trong thiên hạ. Sau đó không lâu, vua ấy mạng chung, thái tử nối ngôi, cũng dò tìm hủ, nhưng mà chẳng thấy. Lần lượt đời sau con của thái tử lên nối ngôi vua cũng y như vậy, tìm hủ chẳng được. Xoay vần tương truyền lâu dần về sau từ chuyện con hủ nhớ thành con dê. Bậc đại Bồ-tát cũng y như vậy, lúc mới ra đời, vì chúng sinh thuyết tự ngã chân thật. Trong đó có người vô tri nghe được tất cả chúng sinh đều có Phật tính, không biết là thật bèn nói vọng tưởng. Tự ngã giống như tim đèn ở giữa vô số chúng sinh, ngã, nhân, thọ mạng, như lời của người nằm mộng kia nói xoay

vần truyền nhau thành ra tà kiến, chấp có ngô, ngã, tìm tính ngô, ngã, chẳng được thật ngã, tạo thuyết vô ngã. Nhưng mọi chúng sinh ở giữa thế gian thường khởi vọng tưởng chấp có ngô, ngã và tưởng vô ngã. Cũng vậy, thiện nam! Ta nói tự tính Như Lai chân thật tuyệt đối bậc nhất. Nếu ở thế gian ai nói lời rằng: Ta tùy thuận pháp. Phải biết người này đã lìa thế tục, họ đều là bậc Bồ-tát hóa hiện đồng như người đời.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 14: VẤN TỰ

[887c] Đức Phật lại bảo Ngài Ca-diếp rằng:

- Hết thảy ngôn ngữ, chú thuật, luận ký Như Lai đã thuyết đều là căn bản.

Ca-diếp bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Nghĩa đó thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Lúc đầu thị hiện chỉ thuyết Bán tự[250], là mọi căn bản, hết thảy chú thuật, ngôn ngữ duy trì pháp tự[251] chân thật. Chúng sinh non trẻ từ nơi tự bốn[252] học thông các pháp. Pháp đúng, pháp sai đều biết phân biệt. Cho nên Như Lai hóa hiện tự bốn chẳng phải phi pháp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Tự bốn là gì?

Phật bảo Ca-diếp:

- Mười bốn âm đầu gọi là căn bản của tất cả tự. Mười bốn âm này thường vì tất cả,

căn bản bất tận. Bất tận nghĩa là không thể phá hoại, không bị rò rỉ, nghĩa là Như Lai, đó là ý nghĩa của chữ bất tận. Pháp thân Như Lai giống như kim cương không thể phá hoại, nên gọi bất hoại. Như Lai không có chín lỗ rò rỉ, nên gọi bất lậu. Như Lai thường trụ, nên nói bất tận, nghĩa là vô tác.

- Trước hết A ngắn[253] nghĩa là tốt đẹp. Tốt đẹp có nghĩa là ba ngôi báu[254]. Thứ đến A dài[255] nghĩa là thánh trí. Gọi là thánh trí vì lìa ra khỏi trí của thế gian, thanh tịnh, ít dục, hay độ tất cả qua biển ba cõi, nên gọi là thánh. Thánh nghĩa là chính, hay sửa pháp độ cho được ngay thẳng, hành xử luật nghi, pháp độ thế gian. Đó là ý nghĩa của âm A dài.

- Lại nữa, âm A có nghĩa mọi sự được nuôi lớn đều nhờ vào thánh; tất cả căn bản chính hạnh chân thật, như là hiếu dưỡng

cha mẹ, đều nhờ vào sự hiểu biết như vậy; hiểu rõ chính pháp trụ ở Đại thừa; như vậy mọi hành vi của thiện nam, tín nữ, tì-kheo trì giới và hàng bồ-tát đều nhờ vào thánh.

- Lại nữa, âm A là nơi khởi nguyên của mọi ngôn ngữ và pháp thế gian. Như nói thiện nam tử a-già-xa[256]. Như nói nam tử chớ làm a-na-già-la[257]. Cho nên, âm A cũng là chỗ nương tựa của ngôn ngữ thế gian.

- I ngắn[258] có nghĩa là ‘này’, ‘ấy’, ‘đó’. Như nói pháp ‘này’, tức là pháp của Như Lai phạm hạnh, thanh tịnh, ly cấu, tựa như trăng tròn. Vì để hiển thị pháp này cho nên chư Phật thị hiện tên gọi là ‘này’.

- Lại nữa, I ngắn là nói ‘đây’ chính là nghĩa, ‘đây’ là phi nghĩa, ‘đây’ là ma nói,

‘đây’ là Phật nói, căn cứ vào đó để mà phân biệt, nên gọi là ‘đây’.

- Âm I dài[259] có nghĩa là ‘tự tại’ hay ‘đại tự tại’. Đối với giáo pháp khó được của Phật, Tự tại phạm vương hay dùng thần lực tự tại để mà hộ trì chính pháp, vì ý nghĩa đó gọi là ‘tự tại’.

- Lại nữa, âm I ở đây chỉ cho kinh ‘Đại thừa Phương đẳng nê-hoàn tự tại’ này. Nó tự tại thâm nhiếp, giữ gìn, khiến cho giáo pháp sáng soi tự tại, khiến mọi chúng sinh tự tại thụ học kinh Phương đẳng này.

- Lại nữa, âm I là chỉ cho kinh Tự tại Phương đẳng hay trừ tất cả tật đó, tà kiến một cách tự tại, như muốn giữ cho ruộng lúa tốt sạch phải trừ tất cả những loài cỏ dại, đại loại như vậy, cho nên Như Lai nói rằng âm I nghĩa là ‘tự tại’.

- U ngắn[260] nghĩa là ‘trên hết’, ‘tối thượng’, như bản kinh này thuyết nghĩa tối thượng, các hàng Thanh văn và Bích-chi-phật chưa từng nghe đến một câu một chữ, thậm chí nửa lời thoáng qua lỗ tai. Như trong các cõi, thì Uất-đơn-việt là có phước đức tối thắng hơn hết. Đại thừa Phương đẳng cũng y như vậy, người nào được nghe một lời qua tai, phải biết đó là bồ-tát tối thượng ở giữa cõi người. Vì vậy Như Lai nói âm U này.

- U dài[261] là ví như sữa bò thơm. Trong các vị sữa thì kinh Đại thừa là vị tối thượng, bởi nó diễn thuyết một cách rộng rãi tự tính chân thật của đức Như Lai, những điều phi pháp, kiêu mạn đều bị diệt trừ sạch hết.

- Lại nữa, âm U gọi là ‘đại U’. Trong Như Lai tạng, đoạn trừ chấp trước tuệ mạng, căn thân, không thuyết vô ngã. Nên biết

điều đó gọi là ‘đại U’. Vì vậy Như Lai nói về âm U.

- Âm E[262] có nghĩa là ‘này’, như nói: Phật pháp này, hoặc là Như Lai nê-hoàn cũng nói pháp này. E là Như Lai, nghĩa là có đến, có đi, cho nên mới nói Như Lai có nghĩa là đến như vậy và đi như vậy.

- Âm O[263] nghĩa là thấp hèn, hạ tiện. Đã trừ diệt sạch phiền não hạ tiện gọi là Như Lai, vì vậy cho nên gọi là âm O.

- Âm AU[264] nghĩa là Đại thừa. Trong mười bốn âm, AU là cứu cánh, vì vậy cho nên gọi là Đại thừa. Trong tất cả luận, kinh điển Đại thừa là luận cứu cánh, nên nói là AU.

- Âm AN[265] nghĩa là tất cả. Giáo pháp Như Lai xả bỏ tất cả tiền tài, vật báu. AN có nghĩa là ngăn chặn, che đậy, nghĩa nhất-xiển-đề.

- Âm A[266] sau cùng có nghĩa là hết. Tất cả Khế kinh thì Đại thừa là cùng tốt, hơn hết.
- Âm KA[267] nghĩa là thương hết chúng sinh y như con một. Khởi lòng từ bi đối với mọi loài, nên gọi là KA.
- Âm KHU[268] nghĩa là đào lên, khơi dậy. Khởi dậy pháp tạng Như Lai thâm sâu, thâm nhập trí tuệ, không gì kiên cố, nên gọi là KHU.
- Âm GIÀ[269] nghĩa là kho tạng, cất chứa. Tất cả chúng sinh đều có kho tạng tự tính Như Lai, nên nói là GIÀ.
- Trùng âm GIÀ[270] có nghĩa là tiếng gầm. Thường dùng tiếng gầm của con sư tử để nói Như Lai là pháp thường trụ.
- Âm NGA[271] nghĩa là giòn tan, dễ vỡ. Tất cả các hành mau khởi mau diệt, nên gọi là NGA.

- Âm GIÀ[272] là hành. Làm nên chúng sinh nên gọi là GIÀ.
- Âm XA[273] nghĩa là rục rờ chói lọi. Tự tính Như Lai thường trụ, nên gọi là XA.
- Âm XÀ[274] là sinh. Sinh ra giải thoát, chứ chẳng phải như sinh ra các thứ sinh tử, hiểm nguy, nên gọi là XÀ.
- Trùng âm XÀ[275] nghĩa là đốt cháy. Thiêu đốt tất cả phiền não, khiến mau diệt hết, nên gọi là XÀ.
- Âm NHÃ[276] là trí. Biết pháp chân thật, nên nói là NHÃ.
- Âm TRÁ[277] nghĩa là biểu thị, thị hiện. Ở Diêm-phù-đề Như Lai thị hiện không được đầy đủ, nhưng mà pháp thân Như Lai thường trụ, nên nói là TRÁ.
- Âm SÁ[278] nghĩa là thị hiện đầy đủ. Đầy đủ bình đẳng, nên nói là SÁ.

- Âm TRÀ[279] nghĩa là nhẹ nhàng không mất, nên gọi là TRÀ.
- Trùng âm TRÀ[280] là không biết xấu hổ, ân nặng không đáp, nên nói là TRÀ.
- Âm NÃ[281] có nghĩa là không chân chính, như bọn ngoại đạo, nên nói là NÃ.
- Âm ĐA[282] là ngăn chặn tất cả hữu, khiến không tương tục, nên nói là ĐA.
- Âm THA[283] nghĩa là không biết, vô tri, như tầm kéo kén, nên nói là THA.
- Âm ĐÀ[284] có nghĩa là pháp Đại thừa, phương tiện hoan hỷ, nên nói là ĐÀ.
- Trùng âm ĐÀ[285] có nghĩa là giữ gìn, hộ trì tam bảo, như núi Tu-di không khiến chìm mất, nên nói là ĐÀ.
- Âm NA[286] là như ở bên cửa thành treo phướng nhân-đà-la[287], dựng lập tam bảo, nên nói là NA.

- Âm BA[288] nghĩa là khởi tướng điên đảo, cho rằng tam bảo đã bị chìm mất nên tự mê loạn, nên gọi là BA.
- Âm PHA[289] nghĩa là thế giới thành hoại, trì giới thành bại, tự thân thành bại, nên nói là PHA.
- Âm BÀ[290] là lực. Chư Phật Như Lai vô lượng thần lực, chứ không phải chỉ có mười thần lực, nên nói là BÀ.
- Trùng âm BÀ[291] là hay gánh vác chính pháp, hành đạo bồ-tát, nên nói là BÀ.
- Âm MA[292] nghĩa là giới hạn, hạn kì. Hành pháp bồ-tát, tự hạn cho mình, quyết chí gánh vác trách nhiệm nặng nề, đó là âm MA.
- Âm DA[293] nghĩa là tập hành bốn loại công đức của bậc bồ-tát, nên nói là DA.

- Âm LA[294] nghĩa là diệt dâm, nộ, si, vào pháp chân thật, nên nói là LA.
- Khinh âm LA[295] là không thụ giáo pháp Thanh văn và Bích-chi-phật, chỉ thụ học giáo pháp Đại thừa, nên nói là LA.
- Âm HÒA[296] nghĩa là tất cả chú thuật, học nghệ thế gian, bồ-tát đều biết, nên nói là HÒA.
- Âm XA[297] nghĩa là ba thứ gai độc đều đã nhổ rồi, nên nói là XA.
- Âm SA[298] nghĩa là viên mãn, tức hay nghe nhận khế kinh Phương đẳng, nên nói là SA.
- Âm SA[299] nghĩa là dựng lập chính pháp, nên nói là SA.
- Âm HA[300] là âm tỏ ra ngỗ ngang. Như nói: Lạ thay các hành đều là cứu

cánh; lạ thay Như Lai vào bát-nê-hoàn bỏ hết hỷ lạc. Đó là âm HA.

- Âm LA[301] là ma. Ưc ngàn thiên ma cũng không thể nào phá hoại Như Lai, chính pháp và tăng. Như Lai tùy thuận theo cách thế gian thị hiện có hoại. Lại nữa, Như Lai tùy thuận thế gian thị hiện có đủ cha, mẹ, tông thân... Đó là âm LA.

- LI LI LÂU LÂU[302], bốn chữ này là trường dưỡng bốn nghĩa Phật, pháp, tăng và sự thị hiện có người đối đầu, là để tùy thuận theo cách thế gian. Thị hiện có kẻ đối đầu như là Điều-đạt phá tăng, nhưng mà sự thật không gì có thể phá hoại tăng được. Như Lai phương tiện thị hiện phá tăng để làm nhân duyên kết tập giới cấm. Nếu như hiểu được ý nghĩa Như Lai phương tiện thị hiện thì không nên sợ, phải biết đó là tùy thuận thế gian, vì vậy nên nói bốn chữ sau cùng.

- Âm hất, âm lưỡi, âm mũi, âm gió, âm dài, âm ngắn, lấy các âm ấy hòa hợp thành chữ. Như các chữ này hòa hợp các âm làm thành ngôn ngữ, đều do lưỡi, răng mà có khác nhau. Do các âm này, vô lượng các hoạn tích tụ nơi thân, ấm, giới các nhập, nhân duyên hòa hợp, nghỉ ngơi, tịch mặc vào Như Lai tính, Phật tính hiển hiện, thành tựu cứu cánh. Cho nên, bán tự gọi là căn bản của tất cả Tự. Nếu quán thật pháp và quán Như Lai giải thoát thì không có tướng ngôn ngữ, văn tự. Tướng chữ và nghĩa của chữ thấy đều xa lìa. Cho nên, xa lìa tất cả gọi là giải thoát. Sự giải thoát đó chính là Như Lai. Nhờ bán tự này hay khởi các pháp, nhưng mà không có tướng của các pháp nhờ vào văn tự. Đó là khéo hiểu nghĩa của văn tự. Nếu hiểu khác đi tức là không hiểu văn tự, không biết phân biệt pháp đúng pháp sai. Tính của Như Lai, tam bảo giải thoát, nhưng

không thể biết đây là kinh điển, không phải kinh điển, là luật, phi luật, ma nói, Phật nói, tất không thể biết lời của Ta nói, những hạng người ấy không biết chữ nghĩa văn tự. Vì vậy, thiện nam! Ông phải khéo léo học hỏi bán tự, rồi ông cũng sẽ thể nhập và hiểu được những văn tự kia.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Con sẽ siêng năng học bán tự này. Từ ngày hôm nay con mới bắt đầu làm người con Phật, được làm đệ tử bậc thầy tối thượng. Từ ngày hôm nay con mới bắt đầu được vào học đường.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử, ưa tu chính pháp phải nên như vậy!

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 15: ĐIỀU DỤ[303]

[889a] Đức Phật lại bảo Ngài Ca-diếp rằng:

- Chim có nhiều loài, nhạn, hạc, xá-lợi... Pháp được nói đến cũng rất đa dạng, vô thường, khô, không, vô ngã v.v..., như các loài chim nhạn, hạc, xá-lợi.

Ca-diếp bạch Phật:

- Nghĩa này thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Có pháp vô thường, có pháp là thường. Có pháp là khô, có pháp là lạc. Có pháp là ngã, có pháp vô ngã. Như người nông dân gieo trồng ngũ cốc[304] và cây ăn quả, từ

khi nảy mầm đến lúc ra lá, đơm hoa kết nhụy, người ấy luôn luôn nghĩ tưởng vô thường, đến khi trái chín, thu hoạch được quả, được thụ dụng rồi mới nghĩ tưởng thường. Bởi vì sao vậy? Vì đã hiện thực.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Ngũ cốc là thường, y hệt Như Lai, không hoại diệt sao?

Phật bảo Ca-diếp:

- Nếu ví Như Lai như núi Tu-di, lúc thế giới hoại núi Tu-di ấy không sụp đổ chẳng? Nay thiện nam tử! Chớ nên y theo thí dụ như vậy mà sinh nghi ngờ. Tất cả mọi pháp đều phải hoại diệt, duy chỉ nên hoàn là pháp thường hằng. Ta chỉ tùy thuận theo pháp thế gian nói ví dụ trên[305].

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Dạ vâng, Thế Tôn! Lời đó thật hay.

Phật bảo Ca-diếp:

- Đúng vậy, thiện nam! Học thầy khế kinh, tu các tam-muội, nhưng mà chưa nghe khế kinh phương đẳng đại bát-nê-hoàn, thì mọi chúng sinh tu tướng vô thường. Nghe kinh này rồi, nếu người thiện nam hay người tín nữ có những phiền não, nghi ngờ trói buộc thầy đều dứt sạch, hiểu rõ pháp thường. Bởi vì sao vậy? Bởi vì tự tính Như Lai ở trong tự thân mỗi người đều được hiển lộ.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như thợ vàng, từ khi nấu vàng cho đến khi chưa đúc thành đồ dùng, hay nghĩ vô thường, đến lúc đúc thành đồ dùng quý báu, sử dụng được rồi mới nghĩ rằng thường. Cũng vậy, thiện nam! Dù tu tam-muội, học hết khế kinh, nhưng chưa nghe đến khế kinh phương

đẳng đại bát-nê-hoàn, thì mọi chúng sinh tu tướng vô thường. Nghe kinh này rồi, bao nhiêu phiền não, nghi ngờ trói buộc đều được dứt sạch, hiểu rõ pháp thường. Bởi vì sao vậy? Bởi vì tự tính Như Lai ở trong tự thân mỗi người đã được hiển lộ.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như một người trồng mía, trồng vừng khi chưa thu hoạch, thường hay tưởng tượng bao nhiêu mùi vị, khi đã ép thành dầu mè, mật rồi khi đó mới biết mùi vị chân thật. Cũng vậy, thiện nam! Dù tu tam-muội, học hết khế kinh, nhưng chưa nghe được khế kinh phương đẳng đại bát-nê-hoàn thì chúng sinh đó tu tướng vô thường, đến khi đã được nghe kinh này rồi, bao nhiêu phiền não, nghi ngờ trói buộc đều được dứt sạch, hiểu rõ pháp thường. Bởi vì sao vậy? Bởi vì tự tính Như Lai ở trong tự thân mỗi người đã được hiển lộ.

- Thí như trăm sông đều đổ vào biển. Cũng vậy, tất cả khế kinh, tam-muội đều được quy vào khế kinh phương đẳng đại bát-nê-hoàn. Bởi vì sao vậy? Bởi vì kinh này đã nói rõ ráo tự tính Như Lai. Cho nên Ta nói có pháp vô thường, có pháp là thường, như chim xá-lợi.

- Những nỗi lo buồn tựa như kiếm đâm Như Lai đã đoạn, nhưng theo lẽ này còn nhiều người nghi, bởi vì Như Lai vẫn còn lo buồn, nhưng không giống với những nỗi lo buồn của người và trời hay chúng sinh khác. Như trời Phi tướng làm gì có tướng? Nếu không có tướng thì không thọ mạng? Nếu có thọ mạng mà không có tướng thì sao có tên tướng, âm, giới, nhập? Lại nữa, như trong rừng cây đều có thân dựa. Thân dựa ở cây hay là ở rễ, hoặc là ở cành, hay là ở nhánh? Nhưng những chỗ ấy chẳng thấy bóng thân, vậy thì thân

dựa vào ở chỗ nào? Cũng vậy, giáo pháp Như Lai thâm sâu, ông phải biết rằng Như Lai thị hiện còn có lo buồn, khởi tâm từ bi với La-hầu-la, cho đến chúng sinh ở cõi Phi tướng và Phi phi tướng. Chỉ Phật với Phật mới hiểu nghĩa này. Tất cả điều đó là pháp chư Phật. Tâm ý còn không làm gì còn có lo nghĩ, buồn rầu? Nếu không lo buồn thì trái giáo pháp. Như ý nghĩ của một đứa trẻ nít, lời nói rỗng không, nói tất cả pháp đều chẳng đáng tin, nhưng lời Như Lai không thể nghĩ bàn, giáo pháp chư Phật cũng không nghĩ bàn, Phật pháp Như Lai không thể nghĩ bàn, đó là chân thật. Thí như không thể tạo dựng cung thất ở giữa hư không, nhưng nhà huyền thuật có thể làm trò tạo dựng giữa không, kẻ phàm ngu thấy liền nghĩ như vậy: Ở giữa hư không làm sao tạo dựng đứng yên như vậy, nó sẽ xoay vần giống như tâm ý? Lời nói như vậy còn không tâm ý hướng

có lo buồn? Nếu không lo buồn về La-hầu-la là điều không thật. Như giữa hư không, Như Lai lo buồn là điều không thể. Như nhà huyền hóa tùy ý làm ra, cho nên Như Lai tùy ý còn có tâm tưởng lo buồn. Những người nào nghe Như Lai nên hoàn liền nghĩ như vậy: Như Lai làm gì còn có lo buồn? Người đó nghe rồi tâm ý thay đổi thường có lo buồn. Cho nên Như Lai là pháp thường trụ. Nếu là vô thường thì không lo buồn, nhưng nay Như Lai không phải vô thường. Như Lai lo buồn hay không lo buồn, mọi chúng sinh khác đâu thể lường được! Như người bậc hạ chỉ biết bậc hạ, không biết bậc trung và người bậc thượng. Những người bậc trung biết người bậc trung và người bậc hạ, nhưng không thể biết những người bậc thượng. Chỉ có những người bậc thượng mới biết tất cả mà thôi. Những hàng Thanh văn và Bích-chi-phật, ai cũng biết mình, nhưng

không thể biết cảnh giới Như Lai. Chỉ có Như Lai là biết tất cả, cho nên gọi là lìa mọi chướng ngại. Như nhà huyền thuật biến hóa vô cùng, Như Lai cũng vậy, thị hiện vô cùng, tùy thuận thế gian. Ai có thể biết những điều như vậy gọi là khôn ngoan. Đối với những gì không nghĩ tưởng được, phàm phu mắt thịt cho nó không phải cảnh giới của mình, cho nên nghĩ rằng Như Lai cũng có lo buồn và không lo buồn. Bởi vậy Ta nói, có pháp là ngã, có pháp vô ngã, như chim xá-lợi.

- Lại nữa, thiện nam! Như vào mùa hạ, trời mưa ngập nước, sông ngòi tràn đầy, các loài nhạn, hạc cho đến xá-lợi lựa nơi khô ráo an trí con mình, mới đi nơi khác. Như Lai cũng vậy, xuất hiện ở đời, độ vô lượng chúng khiến vào chính pháp, vì người học đạo, phương tiện thuyết pháp, hoặc nói pháp khổ, hoặc nói pháp lạc,

hoặc nói các pháp hữu vi là khổ, nê-hoàn cực lạc, lìa hành hữu vi gọi là an lạc.

Ca-diếp bạch Phật:

- Nghĩa này thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Đó là Như Như!

Ca-diếp bạch Phật:

- Làm sao chúng sinh được lạc nê-hoàn?

Phật bảo:

- Ca-diếp! Như là trước đây Ta đã từng nói tất cả các hành không sinh, già, chết.

Đó là:

Nếu không phóng dật[306]

Là chỗ bất tử

Nếu như phóng dật

Là đến chỗ chết

Người không phóng dật

Được chỗ bất tử

Còn người phóng dật

Thường bị sinh tử.

[890a]- Người sống phóng dật là hành hữu vi. Mà hành hữu vi tức là pháp khổ. Không phải nê-hoàn thì là chỗ chết. Làm điều phóng dật, gọi là tác hành. Phải biết có hành tức là khổ lớn. Không đến nê-hoàn là đến cõi chết. Người không phóng dật thì không tác hành, dù lại tác hành cũng không sinh tử, đó là được thân kim cương bất hoại. Những người thế tục gọi là phóng dật. Người lìa thế tục là không phóng dật. Lìa sinh, già, chết, khoái lạc nê-hoàn. Cho nên, Như Lai có nói pháp khổ, có nói pháp lạc, có nói vô ngã, có nói là ngã. Giống như chim bay ngang qua bầu trời không thấy dấu vết, thiên nhân

chưa được, phiền não chưa đoạn, thì không tự thấy thể tính Như Lai ở trong thân mình. Cho nên Ta nói có pháp vô ngã, là vì chúng sinh còn nhiều phiền não, thuyết giáo vi diệu, bí mật thâm sâu. Vì những chúng sinh không có thiên nhãn, chấp có ngô, ngã, vô lượng phiền não, tạo hành hữu vi, Ta thuyết tất cả vạn pháp vô thường. Cho nên Ta nói có pháp vô thường.

Như người mắt sáng trên đỉnh non

Biết rõ dưới đất bọn ngu phàm

Đạo nhãn Như Lai lên đài tuệ

Vô ưu, mà vẫn nghĩ quần sinh

[890a]

- Đối với những ai đã diệt vô lượng phiền não thì gọi trụ trên đỉnh non, nhìn thấy vô lượng phiền não tiêu đốt. Chúng sinh hạ

liệt ai lên đài tuệ? Ai được vô ưu? Nếu đã vô ưu thì sao gọi là lo nghĩ thế gian? Nếu như nê-hoàn là pháp diệt tận thì ai là người nhìn thấy chúng sinh? Nếu bảo Như Lai thể nhập nê-hoàn là hết thì sao gọi là lên đài tuệ? Nếu an trú trong nê-hoàn thì làm sao lên non để nhìn xuống chúng sinh? Đài trí tuệ chính là tận diệt nê-hoàn. Không lo mà thường lo nghĩ nghĩa là Như Lai lo nghĩ vô lượng quần sinh ở giữa thế gian. Đỉnh núi chính là ý nghĩa giải thoát. Trụ là người hành đạo giải thoát. Dưới đất có nghĩa là hành pháp hữu vi. Phạm ngu tức là không nói phương tiện thiện xảo. Biết rõ tức là chính giác. Như Lai nghĩa là lìa khỏi hoàn toàn những điều buồn, khổ, là pháp thường trụ, đã tự lìa khỏi mọi nỗi ưu buồn, lại thấy chúng sinh bị những ưu não bèn nhọn đâm chích thì sinh lo buồn. Giả xử Như Lai lìa sạch lo lắng thì đã không gọi là bậc Chính Giác. Như Lai tùy

thuận theo chúng sinh kia để mà giáo hóa. Đức Phật Như Lai, Chính Đẳng Chính Giác vì mọi chúng sinh thị hiện giáo hóa. Cho nên, phải biết Như Lai thường trụ, thị hiện vô lượng, giống như loài chim nhận, hạc, xá-lợi.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 16: NGUYỆT DỤ[307]

[890a] Đức Phật lại bảo ngài Ca-diếp rằng:

- Này thiện nam tử! Khi trăng không hiện mọi người đều bảo là trăng đã lặn, hết thấy nhân dân đều nghĩ trăng lặn; khi trăng xuất hiện ở nơi phương khác, người dân phương ấy đều bảo trăng mọc; nhưng

mặt trăng kia chẳng lặn, chẳng mọc, do Tu-di che nên có hiện tượng khi mọc, khi lặn. Cũng vậy, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Giác ở trong đại thiên thế giới hay ở nơi Diêm-phù-đề, nương nhờ cha mẹ ra đời làm con, người Diêm-phù-đề đều nghĩ Như Lai vừa được sinh ra; rồi ở cõi này hiện bát-nê-hoàn, chúng sinh lại nghĩ Như Lai mất đi, kỳ thật Như Lai chẳng sinh chẳng diệt.

- Lại nữa, thiện nam! Như ở xứ nào mặt trăng tròn đầy, chúng sinh xứ ấy đều nghĩ trăng tròn; còn Diêm-phù-đề trăng mới đầu tháng, người dân xứ này nói là trăng non, rồi trăng từ từ lớn dần đến tròn, bấy giờ người dân lại bảo trăng tròn, nhưng mặt trăng kia không tròn, không khuyết, do Tu-di che mà có tròn, khuyết. Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chính Giác cũng y như vậy, hoặc ở Diêm-phù thị hiện nê-

hoàn, bao nhiêu chúng sinh đều nghĩ rằng diệt; hoặc ở Diêm-phù thị hiện đản sinh như trăng đầu tháng; người Diêm-phù-đề nghĩ là đũa trẻ như trăng mùng ba; thị hiện bước đi là trăng mùng bốn; thị hiện học tập như trăng mùng tám; thị hiện xuất gia... cho đến trăng tròn là hiện ánh sáng hào quang rộng lớn phá hoại vô lượng chúng ma, si ám; thị hiện nê-hoàn, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân thể, giống như trăng sáng hằng đêm đi quanh ở nơi xứ khác, ẩn mất không hiện ở nơi xứ này. Người Diêm-phù-đề hoặc nghĩ rằng sinh, hoặc nghĩ rằng diệt, kỳ thật Như Lai không tăng, không giảm, thường như trăng tròn. Vì vậy nên biết, Như Lai thường trụ.

- Lại nữa thiện nam! Thí như trăng sáng, tất cả đều thấy, khắp nơi thành, ấp, thôn làng, núi, sông, tùy theo đồ dùng dựng

nước lớn nhỏ, trăng đều in bóng. Như người đi xa trăm ngàn do-tuần thường thấy mặt trăng luôn theo bên mình. Bọn họ suy nghĩ: là một mặt trăng theo ta đến đây hay là trăng khác? Người ngu thấy trăng tựa như mặt gương. Hạng người trung bình thấy trăng giống như bánh xe. Hạng người khá giỏi thấy trăng rộng năm do tuần, còn chúng sinh khác tùy theo khả năng thấy trăng khác nhau. Trăng sáng Như Lai cũng y như vậy, tất cả đều thấy, nhưng mỗi chúng sinh có mỗi cách nghĩ. Ai cũng cho rằng: Đức Phật Thế Tôn thương xót chúng ta, đang ở nhà ta! Đến loài súc sinh cũng nghĩ như vậy. Những người đui, điếc, câm, ngọng, tàn tật cũng đều bảo rằng Như Lai rất giống bản thân của họ. Mỗi loài chúng sinh đều có ngôn ngữ, chữ viết, thân hình mỗi một khác nhau, nhưng loài nào cũng nghĩ rằng chư Phật Như Lai chỉ giống tiếng nói, chữ

viết, thân hình, ăn mặc như loài của mình. Lại có những ý nghĩ khác như nói Phật là Thanh Văn, Duyên Giác, xuất gia học pháp của những ngoại đạo, hoặc nghĩ Như Lai thị hiện ở đời là vì bọn họ. Nhưng mà pháp thân Như Lai chân thật không hề biến đổi. Như Lai lấy thân phương tiện để độ chúng sinh, thị hiện vô số thân tướng khác nhau. Như cây thuốc hay, Như Lai cũng vậy, để độ chúng sinh, thị hiện biến hóa trăm ngàn thân tướng theo cách thế gian. Cho nên Như Lai là pháp thường trụ.

- Lại nữa, thiện nam! Như lúc La-hầu A-tu-la[308] vương che lấp ánh sáng mặt trời, mặt trăng, chúng sinh bảo rằng mặt trăng bị nuốt^[309], đến lúc La-hầu không che trăng nữa, mọi người lại bảo trăng được nhả ra. Ánh sáng mặt trăng đã bị che khuất, người đời không thấy, nên nghĩ

nguyệt thực, đến khi trăng sáng hiện giữa thế gian, mọi người lại bảo trăng được nở ra, nhưng mà mặt trăng khi ẩn, khi hiện, thực chất không hề có tăng hay giảm. Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng y như vậy. Như Điều-đạt kia tôn hại thân Phật, tạo nghiệp Vô gián, nhân đến những hạng người nhất-xiển-đề, đều vì chúng sinh ở đời tương lai, thị hiện tôn hại thân Phật ra máu, hủy Pháp, phá Tăng, nhưng mà pháp thân Như Lai thật sự không hề tôn hại, dầu cho hàng ức trăm ngàn Thiên ma, cũng không thể nào đoạn Pháp, hoại Tăng. Cho nên, pháp thân Như Lai chân thật không hề tôn hoại, hiện tướng tôn hoại là để tùy thuận theo cách thế gian. Thí như hai người cùng nhau đánh lộn, tùy theo thương tích ở trên mỗi người để mà xem xét tội nặng hay nhẹ, chư Phật Như Lai cũng y như vậy, hiện tướng tôn hoại để làm căn cứ cho tội Vô

gián nhằm chế Pháp luật làm điều cấm giới cho đời tương lai.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như thầy thuốc khéo dạy con mình học rành y thuật, khiến nó nhận biết về mọi dược thảo, cây, rễ, hoa, lá, mùi, vị, sắc tướng một cách tỏ tường; sau khi qua đời, đứa con của ông tiếp tục sự nghiệp, rành rẽ y pháp. Chư Phật Như Lai cũng y như vậy, biến hóa vô lượng để điều trị bệnh cho mọi chúng sinh, hiện tội ngũ nghịch, hủy báng kinh pháp, cho đến hạng người như nhất-xiển-đề cũng là hóa hiện, vì đời tương lai; sau khi Ta đã Bát-nê-hoàn rồi, khiến các Tì-kheo tùy thuận kinh luật. Giống như Như Lai đã từng dạy rằng, biết tội nặng, nhẹ để tự giữ gìn.

- Lại nữa, thiện nam! Như ở nhân gian sáu tháng mới thấy nguyệt thực một lần, nhưng ở cõi trời chư thiên nhìn thấy

nguyệt thực hằng ngày, hoặc trong nháy mắt đã thấy nguyệt thực. Bởi vì sao vậy? Bởi vì ngày đêm cõi trời rất dài, còn ở nhân gian ngày đêm rất ngắn. Chư Phật Như Lai cũng y như vậy, hoặc bảo trường thọ như sáu tháng mới thấy trăng nguyệt thực, nhần đến chỉ trong nháy mắt đã thấy bát-nê-hoàn rồi. Dù ma phiền não, ám ma, tử ma, tự tại thiên ma, ức trăm ngàn loài cũng không thể hoại. Như Lai tùy thuận thế gian thị hiện thụ sinh vô lượng. Thọ mạng Như Lai thật không hạn lượng. Cho nên, Như Lai là pháp thường trụ.

- Lại nữa, thiện nam! Như vàng trắng sáng, muôn loài chúng sinh thấy đều ưa thích. Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng y như vậy, chúng sinh ưa pháp thấy đều ưa thích.

- Lại nữa, thiện nam! Như mặt trời mọc có sự thay đổi ở trong ba mùa xuân, hạ, và

đông. Ngày đông thì ngắn, ngày xuân trung bình, ngày hạ dài nhất. Ngày của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác, cũng y như vậy, có ba loại thọ. Vì các chúng sinh Thanh Văn, Duyên Giác, thị hiện ra tướng thọ mạng ngắn ngủi. Những hạng người này thấy như vậy rồi tâm liền buồn than: “Lạ thay, vì sao thọ mạng Như Lai ngắn ngủi như vậy”? Với hàng Bồ-tát, Như Lai thị hiện thọ mạng trung bình, hoặc là một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Chỉ có chư Phật mới thấy thọ mạng của Phật vô lượng.

- Lại nữa, thiện nam! Như Lai thuyết giáo vi diệu bí mật đại thừa phương đẳng, thị hiện giữa đời, trút mưa pháp lớn. Ở đời vị lai, nếu chúng sinh nào đem kinh đại thừa chính pháp này khai thị thế gian, phải biết người đó chính là Bồ-tát, như mưa mùa hạ. Giống như ngày đông, chịu nhiều lạnh lẽo khiến người tổn thọ. Thanh văn,

Duyên giác nghe Phật phương tiện giảng dạy giáo pháp vi diệu bí mật, vì họ thị hiện thọ mạng ngắn ngủi, ví như ngày đông. Chư vị Bồ-tát thành tựu trí tuệ vi diệu thâm sâu nên mới vì họ thị hiện Như Lai là pháp thường trụ, ví như ngày xuân. Cũng vậy, Như Lai tùy thuận thế gian thị hiện thọ mạng có ba trường hợp. Thí như ban ngày chẳng nhìn thấy sao, nhưng mà sự thật chẳng phải không có. Cũng vậy, Như Lai cùng hàng Thanh văn và Bích-chi-phật cùng hiện ở đời, và cùng thị hiện vào bát-nê-hoàn, không phải duy nhất các hàng Thanh văn cùng với Duyên giác mới là vô thường. Phải biết họ cũng là pháp thường trụ, như sao vẫn có ở giữa ban ngày.

- Lại nữa, thiện nam! Như trời tối tăm, mặt trời mặt trăng đều chẳng hiện ra, người ngu bảo rằng trời, trăng biến mất.

Vào lúc chính pháp Như Lai diệt tận, tam bảo ẩn mất cũng y như vậy, chẳng phải diệt hẳn. Phải biết Như Lai là pháp thường tồn, chẳng hề thay đổi, cũng không hủy diệt, chẳng bị những thứ lỗi lầm làm cho nhiệm ô đi được.

- Lại nữa, thiện nam! Như sao bắc đẩu tạm hiện ánh sáng giữa khoảng sáng tối, khi đêm sắp tàn, mặt trăng đã lặn, mọi người thấy rồi, bỗng chốc lại mất, ai cũng bảo rằng nó đã lặn rồi, nhưng mà kỳ thật nó vẫn chưa lặn. Cũng vậy, thiện nam! Chánh pháp Như Lai vào thời diệt tận, các Phật Bích-chi xuất hiện ở đời, khai thị giáo hóa vô lượng chúng sinh, kiến lập chính pháp, bỗng chốc diệt độ, kỳ thật trường tồn không bao giờ diệt, nhưng mọi chúng sinh không thể thấy được.

Lại nữa, thiện nam! Như mặt trời mọc xua tan bóng tối. Cũng vậy, thiện nam! Kinh

điền đại thừa bát-nê-hoàn này xuất hiện ở đời, nếu ai nghe được, tội nghiệp vô gián tích dụ vô lượng thấy đều tiêu trừ. Như vậy, thiện nam! Bản kinh đại thừa đại bát-nê-hoàn chính là cảnh giới vô cùng thâm sâu, không thể nghĩ bàn, khéo thuyết tự tính Như Lai vi diệu. Nếu người thiện nam, hay tín nữ nào muốn biết Như Lai là pháp thường trụ, chính pháp vô tận, tăng bảo bất diệt, thì phải siêng năng phương tiện tu học kinh nê-hoàn này, Ta bảo người đó là gần quả vị Phật.

Kinh đại bát-nê-hoàn

Hết quyển 5

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Quyển 6

Phẩm thứ 17: HỎI VỀ BỒ TÁT

[891b] Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Thế nào gọi là bậc đại bồ-tát?

Phật bảo Ca-diếp:

- Người đã phát tâm và chưa phát tâm, tất cả người đó đều là bồ-tát. Này thiện nam tử! Thí như mùa đông dầu bơ đông cứng không có rịn ra. Cũng vậy, những ai phát tâm tu tập tất cả khế kinh và các tam-muội mà nuôi hy vọng tìm đạo bồ-đề, thì hạng người đó gọi là bồ-tát chưa phát ý đạo, không thể nhanh chóng thành đạo bồ-tát. Bởi vì sao vậy? Bởi không siêng năng, như những dầu bơ vào tiết mùa đông.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như mùa xuân, tiết trời rất nóng, tất cả dầu bơ đều tan ra hết, ngoài ra tất cả những gì bằng nước đã

bị đông cứng đều tan ra hết, nước trong ao hồ cũng đều tan chảy. Cũng vậy, Ca-diếp! Nếu người thiện nam, hoặc người tín nữ, trong đạo, ngoài đạo có tâm chí thành, cho đến những người tham danh, lợi dưỡng, nghe được Phương đẳng đại bát-nê-hoàn thoảng qua lỗ tai, để vào tâm trí, dù là người đã phát tâm bồ-đề, hay chưa phát tâm, thì trong thân thể của những người đó đều được thấm nhuần hạt giống bồ-đề. Vì vậy Ta nói, những người thiện và tín nữ đó đều là bồ-tát. Cũng vậy, bản kinh Đại thừa Phương đẳng đại bát-nê-hoàn tích tụ công đức, tuệ giác vô tận, cho nên Ta nói tên là Thấm Nhuần, y như mùa xuân[310]. Bởi vì sao vậy? Vì khai mở pháp Như Lai thường trụ.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như ánh sáng mặt trời, mặt trăng quang minh chiếu diệu, còn ánh sáng khác thấy đều lu mờ.

Cũng vậy, Đại thừa đại bát-nê-hoàn quang minh chiếu diệu, ngoài ra ánh sáng công đức của mọi Khế kinh, tam-muội khác đều lu mờ. Vì vậy, nếu người thiện nam, tín nữ nghe kinh Phương đẳng đại bát-nê-hoàn, dù chưa phát được đạo tâm vô thượng, ánh sáng nê-hoàn cũng đã nhập vào trong thân người đó làm nhân bồ-đề. Vì lý do này cho nên gọi là đại bát-nê-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu như tất cả chúng sinh đều có nhân duyên bồ-đề thấm trong thân thể, vậy thì bằng vào những lý do nào Thế Tôn lại nói phạm bốn tội đọa[311], tạo tội vô gián, phỉ báng kinh pháp và nhất-xiển-đề là bốn hạng người tạo nên gai độc ở trong chính pháp? Như lời Phật dạy, người chưa phát tâm và người đã có hạt giống bồ-đề có gì sai

biệt? Bốn hạng người kia phải chăng không phạm vào những tội ác?

Phật bảo Ca-diếp:

- Trừ nhất-xiên-đề, mọi chúng sinh khác nếu như được nghe Khế kinh Phương đẳng đại bát-nê-hoàn là đã có được hạt giống bồ-đề. Phải biết người đó đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, được nghe kinh này thì không còn tạo những tội lỗi khác. Bởi vì sao vậy? Vì nhờ phương tiện sức mạnh của bản kinh Đại thừa này khai mở tất cả tự tính Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Người chưa phát tâm, không muốn hướng đến, nghe rồi liền bỏ, thì lý do gì được nhân bồ-đề?

Phật bảo Ca-diếp:

- Người chưa phát tâm, tuy không muốn đến, dù quay lưng đi, vẫn nhớ kinh này, tâm không quên mất, trong mộng sẽ thấy đại quý thần đến hiện tướng hù dọa: “Úy, thiện nam tử! Hãy niệm bồ-đề, nếu không ưa muốn, ta sẽ giết ông”! Người đó sợ hãi, liền niệm bồ-đề, nhân đến thức dậy, tâm vẫn còn niệm. Lại nữa, người đó sau khi mạng chung đọa trong địa ngục, thấy bao tội báo cũng vẫn nhớ niệm, đọa trong ngạ quỷ và sinh cõi trời cũng đều nhớ niệm, do người đó đã phát tâm bồ đề nơi kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này, tâm không ưa muốn từ đây trừ sạch, như vậy chính là nhân của bồ-đề. Do nhân như vậy và duyên như vậy gọi là bồ-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Như giữa hư không nổi mây mưa lớn, mưa xuống đại địa, cây khô, núi đá và vùng cao nguyên, nước mưa chẳng đọng lại những nơi đó, mà

chảy xuống ruộng, ao hồ đều đầy. Chúng sinh thọ dụng pháp vũ Đại thừa bát-nê-hoàn này. Mưa pháp lên trên bọn nhất-xiên-đề cũng như mưa lên cây, đá, cao nguyên, chẳng được thấm nhuần nhân duyên bồ-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như hạt giống đã bị nướng khô, dù cho mưa xuống trăm ngàn vạn kiếp cũng chẳng nảy mầm, bọn nhất-xiên-đề cũng y như vậy, với kinh Phương đẳng bát-nê-hoàn này dù cho có nghe trăm ngàn vạn kiếp, rốt cùng chẳng thể nảy mầm bồ-đề. Bởi vì sao vậy? Bởi vì hạt giống thiện căn đã bị nướng khô chết rồi!

- Lại nữa, thiện nam! Thí như minh châu bỏ vào nước đục, nước sẽ trong ngay, nhưng nếu thả vào ở trong bùn nhơ thì không thể nào khiến bùn trong được. Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này thả vào

nước đục của những chúng sinh phạm bốn tội đọa, năm tội vô gián, vẫn còn có thể khiến cho được trong, phát tâm bồ-đề; nhưng nén vào bùn bợn nhất-xiển-đề, trăm ngàn vạn năm không thể khiến cho được trong trở lại và khiến cho nó khởi nhân bồ-đề. Bởi vì sao vậy? Vì không thiện căn.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như cây thuốc tên là dược vương, trị lành mọi bệnh, rễ, thân, hoa, lá, hoặc nước, hoặc hương, hoặc có người uống, người thoa lên thân, người chỉ ngửi mùi, cho dù người đó tâm ưa hay không, bệnh đều được lành, chỉ trừ căn bệnh chắc chắn phải chết mới không thể trị. Cũng vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này có thể trị lành tất cả chúng sinh bệnh nặng ác nghiệp. Nếu người phạm vào bốn pháp tội đọa, tội nghiệp vô gián, nhân đến ngoại đạo không

ưa bồ-đề, nghe bản kinh này thoáng qua lỗ tai dù chỉ một lần, là đã có được cái nhân bồ-đề. Bởi vì sao vậy? Vì kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này trị lành tất cả căn bệnh ác nghiệp, trừ nhất-xiên-đề. Bởi vì sao vậy? Bởi vì không có cái nhân bồ-đề. Giống như một người thân thể có chỗ bị thương mới dùng thuốc nhân[312] để trị, trừ các tật bệnh, nếu không thương tổn, thì loại thuốc nhân trở thành vô dụng. Bọn nhất-xiên-đề cũng y như vậy, không thể bị thương để mà thụ dụng cái nhân bồ-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như kim cương có thể phá hư tất cả vật báu, nhưng nó không thể phá sừng dê trắng[313]. Những ai đã tạo tất cả pháp ác, thì kinh Đại thừa bát-nê-hoàn đều có thể phá sạch, lập nhân bồ-đề, chỉ không phá được pháp ác của bọn nhất-xiên-đề để gieo nhân bồ-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Như mọi cây cối dù chặt nhánh cành vẫn lên như cũ, cũng vậy tất cả chúng sinh tạo nên rất nhiều tội nghiệp, nghe kinh Đại thừa đại bát-nê-hoàn thì nhân bồ-đề sẽ sinh trở lại. Nhưng cây đa-la đã chặt đi rồi không mọc trở lại, bọnh nhất-xiên-đề cũng y như vậy, trọn không thể nào sinh ra cành lá của tâm bồ-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như giữa trời nổi mây mưa lớn, nhưng không có một hạt mưa nào bám dính vào hư không. Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này là trận mưa pháp tuôn xuống khắp nơi, nhưng chẳng một giọt bám dính vào nơi bọnh nhất-xiên-đề.

Không tu chơn thật, cũng không đến

Không thấy chỗ cứu cánh bọnh kia

Bởi nhiều tội ác, không nghiệp thiện

Là kẻ xấu nhất giữa cuộc đời.

- Người tu nghiệp thiện gọi là tu tập hạt giống bồ-đề. Không đến nghĩa là, nếu không tu tập thì trọn không thể tự chứng thánh quả. Chân thật tức là nghiệp nhân thù thắng, vi diệu, bí mật. Nghiệp nhân thù thắng không đến người nào thì gọi người đó là nhất-xiên-đề. Mất hẳn thiện tâm là nhất-xiên-đề. Bọn nhất-xiên-đề nhiều tầng thượng mạn[314] lấy gì làm gốc? Lấy sự phỉ báng kinh điển Phật pháp, không tu nghiệp thiện để làm gốc rễ. Phỉ báng kinh pháp, hung dữ, tàn bạo, phải biết đó là những điều mà người có trí sợ hãi. Thí như đường hiểm, có nhiều trộm cướp, phàm ngu ngạo mạn bất chấp sợ hãi, tùy tiện đi qua bị bọn cướp hại. Đại lực Pháp vương đi qua đường đó không chút sợ hãi. Không thấy được chỗ cứu cánh nghĩa là, trọn không thấy bọn

nhất-xiên-đề kia hết sạch ác nghiệp, cũng không thấy chỗ bọn nhất-xiên-đề dứt sạch được hết vô lượng sinh tử. Ta nói tổng quát, kẻ ấy tích tụ vô lượng điều ác. Nếu ai nghe được những lời như vậy càng đáng sợ hơn. Giả sử khiến cho tất cả chúng sinh nhất thời phát ý thành đạo vô thượng, thì trong những vị đạt chính giác này vẫn không thấy có bọn nhất-xiên-đề sạch hết ác nghiệp. Lúc chúng sinh đã thành chính giác hết, bọn nhất-xiên-đề lại ở chỗ nào mà không thấy chúng sạch hết ác nghiệp? Hết thấy chúng sinh phá sạch sinh tử đều thành Phật đạo, không thấy chư Phật vô dư nê-hoàn[315], vô thường diệt tận như đèn tắt lửa. Cho rằng ác nghiệp của nhất-xiên-đề là xấu xa nhất ở giữa cuộc đời, bởi nhất-xiên-đề mất hẳn nhân duyên công đức bồ-đề, cho nên gọi là xấu nhất thế gian. Trong pháp Đại thừa, cuối cùng cũng được giác ngộ thành Phật,

nhưng cũng gọi là xấu xa, bỉ lậu. Pháp của
chư Phật vốn là như vậy.

Người đã tạo nghiệp ác

Như bơ sữa đã ôi

Giống như tro che lửa

Kẻ ngu khinh bị đốt

[892c] Có người giống như bậc a-la-hán
mà làm những chuyện của nhất-xiển-đề,
gây tạo nghiệp ác. Có người giống như kẻ
nhất-xiển-đề mà làm những việc của a-la-
hán, thực hành tâm từ. Giống a-la-hán mà
nhất-xiển-đề chính là chúng sinh phỉ báng
Phương đẳng. Giống nhất-xiển-đề mà a-
la-hán chính là những người chê hàng
Thanh văn, thuyết rộng Phương đẳng, bảo
chúng sinh rằng: “Ta và các ông đều là
bồ-tát. Bởi vì sao vậy? Bởi vì tất cả chúng
ta đều có tự tính Như Lai. Nhưng chúng
sinh kia lại bảo chúng ta là nhất-xiển-đề!

Thế nhưng Như Lai đã thụ ký cho ta cũng như các ông. Vì vậy ta và các ông đều phải xa lìa vô lượng nghiệp ác, xa lìa các ma phiền não như đập vỡ bình nước, thì trong khế kinh này chúng ta ắt thành bồ-đề, chớ có nghi ngờ. Thí như dũng sĩ[316] tuân sứ mạng vua đến nước khác khen ngợi tài đức của vua sứ mình, thà mất thân mạng chứ không thay đổi. Hôm nay chúng ta cũng lại như vậy, Như Lai thụ ký tất cả chúng sinh đều có Phật tính, chúng ta cần phải không tiếc thân mạng, ở trong phàm ngu rộng nói kinh này”. Đây gọi là người giống nhất-xiên-đề nhưng sự thật là bậc đại bồ-tát.

- Những kẻ ngu si, không có trí tuệ, ở a-luyện-nhã[317], hình trạng rất giống bậc a-la-hán, nhưng lại phỉ báng kinh điển Phương đẳng, phàm phu ngu dốt cho rằng đó là a-la-hán thật, kêu là đại sĩ. Thực ra

đó là bọn ác-tì-kheo sống nơi hoang vắng, chốn a-luyện-nhã, rồi tự xử sự giống như một vị a-la-hán thật. Ở a-luyện-nhã làm toàn những việc không thuận chính pháp, mà còn tạo ra bốn thứ nhân duyên, nói điều sai khác: Bảo kinh Phương đẳng đều do ma thuyết; cho rằng Đại thừa là thứ hiệt tuệ[318]; chính pháp là gai nhọn; chư Phật Thế Tôn đều là vô thường mà nói thường trụ. Phải biết đây là tướng trạng hủy diệt chính pháp, phá tăng. Ai nói như vậy là nhất-xiên-đề. Vì vậy cho nên Ta nói kệ rằng;

Người đã tạo nghiệp ác

Giống như bơ sữa ôi

Giống như tro che lửa

Kẻ ngu khinh bị đốt.

[893a] Như vậy, thiện nam! Phải biết bản kinh Phương đẳng đại bát-nê-hoàn là do

chư Phật Như Lai quyết định giảng nói. Đại thừa nghĩa là tối thắng vô thượng, như châu ma-ni thanh tịnh trong sáng, là mọi nhiệm ô.

- Lại nữa thiện nam! Thí như hoa sen có ánh mặt trời chiếu tới thì nó không thể không nở. Hết thảy chúng sinh cũng y như vậy, được kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này thoáng qua lỗ tai dù chỉ một lần, nếu chưa phát tâm, không thích bồ-đề, thì chúng sinh đó đều sẽ có được cái nhân bồ-đề. Bọn nhất-xiển-đề sở dĩ mất hẳn tự tính Như Lai đều do phỉ báng, tạo ác nghiệp lớn, bọn họ như những con tằm kéo kén, tự trói buộc mình mà không chỗ thoát, bọn nhất-xiển-đề cũng y như vậy, với tính Như Lai không thể khai mở cái nhân bồ-đề, cho đến tận cùng biên tế sinh tử.

- Lại nữa, thiện nam! Như hoa ưu-bát, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi mọc trong bùn lầy, nhưng không bị bùn làm cho ô nhiễm. Nếu chúng sinh nào học kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này cũng y như vậy, không bị phiền não làm cho ô nhiễm. Bởi vì sao vậy? Bởi tính Như Lai không bị nhiễm ô.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như nơi nào có gió mát thổi, tất cả chúng sinh hóng ngọn gió này thì mọi nóng bức đều được giải trừ. Cũng vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này chính là pháp vị cam lồ tươi mát, hết thấy chúng sinh đều được thấm nhuần, phát nhân bồ-đề, trừ nhất-xiển-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Như ông thầy thuốc biết tám phương pháp điều trị bệnh tật, trị được mọi bệnh, chỉ trừ căn bệnh không thể trị được. Cũng vậy, thiện nam! Hết

thầy khế kinh và các tam-muội hay trị tất cả dâm, nộ, si mê, các bệnh phiền não, nhưng không thể trị những người đã phạm bốn pháp tội trọng và nghiệp vô gián. Nay thiện nam tử! Lại có thầy thuốc biết hơn tám cách điều trị bệnh tật. Tất cả bệnh tật của mọi chúng sinh, nếu như mạng căn vẫn còn chưa hết thì đều trị được, chỉ trừ những ai mạng căn đã hết thì đành bó tay. Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này cũng y như vậy. Những bệnh phiền não của mọi chúng sinh, nhân đến những người không ưa bồ-đề, chưa muốn phát tâm, đều có thể trị, khiến phát bồ-đề, chỉ trừ một hạng là nhất-xiển-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như người mù chẳng thấy năm màu, thầy thuốc có thể trị những bệnh mắt, khiến cho được sáng, nhưng không thể trị người mù bẩm sinh. Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này cũng y

như vậy. Hết thấy chúng sinh, Thanh văn, Duyên giác, không ưa bồ-đề, chưa muốn phát tâm, thấy đều trị lành, khiến mở mắt tuệ, phát tâm bồ-đề, chỉ trừ những bọn bị mù bầm sinh là nhất-xiển-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Như ông thầy thuốc biết hơn tám cách điều trị bệnh tật, tất cả chúng sinh, người nào có bệnh, ông viết chú thuật đưa cho người bệnh đeo ở trong người, có thể khiến cho bệnh tật tiêu trừ. Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này cũng y như vậy. Những bệnh phiền não của mọi chúng sinh, không ưa bồ-đề, chưa muốn phát tâm, nhấn đến những người phạm bốn tội trọng, tạo nghiệp vô gián, thấy đều trừ diệt, an lập bồ-đề.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Những người phạm vào bốn tội cực trọng và tội vô gián như

cây đa-la bị chặt đứt ngọn, và những chúng sinh không ưa bồ-đề, người chưa phát tâm làm sao khiến họ phát nhân bồ-đề?

Phật bảo Ca-diếp:

- Những chúng sinh này nếu ở trong mộng, hoặc lúc lâm chung, đọa trong địa ngục, sinh tâm hối hận, tự nói lời rằng: “Thương thay! Chúng ta hủy phạm chính pháp, tự chuốc tội này”, rồi phát lời thề: “Nếu thoát chốn này, sinh vào nơi khác, ở bất cứ đâu cũng phải phát tâm cầu đạo bồ-tát”. Nhờ uy thần lực của kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này, những chúng sinh đó được sinh trời, người, ít được phát tâm, làm nhân bồ-đề. Vì lý do này, Ta nói những người phạm bốn tội trọng và nghiệp vô gián đều được phát tâm, làm nhân bồ-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Như ông thầy thuốc hòa trộn nhiều thuốc làm thành một vị tên a-già-đà[319]. Như vị thuốc này để tại chỗ nào thì mọi thứ độc đều tiêu trừ hết, chỉ trừ một thứ là rắn cực độc thì không thể trị. Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này cũng y như vậy, hết thầy kiêu mạn, bốn thứ rắn độc, phạm bốn tội trọng và nghiệp vô gián, không ưa bồ-đề, người chưa phát tâm, đều được an lập nơi đạo bồ-đề. Bởi vì sao vậy? Vì kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này là một loại thuốc vô cùng đặc biệt, tối thượng bậc nhất, chỉ trừ một thứ là rắn cực độc bọn nhất-xiển-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như thầy thuốc hòa trộn nhiều thuốc rồi bôi lên trên bề mặt cái trống, nếu có người nào chiến đấu bị thương, nghe tiếng trống ấy thầy đều khỏi đau, chỉ trừ những người mạng căn đã hết, ắt phải chịu chết. Bản kinh Đại

thừa bát-nê-hoàn này, âm thanh pháp cổ, cũng y như vậy, tất cả chúng sinh nghe âm thanh này, các thứ tên độc như dâm, nô, si, không ưa bồ-đề, người chưa phát tâm, phạm bốn tội đọa, tạo nghiệp vô gián thấy đều trừ sạch, chỉ trừ bệnh của bọn nhất-xiển-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như con người ở Diêm-phù-đề, khi trời tối xuống, tất cả mọi nhà, ai làm việc gì cũng đều ngưng lại, đến mai trời sáng thì mọi người dân ai làm việc nấy. Cũng vậy, chúng sinh nghe những Khế kinh và các tam-muội vẫn như trời tối, đến khi nghe được lời dạy vi diệu, bí mật của kinh bát-nê-hoàn này giống như trời sáng, thấy mọi chính pháp, như người nông dân vào tiết mùa hạ mà gặp được mưa. Vô lượng chúng sinh nhờ kinh Đại thừa đều được thụ ký thấy tính Như Lai. Tám ngàn Thanh văn trong *kinh*

Pháp Hoa được thụ ký riêng, chỉ trừ những kẻ đã bị đóng băng là nhất-xiên-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như một người bị phi nhân[320] bắt, hoặc bị trúng độc, gặp được thầy thuốc. Thầy thuốc sử dụng chú thuật hoặc dùng thuốc điều trị độc chữa cho người kia khiến được lành bệnh. Cũng vậy, thiện nam! Nếu có tì-kheo hoặc tì-kheo-ni, cho đến ngoại đạo, ở bất cứ đâu, mà biên chép kinh, giảng rộng cho người, hoặc chúng sinh nào được đọc, được nghe bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này, thì mọi người này đều có cái nhân bồ-đề vi diệu. Người chưa phát tâm, không ưa bồ-đề, và cả những người phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián, mọi thứ ác độc, xấu xa như vậy đều được tiêu sạch, chỉ trừ một hạng là nhất-xiên-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như ông vua, trong thân bị trùng ngấm ngấm ăn thịt của

ông ta rồi mà ông chẳng biết. Bấy giờ có người thầy thuốc khéo biết tướng trạng người bệnh, thấy tướng của vua có bệnh liền nói: “Trong thân của ngài có bệnh rất nặng phải cần trị gấp”. Khi ấy ông vua chẳng tin thầy thuốc, không muốn trị bệnh. Thầy thuốc cũng sợ, không dám cho thuốc, nhưng lại âm thầm sử dụng chú thuật khiến con vi trùng tự chui ra ngoài. Ông vua trông thấy, biết mình có bệnh mới tin những lời của thầy thuốc nói, liền rất trân trọng, đãi ngộ ân cần. Mọi loài chúng sinh cũng y như vậy. Người chưa phát tâm, không ưa bồ-đề nghe kinh Đại thừa bát-nê-hoàn rồi, chư Phật, bồ-tát lại dùng phương tiện vì họ giảng nói, khiến cho mọi người dù chưa nhận liền, nhưng ở trong mộng, hoặc lúc mạng chung, liền tự giác ngộ, phát nhân bồ-đề, trừ nhất-xiên-đề.

- Lại nữa, thiện nam! Thí như thầy thuốc khéo dạy con mình học tám phương pháp trị bệnh, bốc thuốc. Phương pháp bí truyền ông chưa dạy vội, đợi cho con ông thông đạt hết cả tám phương pháp rồi, sau đó mới dạy phương pháp bí truyền. Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng y như vậy, trước hết dạy cho pháp vương tử, tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di học cách diệt trừ vô lượng phiền não; đối với thân này, tu tập niệm tưởng thân không bền chắc, là nơi tích tụ vô lượng khổ đau, thân là vô thường, biến hoại, không thực, không phải là ta, chẳng phải của ta. Sau đó Như Lai lại dạy cho học chín bộ khế kinh, khiến cho thông đạt. Cuối cùng Như Lai mới dạy cho học bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này, khiến cho mọi người biết rằng tất cả chúng sinh đều có tự tính Như Lai, là pháp thường trụ, khiến cho tất cả phát khởi cái nhân

bồ-đề vô thượng, trừ nhất-xiên-đề. Như vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này vô lượng vô số không thể nghĩ bàn. Ông phải biết rằng kinh này chính là ông thầy thuốc giỏi, rành thuật bí yếu, không gì hơn được.

- Lại nữa, thiện nam! Như người chèo đò đưa người qua sông, đến bờ bên kia lại quay trở về để chở người khác. Chư Phật Như Lai cũng y như vậy, dùng thuyền Đại thừa bát-nê-hoàn này, tùy theo khả năng chúng sinh tiếp thụ để cứu độ họ. Chư Phật Như Lai bát-niết-bàn rồi lại độ chúng sinh ở nơi cõi khác. Cho nên Như Lai là Đại Thuyền Sư[321]. Cho nên Như Lai là pháp thường trụ, vì để hóa độ nên mới thị hiện có sinh, có diệt.

- Lại nữa, thiện nam! Như người dùng thuyền để vượt biển lớn, nếu được xuôi gió thì mau đến được bờ ở bên kia; còn

như ngược gió thì hoặc cả năm, thậm chí chết đuối, chẳng đến được bờ. Cũng vậy, chúng sinh được gió Đại thừa bát-nê-hoàn này mau thoát sinh tử đến bờ bồ-đề, những người không được thì bị đắm chìm trong biển khổ đau sinh tử luân hồi.

- Lại nữa, thiện nam! Như người đi biển gặp cơn sóng lớn, họ tự nghĩ rằng khó thoát nạn này, nên đành ngồi yên chờ đợi cái chết, bỗng nhiên gặp được một ngọn gió lành thổi thuyền của họ đến một nước khác. Không hiểu tại sao tự nhiên mình được thoát khỏi hoạn nạn, nên họ vô cùng vui mừng và tự nghĩ là kỳ lạ. Cũng y như vậy, bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này là ngọn gió lành. Chúng sinh không biết, mà cũng không ưa phát tâm bồ-đề, thế nhưng ngọn gió bát-nê-hoàn này lặng lẽ bí mật thổi họ đến nơi cảnh giới bồ-đề, khi đó họ

mới biết là sự thật, ngỡ ngàng thốt lên cho là kỳ lạ.

- Lại nữa, thiện nam! Như rắn thay da rồi đi chỗ khác chứ không phải chết. Cũng vậy, thiện nam! Như Lai nê-hoàn là bỏ thân này, như rắn thay da rồi đi chỗ khác. Bởi vậy Như Lai hiệu là Thiện Thệ. Như Lai xả bỏ thân phương tiện như bỏ cây thuốc độc, rồi lại phương tiện hóa hiện ở ngoài cõi Diêm-phù-đề. Cho nên, thiện nam! Phải biết Như Lai là pháp thường trụ.

- Lại nữa, thiện nam! Như ông thợ vàng có thổi vàng thật, tùy ý đúc luyện các đồ trang sức, nhiều loại trang nghiêm. Chư Phật Như Lai cũng y như vậy, tùy sự cảm nhận của các chúng sinh trong hai lăm cõi mà hóa hiện thân để độ thoát chúng. Vì vậy nên gọi thân của Như Lai là thân vô lượng, cũng gọi thường trụ.

- Lại nữa, thiện nam! Như cây am-la[322] và cây diêm-phù[323] biến đổi ba mùa. Mùa thì ra lá, mùa ra hoa trái, mùa thì rụng lá, chẳng phải cây kia khô héo lụi tàn mà đang phát triển. Cũng vậy, thiện nam! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác dùng thân phương tiện, vì để giáo hóa cho nên cũng phải ba lần thị hiện. Thị hiện đản sinh, thị hiện thành Phật, rồi nhập nê-hoàn, nhưng mà kỳ thật Như Lai thường tồn, không hề diệt tận. Nay thiện nam tử! Mật thân Như Lai là y như vậy. Mật khẩu Như Lai, phương tiện mật giáo cũng rất khó biết. Phương tiện mật giáo có nghĩa là gì? Nay thiện nam tử! Thí như ông vua sai khiến quần thần cũng có những lời ẩn ý khó hiểu. Như có khi bảo quần thần đem tiên-đà-bà[324] đến. Nhưng tiên-đà-bà, một từ mà có đến bốn thứ nghĩa. Một là chỉ muối. Hai là chén nước. Ba là con ngựa. Bốn là thanh kiếm.

Cả bốn thứ này đều mang một tên là tiên-đà-bà. Lúc vua ăn cơm, bảo các tả hữu lấy tiên-đà-bà, thì các quần thần biết vua cần muối. Lúc vua ăn xong, kêu tiên-đà-bà, thì các quần thần biết vua cần nước. Lúc vua muốn đi dạo ở lâm viên, kêu tiên-đà-bà, thì các quần thần biết vua cần ngựa. Lúc vua lâm trận chiến đấu mà bảo lấy tiên-đà-bà, thì các quần thần biết vua cần kiếm. Vua có những lời ẩn ý như vậy. Các quan cận thần cũng phải biết được những ý nghĩa của lời ẩn ý đó. Cũng vậy, thiện nam! Lời dạy ẩn mật trong kinh Đại thừa cũng có bốn nghĩa. Như nói vô thường, thì các thiện nam phải biết Như Lai thị hiện đản sinh ở Diêm-phù-đề, rồi sẽ thị hiện vào bát-nê-hoàn, đó là pháp tu quán tưởng vô thường trong pháp Đại thừa. Nếu khi Như Lai nói chính pháp diệt, thì các đệ tử biết rằng Như Lai giảng thuyết về khô, đó là pháp tu quán tưởng các hành

thấy đều là khổ trong pháp Đại thừa. Nếu Như Lai nói thân là dụng cụ chứa các tai họa, lại nói tăng bảo cũng sẽ phải diệt, thì các đệ tử phải nên biết rằng Phật nói vô ngã, đó là pháp tu quán tưởng vô ngã trong Đại thừa này. Nếu Như Lai giảng vô tướng, không, vô sở hữu, và giải thoát, thì các đệ tử phải nên biết rằng, pháp Đại thừa này nói hai mươi lăm cõi đều được giải thoát, nên nói là không, tất cả khổ đau đều diệt trừ sạch là vô sở hữu, ở cõi cực lạc chẳng có niệm tưởng cho nên vô thường, biến dị đổi thay không thể phá hoại, cho nên gọi là thường trụ bất diệt, chẳng phải là pháp thay đổi, hư hoại. Nên biết giải thoát chính là Như Lai. Mà Như Lai là tự tính Như Lai, trong mỗi chúng sinh thấy đều có đủ. Ai biết như vậy là đệ tử Ta. Người này khéo hiểu lời dạy bí mật của Đức Như Lai.

- Lại nữa, thiện nam! Như trời nắng hạn, cỏ thuốc, hoa thơm, trái ngọt, cây cối đều bị héo tàn, chẳng ra hoa trái, ngoài ra cây cỏ dưới nước, trên cạn đều khô héo cả, chẳng chút tươi sáng, và đến năm sau cũng khó sinh trưởng, phục hồi trở lại. Nay thiện nam tử! Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này cũng y như vậy. Ta diệt độ rồi, có những đệ tử giống như hoa quả gặp mùa nắng hạn chẳng sinh hoa trái; như bị giặc cướp đánh phá thành trì, cướp mất châu báu, chỉ còn bỏ lại thôn nghèo mà thôi. Chúng ác tì-kheo mất kinh bát-nê-hoàn như mất của báu, bèn tìm sao lược và tuyên tập lại, nhưng không khéo hiểu nghĩa lý của kinh, mặc tình buông lung, ngã mạn đến nỗi rơi vào địa ngục. Thương thay họa lớn ở đời tương lai thật là đáng sợ! Tốt đẹp biết bao! Nếu chúng sinh nào ở đời tương lai được nghe bản kinh bát-nê-hoàn này thoáng qua lỗ tai,

rồi tùy theo chỗ nghe kinh mà thọ trì, đọc tụng, hiểu được ý nghĩa, lại vì người khác giảng giải rộng rãi, nhờ cái nhân này họ sẽ đạt được bồ-tát chân thật.

- Lại nữa, thiện nam! Như ở tụ lạc, thành ấp nước nọ có người bán sữa, vì tâm háms lợi nên đã lấy nước pha thêm vào sữa, lừa dối người ta. Rồi người buôn sữa cũng làm như vậy, lấy nước thêm vào, liên tục xoay vần làm điều dối trá, đến người tiêu dùng mua sữa về uống thì lúc bấy giờ sữa đã chẳng còn mùi vị của sữa. Cũng vậy, thiện nam! Sau khi Ta đã thể nhập nê-hoàn, vào lúc còn khoảng tám mươi năm nữa chính pháp sẽ diệt, thì kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này sẽ lưu bố khắp cõi Diêm-phù-đề. Lúc ấy sẽ có nhiều ác tì-kheo phóng túng, buông lung, bè đảng chúng ma hủy hoại chính pháp, tự tạo kinh luận, kệ tán khen ngợi, lấy sai làm đúng, lấy

đúng làm sai, sao lược, thêm bớt, chỉ vì lợi dưỡng, cho nên ham muốn nuôi dưỡng, tích chứa tài vật phi pháp, hủy hoại, rối loạn mùi vị chính pháp, khiến cho giáo pháp trở nên nhạt nhẽo, lại thêm vào đó những thuyết tà đạo, văn tự bất chính. Những người mê lầm thụ học kinh điển cũng không tôn trọng, cung kính cúng dường, trong lòng giữ lấy những điều tà siểm, vì tham lợi dưỡng cho nên bày vẽ hình tướng pháp lạc. Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này vào lúc bấy giờ bị bọn người đó làm cho hủy hoại.

- Lại nữa, Ca-diếp! Vì ý nghĩa trên, những người thiện nam và người tín nữ đối với bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này cần phải phương tiện lập chí trượng phu. Bởi vì sao vậy? Bởi tính Như Lai là pháp trượng phu. Đối với các pháp, tính tình người nữ sinh nhiều nhiễm trước, năng

lực không đủ kham nhận phát triển kinh điển Đại thừa thâm sâu vi diệu. Nay thiện nam tử! Thí như nước dãi của một con muỗi không thể làm cho đại địa này ướt, tâm của người nữ giống như đại địa, lòng đầy khát ái. Thí như biển lớn, hết thủy nước mưa, trăm sông ngàn suối đều đổ vào biển, nhưng biển lớn kia chưa từng đầy tràn, tâm của người nữ cũng y như vậy, lòng tham ngũ dục chưa từng biết đủ. Vì vậy, Ca-diếp! Nếu người thiện nam hay người tín nữ muốn cầu phương tiện thoát thân người nữ cần phải tu tập kinh điển Đại thừa bát-nê-hoàn này. Bởi vì sao vậy? Bởi kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này nói về tự tính Như Lai chính là pháp của trượng phu. Nếu chúng sinh nào không tự biết rằng trong bản thân mình có tính Như Lai, thì dù thế gian gọi chúng sinh ấy là bậc nam tử, nhưng Ta cho rằng kẻ ấy chỉ là bọn đàn bà thôi! Ngược lại, nếu như có

những người nữ có thể tự biết trong bản thân mình có tính Như Lai, dù cho thế gian gọi họ người nữ, thì Ta vẫn xem họ là nam tử! Như vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa Bát-nê-hoàn này tích tụ vô lượng vô biên công đức, giảng rộng tất cả chúng sinh đều có tự tính Như Lai. Nếu người thiện nam hay người tín nữ muốn được nhanh chóng thành tựu tự tính của Đức Như Lai thì phải siêng năng dùng pháp phương tiện tu học kinh này.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Hay thay, Thế Tôn! Nay con tu tập kinh Bát-nê-hoàn mới tự biết rằng trong bản thân mình có tính Như Lai, con nay mới đúng là bậc nam tử.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam tử! Phải nên siêng năng phương tiện học pháp

rất thâm sâu này, như ong hút mật của các loài hoa, thường thức pháp vị thâm sâu tận cùng. Nay ông Ca-diếp! Thí như nước dãi của một con muỗi không thể làm cho đại địa thấm ướt. Cũng vậy, thiện nam! Ở đời tương lai các tà-kheo ác phá hoại kinh pháp vô lượng vô số như trời hạn hán, kinh điển Đại thừa Bát-nê-hoàn này không thể tưới thấm. Bởi vì sao vậy? Phải biết đó là dấu hiệu, tướng trạng chính pháp diệt tận.

- Lại nữa, thiện nam! Như cuối mùa hạ và đầu mùa đông, tiềm phục ở giữa mùa thu ẩm ướt, mưa tuôn liên tục. Cũng vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa Bát-nê-hoàn này, sau khi Ta đã nhập nê-hoàn rồi, chính pháp suy giảm, bảy giờ kinh này lưu bố phương nam, bị các tà kiến, dị thuyết, phi pháp làm cho trôi nổi. Bảy giờ ở vùng phương nam sẽ có bồ-tát hộ pháp

đem khế kinh này đến nước Kế-tân[325] ấn dấu trong đất, cùng với tất cả Khế kinh Đại thừa, Phương đẳng đều đem ấn dấu ở đó. Thương thay! Bây giờ chính pháp diệt tận, chẳng có mưa pháp tràn đầy thế gian, để người tu tập chính pháp Như Lai thấm nhuần mưa pháp. Bồ-tát hộ pháp là bậc đại hùng trong chôn loài người đều ấn dật hết.

Khi ấy bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai, Thanh văn, Duyên giác tính không sai biệt. Cúi xin Thế Tôn giảng thuyết rộng rãi để cho tất cả chúng sinh đều được khai mở, hiểu rõ.

Phật bảo Ca-diếp:

- Thí như một người nuôi nhiều bò sữa, chia bò ra thành từng bầy theo màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Lúc muốn tế trời, họ tập

hợp hết tất cả đàn bò để vắt lấy sữa. Sữa bò vắt được để chung một bồn, đều có một màu như màu ngọc kha[326]. Cũng vậy, thiện nam! Tính thanh tịnh của chư Phật Như Lai, Thanh văn, Duyên giác đều cùng một màu. Bởi vì sao vậy? Bởi vì đã đoạn sạch hết phiền não. Như ông thợ vàng, lấy vàng từ quặng, có nhiều tạp chất nên màu khác nhau, rồi nấu tan ra, tinh luyện lại thành một màu vàng kim. Bởi vì sao vậy? Bởi vì vô lượng, vô số tạp chất, phiền não đã bị nung cháy tiêu hết. Cho nên, phải tin bản kinh Đại thừa Bát-nê-hoàn này, tất cả chúng sinh đều có tự tính Như Lai chân thật, đều cùng một màu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng:

- Như Thế Tôn dạy, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, không hề sai biệt. Đối với điều này con chưa hiểu lắm. Và lại chúng sinh, như Thế Tôn dạy, Thanh văn, Duyên

giác và chư Bồ-tát đều không thể đắc Đại bát-nê-hoàn, chỉ có Như Lai mới chứng đắc được Đại bát-nê-hoàn. Cho nên, phải biết Thanh văn, Duyên giác và chư Bồ-tát nếu đồng Như Lai, nếu không sai biệt, vậy thì tại sao một mình Thế Tôn, trải qua vô lượng kiếp a-tăng-kỳ tu hành phương tiện, tích tụ công đức?

Phật bảo Ca-diếp:

- Những điều trước đây mà Ta đã nói đó là Như Lai phương tiện mật giáo, nói các Thanh văn không chứng nê-hoàn. Cho nên phải biết tất cả đều lấy kinh Đại bát-nê-hoàn, mà bát-nê-hoàn chỉ là cảnh giới của Phật mà thôi, vì vậy kinh này gọi là Đại bát-nê-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Đó chính là điều không thể giống nhau. Như Phật đã nói,

Thanh văn, Duyên giác và chư Bồ-tát đều phải quy về Như Lai nê-hoàn, giống như trăm sông đều chảy vào biển, đó là pháp thường.

Phật bảo Ca-diếp:

- Ngã chính là pháp thường trụ bậc nhất.

Ca-diếp bạch Phật:

- Thế nào, Thế Tôn, tính của Như Lai là khác hay không?

Phật bảo:

- Có khác!

Ca-diếp lại hỏi:

- Khác như thế nào?

Đức Phật trả lời:

- Tự tính Như Lai của các Thanh văn giống như sữa bò. Tự tính Như Lai của

các Duyên giác như sữa thành lạc. Tự tính Như Lai của chư Bồ-tát như lạc thành tô. Tự tính Như Lai của các chư Phật giống như đề hồ. Cũng vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn cũng có bốn loại sai biệt như thế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Tính của chúng sinh thì như thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Như sữa chưa thành, vẫn còn nằm trong cơ thể con bò, bấy giờ chỉ là sự hòa hợp giữa nước và máu huyết. Vô lượng phiền não che đậy tự tính Như Lai chân thật của mọi chúng sinh, cũng y như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Như Thế Tôn dạy, tại thành Câu-di có chiêm-đà-la tên là Hoan Hỷ, sẽ được thành

Phật trong số một ngàn vị Phật ở tại thế giới này. Người này chỉ mới một niệm phát tâm, Thế Tôn đã thọ ký riêng cho ông ta thành Phật, vậy thì tại sao Thế Tôn lại không thọ ký cho tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Mục-kiền-liên v.v... mau thành Phật đạo?

Phật bảo Ca-diếp:

- Hoặc có Thanh văn, Đức Phật Bích-chi, chư vị Bồ-tát... không phát nguyện nhanh, nhưng lại có người hộ trì chính pháp lại phát nguyện nhanh, vì họ có sự phát nguyện sai khác, và căn cứ vào cái nhân sức mạnh của tâm bồ đề Thế Tôn thọ ký riêng biệt cho họ mau thành Phật đạo. Lại nữa, thiện nam! Như người thương buôn mang ngọc ma-ni đi qua thôn làng của người dân quê rao bán trân bảo. Những người dân quê nghe rao bán ngọc liền kéo đến xem, nhưng chẳng biết

ngọc, cho nên cười lớn, bảo là viên đá. Cũng vậy, thiện nam! Như Lai thọ ký riêng biệt cho hàng Thanh văn v.v... sẽ được thành Phật, đến chỗ tối thắng, thì đời tương lai có các tà-kheo buông lung, lười biếng, chẳng biết chân thật, giống như dân quê, những người tật bệnh, khốn cùng xuất gia, tín tâm chẳng có, đời sống tà mạng, dối trá, nịnh hót, nếu nghe Như Lai thọ ký cho hàng Thanh văn họ sẽ lập tức cười lớn. Phải biết bọn này, hình tướng sa-môn, kỳ thật chẳng phải sa-môn chân chính. Cho nên, thiện nam! Hoặc có những người phát nguyện nhanh chóng hộ trì chính pháp, lại có người không phát nguyện nhanh chóng hộ trì chính pháp, bởi vậy Như Lai tùy theo chỗ họ phát tâm nhanh chậm mà thọ ký cho.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Bậc đại Bồ-tát phải làm thế nào để không phá hoại quyền thuộc?

Phật bảo Ca-diếp:

- Cần phải siêng năng tu tập phương tiện hộ trì chính pháp, đó là bậc đại bồ-tát dũng cảm trong chốn loài người, không phá hoại quyền thuộc.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Vì sao chúng sinh không biết sáu vị?

Phật đáp:

- Không biết tam bảo trước sau trường tồn, cho nên chúng sinh chẳng biết sáu vị. Như người miệng lưỡi chẳng biết phân biệt sáu vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, nhạt. Hết thấy chúng sinh cũng y như vậy, ngu si, vô trí, chẳng biết tam bảo là pháp

trường tồn. Ta nói bọn họ là bọn người mù. Chúng sinh mắt thịt mà biết tự tính của Đức Như Lai là pháp thường trụ, Ta nói người đó có được thiên nhãn. Nếu có chúng sinh nghe kinh Đại thừa mà khởi lòng tin và tâm ưa thích, Ta nói người đó cũng có thiên nhãn. Giả sử chúng sinh có được thiên nhãn, nhưng mà chẳng biết tự tính Như Lai là pháp thường trụ, thì Ta nói rằng người đó chỉ có mắt thịt mà thôi. Bởi vì sao vậy? Vì tính Như Lai thường trụ, chân thật, mà những người ấy chẳng siêng tu tập.

- Lại nữa, thiện nam! Phải biết Như Lai là cha mẹ của tất cả chúng sinh. Bởi vì sao vậy? Vì Đức Như Lai phải tùy hình loại của mọi chúng sinh rồi hóa hiện ra cho giống cảnh giới của chúng sinh đó để mà thuyết pháp. Mỗi một âm thanh thuyết pháp cho mỗi chúng sinh khác nhau,

khiến cho mỗi loài đều tự hiểu được. Chúng sinh mỗi loài đều tự khen rằng: “Hay thay! Như Lai dùng âm thanh của giống loài chúng ta để mà thuyết pháp”.

- Lại nữa, thiện nam! Như trẻ mới sinh, được mười sáu tháng, phát âm chưa chuẩn. Cha mẹ của nó muốn tập nó nói, trước hết phải theo âm thanh bập bẹ của đứa trẻ nít để dạy từ từ. Phải biết cha mẹ không phải chẳng biết ngôn ngữ để dạy. Chư Phật Như Lai cũng y như vậy. Vì để giáo hóa, cho nên thị hiện âm thanh, ngôn ngữ giống y như của các loài chúng sinh, nhưng mà kỳ thật âm thanh Như Lai chẳng phải như thế, chỉ là phương tiện tùy thuận theo cách thế gian mà thôi.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

Phẩm thứ 18: TÙY HỖ

[896a] Bảy giờ, từ trên khuôn mặt Thế Tôn phóng ra vô lượng ánh sáng đủ màu chiếu khắp bốn chúng. Ánh sáng chiếu rồi, trưởng giả Thuần-đà tức thì dâng lên cúng dường Như Lai cùng với đại chúng một lần sau cuối. Lúc ấy Thuần-đà cùng các quyến thuộc được niềm vui lớn, cất lời khen rằng:

- Thật là hy hữu! Khó được cúng dường đức Phật Như Lai thêm một lần nữa!

Khi ấy Thuần-đà liền lấy vô số bình bát quý báu đựng cơm thượng vị đem đến dâng Phật. Vừa ngay lúc đó có vị thiên thần oai lực rất lớn chặn lại trước mặt, bảo Thuần-đà rằng:

- Chớ vội cúng dường! Xin ông vì ta, đợi trong giây lát, để ta chiêm ngưỡng dung nghiêm Như Lai.

Bấy giờ Thế Tôn lại phóng hào quang chiếu thiên thần kia. Ngay đó thiên thần vâng thánh chỉ Phật để cho trưởng giả Thuần-đà đi trước. Lúc ấy trời, người cùng với vô lượng chúng sinh các loài, trong lòng sâu cảm, âm thanh khác nhau, chấn động mặt đất, đi theo Thuần-đà cúng Phật và Tăng, cúng dường một lần sau cuối liền được lên bờ giải thoát.

Bấy giờ Thế Tôn muốn cho tì-kheo, tì-kheo-ni và tất cả chúng hội biết giờ đã đến, lại phóng hào quang chiếu khắp chúng hội. Lúc đó các vị tì-kheo liền biết thì giờ đã đến, liền chỉnh uy nghi, cầm lấy bình bát, như pháp thụ lãnh phẩm vật cúng dường. Trưởng giả Thuần-đà sắp đặt vô số giường ghé quý báu cho Phật và

tăng, treo lụa, phướng, lộng, hương hoa, anh lạc. Lúc ấy ba ngàn đại thiên thể giới trang nghiêm thắng diệu, giống như quốc độ Tây phương cực lạc. Trưởng giả Thuần-đà đứng trước Đức Phật sáu muện, bi ai bạch với Phật rằng:

- Cúi xin Thế Tôn thương xót chúng sinh trụ thọ một kiếp, hoặc hơn một kiếp!

Phật bảo Thuần-đà:

- Ông muốn thỉnh Ta trụ lâu ở đời, thì hãy biết thời mau dưng cúng dường một lần sau cuối, rồi sẽ được lên bốn giờ giải thoát.

Thuần-đà bạch Phật:

- Dạ vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ tất cả các loài chúng sinh, trời, người, bồ-tát, đồng thanh nói rằng:

- Thật kì diệu thay! Thuần-đà là người cúng dường lần cuối. Thật kì diệu thay! Thuần-đà là người cúng dường lớn nhất. Hôm nay chúng ta chuẩn bị bao nhiêu phẩm vật cúng dường bây giờ trở thành những vật vô dụng.

Thế rồi tất cả than khóc ưu sầu rất là khổ não.

[896b] Bảy giờ, từ nơi mỗi lỗ chân lông Thế Tôn đều xuất hiện ra vô lượng hóa Phật. Mỗi Phật đều có quyền thuộc tì-kheo, đón nhận tất cả phẩm vật cúng dường của mọi chúng sinh. Khi ấy tất cả mọi loài chúng sinh đều rất vui mừng.

Lúc đó, phẩm vật cúng dường của ông Thuần-đà nhờ uy thần Phật, mọi thứ đem đến ở nơi đại hội đều được đầy đủ. Thuần-đà vui mừng, tự suy nghĩ rằng: “Hôm nay Như Lai và cả đại chúng đều

thụ nhận sự cúng dường của ta một lần sau cuối, rồi Đức Như Lai sẽ bát-nê-hoàn”. Các chúng sinh khác cũng tự nghĩ rằng: “Hôm nay Như Lai và cả đại chúng thụ nhận bữa cơm cuối cùng ta cúng, sau đó Như Lai vào bát-nê-hoàn, không nhận lời thỉnh của những người khác”.

Bấy giờ, nơi rừng Kiên cố đất đai chật hẹp, nhưng nhờ thần lực của Đức Thế Tôn, cho nên mỗi chỗ nhỏ như ngọn kim cũng có vô lượng chư Phật cùng với tì-kheo quyến thuộc ngồi đó thụ thực. Lúc ấy, trời, người và a-tu-la đều rất ưu buồn than thở nói rằng:

- Hôm nay Như Lai thụ nhận bữa cơm cuối cùng chúng ta cúng dường rồi Ngài sẽ bát-nê-hoàn. Rồi đây chúng ta phụng sự ở đâu? Buồn thay! Từ đây chúng ta như trẻ mồ côi không nơi nương tựa, chẳng người chở che!

Khi ấy Như Lai liền vì tất cả nói bài kệ
rằng:

*Các ông chớ buồn than
Pháp chư Phật vốn vậy
Tuy nói là nê-hoàn
Cũng chưa phải diệt hẳn
Pháp Như Lai thường trụ
Chỗ thường an ổn nhất
Những ai còn nghi ngờ
Lẳng lòng nghe Ta nói
Ta đã lìa uống ăn
Thân không khổ đói, khát
Ta nay vì các ông
Thuyết pháp tùy hỷ này
Khiến tất cả chúng sinh*

*Được an ổn khoái lạc
Tính chừ Phật Như Lai
Pháp thường trụ chân thật
Nay các ông đã nghe
Phải siêng tu phương tiện
Như quạ và chim cú
Tính của chúng trái nhau
Khiến cho đi chung bầy
Nghỉ đêm cùng hoan lạc
Như Lai xem tất cả
Giống như La-hầu-la
Nên sẽ xả từ bi
Mãi vào trong mê-hoàn
Có thể khiến rắn độc
Cùng ở chung với thỏ*

Như Lai xả từ bi
Mãi vào trong nê-hoàn
Khiến cho cây y lan
Đứng chung trăm hoa thơm
Như Lai xả từ bi
Mãi vào trong nê-hoàn
Khiến cho trái ca-lưu[327]
Đồng vị đām-ma-la[328]
Như Lai xả từ bi
Mãi vào trong nê-hoàn
Khiến cho nhất-xiển-đề
Sẽ thành bình đẳng giác
Như Lai xả từ bi
Mãi vào trong nê-hoàn
Làm cho mọi chúng sinh

Nhất thời thành Phật đạo
Như Lai xả từ bi
Mãi vào trong nê-hoàn
Giả sử nước dãi muối
Xâm hoại đại địa này
Trăm sông đều chảy tràn
Biển lớn sẽ đầy ắp
Như Lai xả từ bi
Mãi vào trong nê hoàn
Các ông, cùng chúng sinh
Được vui sâu chính pháp
Bảo Như Lai diệt hẳn
Lo buồn mà than khóc
Từ nay nơi Như Lai
Chớ nghĩ tưởng vô thường

Phải biết tính Như Lai

Trường tồn, không thay đổi

Pháp, tăng cũng như vậy

Chẳng phải pháp hủy diệt.

[896c] Như vậy, thiện nam! Đây là ba pháp thường trụ, chẳng đổi, là lời chân thật. Hết thấy chúng sinh gặp điều khủng bố, lời chân thật này có thể làm cho được sống an ổn. Muốn qua những nơi đồng vắng hiểm nạn, lời chân thật này có thể khiến cho vượt qua hoạn nạn. Lời chân thật này có thể khiến cho cây đã khô héo ra hoa lá lại. Trong bốn chúng đây, ai nghe ba pháp thường trụ này rồi nói lời tùy hỷ, thì giả sử như người đó chưa từng phát tâm bồ-đề, hoặc chưa ưa muốn hướng đến bồ-đề, bây giờ người đó đều đã có được cái nhân bồ-đề. Ba pháp thường trụ là lời chân thật, tối diệu tùy hỷ của

Đức Như Lai. Nếu có tì-kheo hoặc tì-kheo-ni vì mọi chúng sinh giảng nói ba pháp thường trụ, bất biến, thì phải biết rằng họ là những người xứng đáng thụ nhận tất cả những bậc la-hán cúng dường. Ngược lại, nếu như không thể làm được như những người đó thì không xứng đáng thụ nhận cúng dường. Thậm chí tất cả những chiên-đà-la ưa nghe Như Lai, nói lời tùy hỷ, thì cũng đạt được sự không sợ hãi.

Bấy giờ, trời, người và a-tu-la...nói Như Lai là pháp thường trụ, tâm được hoan hỷ, tâm được nhu nhuyễn, tâm được chân thật, tâm lìa ám cái, tâm được thanh tịnh, vẻ mặt vui sướng như đóa hoa sen. Họ rải hoa trời, đốt các danh hương, thổi âm nhạc trời cúng dường Như Lai và tì-kheo tăng.

Khi ấy Thế Tôn bảo ngài Ca-diếp:

- Này thiện nam tử! Ông thấy sự việc hy hữu thế nào?

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Dạ vâng, Thế Tôn! Con thấy sự việc kỳ đặc này là việc chưa từng có. Con thấy tất cả chư thiên, loài người và a-tu-la sắm lễ cúng dường, ai cũng đều được Như Lai, đại chúng thụ nhận phẩm vật. Con lại thấy rằng ở giữa khoảng đất chật hẹp thế này mà lại dung chứa tất cả giường, tòa của Đức Như Lai cùng với đại chúng, một chỗ chỉ nhỏ bằng đầu ngọn kim vậy mà cũng có vô lượng chư Phật cùng các quyền thuộc ngồi ở trong đó thụ nhận cúng dường, nói kệ tùy hỷ. Thế nhưng tất cả chúng sinh ở đây không biết điều đó, ai cũng bảo rằng: “Như Lai chỉ nhận của ta cúng dường”. Hôm nay Thế Tôn cùng với đại chúng thương xót Thuần-đà, nhận sự cúng dường một lần sau cuối để cho ông

ta vượt lên bờ giác. Phật dùng thần lực khiến cho đại chúng đều được đầy đủ, kỳ thật Thế Tôn không dùng đoàn thực. Chỉ có chư vị hàng đại bồ-tát, như pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, là bậc dũng cảm trong chốn loài người mới có thể biết Như Lai dùng sức phương tiện hóa hiện ra những sự việc vô cùng kỳ đặc chưa từng có này, còn hàng Thanh văn và hàng Duyên giác thì không thể biết. Thật là kỳ lạ! Kính bạch Thế Tôn! Thường pháp của Đức Như Lai thật là vô số, vô lượng.

Bấy giờ Thế Tôn bảo ông Thuần-đà:

- Ông có nhìn thấy sự việc lạ lùng chưa từng có không?

Thuần-đà bạch Phật:

- Dạ vâng, Thế Tôn! Con có nhìn thấy. Con thấy Như Lai có ba hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài,

cũng như vô lượng vô số Như Lai và chư bồ-tát quyến thuộc vây quanh. Hôm nay con được thấy thân chân thật của Đức Thế Tôn, duy nhất mình Ngài ngồi giữa đại chúng giống như cây thuốc, có chư bồ-tát trước sau vây quanh.

Phật bảo Thuần-đà:

- Chư Phật ông thấy đều là hóa hiện. Bởi Phật thương xót tất cả chúng sinh và muốn làm cho chúng sinh an lạc, đồng thời khai mở tâm ý của họ, khiến cho họ được công đức không thể cùng tận cho nên hóa hiện như vậy. Nhưng mọi chúng sinh đều chẳng thể biết, duy chỉ những hàng bồ-tát thành tựu vô lượng công đức của bậc bồ-tát, là bậc siêu xuất giữa chón loài người mới có thể biết Như Lai phương tiện hóa hiện như thế. Nay ông Thuần-đà! Hôm nay ông cũng đã thành

tự được công đức thập địa của hàng bồ-tát.

Thuần-đà bạch Phật:

- Đúng vậy, Thế Tôn! Chúng con đều đang tu tập tất cả hạnh tùy hỷ của chư vị bồ-tát.

Phật bảo Thuần-đà:

- Chớ tham theo quả ngoài các khế kinh.

Thuần-đà bạch Phật:

- Ngoài các khế kinh, các kinh còn lại không phải kinh sao?

Phật bảo Thuần-đà:

- Đó là những kinh nói pháp hữu dư[329].

Thuần-đà lại hỏi:

- Nghĩa này thế nào?

Đức Phật trả lời:

- Như Ta đã nói bài kệ dưới đây:

Khen mọi cách bố thí

Không chê người bố thí

Thí phạm giới ít phước

Thí trì giới, phước tăng.

[897b] Ta nói đó là khế kinh. Dù có khen ngợi mọi cách bố thí, nhưng sự bố thí vẫn có sai khác. Bố thí cho người phạm giới thì chẳng có một mảy may phước báo nào; bố thí cho người trì giới, người hộ pháp thì được quả báo rất lớn, chứ không phải sự bố thí nào cũng như nhau.

Thuần-đà bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Nhưng bài kệ đó khen ngợi tất cả công đức của sự bố thí.

Phật bảo Thuần-đà:

- Trừ một hạng người, còn lại tất cả đều được khen ngợi bố thí rộng khắp.

Thuần-đà bạch Phật:

- Trừ hạng người nào? Còn hạng người nào được khen ngợi là bố thí tất cả?

Phật bảo Thuần-đà:

- Trừ nhất-xiển-đề, những kẻ phạm giới, hủy báng chính pháp, mọi bố thí khác ông nên khen ngợi.

Thuần-đà bạch Phật:

- Những hạng người nào là nhất-xiển-đề?

Phật bảo Thuần-đà:

- Nếu tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào phỉ báng kinh pháp, miệng nói lời thô ác không bao giờ hối cải, đối với kinh pháp tâm không nương tựa... thì những người này đang hướng đến con

đường nhất-xiên-đề. Lại có những chúng sinh phạm bốn tội trọng, tạo tội vô gián, không những không biết hối cải mà còn không biết tầm quý; đối với chính pháp họ không có tâm hộ trì hay thương tiếc, không bao giờ coi người hộ pháp là tri thức; đối với những việc thiện họ chưa từng khen ngợi, tán thán; lại có những người tà kiến, không tin Phật, Pháp, Tăng... Ta nói những hạng người này đều đang đi trên con đường nhất-xiên-đề. Trừ những hạng người này ra, còn lại đều được khen ngợi là bổ thí tất cả.

Thuần-đà bạch Phật:

- Thế nào là phạm giới?

Phật bảo:

- Là phạm vào bốn tội trọng, năm tội vô gián, và hủy báng chính pháp.

Thuần-đà bạch Phật:

- Những trọng tội này có sự sai biệt không?

Phật đáp:

- Có sự sai biệt. Chẳng hạn, dù người kia phạm giới nhưng khi mặc pháp y họ sinh lòng tâm quý, buột miệng than rằng: “Than ôi! Nay ta đã phạm trọng tội rồi! Quái lạ thay, tại sao ta lại tạo nên cái khổ lớn lao này”! Rồi người đó ôm lòng lo sợ, sinh tâm hộ trì chính pháp. Họ phát nguyện: “Ta sẽ tán thán tất cả những người hộ pháp. Ta cũng sẽ hàng phục tất cả những người phi pháp. Đối với các thiên định của kinh phương đẳng ta sẽ nỗ lực tu hành”. Đối với những hạng người này Như Lai nói họ không phạm giới. Bởi vì sao vậy? Như mặt trời mọc ánh sáng chiếu soi chút bụi ngăn ngại đều không còn nữa, cũng vậy, tu tập khế kinh đại thừa này như mặt trời xuất hiện, vô số vô

lượng tội lỗi tích tụ bấy lâu đều sẽ tiêu sạch. Cho nên, kinh này nói người hộ pháp được quả báo lớn. Ngược lại, nếu người phạm giới mà không làm được như trên thì gọi là phạm tội cực trọng, nếu bỏ thí cho những người này thì không có một chút mảy may phước đức.

- Lại nữa thiện nam! Dù người phạm bốn tội trọng nhưng có thể biết tự tính Như Lai chân thật và phát tâm hộ pháp, thì cúng dường cho những người này cũng có được quả báo lớn. Vì sao vậy? Thí như có người phụ nữ sống trong một đất nước hoảng loạn, bà muốn dẫn con thơ đi qua nước khác, trên đường đi gặp dòng sông lớn, nước mênh mông, bà ẵm đứa con từng bước lội qua dòng sông chảy xiết, nếu không thả đứa con ra thì cả hai mẹ con đều chết đuối, bà thương con, không nỡ thả nó ra, và tìm mọi cách chèo chong

qua sông, nhưng rồi cả hai mẹ con đều chết đuối. Người phụ kia trước đã từng tạo tội ác rất lớn, nhưng nhờ công đức bảo vệ con mình cho đến chết, nên sau khi mạng chung liền được sinh lên cõi trời. Cũng vậy, thiện nam! Người phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián, nhưng nếu trong thâm tâm hối hận và phát tâm hộ trì chính pháp, thì dù đã tạo tội bất thiện, gieo nhiều nghiệp ác, nay nhờ vào công đức hộ pháp mà có thể làm ruộng phước điền, có thể kham nhận sự cúng dường của tín thí. Công đức của hộ pháp được phước báo lớn như vậy.

Thuần-đà bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu như hạng nhất-xiển-đề lại sinh tín tâm, hối cải lỗi lầm, quy y tam bảo, nếu người nào bố thí cho họ thì có được phước báo lớn không?

Phật bảo Thuần-đà:

- Chớ nói lời này. Thuần-đà! Thí như người ăn trái am-la, dùng tay đập bể vỏ rồi lấy cái nhân bên trong mà ăn, ăn rồi lại lấy cái vỏ chẳng còn nhân gieo trồng xuống đất, dù cho có tưới tắm chăm sóc, rốt cuộc cũng không thể nảy mầm. Hạng nhất-xiên-đề cũng giống y như vậy, nó đã bị hư nát hạt giống thiện pháp, muốn cho nó hồi cải và phát sinh thiện tâm là điều không tưởng, chính vì vậy mà gọi là nhất-xiên-đề. Bồ thí cho người trì giới được phước báo lớn, phước báo đó cũng không phải như nhau. Bởi vì sao vậy? Bồ thí cho Thanh văn và Bích-chi-phật có được phước báo sai khác nhau, duy chỉ có bồ thí cho Như Lai là được phước báo tối thượng. Cho nên mới nói không phải tất cả sự bồ thí đều được quả báo lớn.

Thuần-đà bạch Phật:

- Vì lý do gì mà Thế Tôn nói bài kệ này?

Phật bảo Thuần-đà:

- Vì có nhân duyên. Hồi đó tại thành Vương-xá có một cư sĩ không tin tam bảo mà phụng sự ngoại đạo Ni-kiền. Một hôm, ông ta đến và hỏi Như Lai về ý nghĩa của sự bố thí. Như Lai đã nhiếp hóa ông ấy và nói bài kệ này. Phải biết Như Lai dùng sức phương tiện bí mật nói riêng cho hàng bồ-tát, không phải tất cả đều có thể hiểu hết. Cho nên, bồ-tát là bậc đại hùng đại lực trong chốn loài người, chỉ có họ mới biết phân biệt ý nghĩa pháp hữu dư mà Như Lai đã nói, hàng phục tất cả những người phạm giới, như trừ cỏ dại không để hại lúa tốt. Lại nữa, thiện nam! Hãy nghe bài kệ Như Lai sẽ nói dưới đây:

Tất cả sông ngòi đều uốn khúc

Trong mọi khu rừng đều có cây

Tất cả người nữ đều giả dối

Tất cả đại lực đều an lạc.

[897c] Bảy giờ bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh trang y phục, đánh lễ Đức Phật, rồi nói kệ rằng:

Chẳng phải mọi sông đều uốn khúc

Chẳng phải rừng nào cũng có cây

Không hẳn người nữ tâm dối trá

Đâu phải lực sĩ là an lạc.

[897c] Đây là Thế Tôn lược nói pháp môn, không phải là pháp quyết định. Bởi vì sao vậy? Trong ba ngàn thế giới, ngoài cõi Diêm-phù-đề này còn có cõi Diêm-phù-đề khác. Ở cõi đó, có sông thẳng đuột, như một sợi dây căng thẳng, từ biển tây thẳng đến biển đông. Căn cứ trong kinh phương đẳng a-hàm đã nói, thì đây là Như Lai thuyết pháp hữu dư. Tất cả rừng

đều có cây cũng là thuyết hữu dư. Bởi vì sao? Bởi rừng có hai loại, cũng có rừng toàn bằng cây báu như kim ngân, lưu ly. Tất cả người nữ đều dối trá cũng là thuyết hữu dư. Bởi có những người nữ giữ giới thanh tịnh thì tâm của họ rất chính trực. Tất cả đại lực đều an lạc cũng là thuyết hữu dư. Như Lai là đấng pháp vương tối thượng, là đấng đại lực mới được gọi là an lạc. Còn Chuyển luân thánh vương và các thiên thần cũng được gọi là đại lực nhưng chẳng có an lạc. Vì vậy cho nên phải biết rằng không phải tất cả những người đại lực đều có an lạc, duy nhất chỉ có pháp thường trụ không biến đổi là đại lực nê-hoàn mới thật sự an ổn, khoái lạc. Thí như thầy thuốc cho người bệnh uống thuốc đề hồ. Bảy giờ người bệnh nói với thầy thuốc rằng: “Hãy cho tôi thêm loại thuốc này, tôi rất thích uống nó”. Thầy thuốc đáp: “Nhưng ông phải đợi thuốc

tiêu hết rồi mới uống thêm được. Nếu ăn vào mà không tiêu thì có thể giết người như chơi!” Đó là thầy thuốc kia thật tình sợ người bệnh bị chết. Cũng vậy, Đức Phật Như Lai từ bi, thương xót chúng sinh bị bệnh, muốn diệt trừ tâm cống cao, ngã mạn của vua Ba-tư-nặc, các vị đại thần và phu nhân, cho nên mới nói kệ:

Tất cả sông ngòi đều uốn khúc

Trong mọi khu rừng đều có cây

Tất cả người nữ đều giả dối

Tất cả đại lực đều an lạc.

[898a] Phải biết Thế Tôn không bao giờ nói sai sự thật. Giả sử trái đất này có thể lật úp, nhưng lời của Như Lai thì không bao giờ sai sự thật. Cho nên, tất cả những thuyết hữu dư hay vô dư đều là phương tiện để Như Lai nhiếp hóa chúng sinh mà thôi.

Phật nói:

- Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi!
Ông thương xót tất cả chúng sinh mà diễn
bày rộng rãi ý nghĩa Như Lai thuyết pháp
hữu dư và vô dư.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi lại quỳ trước Thế
Tôn mà nói kệ rằng:

Với người khéo tùy thuận

Không nhìn làm hay không

Chỉ quán xét việc mình

Xem có tốt hay không.

[898a] Đây là bài kệ Thế Tôn đã nói, nhưng cũng không phải là chính pháp cứu cánh. Bởi vì sao vậy? Các chúng ngoại đạo tà kiến đều hướng đến địa ngục, còn Đức Phật Thế Tôn dạy các đệ tử hướng đến nê-hoàn, nếu được sinh lên cõi trời, thì đây gọi là thuyết khen chê, như vậy là

có vô lượng thuyết không tùy thuận. Kính bạch Thế Tôn! Vậy thì tại sao trong bài kệ trên lại nói rằng đối với mọi người phải khéo tùy thuận?

Bấy giờ, Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư- lợi:

- Như Lai nói phải khéo tùy thuận là có nhân duyên. Hồi đó, vua A-xà-thế đã sát hại phụ vương của mình, ông ta đến chỗ Như Lai và hỏi rằng: “Kính bạch Thế Tôn! Ngài là bậc Nhất thiết trí hay không phải là bậc Nhất thiết trí? Nếu Ngài là bậc Nhất thiết trí, vậy thì tại sao trong trăm ngàn kiếp Đề-bà-đạt-đa luôn ôm lòng ác muốn hại Như Lai mà Như Lai vẫn cho ông ta xuất gia”? Như Lai đã vì vua A-xà-thế mà nói bài kệ trên, rằng ‘*đối với việc người phải khéo tùy thuận*’, để cho A-xà-thế, người đã từng mang tội sát hại phụ vương của mình mà không tự tỉnh giác.

Như Lai muốn khiến cho ông ta tự thức tỉnh, biết được lỗi lầm của mình, để cho tội lỗi được giảm bớt, cho nên mới nói ‘*Chỉ quán xét việc mình, Xem có tốt hay không*’. Này Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay, vì lý do gì mà ông thấy việc Như Lai làm là không tùy thuận? Nếu người trì giới, tu hạnh từ tâm mà quán xét lỗi lầm của người khác, thì đó là pháp của chư Phật Như Lai, muốn khiến cho bản thân mình cùng với tất cả chúng sinh đều được an lạc. Do đó, nên xem xét người khác có làm hay không làm và xem xét bản thân mình cũng như vậy. Người nào thường quán xét như vậy chính là đệ tử của Ta.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Văn-thù-sư-lợi bằng bài kệ rằng:

Mọi loài đều sợ chết

Đều sợ bị đánh đau

Lấy mình làm ví dụ

Chớ giết, chớ đánh nhau.

[898b] Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi lại ở trước Thế Tôn mà nói bài kệ rằng:

Không phải đều sợ chết

Đều sợ bị đánh đau

Không lấy mình ví dụ

Mà hiểu được chúng sinh.

[898b] Đúng vậy, Thế Tôn! Bài kệ đó Ngài lược nói pháp môn, nhưng cũng chưa phải là pháp cứu cánh. Bởi vì sao vậy? Bởi a-la-hán, Chuyển luân thánh vương, ngọc nữ, đại thần, voi báu, ngựa báu...mà bị chư thiên, loài người và những chúng sinh khác hại là điều không thể. Và chẳng, có những dũng sĩ, liệt nữ, ngựa hoang, chúa tể muông thú, tì-kheo trì giới... dù có đối đầu với nguy hiểm họ

cũng không sợ hãi. Cho nên, bài kệ ‘*Mọi loài đều sợ chết, Đều sợ bị đánh đau*’ là thuyết hữu dư. Lại nữa, không thể lấy bản thân mình làm ví dụ để hiểu chúng sinh. Bởi vì sao vậy? Bởi vì, nếu a-la-hán lấy bản thân mình làm ví dụ để hiểu chúng sinh khác thì là có tướng về mạng, mà nếu có tướng về mạng thì chẳng phải là bậc thượng sĩ. Người chấp mạng tướng thì là phàm phu ngu muội, tà kiến, sẽ đi đến cửa ác thú. Lại nữa, a-la-hán đã giác ngộ bản thân mình và chúng sinh đều là không, không có sở hữu, thì ai chết, ai sát hại? A-la-hán mà còn khởi tướng sát hại, đó là điều không thể xảy ra. Lại nữa, bài kệ nói lấy ‘bản thân mình’ làm ví dụ, thì cái ‘bản thân’ đó là lấy ‘hữu ngã’ làm ví dụ hay lấy ‘vô ngã’ làm ví dụ? Nếu lấy hữu ngã làm ví dụ thì đó là hạng phàm phu hạ liệt, còn nếu lấy vô ngã làm ví dụ thì a-la-hán chẳng thể ví dụ được. Tuy nhiên, Đức

Phật Thế Tôn không bao nói lời vọng ngữ, không có nhân duyên thì Ngài không nói pháp. Hồi đó tại thành Vương-xá có người thợ săn, làm chủ một lò sát sinh, ông ta thiết lễ cúng dường, thỉnh Phật và tăng thương xót nạp thụ, nhưng Đức Phật Thế Tôn chưa từng ăn thịt, quý Ngài bình đẳng xem mọi chúng sinh y như La-hầu-la, vì vậy Ngài vì người thợ săn mà nói bài kệ rằng:

Xem xét người sống lâu

Đều nhờ không giết hại

Mọi loài đều sợ chết

Đều sợ bị đánh đau

Lấy mình làm ví dụ

Chớ giết, chớ đánh nhau.

[898c] Phật bảo:

- Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi!
Ông là tiên nhân trong chốn loài người, an
ủi chúng sinh, khéo nói phương tiện mật
giáo Như Lai.

Bấy giờ bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ
rằng:

Hiếu kính với cha mẹ

Cúng dường đáng song thân

Do duyên hiếu đạo này

Chết đọa ngục vô gián.

[898c] Kính bạch Thế Tôn! Bài kệ này
nói những kẻ vô minh, do ân ái mà làm
cha làm mẹ, chúng sinh tùy thuận theo
nghiệp duyên đó rồi tạo nghiệp ác, khi
chết sẽ đọa địa ngục vô gián.

Khi ấy Thế Tôn lại bảo bồ-tát Văn-thù-sư-
lợi bằng bài kệ rằng:

*Mọi loài vì thế lực kẻ khác mà khổ
 Nhờ sức mạnh của mình mà được an
 Mọi kẻ kiêu mạn, mạnh mẽ bạo tàn
 Nhưng ai hiền thiện được người kính yêu.*

[898c] Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ rằng:

*Không phải vì thế lực kẻ khác mà khổ
 Không phải nhờ sức mình mà được an
 Chẳng phải ai kiêu mạn cũng bạo tàn
 Đâu phải mọi người hiền đều được kính.*

[898c] Kính bạch Thế Tôn! Đây là bài kệ lược nói pháp môn, không phải là pháp cứu cánh. Bởi vì sao vậy? Như con em của người thường dân theo thầy học nghề, học có tiến bộ hay không đều do nơi thầy, đến khi học thành nghề rồi thì có được cuộc sống an lạc. Như con của vua tự nhiên có thế lực tự tại, nhưng nếu chẳng

có thầy dạy dỗ thì ngu si ám độn, sẽ thường chịu khổ đau. Do đó, bài kệ mà Như Lai đã dạy là nói cho những chúng sinh bị ma quỷ dẫn đi, không có được tự tại, Như Lai vì bọn họ mà nói bài kệ này. Cho nên, phải biết không phải ai vì thế lực của người khác cũng khổ, không phải ai có thế lực cũng được an. *Mọi kẻ kiêu mạn, mạnh mẽ bạo tàn* cũng là thuyết hữu dư. Bởi không phải tất cả những kẻ kiêu mạn đều là những kẻ mạnh mẽ, bạo tàn, vẫn có người kiêu căng, ngạo mạn xuất gia học đạo, hoặc nhờ phước đức trì giới mà được thanh tịnh, phải biết những người này tuy là kiêu mạn nhưng không phải là bạo tàn. *Những ai hiền thiện được người kính yêu* cũng là thuyết hữu dư. Như những người ở trong chính pháp phạm bốn tội trọng, dù cho cố gắng khắc phục, giữ gìn oai nghi, tu hành hiền lành, nhưng chính nghiệp đã bị phá hỏng rồi,

thì mọi người cũng không còn yêu kính nữa. Vậy thì, do nhân duyên gì mà Thế Tôn lại nói bài kệ này?

Bấy giờ Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi bồ-tát:

- Chư Phật Như Lai không bao giờ nói những lời hư dối, không bao giờ thuyết pháp mà không có nhân duyên. Hồi đó tại thành Vương-xá có một người nữ dòng họ Câu-lân, tên là Tu-bạt-đà-la, cô này chán ghét đời sống thế tục, đến chỗ Như Lai muốn xin xuất gia. Pháp của người nữ vốn không được tự do, phần lớn đều bị sự quản chế của người nam. Sau khi đã quy y tam bảo, Như Lai biết rõ tâm ý của cô ta, cũng biết đã hợp thời, nên nói bài kệ này: *‘Mọi loài vì thế lực kẻ khác mà khổ’*. Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi là bậc tiên nhân trong chôn loài người, khéo

dùng phương tiên hỏi pháp bí mật của Đức Như Lai.

Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ rằng:

Tất cả loài chúng sinh

Đều nhờ ăn mà sống

Tất cả mọi trẻ con

Đều không tâm hối tiếc

Tất cả cõi thế gian

Đoàn thực tăng thêm bệnh

Tất cả người hành pháp

Đều đến chỗ an lạc.

[899a] Cũng vậy, Thế Tôn hôm nay thụ nhận bữa cơm của ông Thuần-đà cúng dường, bệnh chẳng tăng thêm.

Bấy giờ Thế Tôn lại vì bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ rằng:

Không phải mọi chúng sinh

Đều nhờ ăn mà sống

Chẳng phải mọi trẻ con

Đều không tâm hối tiếc

Không phải cả thế gian

Đoàn thực tăng thêm bệnh

Chẳng phải tất cả pháp

Đều đến chỗ an lạc.

[899a] Văn-thù-sư-lợi! Vì chúng sinh bệnh nên Ta cũng bệnh. Các A-la-hán và Bích-chi-phật, chư vị bồ-tát và Đức Như Lai đều không ai dùng thức ăn đoàn thực. Đây là định pháp của chư Phật Như Lai. Nếu ai bảo rằng các a-la-hán, Bích-chi-phật, chư vị bồ-tát và Đức Như Lai từng dùng thức ăn đoàn thực, thì chính kẻ ấy phá hoại ý nghĩa đại sĩ. Nhưng tất cả chư

Phật, bồ-tát, a-la-hán... thụ nhận trăm ngàn sự bố thí của chúng sinh, khen ngợi tất cả công đức của sự bố thí, là vì muốn cứu độ chúng sinh thoát khỏi ba đường ác và biển khổ vô biên. Chư Phật Như Lai tuy không thụ nhận thức ăn đoàn thực nhưng vẫn thường khen ngợi sự bố thí, là vì muốn khiến cho chúng sinh thành tựu đàn-ba-la-mật[330]. Như Lai ngồi yên dưới cội cây tu hành khổ hạnh suốt sáu năm trời, há lại bảo do không ăn cho nên hình hài mới tiêu tụy chẳng? Chớ bảo Như Lai giống như hàng chúng sinh. Như Lai đã vượt qua dòng sông ái dục, không đồng cảnh giới và hành xứ của người thế gian. Cảnh giới của Như Lai là không thể nghĩ bàn. Đệ tử Thanh văn của Ta cũng lại như thế. Nói dùng đoàn thực là thuyết hữu dư. Tất cả trẻ con lìa tâm keo kiệt, tham tiếc cũng là thuyết hữu dư. Vĩnh viễn xa lìa tâm keo kiệt mới có vô lượng

khoái lạc bất động. Tất cả chúng sinh dùng thức ăn bằng cách đoàn thức sẽ tăng thêm bệnh cũng là thuyết hữu dư. Bệnh từ bên ngoài xâm nhập vào cơ thể như vết thương do kiếm nhọn đâm thì vô số kể. Hết thấy pháp hành đều đi đến chỗ an lạc cũng là thuyết hữu dư mà Như Lai đã nói. Pháp ấy có rất nhiều loại. Cũng có pháp thiện cho người thế tục tu tập, để cho thân, khẩu, ý nghiệp được thanh tịnh, để phát khởi tín tâm, cùng đến một chỗ, không trái ngược nhau. Cho nên, phải biết chư Phật Như Lai không bao giờ thuyết pháp mà không có nhân duyên, không bao giờ thuyết pháp mà nghĩa lý trái ngược nhau. Vì để giáo hóa, cho nên Như Lai đã thuyết pháp phương tiện. Hồi đó, có một Phạm chí tên là Bán-đầu[331] cùng với những người đồng tu pháp tế tự chư thiên đến chỗ Như Lai. Như Lai đã nhiếp phục

và khiến cho ông ta trừ bỏ tà kiến, đồng thời đã nói bài kệ này.

Bấy giờ bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Ngoài kệ kinh này ra, tất cả những kinh còn lại Như Lai đều nói pháp hữu dư phải không?

Phật nói:

- Không phải! Này thiện nam tử! Nếu có chúng sinh nào thành tựu công đức, khéo hiểu sâu giáo pháp, Như Lai vì người đó nói pháp thường trụ, an lạc, vô dư; ngoài ra những chúng sinh ưa thích nghe pháp, Như Lai vì họ hoặc nói hữu dư hoặc vô dư.

Bồ-tát Ca-diếp rất đỗi vui mừng, bạch Đức Phật rằng:

- Kỳ thay, Thế Tôn! Ngài xem chúng sinh y như con một.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Nay thiện nam tử, phải nên thấu hiểu giáo pháp chân thật thâm sâu như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai nói rõ công đức của kinh Phương đẳng Bát-nê-hoàn này.

Phật bảo Ca-diếp:

- Bản kinh Đại thừa bát-nê-hoàn này, nếu ai nghe được thì có công đức, mà công đức đó chẳng phải Thanh văn và Bích-chi-phật có thể nói hết. Bản kinh Đại thừa Bát-nê-hoàn này sinh ra công đức không thể nghĩ bàn. Đó là cảnh giới chư Phật Như Lai mới biết được hết.

Khi ấy, chư thiên, loài người và a-tu-la
liền ở trước Phật nhất tâm đồng thanh làm
bài kệ tụng:

Như Lai, Thiên Trung Thiên[332]

Thâm sâu khó nghĩ bàn

Lời của Như Lai dạy

Kinh Phương đẳng nê-hoàn

Sinh ra mọi công đức

Cũng không thể nghĩ bàn

Chánh pháp khó nghĩ bàn

Tăng bảo cũng như thế

Cúi xin Thiên Trung Thiên

Thương xót nán ở lại

Thượng tọa đại Ca-diếp

Cùng quyền thuộc sắp về

Tôn giả A-nan-đà
Bậc Đại tiên đa văn[333]
Quốc chủ Ma-kiệt-đà
Là vua A-xà-thế
Họ đối với Như Lai
Là đệ tử gần nhất
Chư vị chính sĩ đó
Ắt ôm lòng hoài nghi
Như Lai đã nê-hoàn
Hay vẫn còn tại thế
Tâm hoài nghi như vậy
Dựa vào đâu quyết định?
Nguyện xin chờ giây lát
Đợi họ về quyết nghị.

[899c] Bảy giờ Thế Tôn vì chư đại chúng
mà nói kệ rằng:

Ai còn điều nghi hoặc

Chớ lo lắng nghĩ ngợi

Pháp Ta sinh trưởng tử

Thượng tọa đại Ca-diếp

A-nan bậc đa văn

Lát nữa họ sẽ đến

Cột cho họ thấy Ta

Ta sẽ bát-nê-hoàn

Như bậc trí tuệ ấy

Thấy hai chân Như Lai

Tự biết là thân Ta

Thường, vô thường chân thật.

[899c] Bảy giờ tất cả đại chúng cùng với quyển thuộc cúng dường Như Lai lộng hoa[334], lụa trời, đốt các danh hương, trỗi âm nhạc trời, số nhiều vô lượng, không thể ví dụ. Cúng Phật xong rồi, vạn ức hằng sa hết thấy chúng sinh đều được phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, đứng vào vị trí sơ địa bồ-tát. Trưởng giả Thuần-đà vui mừng hơn hở, cam lộ bồ-đề rót trên đỉnh đầu.

Bảy giờ Thế Tôn bảo Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, bồ-tát Ca-diếp, bồ-tát Thuần-đà:

- Các thiện nam tử! Hãy tự tu tập, điều phục tâm mình, giữ gìn cẩn thận, chớ có buông lung. Nay Ta đau lưng, toàn thân đều nhức, muốn được nằm nghỉ. Văn-thù-sư-lợi, ông hãy thuyết pháp cho bốn chúng nghe. Chánh pháp Như Lai nay tạm giao ông, cho đến khi nào Thượng tọa

Ma-ha Ca-diếp cùng với A-nan trở về.
Ông hãy giảng rộng cho đại chúng nghe.

Bấy giờ Thế Tôn vì muốn giáo hóa chúng
sinh cho nên thị hiện thân bệnh, nằm
nghiêng hông phải, buộc niệm tỉnh giác.

*Kinh đại bát nê hoàn, trọn bộ 6 quyển,
hết.*

*(Dịch xong ngày 20 tháng chạp, đình hội
tại chùa long phước thọ)*

[1] Theo bản Tổng, Pháp Hiền cùng dịch chung với sa-môn Giác Hiền (S: Bodhibhadra), người Thiên Trúc.

[2] Pháp Hiền 法顯, họ Cung, người Bình Dương, tức vùng Sơn Tây, Trung Quốc ngày nay. Xem *Truyện cao tăng Pháp Hiền*, HT. Trí Quang dịch, để biết thêm về ngài.

[3] Sa-la, xem Kiên cố lâm, dưới.

[4] Kiên cố lâm 堅固林 (S: Śāla): tức rừng cây Sa-la, còn gọi là Kiên lâm, Song thọ lâm, Hạc lâm. Theo *Phiên dịch danh nghĩa tập* quyển 3, thì cây Sa-la vốn không tàn rụi sơ xác trong cả bốn mùa, vì vậy mà dịch là Kiên cố (Phật quang đại từ điển - viết tắt PQĐTĐ – tr.4446).

[5] Hi-liên 熙連 (S: Hiraṇyavatī): tên sông, còn gọi là A-thị-đa-phạt-đề (S: Ajitavatī), nằm ở miền trung Ấn Độ,

thuộc thành Câu-thi-na xưa (Đinh Phúc Bảo - viết tắt ĐPB).

[6] Câu-di thành lực sĩ sinh địa: 拘夷城力士生地: tức thành Câu-thi-na (S: Kuśinagara), vùng đất của bộ tộc Lực sĩ, tức bộ tộc Mạt-la (S: Malla).

[7] Bát-nê-hoàn 般泥洹 (Cg: bát-niết-bàn 般涅槃; niết-bàn 涅槃; S: parimrvāṇa, nirvāṇa): chỉ trạng thái diệt tận phiền não, bất sinh, viên tịch, giải thoát, vô vi, an lạc.

[8] Mâu-ni 牟尼 (S: Muni): mỹ hiệu chỉ cho những bậc Thánh đã đoạn trừ hết phiền não. Trong hàng Thánh giả đó, Đức Phật được tôn xưng là Đại Mâu-ni.

[9] Nguyên bản ghi là diện môn 面門 (S: mukha): có ba cách giải thích: chỉ nơi miệng, chỉ giữa khuôn mặt, và chỉ khoảng

dưới mũi, trên miệng, tức huyết nhân trung (PQĐTĐ, tr.3988).

[10] Tam thiên đại thiên thế giới 三千大千世界 (S: tri-sāhasra-mahā-sāhasra-loka-dhātu): một thế giới hệ gồm ba ngàn đại thiên thế giới. Tập hợp bốn đại châu, mặt trời, mặt trăng và các cõi trời làm thành một thế giới. Một ngàn thế giới hợp lại thành một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới hợp lại thành một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới hợp lại thành một đại thiên thế giới (ĐPB).

[11] Sáu đường chúng sinh (tức lục thú chúng sinh 六趣眾生): chúng sinh theo nghiệp của mình đã tạo mà qua lại trong sáu đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a tu la, trời và người.

[12] Chấn động sáu cách (tức lục chủng chấn động 六種震動): rung động, khởi lên, vọt lên, vang động, gầm rống, thức tỉnh (PQĐTĐ, tr.1306).

[13] A-la-hán 阿羅漢 (S: arhat): quả vị cao nhất trong bốn quả vị Thanh văn, dịch ý là ứng cúng, ứng chơn, sát tặc, bất sinh, vô sinh, vô học, chơn nhân. Đó là bậc Thánh đã đoạn trừ hết tất cả phiền não (kiến hoặc và tư hoặc) trong tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới), chứng đắc Tận trí (S: Kṣaya-jñāna), có thể kham nhận sự cúng dường của chư thiên và loài người (PQĐTĐ, tr.3692).

[14] Không tuệ 空慧: trí tuệ quán chiếu lý không của các pháp, tức là tuệ giác có được nhờ chứng nhập tánh không của các pháp (ĐPB).

[15] Chiên đàn 梅檀 (S: Candana), một loại cây, gỗ rất thơm, còn gọi là gỗ đàn hương, mọc trên núi Malaya, miền Nam Ấn Độ, có thân giống đầu trâu, nên còn gọi là Ngưu đầu chiên-đàn.

[16] Ca-chiên-diên 迦旃延 (S: Kātyāyana): một trong mười đệ tử xuất sắc của Phật, có khả năng nghị luận bậc nhất.

[17] Bạc-câu-la 薄拘羅 (S: Vakkula, Bakkula, Bakula, Vakula): nguyên quán ở Kosambi, một trong bốn đệ tử có đại thần thông (abhiñña). Ngài được coi là vị đệ tử khổ hạnh, không thuyết pháp.

[18] Ưu-ba-nan-đà 優波難陀 (S: Upananda), dịch là Đại Hỷ, Trọng Hỷ. Ngài rất xinh đẹp.

[19] Dương chi 楊枝 (S: Dantakāṣṭha): một loài cây, dùng làm bàn chải đánh răng, hoặc làm tăm xỉa răng, rất tốt, vừa làm trắng răng, vừa ngừa sâu răng (ĐPB).

[20] Đại thừa 大乘 (S: Manāyāna): cỗ xe lớn, nghĩa bóng là chỉ cho giáo pháp của đức Phật có khả năng đưa chúng sinh từ bờ phiền não đến bên giác ngộ. Các kinh A-hàm đều tôn xưng giáo pháp của đức Phật là Đại thừa (ĐPB).

[21] Phương tiện 方便 (S: upāya): các pháp môn tu tập giúp chúng sinh đạt được giác ngộ giải thoát. Mật giáo 密教: cảnh giới pháp thân Phật nội chứng, bí mật, thâm áo (ĐPB).

[22] Tì-kheo ni 比丘尼 (S: bhikṣuṇī): nữ giới xuất gia theo đạo Phật đã thọ trì đại giới (PQĐTĐ).

[23] Câu-lân nữ 拘隣女須跋陀羅 (S: Koṇḍañña Subhadra): người nữ họ Câu-lân, tên Tu-bạt-đà-la (PQĐTĐ).

[24] Ưu-ba-nan-đà 優婆難陀 (S: Upananda): tì-kheo-ni, cùng tên một vị tì-kheo Tăng (PQĐTĐ).

[25] Thập địa 十地 (S: daśabhūmi): mười giai vị tu chứng của các vị bồ-tát (PQĐTĐ).

[26] Bốn tâm vô lượng (tức tứ vô lượng 四無量; S: catvāry apramāṇāni): từ, bi, hỉ, xả (PQĐTĐ).

[27] Hằng hà 恒河 (S: Gaṅgā): sông Hằng, một trong 5 con sông lớn nhất tại Ấn Độ (PQĐTĐ).

[28] Cận sự nam (tức ưu-bà-tắc 優婆塞; S: Upāsaka): cư sĩ nam, đã quy y tam bảo và thọ trì năm giới.

[29] Đối trị 對治 (S: pratipakṣa): đoạn trừ phiền não. Pháp đối trị là pháp đoạn trừ phiền não (PQĐTĐ, tr.5793).

[30] Trâm thủy 沈水 (S: agaru, aguru, kālāguru, kṛṣṇāgaru): tức trâm thủy hương, trâm hương. Loại cây này gỗ rất thơm, bỏ vào nước thì chìm, nên gọi là trâm thủy (ĐPB).

- Chúng bảo 眾寶: nhiều loại vật báu quý, hiếm.

- Thiên hương 天香: hương của cõi trời, nhưng thường dùng để chỉ cho những hương liệu đặc biệt ở nhân gian.

- Uất kim hương hoa 鬱金香華 (S: Kuṅkumam): thực vật có rễ hình cầu, dùng để nấu thuốc nhuộm, hoa để làm hương, mọc ở vùng Kashmir, Bắc Ấn Độ (PQĐTĐ).

[31] Ngưu đầu chiêm-đàn, xem chiêm-đàn, trên.

[32] Bảy báu (tức thất bảo 七寶; S: sapta ratnāni): bảy thứ ngọc báu quý giá ở thế gian. Các kinh nói về bảy thứ báu khác nhau. Theo *Kinh A-di-đà* và *luận Đại trí độ*, bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu li, pha lê, xa cừ, xích châu và mã não. Theo *kinh Pháp hoa* quyển 4, bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu li, xa cừ, mã não, chân châu, mai khôi.

[33] Ưu-bát-la 優鉢羅 (S: utpala): hoa sen xanh. Bát-đàm-ma 鉢曇摩 (S: padma), hoa sen đỏ. Câu-mâu-đầu 拘牟頭 (S: kumuda), hoa sen vàng. Phân-đà-lợi 分陀利 (S: puṇḍarīka), hoa sen trắng.

[34] Tín nữ cư sĩ (tức ưu-bà-di 優婆夷; S: Upāsikā): cư sĩ nữ, đã quy y tam bảo và thọ trì năm giới (PQĐTĐ).

[35] Bốn rắn độc (tức tứ xà 四蛇): thân thể tứ đại: đất, nước, gió, lửa, dụ như bốn con rắn độc (ĐPB).

[36] Li-xa 離車 (S: Licchavi): một dòng tộc sống tại thành Tỳ-xá-li (Vaiśāli), miền trung Ấn Độ cổ đại (PQĐTĐ).

[37] Tỳ-xá-ly 毘舍離 (S: Vaiśāli): quốc vương thuộc trung Ấn Độ cổ (PQĐTĐ).

[38] Diêm-phù-đề 閻浮提 (S: Jambudvīpa): chỉ Ấn Độ, về sau chỉ cho thế giới nhân gian (PQĐTĐ, tr.6336).

[39] Bách mộc 栢木: cây bách, cây bá.

[40] Đâu-lâu hương mộc 兜樓香木 (S: turaṣka): một loại gỗ thơm (ĐPB).

[41] A-xà-thế 阿闍世 (S: Ajātaśatru): quốc vương Ma-kiệt-đà (Magadha) (PQĐTĐ).

[42] Không hành 空行: tất cả các pháp (cũng gọi là các hành) đều vô ngã, cũng gọi là không. Quán chiếu như vậy gọi là tu hạnh Không hành (ĐPB).

[43] Hòa-tu-cát 和修吉 (S: Vāsuki): Long vương chín đầu (ĐPB).

[44] Nan-đầu 難頭 (S: Nanda) và Ưu-bát-nan-đà 優鉢難陀 (Cg: Ưu-bát-la; S: Utpalaka): Hai anh em nhà rồng này lúc đầu rất hung ác, sau nhờ Phật cải hóa, nên có được tâm lòng thương xót thế gian, thường tạo ra mưa thuận gió hòa (Từ điển Bách khoa toàn thư - viết tắt BKTT).

[45] Tỳ-sa-môn 毘沙門 (S: Vaiśravaṇa): vị trời thủ hộ Phật pháp, trụ ở phía Bắc núi Tu-di, giữ gìn phía Bắc cõi Diêm-phù-đề (PQĐTĐ).

[46] Già-lưu-la 伽留羅 (S: Garuḍa): chim cánh vàng.

[47] Càn-thát-bà 捷鬪婆 (S: Gandharva): nhạc thần.

[48] Khẩn-na-la 緊那羅 (S: Kinnara): thần ca nhạc.

[49] Ma-hâu-la-già 摩睺羅伽 (S: Mahoraga): đại mãng thần.

[50] Đà-na-bà 陀那婆 (S: Dānavat): thần bố thí.

[51] Hương tượng 香象 (S: gandha-hastin, gandha-gaja): một loài voi có sức mạnh vô địch (PQĐTĐ).

[52] Thí vô úy 施無畏 (S: abhaya-dāna), cho sự không sợ hãi.

[53] Ca-lan-đà 迦蘭陀 (S: Karaṇḍa, Karaṇḍaka): một loài chim có tiếng hót rất

hay. Ca-lăng-tần-già 迦陵頻伽 (S: Kalaviṅka): loài chim có tiếng hát cực kỳ hay (PQĐTĐ).

[54] Ngũ thông 五通 (S: pañcābhijñā): thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mệnh thông, thân như ý thông.

[55] Tứ thiên hạ 四天下, (catvāro-dvīpāḥ): Đông thắng thân châu (Pūrva-vidēha), Nam thiêm bộ châu (Jambudvīpa), Tây ngưu hóa châu (Aparagodānīya), Bắc cưu lô châu (Uttara-kuru). (PQĐTĐ)

[56] Thập lục đại quốc, 十六大國: Mười sáu nước lớn thời xưa của Ấn Độ, gồm Tỳ-xá-ly (毘舍離, vaśāli), Kiêu-tát-la (憍薩羅, Kosala), Thất-la-phiệt (室羅筏, Śrāvasti), Ma-kiệt-đà (摩伽陀, Magadha), Ba-la-nại (波羅痾斯, Bārāṇasi), Ca-tỳ-la-

vê (迦毘羅, Kapilavastu), Câu-thi-na (拘尸那, Kuśinagara), Kiêu-thiêm-di (憍睒彌, Kauśāmbi), Ban-giá-la (般遮羅, Pañcāla), Ba-trá-la (波吒羅, Pāṭaliputra), Mạt-thô-la (末吐羅, Mathurā), Ô-thi (烏尸, Uṣa), Bôn-trá-bạt-đa (奔吒跋多, Puṅgavardhana), Đê-bà-bạt-đa (提婆跋多, Devātāra), Ca-thi (迦尸, Kāśi), Chiêm-ba (瞻波, Campā) (PQĐTĐ).

[57] Nguyên bản:
唯除尊者大迦葉尊者阿難二眾.

[58] Tu-di sơn 須彌山 (S: Sumeru-parvata): vốn là ngọn núi trong thần thoại Ấn Độ, được Phật giáo sử dụng, cho rằng đây là ngọn núi cao đứng sừng sững ở chính giữa một tiểu thế giới (PQĐTĐ).

[59] Cam lộ 甘露 (S: amṛta): sương ngọt, dụ cho giáo lý của Phật giúp nuôi lớn thân tâm chúng sinh (PQĐTĐ).

[60] Thiện pháp 善法 (S: Sudhammasabhā): hội trường của chư thiên Đao-lợi (PQĐTĐ).

[61] Giảng đường Trọng các (tức Trọng các giảng đường 重閣講堂): một giảng đường nằm gần thành Tỳ-xá-li (ĐPB).

[62] A-tăng-kỳ 阿僧祇 (S: asaṃkhyā): số mục Ấn Độ xưa, bằng 10^{47} (PQĐTĐ).

[63] Tứ thiên vương 四天王 (S: catvāśraḥ mahā-rājikāḥ): tầng trời thứ nhất trong 6 tầng trời cõi Dục, tầng trời đầu tiên trong các thiên xứ, có bốn vị thiên vương hộ trì thế gian, nên còn gọi là Hộ thế tứ vương (ĐPB).

[64] Mạn-đà-la 曼陀羅 (S: mādāra, mādārava, mādāraka): một loài hoa thường nở vào mùa hè, màu hồng, rất đẹp (PQĐTĐ).

[65] Ca-câu-la 迦拘羅: chưa tra được xuất xứ.

[66] Mạn-thù-sa 曼殊沙 (S: mañjūṣaka): loại hoa trời có màu trắng tươi và mềm dịu mà chư thiên thường rải xuống để trang nghiêm đạo tràng thuyết pháp (PQĐTĐ).

[67] Tán-đa-na 散多那 (S: Śāntanika): theo *Huệ Lâm Âm Nghĩa* gọi là hoa Tịch Tĩnh (PQĐTĐ).

[68] Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因, cg. Thiên đế Thích 天帝釋 (S: Sakra Kevānāmlndra): Chủ tể chư thiên có tên là Sakka (PQĐTĐ).

[69] Cõi trời Ba ba (tức Tam thập tam thiên 三十三天; S: Trāyastriṃśat-deva): cõi trời có 33 thiên tử, một trong sáu tầng trời cõi Dục (ĐPB).

[70] Vua trời thứ sáu (tức Lục thiên vương 六天王; S: Para-nirmita-vaśavartin): vua của cõi trời Tha hóa tự tại 他化自在天 (ĐPB).

[71] Bốn vô sắc (tức Tứ vô sắc 四無色; S: catasra ārūpya-samāpattayah): bốn cảnh giới vượt ngoài sự ràng buộc của Sắc (PQĐTĐ).

[72] Cõi giới có thân mà không có tướng, tức cõi Vô tướng thiên trong Tứ thiên thiên.

[73] Phạm thiên 梵天 (S: Brahmā, Brahma-deva): vua cõi trời Đại Phạm, thuộc trời Sơ thiên, cõi Sắc, rất tin chánh

pháp, là người đầu tiên đến thỉnh Phật chuyển pháp luân (PQĐTĐ).

[74] Ta-bà 娑婆 (S: sahā, sabhā): thế giới chúng ta đang sống, phạm vi giáo hóa của Phật Thích-ca (PQĐTĐ).

[75] Tì-ma-chất-đa (tức Tì-ma-chất-đa-la 毘摩質多羅; S: Vimalacitra) : vua của cõi trời a-tu-la (PQĐTĐ).

[76] Tiểu thiên thế giới 小千世界: lấy núi Tu-di làm trung tâm, chung quanh có 4 đại châu , 9 lớp núi, 8 lớp biển, gọi là một Tiểu thế giới. 1000 tiểu thế giới này hình thành một Tiểu thiên thế giới.

[77] Thiên ma Ba-tuần 天魔波旬: chỉ cho ma vương tầng trời thứ sáu (Tha hóa tự tại thiên, Pāpīyas).

[78] Ma-ha-diễn, 摩訶衍, (mahā-yāna), Đại thừa. (ĐPB)

[79] Nguyên văn: như quy tàng lục
如龜藏六: như rùa giữ kĩ sáu chi: bốn
chân, đầu, đuôi, ý nói bảo hộ sáu căn.

[80] Đại tự tại thiên, 大自在天,
(Maheśvara), thần thủ hộ của Phật giáo,
trụ ở tầng trời Đệ tứ thiên, cũng là Chủ
thần Thập-bà, một trong ba vị Chủ thần
của Bà-la-môn giáo. (PQĐTĐ)

[81] Hoa cái 華蓋 (S: puṣpa-cchatra), cái
lọng trang trí bằng hoa.

[82] Diêm-phù-đàn kim, 閻浮檀金,
(jambūnada-suvarṇa): loại vàng từ dòng
sông chảy qua rừng cây Diêm-phù có màu
vàng đỏ ánh lên như lửa. Loại vàng này
quý nhất trong các loại vàng. (PQĐTĐ)

[83] Ngũ âm, 五音, năm thanh âm nhạc:
Cung, Thương, Giác, Trung, Vũ
(宮商角徵羽). (PQĐTĐ)

[84] Nước tám công đức (tức bát công đức thủy 八功德水): nước có tám công đức thù thắng: trong trẻo, mát mẻ, ngon ngọt, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn (PQĐTĐ).

[85] Mai khôi 玫瑰: một thứ đá rất đẹp (ĐPB).

[86] Phát bồ-đề tâm, 發菩提心, phát tâm cầu đạo chánh chơn vô thượng, tức cầu thành Phật đạo. (ĐPB)

[87] Nhất-xiên-đề 一闍提 (S: icchantika, ecchantika): người mất hết căn lành, không có điều kiện thành Phật (PQĐTĐ).

[88] Thuần-đà 純陀 (S: Cunda): vốn là một thợ rèn.

[89] Nhất Thiết Chúng Trí 一切種智 (S: sarvathā-jñāna): trí tuệ chỉ có Phật mới chứng được. Tức là dùng một loại trí tuệ

mà biết nhân chủng của tất cả các pháp và tất cả chúng sinh, đồng thời cũng là trí thấu suốt tướng tịch diệt và hạnh loại sai biệt của các pháp (PQĐTĐ).

[90] Ưu-đàm tức ưu-đàm-bát 優曇鉢 (S: udumbara): còn gọi ưu-đà m-bát-la, ô-tạm-bà-la, loại cây họ sung (Ficus Glomerata). Cũng thường gọi là hoa linh thụy (PQĐTĐ).

[91] Hoa ưu-đàm ngàn năm mới nở một lần, cho nên rất hiếm thấy. Người phát khởi niềm tin kiên cố nơi Tam Bảo cũng hiếm có như vậy.

[92] Hai mươi lăm hữu (tức nhị thập ngũ hữu 二十五有): ba cõi có 25 hữu (chỗ chúng sinh ở). Dục giới có 14: 4 ác thú, 4 châu, 6 trời cõi Dục; Sắc giới có 7 chỗ: 4 thiên thiên, Đại phạm thiên, Tịnh cư

thiên, Vô tướng thiên; Vô sắc có 4 chỗ là 4 không xứ. (PQĐTĐ)

[93] Y lan 伊蘭 (S: Erāvaṇa): tên một loại cây ở Ấn Độ, nở hoa màu hồng cực đẹp, nhưng lại rất hôi, mùi hôi của nó lan xa hàng mấy chục dặm. Sách nhà Phật thường dùng chữ Y lan để chỉ về những phiền não ở đời. Đây dùng chỉ phẩm vật bọ bèo, không đáng.

[94] Kim cang luân 金剛輪: lớp kim luân ở đáy địa tầng. Theo luận Câu-xá 11, khí thế gian do ba lớp hợp thành, phong luân là lớp cuối cùng, bề mặt rất rộng lớn; kế đến là thủy luân; lớp trên cùng ngưng kết thành vàng, tức là kim luân (ĐPB).

[95] Hành 行 (S: saṃskāra). Nguyên nghĩa là tạo tác, về sau chuyển thành nghĩa thiên lưu biến hóa, tức là pháp hữu vi (ĐPB).

[96] Trời trường thọ (tức trường thọ thiên 長壽天): thọ mạng dài lâu của người cõi trời. Tuổi thọ ở trời Vô Tướng, tức tứ Thiên cõi Sắc, là 500 đại kiếp, dài nhất trong các trời Sắc giới. Tuổi thọ ở cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng, tức tầng trời thứ tư của Vô Sắc giới, là 8 vạn kiếp, dài nhất trong Tam giới (ĐPB).

[97] Hữu vi 有爲 (S: saṃskṛta): pháp do tạo tác mà có. Tức chỉ chung cho các hiện tượng do nhân duyên hòa hợp mà sinh khởi. Cũng là hiện tượng nằm trong quan hệ hỗ tương, sinh diệt biến hóa, lấy 4 tướng hữu vi: sinh, trụ, dị, diệt làm đặc trưng (PQĐTĐ).

[98] Ma diệt 磨滅: bị hủy diệt từ từ (ĐPB).

[99] A-tỳ địa ngục 阿鼻地獄 (S: Avīci): còn gọi là Vô gián địa ngục (PQĐTĐ).

[100] Đàn-ba-la-mật 檀波羅蜜 (S: Dānapāramitā): vượt thoát biên sinh tử đến bờ giải thoát, nê-hoàn nhờ vào công đức tu tập, thực hành pháp bố thí (PQĐTĐ).

[101] Chín bộ kinh: Trường hàng (khế kinh), Trùng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bốn sinh, Phương quảng, Vị tăng hữu (ĐPB).

[102] Chim cánh vàng (tức kim sí điều 金翅鳥; S: suparṇa, suparṇin): cũng gọi là ca-lâu-la điều (garuḍa), một loại chim giống như chim điều hâu, thân to lớn, hung dữ (PQĐTĐ).

[103] Tam hữu 三有 (S: bhava): tức tam giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới (ĐPB).

[104] La-sát 羅刹 (S: Rākṣasa): tên chung các loài ác quỷ ăn thịt người (ĐPB).

[105] Diệt độ 滅度 (tức niết-bàn 涅槃; S: nirvāṇa): ra khỏi rùng mê; ra khỏi vòng luân hồi; đi vào bản thể thanh tịnh, sáng suốt.

[106] Tám nạn (tức Bát nạn 八難; S: aṣṭāv akṣaṇāḥ): tám trường hợp không được gặp Phật, không được nghe chính pháp, gồm: 1. Địa ngục, 2. Ngạ quỷ, 3. Súc sinh, 4. Bắc cu lư châu, 5. Trường thọ thiên, 6. Mù, điếc, câm ngọng, 7. Thế trí biện thông, 8. Sinh trước Phật, sau Phật (ĐPB).

[107] Giới cụ túc (tức cụ túc giới 具足戒; S: upasampanna): gần viên mãn, thân cận niết-bàn, là giới luật mà tì-kheo và tỳ-kheo-ni thọ trì (ĐPB).

[108] Ta, người, thọ mạng (tức ngã nhân thọ mạng 我人壽命): các từ chỉ tự ngã,

tương đương Pāli: attā (tự ngã), puggala (nhân cách), jīva (sinh hồn) (Tuệ Sĩ).

[109] Nguyên bản ghi: tam chủng tu tịnh 三種修淨. Theo bản dịch của Đàm Vô Sám (Dharmarakṣa) là vô thường, khổ, vô ngã.

[110] Rắn độc (tức độc xà 毒蛇): chỉ cho phiền não nhiễm ô (ĐPB).

[111] Thuốc sữa (tức nhũ dược 乳藥): thuốc làm bằng sữa bò (hoặc trâu).

[112] Bốn chúng (tức tứ chúng 四衆; S: catasraḥ paṣadaḥ): bốn chúng đệ tử của Phật, gồm hai chúng xuất gia (tì-kheo, tì-kheo-ni) và hai chúng tại gia (ưu-bà-tắc, ưu-bà-di).

[113] Không tịch 空寂: cảnh giới không có bất cứ tướng trạng nào, không có sinh ra và mất đi, không có sai biệt đối lập,

vượt thoát thời gian không gian. Đây là nhận thức hoặc thể nghiệm về chân tướng sự vật của người giác ngộ. (Tứ điển thiên tông - viết tắt TĐTT)

[114] Theo bản Thánh, sĩ phu chỉ 25 tuổi.

[115] Thôn Na-la (tức Na-la tụ lạc 那羅聚落; S: Nālakagāma): thuộc nước Ma-kiệt-đà (Magadha Nālagāma).

[116] Ca-diếp Thi 迦葉氏 (Kassapagotta), tên một vị Bồ-tát, khác ngài Maha Kaśyapa (Đại Ca-diếp). (Kinh Tạp A-hàm, quyển 30)

[117] Bán tự 半字. Mẫu tự của tiếng Phạn (Sanskrit), những chữ cái căn bản để cấu thành từ, gọi là bán tự, gồm 12 nguyên âm (đa-ma, mātṛ, mẫu âm), và 35 phụ âm (thể văn, vyañjana, tử âm), được xếp vào chương tất-đàn (siddham). Ngoài chương này ra, tất cả văn tự đầy đủ nghĩa lý thì

gọi là mãn tự. Luận *Tì-già-la* cho rằng, bán tự dụ cho Tiểu thừa, mãn tự dụ cho Đại thừa (ĐPB).

[118] Nhạn 鴈 (S: Dhārtarāṣṭra): chim nhạn; hạc 鶴: chim hạc; xá-lợi 舍利 (S: Śāri): chim xá-lợi.

[119] Đẳng giác 等覺: quả vị của Phật, còn gọi là Đẳng Chánh Giác, một trong mười hiệu của Phật. Trí tuệ giác ngộ của chư Phật như nhau, nên gọi là Đẳng Giác.

[120] A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề 阿耨多羅三藐三菩提 (S: anuttara-samyak-saṃbodhi): trí tuệ vô thượng của Phật (ĐPB).

[121] La-hầu-la 羅睺羅 (S: Rāhula): một trong mười đại đệ tử của Phật, đứng đầu hạnh nhẫn nhục, là con trai của Phật (PQĐTĐ).

[122] Kim Cang lực sĩ 金剛力士 (S: Vajrapāṇibalin): vốn là Vương tử Pháp Ý, từng thệ nguyện làm lực sĩ Kim Cang, gần gũi đức Phật, âm thầm vâng lời và làm theo ý chỉ của đức Phật, nhằm hộ trì chính pháp (PQĐTĐ).

[123] Hóa nhân 化人 (S: nirmitaka): những người do sức thần thông biến hoá hiển hiện ra. Phật, Bồ-tát, A-la-hán thường tùy theo căn cơ mà biến hiện ra hình người có các tướng trạng, thân phận và màu da khác nhau (PQĐTĐ).

[124] Nguyên văn ghi: đồ cát đẳng quán 塗割等觀. Theo bản Đàm Vô Sâm: Thí như có người dùng dao hại Phật, hoặc có một người mang hương chiên-đàn xoa lên thân Phật, với hai người đó Phật đều nhìn với tâm bình đẳng như nhau.

[125] Tam-muội 三昧 (S: samādhi): thiền định, chính định (ĐPB).

[126] Đề hồ 醍醐 (S: maṇḍa): chất dinh dưỡng đặc chế từ sữa bò có mùi vị thơm ngon tuyệt hảo, là 1 trong 5 vị bổ dưỡng nhất: sữa, lạc, sinh tô, thực tô, đề hồ. Trong kinh dùng đề hồ để dụ cho niết-bàn.

[127] Năm đức (tức ngũ 五德): có lẽ là ngũ thông.

[128] Tô 酥: chất dinh dưỡng đặc chế từ sữa bò. Có hai loại, sinh tô 生酥 (S: navanīta) và thực tô 熟酥 (S: ghṛta).

[129] Dị kiến 異見: những nhận thức sai lầm, xấu ác phát sinh từ phiền não.

[130] Vô đẳng 無等 (S: asama): trí tuệ của chư Phật Như Lai, trong tất cả các pháp, không thể thí dụ, cũng không pháp

nào có thể hơn, nên gọi là vô đẳng (PQĐTĐ).

- Vô Đẳng Đẳng 無等等 (S: asamasama): chỉ có quả vị của Phật với Phật mới bình đẳng như nhau, nên gọi là vô đẳng đẳng (PQĐTĐ).

[131] Vô sở hữu 無所有: còn gọi là vô sở đắc, tên gọi khác của không (ĐPB).

[132] Bất nhị 不二: tất cả sự lý bình đẳng nhất như, không có sai biệt đối lập (ĐPB).

[133] Âm, giới, nhập 陰界入: Phật giáo chia tất cả các pháp làm ba phần, gồm: 1. Âm 陰 (S: skandha), tức năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức. 2. Giới 界 (S: dhātu), tức 18 giới: 6 căn, 6 trần, 6 thức. 3. Nhập 入 (S: āyatana), tức 12 nhập hay 12 xứ: gồm có nội lục nhập là 6 căn và ngoại lục nhập là 6 trần (PQĐTĐ).

[134] Chín bộ kinh (tức cửu bộ kinh 九部經; S: navāṅga-śāsana): gồm: 1. Kinh (S: sūtra), còn gọi là khế kinh, đây là thể loại kinh được nói (hay viết) theo thể văn xuôi mà ta vẫn thường gọi là văn trường hàng. 2. Trùng tụng (S: geya), còn gọi là ứng tụng, ca vịnh, tương ứng với khế kinh. Sau khi thuyết pháp xong, đức Phật thường tóm tắt nội dung bài pháp thoại bằng một hoặc nhiều bài thơ, còn gọi là trùng phức hay chỉnh cú. 3. Ký thuyết (S: vyākaraṇa), còn gọi là ký biệt hay thọ ký, vốn chỉ cho sự giải thoát của giáo nghĩa, sau chỉ những lời đức Phật ấn chứng cho các đệ tử trong tương lai. 4. Kệ tụng (S: gāthā), còn gọi là cô khởi, toàn bộ đều dùng kệ tụng để ghi lại những lời dạy của đức Phật. Thể loại này khác với thể ứng tụng ở chỗ ứng tụng chỉ tóm lược nghĩa chính của văn trường hàng, còn kệ tụng thì ghi lại toàn bộ nội dung pháp

thoại. 5. Nhân duyên (S: nidāna), ghi lại nhân duyên đức Phật thuyết pháp, giáo hoá, như phẩm tự của các kinh. 6. Như thị ngữ (S: itivṛttaka), ghi lại hành trạng kiếp trước của đức Phật và các đệ tử của Ngài, hoặc những kinh được mở đầu bằng câu “Phật như thị thuyết”, còn gọi là Bốn sự. 7. Bốn sinh (S: jātaka), ghi lại những hạnh đại bi trong những tiền kiếp đức Phật đã tu hành. 8. Phương quảng (S: vaipulya), tuyên thuyết giáo nghĩa sâu rộng, uyên áo. 9. Vị tăng hữu (S: adbhuta-dharma), ghi lại những sự việc hy hữu của đức Phật cùng với các đệ tử của Ngài.

[135] A-súc Phật 阿閼佛 (S: Akṣobhya-buddha): Bất Động Như Lai (PQĐTĐ).

[136] Chiên-đà-la, 旃陀羅 (caṇḍāla), hạng người thấp nhất trong giai cấp thủ-đà-la (giai cấp sau cùng trong bốn giai cấp

của Ấn Độ xưa), chuyên làm nghề đồ tể, coi tù... (PQĐTĐ)

[137] Trẻ con là dịch từ đồng môn 童蒙.
Pāli: tvavvm bāle.

[138] Tứ trọng pháp, 四重法, bốn giới trọng, tức bốn pháp ba-la-di, gồm sát, đạo, dâm, vọng. (ĐPB)

[139] Tứ thú 四趣 (S: Durgati): địa ngục, nga quý, súc sinh, a-tu-la (ĐPB).

[140] Nguyên bản
常住法寂滅法不老不死清涼虛通不動快樂. Tham chiếu Bắc bản *Kinh Đại Bát Niết-bàn*, Đàm Vô Sám dịch: thường, hằng, an, thanh lương, bất lão, bất tử, vô cầu, khoái lạc.

[141] Kinh ví dụ Cây Khô, tức khô thụ kinh 枯樹經; gđ: Phật thuyết khô thụ kinh

佛說枯樹經, Đại chính tập 17, kinh số 806, trang 751, thất dịch.

[142] Đại thí 大施: thí chủ lớn.

[143] Ba món tịnh nhục (tức tam tịnh nhục 三淨肉): ba loại thịt mà người bệnh có thể ăn được, gọi là tịnh nhục. 1. Mắt không thấy giết, tận mắt không thấy người ta vì mình mà giết sinh vật cho mình ăn. 2. Tai không nghe giết, với người có thể tin được, không nghe họ vì mình mà giết sinh vật cho mình ăn. 3. Không nghi giết, biết chỗ này có nhà đồ tể, hoặc có sinh vật tự chết, cho nên không nghi ngờ vì mình mà sinh vật bị giết (PQĐTĐ).

[144] Chín cách nhận thức ăn là, thuở xưa, đức Phật tạm chế cho ăn những loại thịt mà bản thân người ăn không thấy, không nghe, không nghi. Dù đã chế định như vậy, nhưng sự tổn hại sinh mạng vẫn

còn nhiều, do đó, lần thứ hai đức Phật chế định cho phép nhận thức ăn có thịt không thấy, nghe, nghi, trừ mười loại thịt: người, rắn, voi, ngựa, lừa, chó, sư tử, heo, chồn, khỉ. Tuy nhiên, sự tổn hại sinh mạng vẫn còn nhiều, cho nên, đức Phật chế định lần thứ ba khiến được tường tận. Ba việc nêu trên, mỗi việc trước sau đều có phương tiện, mỗi việc lại có ba trường hợp, cộng lại thành chín, đó là: Thấy có ba trường hợp là chứng kiến thấy đoạn sự sống, thấy đem đi giết, thấy mổ xẻ sau khi giết. Nghe có ba trường hợp là nghe thấy tiếng kêu la khi giết, nghe kéo đi giết, nghe cắt xẻ sau khi giết. Nghi có ba trường hợp nhưng cũng không lìa các trường hợp thấy và nghe. Nghi đây là thức ăn người ta vì mình mà giết, cho đến các trường hợp trước sau dẫn đến có thịt cho mình ăn đều nghi là vì mình (Theo *Kinh Đại Bát Niết-bàn tập giải*, quyển 11).

[145] Ni-kiền-tử 尼撻子 (S: nirgrantha), một trong 6 ngoại đạo lớn thời Ấn Độ cổ đại (ĐPB).

[146] Sát khí 殺氣: vẻ chém giết hiện ra bên ngoài.

[147] Hưng cừ 興蕞 (S: hiṅgu): một trong năm món gia vị (ĐPB).

[148] Danh tự tì-kheo 名字比丘 (S: saṃjñ-bhikṣu): tì-kheo giả, không phải người tu hành chân thật, đó là những người làm thầy mà không thụ giới, hoặc không giữ giới thanh tịnh (PQĐTĐ).

[149] Bạch y 白衣 (S: avadāta-vasana): chúng cư sĩ tại gia (PQĐTĐ).

[150] Cà-sa 袈裟 (S: kaṣāya): y áo của tu sĩ các tì-kheo, may bằng nhiều mảnh vải đủ loại, đủ màu sắc (PQĐTĐ).

[151] Tụng luận 頌論: làm luận theo thể văn vần, hoặc thi kệ.

[152] Ba-la-đề-mộc-xoa 波羅提木叉 (S: prātimokṣa): giới luật (PQĐTĐ).

[153] Tỳ-ni 比尼 = 毘尼 (S: Vinaya): tạng luật (PQĐTĐ).

[154] Bồ-tát 布薩 (S: poṣadha, upavasatha, upoṣadha, upavāsa): tụng giới (PQĐTĐ).

[155] Kim Luân 金輪 (S: cakṛa-ratna): tức Kim Luân Bảo, vật báu của Chuyển luân thánh vương được làm bằng kim cương. Theo truyền thuyết, khi Kim Luân chuyển động về hướng nào thì xứ đó đều quy phục. Kim Luân xuất hiện thì thiên hạ thái bình (PQĐTĐ).

[156] Khế kinh 契經: kinh điển trên khế hợp chân lý của Phật, dưới phù hợp căn cơ chúng sinh (ĐPB).

[157] Tổng trì 總持 (S: Dhāraṇi): có nghĩa giữ cho điều thiện không mất, điều ác không khởi, lấy niệm, định, tuệ làm thể. Chư Phật, Bồ-tát nhờ tu niệm, định, tuệ mà có đầy đủ công đức này, nên gọi là tổng trì (ĐPB).

[158] Thất giác 七覺 (S: saptabodhyaṅgāni): tức thất giác chi, bảy pháp tu tập hướng đến bồ-đề, đạt được trí tuệ, gồm niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, và xả giác chi (ĐPB).

[159] Ngũ dục 五欲 (S: pañca kāmāḥ): chỉ sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc tài, sắc, danh, thực, thù (ĐPB).

[160] La-hầu-la 羅睺羅 (S: Rāhula): con trai thái tử Tất-đạt-đa, tức đức Phật trước khi xuất gia. Sau trở thành một trong mười đại đệ tử của Phật, nổi danh “mật hạnh đệ nhất” (PQĐTĐ).

[161] Định Thủ Lăng Nghiêm (tức Thủ Lăng Nghiêm tam-muội 首楞嚴三昧; S: sūraṃgama-samādhī): định Thủ Lăng Nghiêm, kiên cố và nhiếp trì tất cả các pháp, là một trong 108 cảnh giới thiền định, chỉ có chư Phật và hàng Bồ-tát Thập địa chứng đắc được định này (PQĐTĐ).

[162] Thích Phạm hộ thế 釋梵護世: tức Đế Thích và Phạm vương, là những thiên thần hộ trì thế giới và Phật pháp (ĐPB).

[163] Nhất thiết chủng trí, xem chú thích quyển 1.

[164] Chánh văn ghi cứu thứ chính thụ 九次正受: tức cứu thể đê định (S: navānupūrva-samāpattayah), gồm tứ thiên, tứ vô sắc và diệt thọ tướng định (ĐPB).

[165] Ba-la-mật 波羅蜜 (S: Pāramitā): sự vượt thoát từ bờ sinh tử mê muội bên này qua bờ Niết-bàn giải thoát bên kia (PQĐTĐ).

[166] Phấn tảo 糞掃 (S: pāṃsu-kūla): loại áo được khâu thành từ những mảnh áo rách, vải vụn mà người ta vứt bỏ đi ở nơi bãi rác, bãi tha ma, rồi nhặt về giặt sạch may thành y phục để mặc (ĐPB).

[167] Hai mươi lăm cỗi (tức nhị thập ngũ hữu 二十五有): 25 cảnh giới chúng sinh qua lại sinh tử luân hồi, bởi vì gây nhân thì có quả, nhân quả không mất, nên gọi là hữu (PQĐTĐ).

[168] Quả tăng thượng (tức tăng thượng quả 增上果; S: adhipati-phala): một trong năm quả, tức cái quả nương vào tăng thượng duyên mà sinh ra (PQĐTĐ).

[169] Xem chú thích quyển 2.

[170] Uất-đan-viết 鬱單曰 (S: Uttarakuru): đại châu phương Bắc, một trong bốn đại châu (ĐPB).

[171] Đỉnh tướng 頂相: nhục kế trên đỉnh đầu của đức Phật, là một trong 32 tướng của Phật. Tất cả trời và người đều không thể nhìn thấy đánh tướng này (PQĐTĐ).

[172] A-ma-lặc 阿摩勒 (S: āmala, āmlīkā, āmlīkā, amlaphala): cây có lá như lá táo nhỏ, hoa màu trắng, quả như quả hồ đào, vị chua nhưng đượm ngọt, có thể làm vị thuốc (ĐPB).

[173] Cư-xá tử 居舍子: không rõ loại cây gì, trái gì. Có lẽ phiên âm từ chữ kosātaki, một trong những hạt giống đáng được kể đến trong văn bản Pāli.

[174] Như Lai tạng 如來藏 (S: tathāgata-garbha): bản tính thanh tịnh của mọi chúng sinh (PQĐTĐ).

[175] Y lan 伊蘭 (S: Erāvaṇa): tên một loại cây ở Ấn Độ, nở hoa màu hồng cực đẹp, nhưng lại rất hôi, mùi hôi của nó lan xa hàng mấy chục dặm. Sách nhà Phật thường dùng chữ Y lan để chỉ về những phiền não ở đời (ĐPB).

[176] Phương nhân-đà-la (tức nhân-đà-la tràng 因陀羅幢): cây phướn của Đê Thích.

[177] Tứ y 四依: bốn chỗ nương tựa.

[178] Xem kinh *Bát đại nhân giác*.

[179] Thụ ký 授記 (S: Vyākaraṇa): dự ngôn việc chứng quả trong tương lai cũng như danh hiệu Phật mà người đó thành tựu (PQĐTĐ).

[180] Xem chú thích quyển 1.

[181] Ngã kiến 我見 (S: atma-dṛṣṭi), còn gọi thân kiến, nhận thức sai lầm cho rằng có thật ngã thường tồn (ĐPB).

[182] Thập địa 十地: 10 giai vị trong quá trình tu hành của đệ tử Phật. Hành giả trụ ở giai vị này lấy đó làm trú xứ, đồng thời giữ gìn pháp, trưởng dưỡng pháp, khiến cho sinh quả (PQĐTĐ).

[183] Pháp nhẫn 法忍: phẩm chất nhẫn chịu các thứ khổ nạn, khó khăn và đối với Phật pháp tin chắc không nghi (TĐTT).

[184] Cù-su-la 瞿師羅 (S: Ghosira): tên trưởng giả ở nước Kiêu-thường-di (Kausāmbī), trung Ấn Độ cổ. (ĐPB)

[185] Năm pháp trói buộc (tức ngũ hệ 五繫): lấy năm thứ tử thi như xác người, xác rắn...trói buộc thiên ma Ba-tuần thì chúng không thoát được, hoặc trói hai tay, hai chân và cổ của thiên ma lại (ĐPB).

[186] Phật thừa 佛乘 (S: buddha-yāna): giáo pháp dạy tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật (ĐPB).

[187] Tô du 酥油: còn gọi là tô, xem chú thích quyển 2.

[188] Nhũ lạc 乳酪: chất béo trong sữa, chất bơ.

[189] Thanh Văn thừa 聲聞乘: chỉ những người tu tập Tứ đế thành tựu quả thánh Thanh văn (PQĐTĐ).

[190] Phương đẳng 方等: tên gọi chung cho kinh điển Đại thừa (ĐPB).

[191] Bạch y 白衣 (S: avadāta-vasana): cư sĩ tại gia.

[192] Chiên-đà-la 旃陀羅 (S: caṇḍāla): giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ, chuyên làm những nghề hạ tiện (ĐPB).

[193] Tham chiếu Bắc bản *kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sám dịch, vua chỉ bị ngất xỉu, chưa chết.

[194] Nguyên bản ghi: bát chủng phi pháp 八種非法. Tham chiếu Bắc bản *kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sám dịch: 八不淨. Theo *Niết-bàn Kinh Sớ* gồm: Vàng, bạc, nô tì, trâu, dê, kho vựa, mua bán và trồng trọt.

[195] A-ma-lặc 阿摩勒 (S: Āmala, Āmlikā, Āmlīkā, Amlaphala): tên khoa

học là *Tamarindus indica*, giống trái đậu, vị chua, có thể ăn và trị bệnh được; trái này khi còn xanh hay đã chín chỉ một màu, rất khó phân biệt (PQĐTĐ).

[196] Bại 稗: một thứ cỏ giống lúa, hạt hơi đắng, có thể nấu cháo ăn được.

[197] Tức bát chủng phi pháp đã nói trên.
Xem ct. *bát chủng phi pháp*.

[198] Xem *bát chủng phi pháp*.

[199] Ca-lưu 迦留: không tra thấy. Tham chiếu Bắc bản *kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sấm dịch: Ca-la-ca 迦羅迦 (S: Kālaka): loại quả có màu đen, giống trái xí muội, rất độc.

[200] Chiêm-mâu 沾牟: không tra thấy. Tham chiếu Bắc bản *kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sấm dịch: Trần-đầu-ca

鎮頭迦 (S: Tinduka): loại quả như quả thị, không độc, rất giống trái Ca-la-ca.

[201] Xem *bát chủng phi pháp*.

[202] Kì-hoàn 祇桓: hay Kì-thụ Cấp Cô Độc viên (S: Jetavana-anāthapiṇḍasyārāma): một trong những thánh địa Phật giáo, nằm phía Nam thành Xá-vệ của nước Kiều-tát-la thuộc Trung Ấn ngày xưa (PQĐTĐ).

[203] Núi Tuyết (tức Tuyết sơn 雪山; S: Himālaya): tức Hi-mã-lạp sơn, dãy núi nằm ở phía bắc Ấn độ, quanh năm tuyết trắng phủ đầy, nên gọi là núi Tuyết (ĐPB).

[204] Nguyên bản: 依決定說不依未定. Tham chiếu Bắc bản *kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sám dịch 依了義經不依不了義經: nương tựa kinh

thấu đạt diệu nghĩa, không nương tựa kinh
chẳng thấu đạt nghĩa.

[205] Nguyên bản 二道: tức nhị thừa.

[206] Hữu dư 有餘 (S: sopadhi-śeṣa): sự
hiểu biết chưa đạt đến cứu cánh (ĐPB).

[207] Âm giới nhập 陰界入: tức 5 âm, 18
giới, 12 nhập (ĐPB).

[208] Na-la lâm 那羅林.

[209] Ba-tư-nặc 波斯匿 (S: Pāsenādi):
quốc vương nước Xá-vệ (Śrāvastī), trung
Ấn độ cổ (ĐPB).

[210] Nhạc khí 樂器: dụng cụ âm nhạc.

[211] Nhị thập ngũ hữu, xem chú thích
quyển 3.

[212] Tội tính (tức tính tội 性罪: là những
tội ác như sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói

đôi... nói chung là những hành vi tội ác tổn hại đến chúng sinh hữu tình (PQĐTĐ).

[213] Tội chế (tức chế tội 制罪): ngược lại với tính tội, như đào đất, chặt cây, tổn hại chúng sinh vô tình... (PQĐTĐ).

[214] Điều-đạt 調達, hay Đê-bà-đạt-đa 提婆達多 (S: Devadatta): tì-kheo phạm tội ngũ nghịch, phá Tăng đoàn, tổn hại thân Phật (PQĐTĐ).

[215] Tuệ không vô (tức Không vô tuệ 空無慧): trí tuệ thấy tự tính các pháp vốn không, nhưng không vì thế mà bỏ mất tâm nguyện đại bi cứu độ chúng sinh (ĐPB).

[216] Đa-la 多羅 (S: tāla): cây thân gỗ, rất cao, tựa như cây lữ, hoa màu trắng, trái chín màu đỏ, như trái thạch lựu, ăn được,

mọc nhiều ở Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện... (BKTT)

[217] Tứ bất độ pháp 四不度法: không rõ nghĩa, có lẽ bốn pháp Ba-la-di.

[218] Việt tỷ-ni 越比尼 = 越毘尼: vượt qua giới luật.

[219] Bất nam 不男: những người không có đủ bộ phận nam giới (BKTT).

[220] Nhị căn 二根: người có cả hai khả năng tham muốn với nam lẫn nữ (BKTT).

[221] Tứ đế 四諦 (S: catvāry āryasatyāni): bốn sự thật hay bốn chân lý: Khổ (khổ đế), nguyên nhân của khổ (tập đế), sự chấm dứt khổ đau (hay niết-bàn, diệt đế) và con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ đau (đạo đế).

[222] Khổ đế 苦諦 (S: duḥkha-satya): sự thật hay chân lý giữa cuộc đời là có những nỗi khổ, niềm đau, như sinh, già, bệnh, chết... đều là khổ.

[223] Nguyên bản 為知, TNMT 名為.

[224] Tập đế 集諦 (S: samudaya-satya): sự thật hay chân lý về những nguyên nhân đưa đến khổ đau.

[225] Nguyên bản 正法則滅, có lẽ chép thiếu, các bản TNMT đều chép 不知正法起不知正法滅: không biết chính pháp hưng thịnh, chẳng biết chính pháp bị diệt.

[226] 正法. TNMT: 法性.

[227] Khổ diệt đế 苦滅諦 (S: nirodha-satya): đã diệt sạch tất cả mọi phiền não, vô minh, tham ái, đã đạt niết-bàn.

[228] Hành không 行空. Pāli: suññatāvihāra, không trụ, sự an trụ nơi tính không, sống trong trạng thái không tính.

[229] Nguyên bản ghi nga 蛾: là con ngài, tức con tằm sắp thành bướm, đây dịch thoát cho dễ hiểu.

[230] Khổ diệt đạo 苦滅道 (S: mārga-satya): con đường đưa đến niết-bàn.

[231] Không biết ba pháp nào, trước đó ghi bốn! Có lẽ chỉ Tam bảo.

[232] Cực không 極空: cứu cánh không (Tuệ Sĩ).

[233] Ngã kiến 我見 (S: ātma-dṛṣṭi): chấp trước có thật ngã, chấp năm uẩn có thật ngã và tất cả các pháp đều có thật thể (PQĐTĐ).

[234] 真壽, mới thực sự gọi là thọ.

[235] Nguyên bản: li chân ưu-bà-tắc
離真優婆塞.

[236] Ly hữu mâu-ni tôn 離有牟尼尊:
đấng Mâu-ni tôn quý đã xa lìa tất cả hữu.
Bậc Ly hữu.

[237] Trùng lâu (tức lâu trùng 樓蟲): theo
Nhất thiết âm nghĩa, thì lâu trùng còn gọi
là tâm tang, xích hoạch, tang hạp, bộ
khuất, tức con sâu đo. Nhưng thiết nghĩ
đây là con đĩa (ND).

[238] Nhị biên 二邊 (S: dvaya-anta): hai
cực đoan, hai pháp đối lập, trái nghịch
nhau (BKTT).

[239] Nguyên bản chép chữ 癰, các bản
TNM đều chép 陰. Đàm uẩn, có lẽ chỉ yếu
tố nước trong cơ thể ẩn át các yếu tố khác.

[240] Nhân sư tử 人師子 (Pāli: naramiuha): sư tử của loài người.

[241] Thập thiện 十善: mười nghiệp thiện: Không tham, sân, si; không sát, đạo, dâm; không nói dối, thêu dệt, ý ngữ, ác khẩu. Thập ác 十惡: mười nghiệp bất thiện, ngược lại với mười nghiệp thiện.

[242] Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa 大般若波羅蜜多經 (S: Mahā-prajñāpāramitā-sūtra): hay Đại Bát-nhã kinh, 600 quyển, do Ngài Huyền Trang dịch, thuộc quyển 5 đến quyển 7 trong Đại Chánh Tạng (PQĐTĐ).

[243] Bất nhị 不二 : chẳng phải một, chẳng phải hai, lìa hai bên, không chấp thường, đoạn... (PQĐTĐ).

[244] Chẳng phải hai, tức bất nhị, xem chú thích trên.

[245] Tham chiếu Bắc bản *Kinh Đại bát Niết-bàn*, 40 quyển, Đàm Vô Sám dịch: 如是酪性為從乳生為從自生從他生耶。乃至醍醐亦復如是。若從他生即是他作非是乳生。若非乳生乳無所為。若自生者不應相似相續而生: Như vậy tính lạc từ sữa sinh ra, đâu thể tự sinh hay từ thứ khác mà sinh ra được! Cho đến đề hồ cũng giống như vậy. Nếu như tính lạc từ thứ khác sinh, thì thứ khác tạo không phải sữa sinh, chẳng phải sữa sinh thì sữa không có nhân duyên tạo tác, còn như tự thân lạc sinh ra lạc thì đâu thể giống, đâu thể tương tục chuyển tiếp sinh ra!

[246] Minh 明 (S: vidyā): trí tuệ giác ngộ. Vô minh 無明 (S: avidyā): vô trí, ngu si.

[247] Thập trụ 十住: quá trình tu tập của Bồ-tát phân ra thành 52 giai vị, trong đó,

từ giai vị thứ 11 đến giai vị thứ 20 thuộc ‘trụ vị’, gọi là BỒ-tát thập trụ (PQĐTĐ).

[248] Xem chú thích trước. Đây không biết bệnh gì?

[249] Huỷ 兕: tức là con tê giác, sừng nó tiện dùng làm chén uống rượu, nên gọi là huỷ quang 兕光 (Thiền Chử).

[250] Bán tự 半字, xem chú thích quyển 2.

[251] Pháp tụ 法聚: hay pháp uân, thể tài hay ý nghĩa được đề cập trong giáo pháp của Phật. Pāli: dhamakkhandha (Tuệ Sĩ).

[252] Tự bản 字本: căn bản của chữ. Theo *Đại bát-niết-bàn tập giải*, tự bản tức là bán tự, chỉ giáo nghĩa Tiểu thừa.

[253] A ngắn. Hán đọc là đoản a, 短阿. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm đơn ॐ, a.

[254] Ba ngôi báu, tức tam bảo, 三寶.

[255] A dài. Hán đọc là trường a 長阿. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm đơn ॐ ā.

[256] A-già-xa 阿伽車. Suy đoán Phạn (hoặc Pāli): ācala: bất động. Câu này có thể hiểu: Thiện nam tử chớ có dao động.

[257] A-na-già-la 阿那遮邏. Suy đoán Phạn (hoặc Pāli): anajjava: không ngay thẳng, không chất trực. Câu này có thể hiểu: Thiện nam chớ làm người không chất trực.

[258] I ngắn. Hán đọc là đoản i, 短伊. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm đơn ॐ , i.

[259] I dài. Hán đọc là trường I 長伊. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm đơn ॐ , ī .

[260] U ngắn. Hán đọc là đoản ưu 短憂. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm đơn ॐ , u.

[261] U dài. Hán đọc là trường ưu 長憂. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm đơn ५, ū.

[262] Âm E. Hán đọc là yết, ế 啞. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm phức ६, e.

[263] Âm O. Hán đọc là ô 烏. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm phức ७, o.

[264] Âm AU. Hán đọc là bào, pháo 炮. Mẫu tự tiếng Phạn, nguyên âm phức ८, au (đây là âm o dài).

[265] Âm AN. Hán: 安. Nghi đọc nhầm, trong bảng mẫu tự nguyên âm tiếng Phạn không có âm này. *Tất đàn tự kí* ghi là aṃ, và đọc là đoản ám tự 短暗字. Không biết tiếng Phạn viết thế nào!

[266] A 阿. *Tất đàn tự kí* ghi là aḥ, và đọc trường a tự 長痾字.

[267] Ka 迦. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm क, ka.

[268] Khar 呿. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ख, kha.

[269] Già 迦. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ग, ga.

[270] Trùng âm già 重音伽. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm घ, gha.

[271] Nga 俄. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ङ, ña.

[272] Già 遮. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm च, ca.

[273] Xa 車. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm छ, cha.

[274] Xà 闍. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ज, ja.

[275] Trùng âm XÀ 重音闍. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm झ, jha.

[276] Nhã 若. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ञ, ña.

[277] Trá 吒. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ट, ɬa.

[278] Sá. Trong bản Hán có sự không nhất quán, trước đọc 吒, sau đọc 侘. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ठ, ɬa.

[279] Trà 茶. TNM: 茶, đồ. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ढ, ɬa.

[280] Trùng âm trà 重音茶. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ढ, ɬa.

[281] Nã 拏. TNM: 拏. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ण, ɲa.

[282] Đa 多. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm त, ta.

[283] Tha 他. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm थ, tha.

[284] Đà 陀. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm द, da.

[285] Trùng âm đà 重音陀. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ध, dha.

[286] Na 那. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm न, na.

[287] Nhân-đà-la tràng 因陀羅幢. Cây phướn của Đế Thích

[288] Ba 波. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm प, pa.

[289] Pha 頗. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm फ, pha.

[290] Bà 婆. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm ब, ba.

[291] Trùng âm bà 重音婆. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm भ, bha.

[292] Ma 摩. Mẫu tự tiếng Phạn, phụ âm म, ma.

[293] Da 耶. Mẫu tự tiếng Phạn, bán nguyên âm य, ya.

[294] La 羅. Mẫu tự tiếng Phạn, bán nguyên âm र, ra

[295] Khinh âm la 輕音羅. Mẫu tự tiếng Phạn, bán nguyên âm ल, la.

[296] Hòa 和. Có sự bất nhất trong bản Hán, cuối câu viết 知, có lẽ nhầm. Theo mạch văn (và TNM) nên sửa lại 和. Không biết đọc từ âm nào trong mẫu tự tiếng Phạn. Theo lẽ, đây chính là bán nguyên âm व, va!

[297] Xa 賒. Mẫu tự tiếng Phạn, âm gió
श, śa.

[298] Sa 沙. Mẫu tự tiếng Phạn, âm gió
ष, ṣa.

[299] Sa 娑. Mẫu tự tiếng Phạn, âm gió
स, sa.

[300] Ha 呵. Mẫu tự tiếng Phạn, âm gió
ह, ha.

[301] La 羅. Nguyên bản chú thích là
來雅反, âm phiên thiết, đọc là LÁ. TNM:
xoa 叉. *Tất đàn tự kí* cũng đọc là xoa 叉
và phiên âm la-tinh: kṣa.

[302] Li li lâu lâu 螿螿樓樓.

[303] Điều dụ 鳥喻: lấy loài chim làm ví
dụ để diễn bày giáo pháp.

[304] Ngũ cốc 五穀: năm thứ cốc, là đạo, thừ, tấc, mạch, thục 稻,黍,稷,麥,菽: lúa gié, lúa nếp, lúa tấc, lúa tẻ, đậu.

[305] Nguyên bản 隨世言說以彼為喻. Tham chiếu Bắc bản *Kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sâm dịch: 直以世諦言果實常: đúng về chân lý thế tục, Ta nói quả hạt là thường.

[306] Phóng dật 放逸 (S. pramāda), tên một loại tâm sở (tác dụng của tâm), chỉ trạng thái tinh thần phóng túng dục vọng, không tinh chuyên tu tập pháp thiện. (PQĐTĐ)

[307] Nguyệt dụ 月喻: ví dụ mặt trăng.

[308] La-hầu A-tu-la, 羅睺阿修羅 (Rāhuasura), một trong bốn vua của loài A-tu-la, khi giao chiến với trời Đế Thích,

thường lấy tay che ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, nên có tên như vậy. (ĐPB)

[309] Thực nguyệt, 蝕月, mặt trăng bị ăn (che khuất), thường hay nói là nguyệt thực.

[310] Nguyên bản: 春澤. Các bản TNM đều chép 春日.

[311] Tứ đọa pháp 四墮法: sát, đạo, dâm, vọng.

[312] Nguyên bản chép 芮, nghi chép làm chữ 茵 trong nhân trần 茵陳: một thứ cỏ dùng làm thuốc trị vết thương.

[313] Bạch dương giác 白羊角.

[314] Tăng thượng mạn 增上慢 (S: abhi-māna): đối với giáo lý hoặc cảnh giới tu tập vẫn chưa có sở đắc, sở ngộ mà khởi tâm cao ngạo, tự đại, chưa chứng nói

chúng, chưa được nói được... (PQĐTĐ, tr.5965)

[315] Vô dư nê-hoàn 無餘泥洹 (S: niravaśeṣa): trạng thái diệt sạch hoàn toàn phiền não và nhục thân (PQĐTĐ, tr.5138).

[316] Liệt sĩ 烈士: Người cứng cỏi, làm việc nghĩa mà quên mình (Nguyễn Quốc Hùng)

[317] A-luyện-nhã 阿練若 (Cg: A-lan-nhã 阿蘭若; S: aranya): núi rừng, hoang dã... những nơi yên tĩnh, thích hợp làm nơi cư trú và tu hành của người xuất gia (PQĐTĐ, tr. 3697).

[318] Hiệt tuệ 黠慧: trí tuệ thế tục (ĐPB).

[319] A-già-đà 阿伽陀 (S: agada): thuốc giải độc (PQĐTĐ, tr.3616).

[320] Phi nhân 非人 (S: amanuṣya): không phải loài người, là chúng sinh trong tám bộ trời, rồng, cho đến dạ-xoa, ác quỷ, tu-la, địa ngục (PQĐTĐ, tr.3705).

[321] Đại thuyền sư 大船師: đức hiệu của Phật. Vì Phật đưa chúng sinh vượt qua biển lớn sinh tử, nên gọi Ngài là Đại Thuyền Sư (PQĐTĐ, tr. 853).

[322] Am-la 菴羅 (S: Āmra): cây có quả giống trái đào mà không phải đào, có loại trái mới ra màu xanh đến khi chín thì có màu vàng, có loại sống chín đều màu xanh (ĐPB).

[323] Diêm-phù 閻浮 (S: jambu): cây có tên khoa học là eugeniajambolana, loại cây thay lá liên tục, tháng 4, 5 ra hoa, trái ban đầu có màu vàng nhạt, dần dần thành màu tím, khi chín có màu nâu sẫm (PQĐTĐ, tr.6337).

[324] Tiên-đà-bà 先陀婆 (S: saindhava).

[325] Kê Tân 罽賓 (S: Kaśmīra): tên 1 quốc gia Tây vực thời Hán, nằm phía bắc Ấn Độ. Tân dịch là Ca-thấp-di-la, nay thuộc dãy Kashmir (ĐPB).

[326] Kha 珂: ngọc kha, thứ đá giống như ngọc, cũng gọi là bạch mã não 白瑪瑙 (Thiền Chử).

[327] Trái ca-lưu (tức ca-lưu quả 迦留果): chưa tra được trái gì.

[328] Đam-ma-la 耽摩羅: chưa tra được trái gì.

[329] Hữu dư 有餘 (S: sopadhi-śeṣa): nghĩa lý chưa cứu cánh, tốt cùng (PQĐTĐ, tr.2458).

[330] Đàn-ba-la-mật 檀波羅蜜 (S: Dānapāramitā): vượt biển sinh tử đến bờ

giải thoát niết-bàn nhờ vào sự thực hành pháp, mà bồ thí là một trong những pháp hành đó (ĐPB).

[331] Bán-đầu 半頭. TNM đều ghi Dương-đầu 羊頭.

[332] Thiên trung thiên 天中天 (S: devātideva): một tôn hiệu của Phật, bậc tối thắng trong các chư thiên (PQĐTĐ, tr.1335).

[333] Mỹ hiệu đại chúng tôn xưng ngài A-nan, bậc đa văn đệ nhất trong hàng Thanh văn đệ tử Phật.

[334] Lộng hoa (tức hoa cái 華蓋; S: puṣpa-cchatra): Dùm hoa kết thành cái lộng, dù (ĐPB).